

Tác Giả và Tác Phẩm

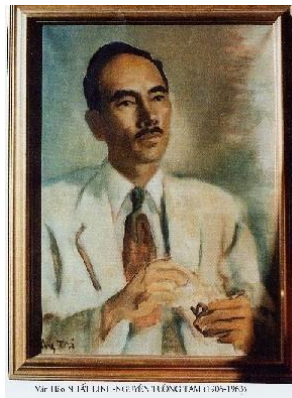
Nguyễn Tường Thiết (II)

Tiểu sử

Hiện ngụ cư tại Seattle.

Tác phẩm

Hình bóng - Một trăm ngọn nến - Chuyện bên phố cũ



Mục Lục

Về lại Cẩm Giàng – 2

Một trăm ngọn nến - 9

Trại Cẩm Giàng trong ý tưởng - Thế Uyên - 18

Tuyến đường ga Âm Thượng – 23

Cây bàng lá đỏ - 33

Phụ đính I

Niềm vui chết yêu – Nguyễn Tường Thiết - 50

Cái chết của Nhất Linh – Nguyễn Văn Lục – 58

Sự thật về cái chết của Nhất Linh - Nguyễn Tường Thiết - 23

Phụ đính II

Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam - 71

Nhớ về Nhất Linh – Nguyễn Hữu Phiếm - 100

Tường niệm Nhất Linh 7.7.1963 – 7.7.2008 – Nguyễn Tường Tâm - 112

Chuyến tàu đêm - 114

Tim mộ Nhất Linh ở Hội An – Phanxipăng - 125

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Về lại Cẩm Giàng

Để tưởng nhớ những người thân đã lìa đời, nhưng bóng họ vẫn còn phủ lên phần đất này của quê hương.

Chúng tôi đi theo anh Ba ngược về phía ga. Anh nói:

- Máy cụ ở đây không cụ nào biết. Cụ vừa rồi nói nên gặp ông chủ tịch xã. Cụ nói ông chủ tịch cái gì cũng biết. Nhà ông ở ngay phía sau ga.

Chúng tôi đi ngược lại con đường nhỏ có nhiều cây bàng. Đến gần sát ga, anh Ba rẽ trái vào một con đường đất nhỏ. “Nhà thứ năm bên tay trái.” Anh vừa nói vừa đếm những căn nhà đi qua. Những căn nhà cũ bé nhỏ có hàng rào dâm bụt phía trước. Ngay chỗ rẽ vào một con đường đất khác, dưới một bụi tre lớn, anh dừng lại. Chúng tôi đứng tụ trước cửa một căn nhà gạch cũ, trước cổng có treo lá cờ đỏ. Bên vách tường có hàng chữ đỏ rất nhạt, nước sơn đã phai đi chữ còn chữ mất: “Không gì quý bằng độc... tự do ...”

Không gian êm ả quá. Tiếng gió rì rào. Bóng lá tre chạy loáng trên con đường đất. Không một bóng người. Cổng ngoài có khóa. Tiếng anh Ba nói to vọng vào trong sân:

- Có ông chủ tịch xã ở nhà không?

Anh lập lại hai ba lần. Không có tiếng trả lời. Bỗng từ phía trong sân. Cúc cù cu ... cu...! Tiếng gà gáy khứa vào không gian tĩnh lặng nghe như vọng về từ một cõi xa xăm của thời quá vãng. Tôi tưởng như vừa được nghe lại chính cái tiếng gà gáy xưa nổi lên, tiếng gáy đã ướp sâu vào tuổi thơ tôi từ trên một nửa thế kỷ qua.

Ở căn nhà sát cạnh một người đàn ông đi ra. Ông ta đội nón cối, mặc áo nhà binh bạc màu, lẳng lẳng vất chân lên chiếc xe đạp cũ, phóng đi, không nhìn chúng tôi. Đạp được mấy cái, cũng không quay đầu lại, ông ta ném về phía trước một câu nói trống không, thật to:

- Ông chủ tịch đi Hà Nội rồi!

Chúng tôi nhìn nhau, chưng hửng. Việc tìm mộ chưa chi đã kịch đường. Tôi đề nghị:

- Hay là mình không hỏi mộ nữa. Cứ hỏi vị trí ba cái ao, ba cái ao có còn cây cối um tùm, như đã tả trong hồi ký của cô Năm.

Anh Ba nói:

- Không được! Huyện Cẩm Giàng có biết bao nhiêu là ao. Chắc gì bây giờ cái ao nó còn giống như ngày xưa.

Tiếng anh Việt xen vào:

- Thôi, hoãn cái việc tìm mộ. Bây giờ mình đi tìm cái trại Cẩm Giàng. Cũng gần đây thôi. Tìm được trại biết đâu láng giềng họ biết chỗ chôn của ông nội.

Anh Ba nói:

- Vậy thì anh đi trước dẫn đường đi!

Chúng tôi lại trở vào trong ga. Đứng ở ga nhìn ra con đường sắt anh Việt chỉ tay phải: “Đây là hướng Hà Nội.” Tay trái: “Hải Dương!” Rồi anh ngừng lại suy nghĩ:

- Theo trí nhớ thì trại nằm về phía tay trái nhà ga cách ga cũng không xa lắm. Phiên nổi là cái ga này được xây lại. Mà xây lại không biết có đúng vị trí ga cũ không. Xây ở bên này hay bên kia đường sắt? Nếu xây cùng bên thì phải đi về hướng này. Nếu xây khác bên thì phải đi hướng kia. Thôi thì cứ cho là ga xây đúng ở trên nền ga cũ... đi theo tôi!

Men một lối mòn sát cạnh đường rầy chúng tôi đi về phía Hải Dương. Bên trái đường mòn, tức phía bắc đường sắt, là hàng rào vườn sau của những căn nhà ngói xiêu cũ. Bên phải là đường xe hỏa, nhiều đoạn tôi phải dẫm hẳn lên thanh tà vẹt bước trên những hòn đá rậm sắc cạnh.

Bỗng tôi nhìn hai thanh ray song song và chợt thấy bề ngang giữa hai thanh hẹp quá! Từ hai mươi năm nay mắt tôi đã quá quen nhìn cái đường rầy rộng ở sở làm của tôi bên Mỹ.

Rất sâu dưới chân tôi, xuyên qua chiều dày của quả địa cầu, trong khuôn viên của nhà máy lọc nước thải thuộc thành phố Renton, cô Suzanne với chiếc áo choàng trắng chùng chùng vài giờ nữa sẽ bước đi trên những hòn đá rậm sắc cạnh của con đường rầy rộng ấy. Mỗi sáng khi trời còn

mờ tối cô bước đi lấy mẫu nước thải đem về phòng thử nghiệm hóa học của nhà máy để phân chất. Công việc đó đúng ra của tôi. Đáng lẽ tôi cũng sẽ bước trên đường rầy rộng ấy nếu không có chuyến nghỉ hè về Việt Nam ba tuần lễ để mang di cốt của bố mẹ chúng tôi từ Sài Gòn về chôn cất nơi nguyên quán ở Hội An và sau đó là chuyến đi Hà Nội về thăm Cẩm Giàng này. Khúc nhánh đường xe goòng đâm vào trong sở tôi được nối từ đường sắt chính của thành phố có mục đích để toa goòng một năm hai lần cung cấp cho nhà máy hoá chất chlorine thể lỏng, dùng khử trùng sau khi nước thải đã được tinh lọc. Tôi chợt nhớ tới việc về Hà Nội mua vài món quà nho nhỏ tặng Suzanne và bốn cô Mỹ cùng làm việc với tôi trong phòng thử nghiệm, như thông lệ chỗ tôi làm mỗi khi đi chơi xa.

Anh Việt ngừng lại. Phía trước chắn một con đường đất rộng. Đường ấy nằm theo hướng bắc nam cắt ngang đường sắt. Bên kia đường đất không có lối mòn, không nhà cửa, chỉ toàn một màu xanh vàng của cánh đồng lúa chín. Anh Việt quay trở lại đường mòn nhìn sâu qua hàng rào. Anh nói:

- Trại Cẩm Giàng phải ở chỗ này. Tôi nhớ là trại ở sát con đường đất băng ngang đường sắt. Lạ nhỉ? Không lý trại lại ở gần nhà ga đến thế. Cách ga có hơn trăm thước thôi à? Mình nhớ là không xa nhà ga lắm nhưng đâu đến nỗi gần quá như thế nhỉ. Hay là hồi bé mình thấy cái gì cũng xa xôi?

Chúng tôi nhìn qua hàng rào đâm bụi. Sau cái vườn hoang là một căn nhà gạch khá rộng trông cũ kỹ. Trên tường có sơn hàng chữ "nhà thóc" nét rất mờ. Nếu đây đúng là vị trí của trại Cẩm Giàng thì căn nhà thóc này hoàn toàn không liên hệ gì đến cái trại trong tâm tưởng của chúng tôi, cái trại đã bị thiêu rụi từ thời Pháp thuộc và nhà thóc này được xây trên nền hoang tàn của trại ấy.

Tôi nhìn mảnh đất xưa. Bốn năm trước cô Năm tôi đã qua đời ở Virginia, đất Mỹ. Tôi tưởng tượng khi đôi mắt cô khép lại lần cuối cô đem theo về thế giới bên kia trại Cẩm Giàng của cô cùng với hình ảnh những người thân thương mà bóng họ đã một thời phủ trên mặt đất trước mắt tôi.

"Mẹ tôi tính về Cẩm Giàng mua mấy mẫu ruộng ngoài cánh đồng làm nhà tranh. Ở quê có bà cả Hội bạn cần gạo của mẹ tôi ở Cẩm Giàng có hai mẫu ruộng ở khỏi ga ngay cạnh nhà bà. Mẹ tôi xem đất ưng ý ngay. Bắt đầu đào ao để lấy đất làm nền nhà. Xung quanh có hàng rào trồng toàn trúc. Nhà làm bằng gỗ lợp rơm, cột vuông, xung quanh nhà bốn mặt đều là hàng hiên rộng. Nhà có ba gian, gian đầu làm phòng khách, ở giữa thờ ông bà, gian trong để ở. Trần nhà lát nửa đập thẳng. Mái lợp rơm rất dày, tới nửa thước, xén đều rất đẹp. Quanh nhà có lan can gỗ trông như nhà Nhật Bản, ai đi qua cũng khen nhà lợp bằng gì mà đẹp thế!

Hai mẹ con ra ngồi đầu hè trăng thanh gió mát, hồi tưởng lại những ngày ở Hà Nội nhà cửa chật hẹp, trò chuyện đến khuya mới đi ngủ. Mẹ tôi rất sung sướng vì đạt được ước nguyện. Có được căn nhà ở giữa nơi cánh đồng rộng rãi, lại gần quê ngoại. Tôi cũng không ngờ rằng trại Cẩm Giàng sau này là nơi tụ họp đồng đảng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và thân hữu, nó còn là bối cảnh cho nhiều cuốn tiểu thuyết nổi danh của các nhà văn nổi tiếng, bạn bè của anh em tôi" (Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nguyễn Thị Thế).

Đó là hình ảnh trại Cẩm Giàng theo trí nhớ của cô Năm, người nữ duy nhất của gia đình bấy anh chị em thuộc thế hệ đầu mà ngày nay chỉ còn lại người em út. Chú Bách tôi. Sang đến thế hệ thứ hai - thế hệ đồng đảng của tất cả các anh chị em họ chúng tôi đã ít nhiều có chung kỷ niệm thời thơ ấu dưới mái trại Cẩm Giàng - thì trại đã nhòe đi đường nét chính nhường chỗ cho thế giới mộng tưởng của cây lá hoa cỏ. Ba trích đoạn sau đây của Giang, con chú Sáu, của tôi và của chị Thoa là hình ảnh Trại những năm 1943-45, qua con mắt của những đứa bé - theo thứ tự - bốn, năm và bảy tuổi. "Ngày xưa... Căn nhà Cẩm Giàng, nơi có nhiều đóa hải đường ven lối sỏi dẫn vào nhà, có những cây khế trong vườn lâu đời đến nỗi chúng tôi có thể trải chiếu nằm và há miệng cắn những trái thấp nhất, rồi một bụi ổi ở cuối vườn..." (Thạch Lam, Cha Tôi Trong Trí Tưởng 1971- Nguyễn Tường Giang). "Trong ký ức xa thẳm nhất của tôi về trại Cẩm Giàng là cái hàng hiên rộng và dài có rặng hoa ti-gôn rủ xuống và tiếng còi xe lửa rúc lên trong đêm khuya. Hai đoạn văn tả anh chàng Siêu thích sống ở căn nhà có hàng hiên và tiếng còi tàu

ở Lăng Cự Quận khiến tôi như sống lại những ngày rất xưa cũ.” (Về lần tái bản Xóm Cầu Mới năm 2002 - Nguyễn Tường Thiết). “Mỗi khi có chuyến tàu hú từ đặng xa sắp về qua trại là các cháu không ai bảo ai chạy ùa ra cổng dẫm lên các hoa tóc tiên và các hoa bà trồng chạy thẳng tấp ra cổng. Cổng sơn xanh có cây bông giấy màu xác pháo, hai bên cổng là những cây xương rồng cao vút. Nhà cụ Hội bên ngoài trồng rất nhiều cúc trắng nhỏ như đầu ngón tay mọc đầy vườn nổi bật lên một khoảng trắng xóa. Cháu nhớ có lần ra ao hình bầu dục có cây sung cổ thụ, thân cây lớn nằm vắt ngang một phía mặt ao, dưới nước lặn tăn bèo tấm từng mảng. Thỉnh thoảng có vài con cá rô, cá tiếc lay động dưới chân bèo.” (Thư gửi chú thím Bách. Marseille 24/3/1999 - Nguyễn Kim Thoa).

Có tiếng thở nhẹ bên má tôi. Đầu của chị Thoa ghé sát. Hai chị em vạch hàng rào lá râm bụt nhìn sâu vào trong khu vườn hoang vắng của nhà thóc. Nơi đó chúng tôi nhìn thấy trong tâm tưởng hình bóng chính mình chạy ùa ra cổng. “Mỗi khi có tiếng còi tàu vang đến, thì không ai bảo ai, đều chạy ra bờ ao, thích thú nhìn hai chuyến xe gặp nhau tại nhà ga. Hai chuyến xe hỏa giống như hai người bạn, biết đợi nhau, gặp nhau rồi mới kéo còi từ giã nhau, rất có lễ độ, và bao giờ cũng nhường cho kẻ đến sau đi trước” (Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn - Nguyễn Tường Bách).

Tiếng chị bên tai tôi như một hơi thở:

- Không còn một chút gì cả. Ngay cả cái ao ngày xưa cũng biến mất.

Sáu mươi năm sau. Không chừa một ai, không một lựa chọn nào khác, hai thế hệ những người đã từng in bóng trên nền đất này của trại Cẩm Giàng lần lượt bước qua làn ranh bên kia... bên kia thế giới... bên kia bờ đại dương... như thể định mệnh đã chụp xuống cho cả một cái chi nhỏ của dòng họ Nguyễn Tường, cái chi - lạ lùng thay - cũng khởi đầu bằng một chuyến đi xa. Cụ tổ Nguyễn Tường Phổ, tiến sĩ khoa Nhâm Dần năm Thiệu Trị thứ hai (1842) là người đầu tiên của họ Nguyễn Tường rời bỏ đất Quảng Nam đi làm quan và lập nghiệp ngoài Bắc. Cụ không thể ngờ rằng cuộc hành trình định mệnh đi về phương Bắc của cụ sẽ dẫn dắt chúng tôi đi xa đến như thế...

Gối đầu giấc mộng chưa tan

Sáu mươi năm thoảng như làn hương bay...

(dựa thơ Khoa Hữu - Tường Niệm Nhất Linh)

Tiếng gọi của anh Ba kéo giạt tôi về hiện tại. Anh đứng ở ngã ba đường đất, giơ tay chỉ về hướng bắc của con đường sắt. Chúng tôi đi đến chỗ anh đứng rồi cùng nhau rẽ trái. Bên phải đường đất là bờ tre, bên trái là dãy nhà gạch hai tầng trông như mới xây cất. Anh Ba đứng lại ở một cây trụ điện trước dãy nhà gạch. Trên tấm bảng sắt sơn màu xanh dương có đề tên đường Thạch Lam. Không biết tình cờ hay cố ý con đường đất mang bút danh của chú tôi lại nằm ngay bên hông của trại Cẩm Giàng xưa. Và kỳ diệu hơn nữa chính trên con đường đất này lát nữa sẽ dẫn chúng tôi về tới ông nội.

Đường Thạch Lam ngắn. Đi xịch lên hướng bắc một quãng là hết đường. Ở ngã ba chỗ một con đường khác cắt ngang là một cái chợ nhỏ. Chợ ngoài trời bày bừa trên hai bên bờ đường đất, lan cả giữa lòng đường, xe cộ qua lại khó khăn. Chúng tôi đi lẩn vào chợ. Thủy chọn mua bánh gai. Chị Thoa tìm bánh đậu xanh Hải Dương. Anh Ba và anh Việt không thấy đâu, chắc là đi dò hỏi mộ. Tôi đứng dưới bóng mát của rặng tre bao phủ nhìn lên vòm lá và thấy gió ở trên ngọn cao. Một con chim chào mào đậu nhún theo đà ngã nghiêng của ngọn tre vút cong. Dưới cây bàng thấp một cái trống tre bày chèn nước và bánh trái. Bà cụ răng đen ngồi bán hàng ở phía sau làm tôi nhớ đến bà cụ bán hàng có cái yếm đỏ thắm bên gốc cây đa ở đoạn văn Về Thăm Làng của bố tôi trong truyện Xóm Cầu Mới. Bất giác tôi tưởng tượng mình là anh chàng Siêu trở lại cái chợ quê heo lánh này. Không phải mười năm sau mà những sáu mươi năm sau. “Ít lâu nữa Mùi sẽ đi lấy chồng, có con và chàng cũng lấy vợ, ai người nấy hai cuộc đời riêng biệt hẳn, Siêu cảm thấy trước cái buồn của lòng chàng một hôm nào, độ mười năm sau chàng lại sẽ đến cái chợ này một mình, để có lại được cái tâm hồn chàng hiện nay và để buồn rầu một cách êm ái nhớ lại một hôm đã xa xôi ở đúng chỗ này lòng chàng đã rung động vì yêu Mùi” (Xóm Cầu Mới - Nhất Linh). Dù chỉ là tưởng tượng nhưng lòng tôi cũng se một nỗi buồn dịu

dàng. Tôi vừa có cảm tưởng như là hôm nay tôi đã không trở về cái chợ quê này một mình mà có cả ba người là bố tôi, Siêu và tôi cùng dắt nhau về làng.

Anh Ba, anh Việt trở lại chợ cùng một lúc giục chúng tôi đi. Anh Ba nói chúng tôi phải đi ngược lại đường Thạch Lam vì các cụ đều chỉ về hướng một cái làng ở phía bên kia của đường tàu hỏa. Trên đường đất ở chỗ nhô cao băng qua đường sắt một cô bé đội nón lá khó nhọc đạp chiếc xe cũ trên vụn đá lờm chờm. Có tiếng anh Việt kêu:

- Này em ơi, em có biết chỗ nào có nhiều ngôi mộ cổ không?

Có bé hất mặt về phía trước, nói to:

- Làng La A !

Năm chúng tôi bước qua bốn thanh ray đi theo cô gái đạp xe trên đường đất hẹp. Hai bên là đồng trống. Một vài cây bàng đứng trơ trụi. Phía trước mặt, khoảng cây số, Làng La A như một cái mâm xanh đậy lên cánh đồng lúa.

Đi được nửa đường đến chỗ một cây bàng có tiếng Thủy nói với chị Thoa:

- Tôi chịu hai ông anh! Bẩy mươi tuổi rồi mà đi không biết mệt. Thôi chị em mình ngồi xuống đây nghỉ. Cũng quá trưa rồi, mình lấy cơm nắm ra ăn, có cả bánh gai mới mua...

Thủy đặt giỏ xuống đất chỗ có bóng mát, lục thức ăn.

- Giời ơi ! Lại quên mang nước uống rồi...

Tôi đặt ba lô xuống đất lấy ra chai nước suối mua ở Hà Nội đưa cho Thủy.

- Tôi có nước đây! Nhưng lại quên không mua cốc giấy...

Thủy nói:

- Uống chung cũng được có sao đâu. Các anh ở nước ngoài về chỉ vẽ vôi.

Anh Việt đưa máy video về phía làng rồi anh chậm rãi xoay người thu vào ống kính một vòng tròn toàn cảnh huyện Cẩm Giàng. Tôi cũng đưa mắt nhìn khắp tứ phía, tìm cái cây đa mâm xôi đã một thời là cái đích cao nhất toàn huyện Cẩm Giàng. Cây đa này là có thực chứ không phải bố tôi tưởng tượng ra khi ông viết Xóm Cầu Mới. Nhưng cả một vùng rộng trống trải tôi không thấy bóng một cây nào to lớn.

Phía sau lưng Thủy và chị Thoa tôi thấy anh Ba đứng xây lưng ở giữa cánh đồng lúa, những cánh lúa che phần dưới của anh, đầu anh cúi xuống. Tôi đặt máy ảnh xuống cạnh ba lô rồi theo một cái mương tôi đi lèn giữa những bông lúa về phía anh Ba đứng. Lần đầu tiên kể từ những ngày còn bé tôi mới lại được tiếp xúc với những bông lúa chín trĩu nặng chạm sát vào cánh tay trần của tôi. Mùi lúa đậm hương ngào nhạt. Những con châu chấu bé tí màu xanh mạ nhảy búng trên những nhánh lúa giao động. Trí nhớ tôi vụt hiện hình ảnh thằng bé một thuở nào xa xưa chạy dầm trên đám cỏ tranh cánh đồng làng Phượng Vũ, từ dưới chân vô vàn những con cào cào xòe lớp cánh đỏ bên trong tung bay. Gần chỗ anh Ba đứng là một bãi cỏ hẹp, xung quanh lúa cao. Tôi nhìn thấy hình bóng bé tí của mình hồi đó ngồi chồm hồm xuống cỏ, chân đất chạm nền ẩm, buổi sáng sớm mờ tối còn dầm hơi sương. Nó thấy lạnh lạnh ở hai mông. Những cọng cỏ cao ướt sương châm vào đít nó ngứa ngứa. Thằng bé khệnh khạng chuyển chỗ. Nó cúi xuống nhìn dòng nước tiểu xoáy vào đất ẩm bốc khói. Rồi nó cúi xuống sâu hơn nhìn ngược sau thấy cục phân của nó mềm mại uốn tròn, người thấy mùi trong người nó tiết ra hòa với mùi lúa, mùi rạ ẩm, mùi cứt trâu, tất cả tạo thành mùi hương của quê đồng cỏ nội; mắt nó nhìn thấy những cọng cỏ ướt hơi sương đọng thành từng mảng như những mạng nhện bằng thủy tinh lóng lánh trên nền đất cỏ mờ mờ sương khói; nghe thấy trong không gian tĩnh lặng tiếng oạp oạp của ếch nhái nổi lên từng chập đầu đây. Tôi khẽ rùng mình rồi đi theo anh Ba về chỗ cây bàng.

Sau bữa ăn trưa qua quýt chúng tôi tiếp tục đi. Chúng tôi rẽ trái qua một con đường đất khác. Ở một ngã ba gần đến làng dưới bóng cây bàng có dựng một mái tôn sơ sài, bên cạnh là một bãi sắt vụn. Dưới mái tôn, một thanh niên mặc chiếc áo màu ve cũ cầm búa gõ lên một thanh cẳng sắt của xe ô-tô. Anh ta dừng búa nhìn năm chúng tôi tiến lại gần. Anh Việt hỏi:

- Chúng tôi đi tìm một ngôi mộ cổ của một người thân thích, chôn đã trên 80 năm. Các cụ ở bên Cẩm Giàng đều nói là ở làng này có nhiều mộ cổ. Nếu anh biết nhờ anh chỉ hộ chỗ những ngôi mộ ấy. Ngôi mộ chúng tôi đi tìm thuộc một người họ Nguyễn Tường.

Anh thanh niên nhìn chúng tôi từ đầu đến chân, rồi anh đáp:

- Cháu ít tuổi không biết. Nhưng bố cháu có nói với cháu là ở trong làng, cạnh bờ ao, có một ngôi mộ của một người họ Nguyễn Tường, mộ được chôn rất sâu phải dùng đến bốn chấu. Đã từ lâu đất ao lở, mộ đã chìm xuống dưới ao. Các chú cứ vào làng hỏi những người lớn tuổi ai cũng biết mộ ấy ở chỗ nào.

Ngừng lại một lát, như vừa nhớ ra anh ta nói tiếp:

- Bố cháu nói đó là mộ cụ thân sinh ra ông Nguyễn Tường Tam...

Tôi lặng người. Không có linh thiêng, phù hộ nào cả. Chính tên tuổi bố tôi lưu truyền qua hai thế hệ những người dân làng ở đây đã giúp chúng tôi tìm ra mộ mà bình thường không chút hy vọng tìm được. Sau này chúng tôi sẽ xây cất mộ ông nội tử tế. Sau này các thế hệ kế tiếp của dòng họ Nguyễn Tường có thể đến viếng mộ tổ khi có dịp trở về quê cũ Cẩm Giàng. Thực hiện được công việc quý hoá ấy là nhờ cái danh bố tôi để lại; quả thật bố tôi đã trả hiếu cho thân phụ mình một cách tuyệt hảo, tuyệt hảo như chính cuộc đời của ông, tuyệt hảo như chính cái chết của ông. Lòng tôi dâng lên một niềm thương cảm lẫn tự hào vô biên của tôi về một người cha.

Chúng tôi phấn khởi đi vào làng. Sau này tôi được biết làng này trước đây mang tên làng La Chữ. Họ đổi tên thành làng La A để phân biệt với làng La Bê ở cạnh. Đến cổng làng dưới hàng tre anh Ba và anh Việt tiến đến hỏi một bà cụ đang đứng một mình trên đường đất nhìn chúng tôi từ xa. Cụ có vẻ ngạc nhiên dương mắt nhìn năm người khách lạ mà cách phục sức chắc phải từ phương xa tới. Sau khi nghe anh Việt nói, cụ cũng lại nhìn chúng tôi từ đầu đến chân, rồi cụ đáp:

- Tôi biết rồi. Các ông đi tìm mộ cụ Phán Nhu!

Anh Việt mừng rỡ, hỏi lại:

- Vậy cụ biết ông Phán Nhu?

- Cụ Phán thì tôi không biết. Nhưng tôi biết cụ bà. Trước kia tôi ở bên Cẩm Giàng. Nhà tôi gần nhà bà cả Khấn. Bà Khấn ở cạnh nhà ông bà Phán Nhu.

Nghe đến tên bà cả Khấn chúng tôi cùng reo lên: "Đúng rồi!" Trong họ tôi ai cũng biết bà hàng xóm lắm chuyện này, rất kinh với bà nội chúng tôi. Chị Thoa xen vào:

- Quý hoá quá! Cụ Phán Nhu là ông nội chúng cháu. Cháu từ bên Pháp về tìm mộ ông. May quá được gặp cụ. Vậy chắc cụ biết mộ ông nội chúng cháu chôn ở đâu?

- Biết chứ! Mộ ở cạnh ao. Để tôi dẫn các ông bà đi!

Nói xong cụ đi trước. Anh Ba hỏi cụ:

- Thừa cụ năm nay cụ được bao nhiêu tuổi?

- Tôi cũng chẳng nhớ bao nhiêu. Chắc cũng hơn tám mươi lâu rồi.

Anh Ba khen:

- Cụ trông còn khỏe quá nhỉ!

Chúng tôi đi trên con đường làng lát gạch, hai bên là hàng tre. Những căn nhà ngói cũ thấp thoáng sau vườn. Nhà nào ở sát bên cũng có một đụn rơm to. Thỉnh thoảng lộ cái ao nhỏ, bèo xanh phủ kín mặt. Một con bò buộc ở gốc tre nhai cỏ chậm rãi. Không một bóng người. Một con chó con, chó mực, từ trong vườn chạy sộc ra sủa, kéo ran theo những tiếng sủa khác ở đâu đó. Chúng tôi đến gần, con chó con vừa lùì vừa sủa, đầu ngéch cao. Nó gấu gấu sủa tảm tức trong cổ họng. Một con khác to hơn, con vện, nằm dài dưới dậu mỏng tơi chỉ hự lên vài cái lười biếng. Rồi có tiếng gà gáy nghe vọng từ rất xa. Tất cả những tiếng động đó chỉ làm tăng thêm cái yên vắng của làng quê, tương phản hẳn với tiếng xe ồn nhưc nhối tôi nghe ở Hà Nội. Chúng tôi đi qua một cái ngõ tre. Nhìn sâu vào ngõ, thốt nhiên tôi thấy như tôi đã sống cái cảnh này một lần. Hình ảnh ngõ tre từ một thời rất xa tưởng đã chìm trong vũng sâu quá khứ đột nhiên ngoi lên. Một năm sau, ngồi đánh máy để tái bản cuốn truyện dài Xóm Cầu Mới của bố tôi, đến đoạn văn sau đây, tôi cứ rờn rợn như thể hai bố con tôi đã cùng nhìn vào một cái ngõ tre và cùng cảm thấy cái huyền bí của nó: "Đi khỏi nhà ông Chánh Hoạt, Siêu ngừng lại để nhìn vào một cái ngõ; cái ngõ ấy hai bên tre cao rào sát nhau nên bao giờ cũng tối và đầy lá khô; cuối ngõ lộ ra một quãng cánh đồng sáng và ở chân trời, hình lờ mờ và tím nhạt của một trái đồi

nhỏ. Trước kia đi học về qua, lần nào chàng cũng không quên nhìn vào cái ngõ ấy và có cái cảm tưởng như đứng ở một thế giới nhìn qua ngõ tre sang một thế giới khác.”

Tôi bước lên trước đi cạnh bà cụ. Tôi hỏi cụ:

- Cháu nghe nói huyện Cẩm Giàng ngày xưa có một cây đa rất to và cao, gọi là cây đa mâm xôi. Cụ có biết nó nằm ở đâu không?

- Có. Cây đa lớn lắm! Nó đồ lâu rồi. Nó cũng nằm gần đây thôi ở phía làng La Bê!

À, ra nó nằm ở phía nam đường sắt! Khi viết Xóm Cầu Mới bố tôi đã bứng cả cái cây vĩ đại đó đặt lên phía bắc. Tôi lại hỏi cụ:

- Thưa cụ, lúc này cụ nói nhà cụ ở ngày xưa gần nhà bà cả Khấn, vậy cụ có nhớ cái trại Cẩm Giàng của ông bà nội chúng cháu bây giờ ở chỗ nào không?

Bà cụ trả lời tôi:

- Trại đó cháy lâu lắm rồi. Chỗ đó bây giờ người ta xây nhà chứa thóc.

Rồi cụ quay phía sau nói với anh Việt:

- Bên cạnh đây là cái ao. Mộ cụ Phán ở phía bên kia ao.

Chúng tôi đi ra khỏi vùng rợp của bóng lá tre rẽ vào một lối mòn đến khu đất có nhiều gò đồng. Những ngôi mộ lác đác lẫn trong đám cỏ tranh. Nhiều ngôi trông lạ mắt, không phải hình chữ nhật như tôi thường thấy, mà hình tròn, ba bốn lớp gạch tròn chồng nhau nhỏ dần ở trên.

Đến trước một cái ao, bà cụ chỉ vào một mô đất sát bờ ao, nói:

- Mộ cụ Phán chỗ này. Đúng ra không phải ở ngay đây mà xích ra chừng hai thước. Vì đất lở nên mộ vùi xuống ao. Nhưng mộ cụ chôn sâu lắm, sâu những bốn chảo cơm.

Tôi nhìn cái ao phủ đầy bèo, thấy cái ao cũng không to lắm như tôi tưởng. Bên kia bờ ao là nhà cửa, cây cối san sát um tùm. Tám mươi năm trước chắc hẳn đây là vùng đất ít cây nên cô Năm tôi mới có thể trông thấy cùng lúc ba cái ao. Anh Việt hỏi:

- Thưa cụ, cụ có chắc chắn mộ ở chỗ này không?

- Tôi chắc chắn lắm nên mới chỉ cho các ông bà. Với lại một người thì có thể làm chứ cả làng này họ đều chỉ vào một chỗ thì làm sao mà lầm được!

Chúng tôi ngồi nghỉ ở bờ ao. Anh Việt xách máy quay phim đi trở ngược vào trong làng, anh nói là anh đi thám thính xem thực có ba cái ao như cô Năm viết trong hồi ký hay không. Chập sau anh quay trở về nói có ba cái ao gần nhau, nhưng ao bé lắm, không to như cô Năm tả đâu.

Cùng thời gian anh Việt quay trở lại có hai thanh niên đạp trên hai chiếc xe từ trong làng lại gần. Một trong hai người chính là cái anh chúng tôi đã gặp ở bãi sắt. Vừa quãng chiếc xe đạp anh ta đến ngay sau mô đất ở bờ ao, nói với chúng tôi:

- Bố cháu chỉ mộ cụ thân sinh ông Nguyễn Tường Tam chôn ở chỗ này này.

Chúng tôi lúc đó mới hết nghi ngờ. Anh ta tên là Nguyễn Hữu Thọ. Địa chỉ Thôn La A, xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh ta còn cho chúng tôi cả số điện thoại. Còn anh thanh niên kia đi xe đạp cùng với Thọ tên là Ngô Như Lợi. Lợi là con trai trưởng bà cụ đã chỉ ngôi mộ cho chúng tôi. Anh Ba tiến tới gần bà cụ và hai thanh niên, anh thay mặt tất cả chúng tôi ngỏ lời cảm ơn. Sau đó anh Việt bàn với chúng tôi là khi về Hà Nội phải đi thừa ngay một tấm bia, hai ngày nữa chúng tôi sẽ cùng trở lại đây để dựng bia chỗ sát bờ ao. Chúng tôi cần đánh dấu ngay địa điểm ngôi mộ. Sau này chúng tôi sẽ thuê một xe đất đổ xuống bờ ao để xây mộ chính thức lên trên. Anh Lợi sốt sắng tình nguyện giúp chúng tôi dựng bia. Chúng tôi đưa tiền cho anh để mua xi-măng, hẹn anh hai ngày sau chúng tôi trở lại đây với tấm bia. Tôi đề nghị với anh Việt mộ bia nên viết giản dị như sau:

nguyễn tường như

1881-1918

Mất: 23-10-Mậu Ngọ

Tôi ngồi xuống cạnh Thủy và anh Việt. Thấy chúng tôi tìm được mộ ông dễ dàng, Thủy cứ tấm tắc khen mãi là chúng tôi có phúc đức lắm. Bởi vì chính Thủy cũng ra công tìm mộ bố, tức là cậu Tín, em ruột mẹ chúng tôi, từ bao nhiêu năm nay mà không kết quả. Cậu Tín bị sát hại và chính anh Việt lúc tản cư với mẹ chúng tôi ở phủ Thường Tín đã chứng kiến cậu Tín bị bắt

cồng tay với bác Nguyễn Tường Cẩm. Như vậy nếu Thủy tìm được chỗ chôn cậu Tín thì chắc chắn xác bác Cẩm chúng tôi cũng ở chung một chỗ.

Bà cụ anh Lợi nhất định mời chúng tôi ghé nhà cụ uống chén nước trước khi ra về. Chúng tôi lại đi theo cụ trở ngược vào làng. Thọ và Lợi dắt xe đạp đi cùng với chúng tôi. Nhà cụ cũng không xa mộ mấy. Qua một cái cổng gạch chúng tôi đi qua một cái vườn có trồng nhiều cây cau. Nhà ngôi cũ ba gian, trên một cái nền cao, phía trước là bực tam cấp. Gian giữa là phòng khách, bộ bàn ghế gỗ mun đen trông cũ kỹ nhưng còn chắc chắn, sau là tủ chè. Bàn thờ bày trên tủ. Hai gian bên đặt hai phản lớn ở giữa. Bà cụ rót nước vối. Lâu lắm tôi mới lại uống thứ nước giải khát này. Anh Việt và anh Ba hỏi anh Lợi về những thủ tục cần phải làm về việc xây mộ. Bà cụ nói chúng tôi không phải lo việc này vì chủ tịch xã cũng là người nhà cả.

Trong nhà gian giữa hơi tối nên hai cánh cửa sổ nhỏ bên hông sáng hẳn lên. Căn nhà yên vắng. Có tiếng con chim chích chòe hót đầu đây. Lại có tiếng Thủy và chị Thoa nói chuyện ở ngoài vườn. Mắt tôi vẫn không rời cái cửa sổ. Khung cửa một màu nắng xanh êm dịu. “Qua cái cửa sổ chẵn song nhỏ, ánh sáng ở ngoài đưa vào phơn phớt xanh; vẫn còn nguyên mấy cành lá cây na rũ sát cạnh cửa sổ và làm cho ánh sáng căn buồng của chàng hình như có nhuộm thứ ánh sáng trong và cá tuổi thơ của chàng hình như có nhuộm thứ ánh sáng trong và mát ấy. Siêu nhìn ra ngoài cửa sổ và lúc đó chàng tưởng thời gian ngừng hẳn lại” (Xóm Cầu Mới - Nhất Linh).

Tôi uống hết chén nước vối rồi đứng dậy đi ra cửa. Đứng ở bực tam cấp tôi nhìn khu vườn cau. Mắt tôi dừng lại ở cái đụn rơm dưới một bụi tre. Mấy con gà con rúc vào bụi rơm. Sau cái đụn rơm, dưới một cái đầm nhỏ, là một con trâu gầy gò đang nằm. Trên nền sân đất mịn có hoa nắng loang lổ. Cái cảnh này gần với đoạn văn sau đây của bố tôi trong chương Bẩn Vịt Trời: “Hải nhìn qua những cành tre ở cạnh cổng. Một cơn gió thoảng qua; bóng lá tre và bóng nắng chạy loang loáng trên sân đất nhẵn bóng và quét sạch. Hai con gà đứng sườỉ nắng ở cạnh gốc đậu ván, lấm tẩm hoa tím. Cả những cảnh nhỏ nhặt ấy chàng cũng để ý và thấy đẹp như trong một thế giới bỗng lai nào.”

Thốt nhiên một cảm nghĩ thoáng qua làm tôi rung động. Lần đầu tiên từ ba tuần nay tôi chợt ý thức mình đang ở Việt Nam. Ba tuần lễ bận rộn trôi đi nhanh quá và cuối tuần này tôi trở về Mỹ. Tôi không có một giây phút nào để dừng lại lắng xuống, để cảm một cách sâu sắc, dù chỉ khoảnh khắc, mình đang ở trên mảnh đất quê hương, nơi tôi đã rời xa hai mươi sáu năm trước. Cuộc sống giạt trôi. Mấy chục năm du đi như thể mình đã không sống. Những giây phút hiếm hoi sự tĩnh. Tôi đang ở Cẩm Giàng. Một rung động êm ái. Tôi tin rằng trong cuộc đời rất bận rộn của bố tôi ông cũng đã rất nhiều lần, như tôi bây giờ, ngừng lại, lắng đọng. Để nghe những giây phút hạnh phúc tuyệt vời mà mỏng manh. Tôi bước xuống bậc thềm. Thủy và chị Thoa đang rửa chân ở cạnh một giếng nước. Thủy nói:

- Anh Thiết à. Nước giếng mát lắm. Anh xuống đây mà rửa mặt rửa chân.

Tôi nhìn sâu xuống lòng giếng, giạt dây hai ba lần cho gàu úp ngược xuống, rồi từ từ kéo cái gàu nặng lên khỏi miệng giếng, đổ nước vào một cái thau nhôm. Nước sóng sánh những ánh nắng. Từ một thuở xa xôi trong kí vãng có tiếng còi tàu hỏa rúc lên, thằng bé chạy xiêu vẹo theo những người anh lớn của nó ùa ra cổng trại Cẩm Giàng, nó vấp một cái thau đồng ai để trên lối sỏi có nước lấp lánh, thau đồng khắc những đường vân ở dưới đáy nổi gợn lên rung rinh.

Có tiếng anh Việt ra giục chúng tôi sửa soạn đi về. Trước khi từ biệt anh Việt biểu bà cụ anh Lợi số tiền hai trăm ngàn, nói khéo là để nhờ cụ lo việc hương khói cho mộ ông nội, nhưng cụ nhất định từ chối. Cụ hứa sẽ chăm lo mộ và mặc dù anh Ba có nói thêm hết lời cụ vẫn nhất định không nhận tiền. Sau cùng trong lúc cụ mãi nói chuyện, chúng tôi phải nhờ chị Thoa lén bỏ số tiền vào túi áo cánh của cụ.

Chúng tôi ra khỏi làng La A thì đã năm giờ chiều. Anh Việt tỏ ý lo vì chúng tôi đã trễ chuyến xe hỏa cuối cùng về Hà Nội. Đến chỗ bãi sắt dưới gốc bàng chúng tôi đến chào Thọ lúc ấy đã trở về từ trước và đang làm việc. Chúng tôi bắt tay từ biệt anh và hẹn ngày kia sẽ trở lại. Xong anh Việt nói với Thọ:

- Tôi đang lo không biết cách nào để trở về Hà Nội vì chuyến xe hỏa cuối cùng đã rời Cẩm Giàng từ 15 phút trước rồi.

Thọ đáp:

- Các chú khỏi lo. Cô chú có thể đón xe hàng về Hà Nội từ ngã tư Quán Gỏi. Để cháu gọi năm cái xe máy lại đây ngay.

Nói xong, trước cặp mắt gần như kính ngạc của chúng tôi, Thọ rút trong túi quần một cái cell phone, bấm số rồi nói vào máy:

- Anh Tư hả? Anh điều động ngay cho tôi năm chiếc xe máy đến bãi sắt chờ khách đến ngã tư Quán Gỏi. Nhớ nghe, năm chiếc! Khẩn trương đấy, khách chờ!

Tôi vỗ vai Thọ:

- Anh này sang hơn tôi. Tôi ở Mỹ mà đến giờ này cũng chưa có cell phone. Con cái tôi cứ chê bố mẹ gì mà lạc hậu quá.

Anh ta không giấu được vẻ hãnh diện:

- Cháu dân làm ăn. Không có cái điện thoại di động này bất tiện lắm.

Siêu nhìn ra ngoài cửa sổ và lúc đó chàng tưởng thời gian ngừng hẳn lại... Đó cũng là cảm tưởng của tôi khi tôi rời khỏi Cẩm Giàng. Vẫn lũy tre xưa. Vẫn nền đất cũ. Tôi mang theo mình về đất Mỹ ba hòn đá xanh - Thạch Lam - như mang về một phần của Cẩm Giàng nguyên vẹn. Đã hơn một nửa thế kỷ trôi qua mà ở cái huyện nhỏ bé của chú Sáu tôi bên con đường sắt tất cả vẫn nguyên như ngày xưa. Trừ cái cell phone cất trong túi quần của Thọ!

Một trăm ngọn nến

Tên chủ nhà ghi trên tấm bảng đồng gắn phía trước cửa khiến tiếng gõ của tôi thêm mạnh dạn. Bên trong có tiếng giấy dép khua động. Rồi cửa mở. Chủ nhà, một người nhỏ thấp, giơ bắt tay tôi rồi ra hiệu mời tôi theo anh ta lên gác. Tôi bước lên một chiếc cầu thang gỗ. Ở đầu cầu thang nhìn qua một gian phòng rộng trên gác tôi thấy khoảng vườn cây xanh của một công viên nhỏ trước nhà sau một cánh cửa sổ mở rộng, khoảng trống tươi mát rất hiếm quý của Hà Nội bây giờ.

Tôi bước vào một phòng lớn trông như một thư viện. Một tủ sách rất rộng và cao chiếm nguyên một vách tường dài. Tủ gỗ đánh vec-ni bóng, sau ngăn kính những cuốn sách dày cộm xếp ngay ngắn, trang trọng. Nhìn qua gáy tôi thấy có rất nhiều sách chữ Hán.

Giữa phòng là hai cái bàn phủ khăn trắng đặt liền nhau, trên để những chai rượu bia và đĩa đựng trái cây. Chủ nhà xếp tôi ngồi nơi một chiếc ghế đặt ở đầu bàn. Tôi nhìn hai dãy ghế trống dài ở hai bên bàn, nói với chủ nhà:

– Anh bắt đầu làm tôi lo đấy. Tưởng đến thăm anh nói chuyện một lát thôi, không ngờ anh làm to chuyện quá.

Anh ta khẽ mỉm cười, nheo cặp mắt sáng sau cặp kính cận, nói:

– Có gì đâu. Nghe tin anh về một số anh em ở đây cũng muốn gặp anh. Vả lại hôm nay là một ngày rất đặc biệt, ngày sinh thứ 100 của Cụ. Chúng tôi cũng muốn làm cái gì để tưởng nhớ Cụ. Anh cứ tự nhiên nhé. Các anh em cũng sắp tới cả bây giờ.

Nói xong anh xin lỗi đi xuống cầu thang. Tôi nhìn xung quanh. Bên cạnh tôi trên một chiếc bàn nhỏ có đặt một máy vi tính để mở. Màn ảnh của máy hiện lên bức chân dung màu của bố tôi, bức tranh do họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ.

Ngay trước mặt tôi, trên bàn, đặt một quyển sách rất dày, bìa bọc giấy láng đề TỪ ĐIỂN VĂN HỌC bộ mới, Nhà xuất bản thế giới.

Tôi giờ trang sách. Trên trang giấy đầu dưới hàng chữ in Từ Điển Văn Học là hàng chữ viết tay nắn nót và chữ ký của chủ nhà.

*Bản tặng anh Nguyễn Tường Thiết và gia đình Nguyễn Tường nhân 100 năm ngày sinh cố văn hào Nhất Linh. Hà Nội 25-7-2006.
Nguyễn Huệ Chi.*

Buổi sáng hôm ấy từ khách sạn Galaxy trước vườn hoa hàng Đậu tôi đạp xe ôm lên Yên Phụ. Chiếc xe hai bánh lườn lách trên đường Thanh Niên trong dòng xe cộ nườm nượp. Đường này xưa kia có tên Cổ Ngư nằm xuyên giữa hai cái hồ lớn của Hà Nội là hồ Tây và hồ Trúc Bạch. Đến cuối đường, vòng qua khách sạn Sofitel, xe vào một con đường nhỏ ôm sát hồ Tây và ngừng lại trước một cái cổng gạch quét màu vôi vàng.

Tôi nhìn lên vòm cổng hình cánh cung đề hàng chữ LÀNG YÊN PHỤ rồi trả tiền bác lái xe thả bộ vào làng trên con ngõ rất hẹp thoải dốc. Mặt ngõ trắng xi măng sạch sẽ. Hai bên những căn nhà gạch nằm ép sát nhau, quét vôi trắng, ngói mái đỏ, hai ba tầng cao. Nhiều nhà trước có cửa song sắt thò ra những chấm đỏ hoa giấy.

Đi vào ngõ khoảng nửa cây số đến một khúc quanh một tấm bảng bằng đá đen đập mắt tôi. Trên bảng có hàng chữ màu vàng ĐÌNH YÊN PHỤ dưới đề "Di tích lịch sử văn hóa. Đã xếp hạng." Một mũi tên chỉ vào đình nằm phía bên kia ngõ. Ngay khúc quanh một bờ xi măng cong vòng cao bằng đầu gối chắn ngõ với một cái đầm sen.

Khúc đường cong, đình Yên Phụ và cái đầm sen là ba điểm chuẩn giúp tôi định được vị trí ngôi nhà tôi đang tìm, ngôi nhà thời xưa xưa chúng tôi vẫn gọi bằng cái tên thân mật "nhà cây liễu."

Nhà ấy là nơi tôi đã từng ở những ngày rất thơ ấu, cũng là nơi chú Sáu tôi, nhà văn Thạch Lam đã sống, viết và chết tại đó.

Đứng xoay lưng về phía đầm sen nhìn vào đình Yên Phụ nhà cây liễu nằm sát đình phía tay phải, ngay vị trí khúc đường cong. Trước nhà có bờ tường gạch chạy dài trên là lan can làm bằng những thanh sắt đầu có móc nhọn. Đằng sau hàng lan can ấy lại che đi bằng những tấm tôn sơn màu xanh khiến ở ngoài nhìn vào không thể nào thấy được ngôi nhà bên trong. Cuối bờ tường xây một cổng gạch có mái ngói, giữa cổng có hai cánh cửa sắt cũng sơn xanh đóng kín mít. Theo trí nhớ tôi thì phía sau cổng mé trái là vị trí của một khóm tre. Khóm tre ấy không còn nữa. Nếu còn thì hôm nay tôi phải nhìn thấy nó ló lên cao khỏi bờ tường này. Khóm tre ấy cũng chính là khóm tre mà chú Thạch Lam tôi đã nhiều lần nhìn ngắm và tả những cảm nghĩ của mình trong Theo Giọng "khi thấy các lá tre thổi vút một chiều tôi cảm thấy một vang động âm thầm và kín đáo trong tâm hồn." Khóm tre ấy chắc là đã bị ai chặt mất từ một thuở nào xa xôi lắm cùng với cây liễu ven hồ Tây yêu quý của chú.

Không một khoảng hở để tôi có thể ghé mắt nhìn trộm vào trong. Tôi đứng ở ngoài tần ngần nhìn cánh cổng và bờ tường một lát rồi tôi quay trở lui, lưỡng lự bước vào đình Yên Phụ ở sát cạnh, mang theo hình ảnh ngôi nhà mà mặc dù tôi đang ở rất gần nó, vẫn nguyên vẹn trong tôi là ngôi nhà cũ kỹ trong tâm tưởng sáu mươi năm trước.

Thửa ấy chúng tôi thường hay sang chơi bên đình Yên Phụ. Tôi còn nhỏ quá không thể nào nhớ hình dáng đình ra sao. Toàn thể khu này chỉ lưu lại trong trí tôi một màu xám xám nhạt nhạt trong đó hiện lên cái sân gạch bát tràng rộng thênh thang. Tôi bước vào sân đình vắng lặng. Màu xám nhạt thì vẫn còn nguyên đấy, nhưng cái sân gạch bé nhỏ hơn rất nhiều so với kỷ ức. Trong sân có mấy vại sành lớn trồng những cây mẫu đơn nở hoa đỏ thắm. Tôi đến gần nhìn những đóa hoa này và ngay tức khắc hiện lên trong mắt những chấm đỏ xoay tít. Thì ra tôi đã thấy hoa này rồi, ở đây, thời bé. Hoa mẫu đơn là tập hợp của vô số những cánh hoa bé tí màu đỏ với những cọng hoa li ti hình ống. Chúng tôi thường ngắt những cọng đó rồi luồn một sợi tóc qua ống, thắt một đầu nút và vẽ tròn sợi tóc trên hai đầu ngón tay nhìn những cánh hoa đỏ xoay xoay như một cái chong chóng tí hon.

Không một bóng người. Từ lúc rời khỏi đường Thanh Niên để bước vào làng Yên Phụ những tiếng ồn ào của Hà Nội dường như đứng lại ở phía ngoài cổng làng. Trong tĩnh lặng hình như ngay cả tiếng chim kêu ở đây nghe cũng thanh sắc hơn. Tôi bước qua cái sân gạch. Nhưng thay vì đi thẳng vào đình phía chính diện tôi rẽ tay phải đi qua một cái vườn cây mà tôi đoán sau vườn là hồ Tây. Bước ra khỏi bóng tối của vườn cây mắt tôi lóa đi trong giây lát. Phản chiếu ánh sáng hắt nắng hè mặt hồ Tây như một tấm gương mênh mông bằng nước. Một bờ rộng xi măng uốn vòng quanh đình Yên Phụ. Dưới bờ ấy sóng vỗ vào thềm mang theo những cánh bèo trôi rập rình. Tôi đi lần phía tay phải theo bờ nước cho tới lúc tôi không thể nào tiến xa nữa. Một hàng rào bằng lưới sắt ngăn đình Yên Phụ với căn nhà bên cạnh. Từ một bụi rậm nhìn qua lưới tôi lặng người thấy phía sau cửa căn nhà cây liễu cùng với mảnh vườn nhỏ ở ven hồ.

Ngôi nhà cũ của chúng tôi không còn nữa. Trước mặt tôi là một căn nhà gạch hoàn toàn khác, chắc là được xây rất gần đây vì màu nước vôi tường còn mới nguyên. Như vậy là từ hồi chú Sáu tôi ở đấy, căn nhà tranh của chú đã được xây lại hai lần bằng gạch. Tôi không thấy được toàn thể phía sau nhà vì bị chắn bởi một bức tường rộng bằng gạch ở giữa vườn. Tường này có khoét ba cái cửa tò vò lớn lại có mái hiên lợp ngói được xây với mục đích trang trí hơn là thực dụng. Trước là cái vườn nhỏ ngày xưa chúng tôi vẫn chơi đùa. Vườn thoải xuống hồ. Xưa kia chỗ tiếp giáp với nước có cắm một hàng cọc tre lúc nào cũng vương bám những cánh bèo trôi bèo bồng theo sóng vỗ. Những cánh bèo bây giờ vẫn còn đó, lại còn có vẻ dày đặc hơn. Nhưng cây liễu trong tâm tưởng tôi thì biến mất. Chỗ đó bây giờ người ta trồng hai cây cau, giữa hai cây căng sợi dây kẽm phơi quần áo. Những chiếc cánh áo bay phấp phật thay chỗ cho những nhánh liễu xưa kia lúc nào cũng chao nghiêng trong gió.

Một con chuồn chuồn xanh bay vụt trong trí nhớ tôi. Nó sà xuống đậu trên một chiếc lá liễu. Chà, con chuồn chuồn này thật to! Đầu bóng như hòn bi ve. Thằng bé đưa cánh tay thò phía sau đuôi con vật. Chiếc đầu bóng khế nhích một cái rất nhẹ như thể muốn ngoái nhìn phía sau. Thằng bé vội ngừng tay. lát sau nó nín thở phóng tay thật nhanh nắm lấy chiếc cánh mỏng. Tôi còn nhớ lại như in cái cảm giác nháp nháp của những đường gân nhỏ trên cánh con chuồn chuồn áp vào làn da giữa hai đầu ngón tay. Thằng bé vạch bụng mình đưa đầu con vật gần lỗ rốn. Các anh nó nói để chuồn chuồn xanh cắn rốn sẽ biết bơi. Nó thềm biết bơi lắm. Nhưng cái miệng to ngoác của con chuồn chuồn làm nó sợ. Thằng bé tính thả con vật đi nhưng nó bỗng nghĩ ra được một trò chơi. Nó gập hai chiếc cánh chuồn chuồn làm một rồi lấy tay bứt đôi trước khi thả. Con vật với đôi cánh cụt ngắn không bay lên cao được. Nó đâm chúi xuống đám bèo. Thằng bé quên phắt con chuồn chuồn xanh. Mắt nó theo dõi những chấm đỏ bay loảng quăng trên đám bèo: vô số những con chuồn chuồn ớt đỏ chót là xuống nhón đậu trên những cánh hoa bèo tím, những hoa bèo nhấp nhô trên sóng nước mang những chấm đỏ rung rinh. “Nếu mình biết bơi mình sẽ bắt những con chuồn đỏ ấy.” Thằng bé nghĩ thế và nó tiếc đã không để con chuồn chuồn xanh cắn rốn. Không biết bơi như các anh tôi, tôi cùng chị Thoa làm thuyền. Chị Thoa khéo tay lắm. Chị làm thuyền bằng những thân bèo ghép sát nhau giữ bởi những cây

tắm cắm xuyên. Một cái đũa tre cắm giữa thuyền, một hai chiếc lá bèo to xuyên qua đũa làm cánh buồm. Chúng tôi làm nhiều thuyền như thế lắm. Nhưng những chiếc thuyền được thả xuống hồ không đi xa được vì thường bị vướng mắc giữa những đám bèo luôn luôn dày đặc ở ven bờ hồ. Chúng tôi phải nhờ các anh lớn bơi ra ngoài thả thuyền ra khơi. Những con chuồn chuồn bay lả trên đám bèo, những cánh bướm bay loáng trên bờ cỏ... Như thế đấy. Vón vện những hình ảnh vật vãnh như thế lưu giữ mãi trong ký ức tôi về căn nhà của người chú... toàn những cái không đáng nhớ.

Nhưng chú Đình Hùng thì khác. Trí nhớ của nhà thơ này mới thật đáng nhớ. Trong cuốn hồi ký viết về những kỷ niệm “chia ngọt sẻ bùi cùng Thạch Lam” chú đã tả quang cảnh nơi tôi đang đối diện này bảy mươi năm trước như sau:

“Tuy là nhà tranh nhưng ngăn nắp sáng sủa, có đủ cửa kính lẫn cửa chớp, có thềm cao, với một khoảng sân nhỏ mấp mé ngay bờ hồ, với cây liễu rũ cành lá xuống nước và khóm tre xào xạc ngoài cổng.”

“Tôi đã ngủ nhiều đêm dưới mái nhà ấy, và canh khuya, khi cái tiếng vọng mơ hồ của thành phố xa xa lắng dần vào không khí óng ả của vùng hồ nước mát rượi, nằm nghe sóng vỗ vào bờ thao thức, nghe hơi thở uyển chuyển của gió lùa qua khóm tre, tôi cảm thấy những thời khắc đó thật đáng quý, khung cảnh thật dịu lành mà quyến rũ, và tôi thán thía tại sao Thạch Lam không muốn đổi ngôi nhà tranh của anh lấy bất cứ một lâu đài dinh thự nào...”

“Những người bạn văn nghệ mà tôi thường gặp ở nhà Thạch Lam dạo đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ (cùng cả vợ nhỏ là nữ kịch sĩ Song Kim), anh bạn thơ Huyền Kiêu, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, đôi khi Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, và một lần, Nguyễn Tuân, một lần Nguyễn Đỗ Cung...”

“Tất cả những người kể trên đều đã có lần tụ họp tại nhà Thạch Lam, thường thường quanh mâm rượu, thỉnh thoảng quanh chiếu tổ tôm hay cạnh khay trà. Ở địa vị chủ nhân tác giả Hà Nội băm sáu phố phường thực đã xứng đáng với cái danh ‘Hào sĩ’ mà chúng tôi tặng anh.”

“Tôi không bao giờ quên được bữa rượu hội kiến đầu tiên có mặt Nhất Linh, Thế Lữ, Huyền Kiêu, Thạch Lam...”

Từ trong nhà một người đàn bà đi ra bước qua cửa tò vò đến giữa hai cây cau. Người đàn bà túm lấy mấy chiếc áo khô bỏ trong một cái giỏ, lật mặt trái phơi tiếp mấy cái quần tây rồi bỏ đi vào trong nhà. Trong căn nhà ấy... tôi nhìn thấy – qua con mắt của chú Đình Hùng – hình bóng những người thân yêu đã khuất của tôi, bố tôi và các chú.... đang ngả nghiêng đánh chén.

Khuya lắm, tiệc tàn. Bố tôi nằm trên chiếc võng giữa nhà, ê a ngâm thơ. Chú Sáu, chú Đình Hùng và chú Huyền Kiêu thì loay hoay xuống bếp nướng mực và mò gậm giường lấy dưa chua trong vại ra nhậu... Cho đến rạng sáng, chú Sáu kêu người nhà đi mua thêm đồ nhắm. Bố tôi đã tỉnh ngủ từ hồi nào, ung dung ngồi vào dự tiệc. Trong khi tất cả đều say mềm bố tôi vẫn sung sức dẻo dai như khi bắt đầu uống. Bố tôi có tửu lượng rất cao. Hồi ở Đà Lạt tôi vẫn ngồi ngắm ông uống rượu. Càng uống ông càng ít nói, mặt chỉ tái đi chút đỉnh. Hồi ở bên Tàu – anh tôi kể – “cậu đã từng uống thi whiskey với ba tay lính thủy Mỹ lực lưỡng, ba tay này gục trên bàn rượu trong khi cậu vẫn còn tỉnh như sáo.” Cứ như thế tiệc rượu của bốn người kéo liền một mạch cho đến tận trưa. Tất cả đều say khướt, có lẽ chỉ trừ bố tôi. Chú Sáu và chú Huyền Kiêu rót rượu đầy tràn cả ra ngoài miệng chén.

Bố tôi giằng lấy chai rượu đem giấu vào góc tủ, nói:

– Thôi đấy nhé! Hết rượu rồi. Không ai được uống nữa.

Rồi bố tôi kêu nóng. Ông cởi phăng áo ngoài. Mình trần, quần cộc, bố tôi chạy ra sân, nhảy tùm xuống Hồ Tây bơi ào ào. Khi cách bờ khoảng dăm chục thước ông lớn tiếng nói vọng lên:
– Các tửu đồ! Có hứng thử nhảy xuống hồ này vùng vẫy chơi cho mát!

Chú Đình Hùng cũng thoát y mặc xì-líp nhảy xuống hồ bơi lóp ngóp dưới nước. Bố tôi vung tay vẫy và nhào người bơi thật nhanh về phía chú. Còn cách nhau chừng dăm thước, bố tôi bảo chú Đình Hùng:
– Tôi với anh bơi thi từ đây vào bờ, xem ai thắng.

Hai người ra sức thi đua liền. Biết là chú Đình Hùng không bơi giỏi, lại sợ chú còn say, bố tôi bơi kèm sát chú để đề phòng bất trắc. Cả hai về gần tới bờ cùng một lúc. Nhưng bố tôi cố ý bơi thụt lại, nhường chú nửa sải tay. Hai người khoác tay nhau bước lên bờ. Rồi bố tôi cúi xuống. Nước hồ chảy trên chiếc lưng rộng của ông...

Chiếc lưng ướt nước...Trí tôi thoáng hiện một kỷ niệm với bố tôi ở Đà Lạt.

Trời nóng. Mấy bố con tôi vừa vào rừng tìm lan và đang đứng phía dưới của ngọn thác Pongour, nơi có một chỗ nước suối khét sâu làm thành một cái vũng lạng. Bố tôi ngồi xuống cát, tháo đôi giày rồi đứng lên cởi áo sơ mi lột áo lót. Ông cúi xuống vén hai ống quần tây lên tận bẹn, quay sang tôi nói:
– Trời nóng quá! Chỗ này nước lạng con có thể tắm được.

Tôi ngần ngại. Trên người tôi mặc độc chiếc quần cộc và áo ngắn tay. Không có cả xì-líp. Năm đó tôi 16 tuổi. Tôi đã qua từ lâu cái tuổi tắm trường. Bố tôi biết ý nói:
– Con cứ mặc quần mà tắm. Trời này thì quần ướt sẽ khô ngay ấy mà!

Tôi cởi áo đi theo bố tôi lội xuống nước. Bố tôi không bơi mà chỉ dầm chân xuống suối ngang đầu gối. Ông cúi xuống hai tay vốc nước suối đập lên mặt, lên vai, lên lưng. Trước khi nhảy tùm xuống bơi tôi thoáng thấy trên cái chiếc lưng ướt của bố tôi một cục bướu tròn to bằng cái trứng chim cú nằm ngay giữa xương sống. Chỉ một thoáng thôi nhưng hình ảnh cái cục bướu ấy cứ lẩn cấn mãi trong trí tôi cho tới tận ngày nay. Bố có cục u từ hồi nào? Liệu chú Đình Hùng có nhìn thấy nó khi ông bơi với bố ở hồ Tây? Bố trần trụi ra sao mỗi khi nằm ngửa. Bố có khó chịu không? Vào khoảng đầu thập niên 60 ở Sài Gòn có phong trào các cô gái mặc áo cánh mà khuy cài lại ở phía sau lưng. Bố tôi thấy chị Thoa tôi mặc áo đó thì bình phẩm: “Mặc áo đó thì khó chịu chết, mấy cái khuy cứ cấn sau lưng sao mà ngủ được?” Thế còn cái bướu của bố nó to và cộm hơn mấy cái khuy áo nhiều, thì sao?

Một tiếng động sột soạt ở phía sau lưng khiến tôi ngoảnh ra sau nhìn. Từ trong một bụi chuối bước ra một cụ già quần áo nâu, râu tóc bạc phơ nhưng người trông cứng cáp khỏe mạnh. Thấy tôi cụ trở mắt nhìn. Cái nhìn nghi hoặc làm tôi lúng túng. Rõ ràng là tôi vừa bị bắt quả tang đang toan tính chuyện gì mờ ám. Một người lạ đến khu này mà không vào đình, lại lén lút chui vô cái xó kẹt này nhìn chăm chăm vào căn nhà bên cạnh thì quả là rất khả nghi.

Tôi mỉm một nụ cười gượng tiến lại phía cụ già lễ phép hỏi:
– Thưa cụ, cụ có phải cụ Từ trông nom đình Yên Phụ không ạ?

Ông cụ nhướng đôi mắt.
– Phải. Chính tôi. Ông muốn gì?

Tôi phân trần:

– Thừa cụ cháu định vào tham quan đình nhưng cháu nhìn mãi chẳng thấy một ai cả, cháu bèn ra hồ để ngắm cảnh.

Thấy cụ già hết nhìn tôi lại nhìn căn nhà bên kia lưới sắt, vẻ nghi ngờ, tôi nói thêm:

– Chẳng nói đầu gì cụ... cháu từ ở nước ngoài về. Trước đây hồi cháu còn bé, để cũng đã sáu mươi năm rồi, chúng cháu có ở căn nhà này. Vâng đúng là nhà này vì cháu nhớ nhà cháu sát cạnh đình Yên Phụ. Cháu bèn mạn phép tự tiện mò vào đây chỉ cốt là để nhìn lại căn nhà cũ của cháu, chứ thực tình không có ý gì khác. Nhưng cháu chẳng nhận ra được nhà cháu ngày xưa. Họ phá ra xây lại hết rồi. Cháu nhớ là ở chỗ cây cau kia kia trước kia có một cây liễu...

Nói đến đây tôi thấy đôi mắt cụ Từ dịu xuống. Cụ nói:

– Cậu nhớ thế là đúng rồi. Cây liễu đó ai chặt mất từ lâu lắm. Ở đây không còn một ai nhớ ra là chỗ đó ngày xưa có cây liễu, ngoài tôi.

– Thừa cụ, như vậy cụ trông nom đình này đã lâu lắm. Chắc cụ biết trước kia nhà này là nhà tranh và nhà văn Thạch Lam đã từng sống trong nhà tranh đó.

– Ừ tôi biết chứ. Ông Thạch Lam tôi không được quen nhưng tôi biết ông Hoàn. Ông gì Hoàn nhỉ...? Tôi quên rồi. Hình như ông ta cũng có liên hệ với ông Thạch Lam.

– Thừa, chú Nguyễn Kim Hoàn là anh rể của chú Thạch Lam cháu...

Chúng tôi vừa nói chuyện vừa đi chậm về phía đình. Đi qua bụi chuối gần đến bên hông đình thì cụ Từ lại rẽ ngang dẫn tôi ngược lại phía hồ. Cụ nói:

– Chẳng mấy khi mà đình làng này được đón khách từ ở nước ngoài về. Cậu ra đây một lát uống với chúng tôi chén nước.

Chúng tôi vào một lối mòn xuyên giữa bụi chuối. Qua mấy chậu cây cảnh thì đến lại cái bờ xi-măng cong vòng lúc nãy. Nhưng khúc bờ xi-măng này nhìn ra phía khác của hồ. Từ chỗ này không thấy nhà cây liễu, nhưng thấy được mái chùa Trấn Quốc ló ở tít xa. Một hàng dừa cao phủ bóng mát trồng dọc theo bờ xi-măng. Dưới bóng cây mấy người đàn ông ngồi ngắm cảnh hồ trên những chiếc ghế nhựa thấp, trước một cái bàn con có để một ống điều cày, một bình nước trà và mấy cái chén.

Cụ Từ chỉ tôi ngồi trên ghế rồi giới thiệu tôi với mọi người. Tất cả những người này đều đứng tuổi. Khi được biết tôi là cháu ruột của nhà văn Thạch Lam, một người lên tiếng bình phẩm:

– Thạch Lam à? Đệ nhất văn sĩ đấy! Văn thể mới đích thật là văn! Trước sau không một ai có thể viết được như Thạch Lam. Tôi dám cam đoan thế...

Với một vẻ trân trọng đặc biệt ông ta tiếp tục nói về Thạch Lam và những nhà văn khác thời đó. Giọng nói có xen lẫn chút u hoài như thể các nhà văn ông vừa nhắc tới khiến ông nhớ lại một thời tuổi trẻ của mình. Câu chuyện xoay quanh vấn đề văn chương và đặc biệt là văn chương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tôi hơi ngạc nhiên nghe những vị này bàn về văn đoàn cũng như thành viên của văn đoàn này với một sự hiểu biết khá chính xác, mặc dù Tự Lực Văn Đoàn là một đề tài cấm kỵ không được nhắc đến từ hơn một nửa thế kỷ. Trước đây tôi đã có dịp nói chuyện với vài người trong giới trẻ Hà Nội như mấy cô chú hướng dẫn viên các hãng du lịch hoặc các cô cậu sinh viên làm việc ở quầy tiếp tân các khách sạn, những người trẻ này có khả năng về ngoại ngữ rất cao, thể nói được nhuần nhuyễn cả hai thứ tiếng Anh, Pháp. Nhưng khi được hỏi về Tự Lực Văn Đoàn thì đa số trả lời là họ chỉ biết đến nhà văn Thạch Lam với truyện ngắn Hai Chị Em được dạy trong giáo trình giảng văn bậc trung học.

Rít một hơi thuốc lào một người khác ngửa cổ lên trời nhả khói rồi nói:

– Bây giờ người ta không biết viết văn... Cả một thế hệ không biết viết văn... Sách truyện bây giờ người ta in khối ra đấy mà chả có một cuốn nào viết ra hồn... Văn chả ra văn.

Tôi lên tiếng bênh vực:

– Bác nói thế có hơi quá không? Nhìn chung thì đúng như thế đấy, nhưng cũng có ngoại lệ chứ. Tôi đã đọc vài truyện tôi rất thích của một hai tác giả ở Hà Nội. Theo tôi họ viết cũng hay lắm.

– Ông nói thế là thế nào? Ông thử nêu tên vài cuốn tôi nghe thử? Làm sao họ có thể viết văn hay như những tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn được?

Tôi im lặng. Hơn bốn mươi năm trước hồi ở Sài Gòn đã có lần tôi nói tôi thích đọc văn của nhóm Sáng Tạo hơn đọc văn Tự Lực Văn Đoàn và khen nhóm này có nhiều tay viết rất cừ, mới chỉ nói thế thôi mà đã gây tranh luận trong đám bạn bè. Bây giờ nếu tôi mở miệng khen ngợi một hai nhà văn đương thời của Hà Nội với các vị mê say Tự Lực Văn Đoàn, xem văn của nhóm này như chuẩn đích cho cái hay của văn chương mọi thời thì chắc cũng lại chỉ gây tranh cãi vô ích.

Cụ Từ cúi xuống rót thêm nước chè vào chén của tôi. Từ lúc nãy cụ yên lặng không tham dự vào câu chuyện văn chương. Cụ chắc đã trên tuổi bát tuần. Cái tuổi mà nếu các nhà văn bậc tiền bối còn sống hẳn là đã gọi cụ bằng hai tiếng thân mật “chú em.” Tôi nhìn ra hồ Tây phía xa. Trong rặng cây xanh bên kia bờ nổi bật mái đỏ của hai gian nhà lớn hai tầng. Thấy tôi nhìn phía bên kia hồ cụ Từ chỉ tay về phía ấy nói:

– Bên ấy là làng Thụy Khuê. Rặng cây xanh là vườn Bách Thảo. Hai cái nhà lớn mái đỏ kia là trường Bưởi.

– Thế hả cụ? Cháu cứ nghe mãi tên trường Bưởi bây giờ mới biết nó ở đấy đấy.

Trường Bưởi, cái tên rất thân quen. Chu Văn An ngàn đời treo gương sáng... anh tôi vẫn cất tiếng hát, bài hát của ngôi trường một thuở nào xa xôi anh đã từng in dấu. Trường Bưởi, cùng với sóng nước hồ Tây, đã đi vào văn chương. Tôi mê đoạn văn sau đây, nhớ mãi. Có thật chẳng một cuộc tình nào nung đã từng nảy nở bên kia bờ nước, sau lùm cây, trên bãi cỏ, phía góc trường kia?

“Hai mươi năm đã qua... Quanh hồ đủ thứ đã đổi thay, song thần thái của hồ vẫn là muôn thuở. Vẫn mênh mang thế, vẫn bình yên, thông dong, lãng đãng thế và say đắm thế. Với sương mờ ban mai. Với vừng ráng chiều tà. Với rặng núi xa. Kiên chưa lần nào vào lại sân trường xưa để vòng sau nhà bát giác tới lùm cây ấy, bãi cỏ ấy. Anh chỉ từ rất xa, mé đường Thanh Niên mà nhìn về góc trường đó, mặt hồ dờng như ngược nhìn anh bằng đôi mắt lấp lánh màu nâu của Phương, với vẻ kỳ diệu và nổi ngậm ngùi của tuổi thơ ấu, của tình yêu đã đi qua, đã xa vời vợi. Và những chiều ngồi bên hồ bao giờ anh cũng ngồi nán lại cho đến khi vừng ráng chỉ còn đọng lại một ngấn đỏ chạy ngang trời. Ấy là ánh hồi quang của cái đêm hai mươi năm trước, bên bờ hồ, sau lùm cây, trên bãi cỏ, phía góc trường...”

Sóng hồ dập dềnh, ì oạp vỗ vào bờ cỏ. Xa xa, từ chỗ pháo đội cao xạ chót nổi trên đám bè neo sâu trong hồ một hồi keng khuya chậm rãi dóng lên. Vị thần bảo hộ cứu tinh cho sự trong trắng và trong sạch của đôi bạn, chẳng phải ai khác ngoài chính họ.

Gió thổi dài. Im lặng lan xa. Hai người như thể vừa từ đáy nước nổi bông lên để rồi bị cuốn dạt ra mỗi ngã...” (Bảo Ninh, *Thân phận của tình yêu*).

Gió... không thổi dài ở đây, bây giờ, mà lồng lộng thổi từ mặt hồ Tây mênh mang phía trước.

Ngày hôm qua tôi nói với Bảo Ninh ngồi đối diện tôi nơi một bàn tiệc:

– Tôi có đọc truyện *Nỗi buồn chiến tranh* của anh. Không khí truyện này rất lôi cuốn khiến tôi đọc mà muốn ngộp hơi. Đọc xong tôi hiểu vì sao anh bị giằng co trong sự lựa chọn giữa hai nhan truyện “Nỗi buồn chiến tranh” và “Thân phận của tình yêu.” Tôi thích nhan đề sau hơn, có lẽ bởi vì tôi bị mê hoặc bởi những đoạn anh viết về những cuộc tình hơn là những đoạn anh viết về cuộc chiến, tôi thích style văn rất mới của anh, cái lãng mạn trong văn phong anh, không phải cái lãng mạn trữ tình êm đềm kiểu Tự Lực Văn Đoàn mà là thứ lãng mạn chua xót và đơng đau. Tôi cho rằng mình đã đọc một truyện rất hay về cuộc chiến tranh mà anh với tôi đã cùng trải qua và trực tiếp dự phần, từ hai phía đối nghịch.

Bên kia bàn Bảo Ninh, trẻ hơn tôi đúng một giáp, mái tóc đã điểm sương bồng lên bù xù, hàng râu quặp trên mép, nhận lời khen của tôi một cách trịnh trọng, hơi kiểu cách: anh nắm chặt hai bàn tay vào nhau để phía trước ngực khẽ cúi đầu nói nhỏ “đa tạ!”. Trong lúc ăn Bảo Ninh luôn tay với chai rượu whiskey rót thêm vào cốc đưa lên miệng uống. Chả mấy chốc chai thứ hai đã được khai. Bàn tiệc có sáu bảy người. Một mình anh ta có lẽ đã tiêu thụ nguyên gần một chai rượu mạnh.

Ngồi bên trái tôi, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp yên lặng gắp đồ ăn, anh ăn nhỏ nhẹ không đụng tới một giọt rượu.

Bảo Ninh uống. Hết ly này đến ly khác. Mắt anh có một lúc rời tôi nhìn người ngồi cạnh tôi bên phải. Cặp mắt đã mờ say của anh ánh lên một tia nhìn dục và đằm thắm, hẳn cũng là cái nhìn của nhân vật Kiên với những người nữ trong *Nỗi buồn chiến tranh* của anh.

Bên cạnh tôi là Đỗ Hoàng Diệu một nhà văn nữ rất trẻ, tác giả một quyển truyện nổi tiếng *Bóng Đè*. Tiệc tàn. Tôi hơi say. Cả bàn có lẽ chỉ có hai người không đụng tới rượu là Nguyễn Huy Thiệp và Đỗ Hoàng Diệu.

Nguyễn Huy Thiệp quay qua tôi hỏi:

– Để tôi chở anh về. Anh có bận gì không?

– Không.

Anh ghé nói nhỏ vào tai tôi:

– Nhà anh Tô Hoài rất gần đây. Minh ghé thăm anh một lát rồi tôi chở anh về nhà tôi chơi...

Nơi mé hồ gần bờ hướng chùa Trấn Quốc có một người đang bơi, cái đầu chồi ngụp trên mặt sóng. Hình ảnh bố tôi bơi với chú Đình Hùng lại thoáng trong trí. Bố tôi đã ra đi bốn mươi ba năm trước... như con bướm trắng bay đi không trở lại. Nếu còn sống thì hôm nay là sinh nhật thứ 100 chúng tôi đã thắp một trăm ngọn nến trên chiếc bánh sinh nhật của ông.

Tôi đứng dậy nhìn đồng hồ tay. Nhớ tới cái hẹn tại nhà anh Nguyễn Huệ Chi tôi nói với cụ Từ xin kiếu về. Bước ra khỏi đình Yên Phụ tôi ngoái nhìn phía trước căn nhà cây liêu một lần cuối rồi đi rẽ về phía cổng làng.

Mặc dù không dặn nhưng khi bước qua khỏi cổng làng tôi đã thấy bác lái xe ôm ban sáng ngồi chờ tôi dưới một gốc cây. Thấy tôi bác lật đật đứng lên vút điều thuốc xuống lề đường. Lúc này tôi đã định bụng không về ngay khách sạn mà tản bộ một lát trên đường Cổ Ngư, nhưng thấy bác ta chờ từ sáng tới nghiệp, tôi đổi ý và để bác ta chở về. Ngồi sau lưng bác tài trên chiếc xe

hai bánh chạy ngược trên đường Thanh Niên tôi nhớ ngày hôm qua tôi ôm eo Nguyễn Huy Thiệp trên chiếc xe gắn máy của anh ta và hình như cũng chạy qua con đường này. Không có ý niệm về đường phố ở Hà Nội tôi không biết anh Thiệp đã chở tôi đi những đâu, qua những con phố nào, chỉ biết là anh chở tôi đi xa lắm tôi ngồi lâu trên xe ê cả mông đít.

Từ nhà hàng ăn chúng tôi đến thăm nhà văn lão thành Tô Hoài, tác giả của tập truyện *Con đé mèn phiêu lưu ký* tôi đã mê say đọc từ hồi còn nhỏ. Anh Thiệp sau đó chở tôi đến phố Hàng Trống thăm một xưởng tranh hình như là của người con anh. Chiều đến anh chở tôi về nhà anh ở vùng ngoại thành Hà Nội rất xa khu trung tâm thành phố. Khi chiếc xe rời con đường chính vào một con ngõ tôi đinh ninh sắp đến nhà anh. Nhưng không. Xe còn đi lâu lắm rồi qua không biết bao nhiêu con ngõ rắc rối rồi cuối cùng mới dừng lại trước căn nhà có bờ tường rêu bao quanh và có cổng gỗ kiến trúc giống như cổng một mái chùa hay một ngôi đình làng.

Nguyễn Huy Thiệp tắt máy xuống xe tra chìa vào ổ khóa đẩy hai cái cánh cửa gỗ nặng nề dất xe qua cổng. Bên trong mở ra một thế giới khác hẳn bên ngoài. Một khu tuy nằm trong lòng Hà Nội nhưng biệt lập yên tĩnh và đặc biệt là rất đồng quê. Qua bóng rợp của một khu vườn cây rộng, toàn cây ăn trái, nào nhãn, nào ổi, nào khế... cây nào cây nấy nặng trĩu những quả, một con đường lát gạch dẫn tôi tới căn nhà hai tầng nằm ẩn sau vườn, nơi mà “Không có vua,” “Tướng về hưu”... cùng những tác phẩm khác của anh được thai nghén và sáng tác.

Tối đó anh Thiệp mời tôi dùng cơm tại nhà anh. Tôi nhớ mãi bữa cơm rau ấy vì đã từ lâu lắm rồi tôi không được ăn một bữa cơm rất thanh đạm nhưng đầy mùi vị quê hương. Về khuya anh đưa tôi ra đầu ngõ đón xe về khách sạn. Anh nói trước khi chia tay:

– Văn chương nó bạc lắm anh ạ. Phần thưởng quý nhất có lẽ là qua nó chúng ta có được những người bạn mới ở khắp bốn phương.

Tôi cúi xuống mở cái ba-lô tôi để dưới chân ghé lấy ra quyển hồi ký *Nhất Linh*, cha tôi mới xuất bản ở Mỹ. Tôi mở trang đầu cuốn sách viết lời đề tặng chủ nhà. Có tiếng động và tiếng người nói ở nhà dưới. Lát sau mọi người lần lượt lên cầu thang ngồi trên hai dãy ghế hai bên bàn. Có hai vị khách được chủ nhà hướng dẫn ngồi ghé phía trước cạnh tôi. Tất cả khoảng hơn mười người.

Chủ nhà, giáo sư Nguyễn Huệ Chi, trưởng ban văn học Việt Nam Cổ cận đại viện văn học Hà Nội, cũng là chủ biên của tập *Từ Điển Văn Học*, giới thiệu những người hiện diện. Trừ vài người tôi đã nghe danh tánh như giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, giáo sư Phan Đình Diệu, hai vị ngồi cạnh tôi, và một người ngồi phía dưới là đạo diễn Trần Văn Thủy, những người khác tôi mới nghe tên lần đầu.

Nghe anh Huệ Chi giới thiệu những người đó với toàn chức vị “tiến sĩ” tôi nói đùa với anh:

– Mặc dù Hà Nội đang giữa mùa Hạ anh cũng làm tôi rét đấy! Tôi chưa từng bao giờ được diện kiến với nhiều vị tiến sĩ như vậy trong đời...

Vài nụ cười nhẹ thoáng trên môi của mấy vị khách phái nữ.

Câu nói đùa của tôi không phá được bầu không khí khá trịnh trọng lúc ấy. Trong một lát tôi ngỡ ngàng. Tôi hoàn toàn không chuẩn bị để đối diện với cái không khí này. Vị trí ngồi của tôi ở đầu bàn cho thấy hậu ý của chủ nhà muốn tôi là người nói chuyện và có lẽ là người duy nhất phát biểu trong buổi kỷ niệm này với đề tài được mọi người trông chờ là nói về ông cụ. Tôi biết nói gì đây, ở một nơi mà chỉ nội nhắc đến cái tên ông cụ không thôi đã là một điều rất cấm kỵ? Tôi mở đầu nói về tiểu sử và các hoạt động văn hóa của ông cụ. Tôi nói vắn tắt vì biết rằng hầu hết những người trong phòng này là những học giả uyên bác, họ đã nghiên cứu tác giả Nhất Linh

rất kỹ và chắc hẳn là tường tận hơn tôi.

Còn về con người thứ hai của ông cụ, con người chính trị và cách mạng Nguyễn Tường Tam, thì đây mới thực sự là “điểm nóng.” Nhưng nơi này lại không phải là một chỗ thích hợp để nói tới và luận bàn. Tôi với tay lấy cuốn hồi ký của tôi trên bàn và đọc nguyên một đoạn dài trong bài “Nói chuyện với Huy Cận.” Bài viết đó tôi tường thuật buổi gặp gỡ giữa anh em chúng tôi với thi sĩ Huy Cận vào mùa Hạ năm 2001, bốn năm trước khi thi sĩ qua đời. Trong buổi nói chuyện ấy chúng tôi đã có một lúc tranh luận khá gay gắt khi Huy Cận bắt đầu nói về chính trị, đặc biệt khi ông tự dành quyền “phán xét” hành động chính trị của bố tôi, điều mà bố tôi không muốn: bố tôi tự chết chỉ quyết là không để ai được quyền phán xét ông, ngoài “lịch sử.”

Buổi nói chuyện trong đó tôi là người duy nhất lên tiếng chấm dứt trong im lặng. Không một tiếng nói thứ hai, không một lời bình luận. Sự yên lặng bao trùm khiến tôi liên tưởng đến thái độ của những người trí thức trong nước mà tôi đã có dịp tiếp xúc: họ nhã nhặn, lịch sự nhưng dè dặt. Sau đó chủ nhà đứng lên chuyển lại lời mời của tôi với tất cả mọi người hiện diện đến dự buổi cơm trưa tại một nhà hàng do anh ấy lựa chọn. Rồi anh chuyển quanh bàn cuốn *Từ Điển Văn Học* để tất cả cùng ký tên trên trang sách anh đã viết sẵn lời đề tặng chúng tôi.

Sau khi chụp hình lưu niệm mọi người lần lượt bước xuống cầu thang. Anh Huệ Chi bảo tôi:

– Anh cứ ở trên này một lát để tôi xuống trước thu xếp xe.

Tôi hỏi anh:

– Anh đã chọn được quán ăn nào chưa?

– Rồi. Quán Ngon.

Tôi hỏi lại:

– Quán gì?

– Quán Ngon.

– Chà, cái tên lạ nhỉ...

Anh mỉm cười bước xuống cầu thang.

Tôi ngồi xuống ghé lật trang đầu cuốn *Từ Điển*.

Bên dưới chữ ký của anh Nguyễn Huệ Chi có thêm chữ ký của các vị sau đây: Phan Đình Diệu, Trần Văn Thủy, Phạm Ngọc Lan, Đặng Thị Hào, Nguyễn Bá Dũng, Phạm Thu Hương, Trương Hồng Quang, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Văn Bình.

Phía dưới nữa là một hàng chữ lớn viết tay và chữ ký của người viết:

Với cả tấm lòng quý trọng đại văn hào Nhất Linh.

Hoàng Ngọc Hiến

Trại Cẩm Giàng trong ý tưởng Thế Uyên



Lối vào Trại Cẩm giàng xưa / Ảnh Diễn Đàn Forum

*Nhiều người đã cho rằng trại Cẩm-giàng
là cái nôi chính của Tự Lực Văn Đoàn.*

Hà nội có hai ga xe lửa, ga chính là ga Hàng Cỏ khá đồ sộ có nhiều tuyến đường đi khắp nơi, gia đình tôi ít dùng. Mỗi lần về quê ngoại, gia đình tôi thường dùng ga phụ nhỏ hơn là ga Đầu Cầu, tên gọi như vậy vì nhà ga nằm ngay đầu cầu Long biên băng qua sông Hồng đến cảng Hải phòng cách đó đúng 105 km, và cũng băng qua trước cổng trại quê ngoại của bọn tôi là trại

Cầm giàng. Gọi là "băng qua" e không đúng sự thực vì mỗi khi xe lửa chạy qua, là xì khói, hơi nước và bụi than cháy đổ ngay vào mũi lũ trẻ bọn tôi đang đứng khá sát đường sắt, "xem có sao không". Cũng may là tất cả đều được "bà mẹ" (theo tin tưởng cổ truyền, bà mẹ là nàng tiên tốt chuyên lo cho con nít) chăm lo cho nên không sao cả.

Xe lửa thường đông và sàn đầy rác, nhất là thứ nước quét trần đỏ như máu do các bà nhỏ ra dơ dáy chẳng kém gì nước thuốc lá do các vị cao bồi Viễn Tây nhỏ sai ống nhổ, tung tóe ra sàn quán rượu ngày xưa. Bởi thế lên được toa xe là hai anh em, tôi và anh Duy Lam, dù chiều cao còn lùn xùn, thường lên ra đầu toa ngồi trên bực lên xuống cho dễ ngắm cảnh và nhảy lên nhảy xuống khi xe ngừng ở nhiều ga. Quen như thế rồi nên khi theo dân Hà nội đi tản về miền quê tránh bom Mỹ ném quân Nhật rơi "lạc trứng đầu" mình, tàu hỏa đông đến nỗi không còn chỗ đặt chân (hiểu theo nghĩa đen). Nhưng khi xe lửa chuyển bánh, anh Lam hô tôi: Nhảy lên bám đi, tôi cũng xẩy đại vào chùm người đang bám lúc lửu ở bậc lên xuống, chỉ níu được một tay lên thanh sắt và một chân lên bậc gỗ. Cứ như thế tôi tòn teng một nửa người trong không gian qua cầu Long biên, nhìn xuống, chưa bao giờ thấy sông "gần" mình đến như thế. Đến mỗi ga, người tị nạn lại xuống một ít nên đến ga trước ga Cầm giàng, tôi đã kiếm được chỗ đặt đủ hai chân lên tàu. Khi tàu ngừng ở ga Cầm giàng, mẹ tôi cười vui khi nhận ra hai đứa bám tàu bọn tôi, không trách cứ vì sinh trong một gia đình có nhiều anh lớn chuyên làm việc gia đình qua mặt Quan Thuế, các anh cách mạng chống Pháp, chống Cộng sản... bà quen với mọi hoàn cảnh hiểm nguy rồi.

Bọn tôi đợi đến khi tàu tiếp tục chạy đi Hải dương, chia hành lý nặng cho người làm ở Trại mang hộ, mấy mẹ con mới dắt díu nhau đi bộ về, trên con đường mòn sát đường sắt chắc chỉ đủ rộng cho một xe hơi (cho đến khi Trại bị san bằng, tôi chưa thấy một xe hơi nào chạy trên đường này, giàu hay nghèo cũng đều đi bộ.) Lam nhảy lên một đường ray. giơ hai tay giữ thăng bằng trên đường sắt. Tôi không bắt chước ngay vì còn mỗi mệt đã đeo tàu: từ nhỏ tôi vẫn yếu ớt về thể xác, nhạy cảm về tinh thần, hơn là ông anh chỉ hơn có hai tuổi. Sự chênh lệch này đến bây giờ cũng thế, ở miền tây bắc nước Mỹ tôi đã chống gậy và xe lăn vì một *massive stroke*, ông anh tôi nhờ tập yoga từ trong các trại cải tạo tập trung, vẫn thỉnh thoảng trồng cây chuối cho bạn bè con cháu coi chơi.

Được một cái quãng đường này không dài lắm, chưa chi đã đến cổng trại và đây là một cái cổng hẳn hoi, không nhớ kiến trúc sư nào đã vẽ kiểu hộ bà ngoại tôi: hai cột cao hai bên rộng đủ hai xe hơi đi lọt, phía trên là hai then ngang kiểu Nhật hay một giàn gỗ kiểu Pháp tôi không nhớ vì lúc nào hầu như cũng phủ kín hoa lá ti-gôn, thứ hoa màu hồng nhạt quuyến rũ nhưng ngất xuống không dùng được vào việc gì vì hoa quá nhỏ. Cô em họ con đầu Thạch Lam, thường xuyên có mặt ở Trại, cắt nghĩa cho tôi như vậy. Hai cánh cổng lớn thường xuyên khóa bằng vòng xích khá lớn kể như không mở bao giờ, it ra trong ký ức một chú bé con dưới 10 tuổi là tôi hồi đó. Bọn tôi ra vào một cổng nhỏ ngay cạnh bụi tre đặng ngà vàng óng ả, dưới dàn hoa ti-gôn. Và đến khi Thạch Lam chết vì lao ở "nhà cây liễu" làng Yên phụ Hà nội, bà ngoại tôi đón mẹ góa con cô của ông về Trại, cho ở căn nhà gạch mới xây hai phòng ở góc trại sát mặt đường phía nhà ga, thì bọn tôi đi lối này, gần hơn và hợp với lũ trẻ cháu bà hơn.

Sau cổng gỗ hoa ti-gôn và bụi tre vàng, là lối đi chính dẫn vào phía trong, lát gạch đỏ hai bên trồng hoa tóc tiên, không phải thứ tóc tiên leo lá lẩn tẩn hoa nhỏ đỏ chói, mà là thứ tóc tiên đất lá dài rậm rạp hoa hồng nhạt nhô cao nên rần thường đến ở và lột xác, cô em họ cắt nghĩa vậy, và để chứng minh, nàng vạch cụm tóc tiên cho tôi thấy một thứ vỏ màu trắng trông dễ nể như xác con *alien* trong bộ phim sci-fi Mỹ - do đó mỗi khi ngồi khu này, tôi thường xoay xò cho lưng cách một quãng luống tóc tiên. Hai bên lối đi tóc tiên, bà tôi trồng mấy luống hoa hồng nhiều màu. Lối đi gạch đỏ bỗng nhiên quẹo trái tới một bụi cây hoa tròn xoe như mâm xôi trước khi lại quẹo phải tới một ngã ba: cứ đi thẳng sẽ tới tòa nhà chính của trại, nhà bằng gạch trên một một thềm cao nhiều bậc dẫn lên hàng hiên hai bên bày hai con voi bằng sứ: chỗ ngồi thích thú của tôi. Và cũng là chỗ bà tôi đặt bộ chỉ huy trại...

Bên phải là một nhà dọc kiểu Anh sáng, thẳng góc với tòa nhà chính lợp tranh dày cộp, vách bằng bùn trộn trấu quét vôi trắng trên thềm đất cao, trông nổi bật hẳn lên trong khung cảnh thường ít màu của đồng bằng miền bắc. Một hàng hiên khá rộng bao kín tòa nhà này, có thể coi là nhà khách của trại, chia làm ba phòng. Phòng đầu tiên hướng về cổng trại là phòng khách đích danh với một bộ bàn ghế mây tre to tướng: nơi tụ họp của các bác chú và Tự lực Văn đoàn nói chung cùng thân hữu của họ, để uống trà (nhiều nhất) uống cà phê và nhậu nhẹt đôi khi (thời kỳ này khu Tự lực ít nhậu nhẹt so với lớp văn nhân bên ngoài và hậu chiến, và đôi khi có uống thật say thì dẫn đầu lại là... bố tôi (buồn thay, tại sao sẽ kể sau) rồi mới đến Thạch Lam, Đinh Hùng, Thế Lữ... Dĩ nhiên khu nhà khách những khi đó là *off-limit* cho trẻ con và chú bé con là tôi có tò mò lắm, cũng chỉ đến ngồi trên trạc cây sấu vườn trước nhìn vào và không hiểu gì cả về "thế giới người lớn" ồn ào kia. Tôi nhớ mang máng là ít có "bóng hồng vào ra" những hội họp đó vì bà ngoại tôi từng trải và nghiêm túc đứng chống một tay lên hông oai phong lẫm lẫm trên thềm cao nhà chính ngay kia. Sau này đi tu cạo đầu mặc đồ nâu sồng, bà mới bỏ dáng điệu con nhà võ - bà là con gái một võ quan miền Quảng nam được bổ nhiệm tới huyện Cẩm giàng này. Bố bà phụ tá cho một quan văn cùng quê nên sau này hai bên gả con nhau, tạo ra một chi Nguyễn-tường mới trụ tại miền Bắc, sinh sôi nảy nở ra một lô con cháu ở nội địa và ngoại quốc sau này.

Bên kia con đường dẫn vào nhà chính và thẳng góc với nhà khách là "nhà ngang" ba gian, dĩ nhiên không khang trang và mỹ thuật như nhà khách vì là nơi ở của người làm và lũ cháu đông đảo trong dịp giỗ và tết - bà tôi cho dọn mọi đồ đạc ra ngoài, trải một lớp rơm dày và sạch trên trái chiếu, mỗi gian một gia đình và cấm lũ cháu không được vào trước khi trời tối vì lũ cháu thành phố thường chui xuống dưới chiếu nghịch phá tan tành ổ rơm. Chính ở nơi này tôi lần đầu tiên khám phá ra sự tái sinh màu nhiệm của cây cỏ: trong túi tôi có lẫn ít hạt thóc vì nhẩy vào sân phơi thóc, mẹ tôi bắt vớt đi. Tôi dốc túi vào rãnh trước cửa nhà và quên đi cho đến sáng hôm chót thời gian cư trú Cẩm giàng, tôi ngạc nhiên và mê say sự mơn mớn của những cây thóc non mới mọc, đến độ vớt ít cây từ bùn rãnh nước, nâng niu trên xe lửa mang về Hà nội.

Con đường xi măng chia nhà khách ở bên phải, nhìn từ cổng vào, bên trái là một sân cỏ, sân bà tôi trồng một thứ cỏ thấp, thường bị dẫm nát bởi các cầu thủ tí hon tranh nhau đá một thứ tròn tròn nào đó - trong thời đệ nhị thế chiến không nhập cảng được những trái banh thứ thật. Có buổi sáng được phát xôi ăn sáng trên bãi cỏ, một ông anh họ phát minh sáng kiến vo tròn nắm xôi lại dùng làm bi bắn chơi với nhau. Khi người lớn trông thấy hét lên, một cậu vội phi tang hồn bi bằng cách đưa ngay lên miệng ăn nhồm nhoàm, tôi thì khá hơn: phải bót đất và cỏ rồi mới bắt đầu ăn.... Sát thềm tòa nhà chính, bà tôi mới đầu trồng một cây trúc đào lá thuôn cứng hoa màu hồng đào rực rỡ, sau vì nghe nói lá trúc đào rất độc, sợ lũ cháu cái gì cũng nhấm cũng ăn thử, bà cho chặt đi, thay thế bằng một cây liễu rũ rất quen thuộc cho chi thứ 5 Nguyễn thị Thế (mẹ của Duy Lam và Thế-Uyên) và chi thứ sáu Thạch Lam.

Bên trái tòa nhà chính là sân phơi thóc lát gạch đỏ vuông vức có bày một máy quạt lúa có trục quay tay khá nặng, làm bằng gỗ là chính. Gần đó là một đồng hình chóp nhọn nhụi mời gọi, tôi lập tức nhẩy lên chơi trước khi chị Sập, người làm, kêu lên can đừng vì đó là một đồng phân đang ủ cho hoai: phọt, phọt! cả hai chân tôi đã ngập trong phân... Chị Sập vội giơ hai tay dang rộng bế tôi lên, cứu nguy. Dĩ nhiên sau đó phải tốn hơi nhiều công sức tẩy uế, mới đưa tôi về tình trạng có thể chạy chơi được và điều đầu tiên là loan báo các bạn đồng lứa về cái "bẫy nguy hiểm" trong sân. Không ngại mùi hôi, lũ trẻ xúm xít coi chị Sập đang dùng bùn trát lại cho nguyên vẹn hình chóp.

Bà tôi đuổi ma như thế nào: Chị Sập không những chỉ là bạn cứu nguy tôi trong trường hợp vừa kể, mà còn là người hay cồng, bế tôi đi coi chèo ở trên huyện hay đâu đó. Các cô người làm trẻ, không cứ của trại Cẩm giàng mà còn của bố mẹ tôi, hay bế hay cồng tôi đi coi hát chèo

vọng cổ... ở các nơi hơi xa. Tôi coi mà có hiểu gì đâu, chỉ thấy chiêm trống um xùm trong tiếng hét tiếng khóc - lớn lên tôi mới phỏng đoán các cô "mượn" tôi làm một thứ *baby-sitter, escort...* cho các cô đỡ bị con trai chòng ghẹo.

Lần đó không hiểu sao bà chỉ gọi mẹ tôi về trại gấp đến nỗi phải đi chuyến tàu chiều, về đến nơi đã tối đen, không phải là tối thường mà là tối đen xì đen ngòm. Phòng ngủ của bà ngoại chỉ có một đèn dầu nhỏ soi lờ mờ chiếc giường trải nệm trắng. Bà ngồi trên giường và lũ con cháu xúm xít trên chung quanh: lũ chúng tôi không chịu về ngay phòng ngủ như thường lệ. Bà sắp kể chuyện ma, mà lại là ma đang viếng nhà bà, làm sao ngủ! Lần này không có mục chân co lên giường vì sợ, chúng tôi vẫn phải ngồi trên sàn đá hoa vì lệnh cấm không được leo lên làm bẩn tấm drap trắng vẫn duy trì, thậm chí sờ một cái cũng không được. Bằng một giọng lúc bổng lúc trầm, bà kể không biết có một bầy ma ở đâu lạc lõng đến quấy phá hàng đêm không cho bà ngủ, cứ chạy đuổi nhau trên trần âm âm. Bà đã hai lần nhờ anh người làm to khỏe leo lên thang, mở miếng vuông dẫn lên trên trần, soi đèn pin tứ tung, nhưng không thấy gì. Im vắng được một lát, rồi khi anh Dự người làm xuống nhà dưới đi ngủ, mọi sự lại âm âm. Gọi chị Sập lên ngồi canh, vô ích, lũ ma này coi bộ không sợ đàn bà con gái... Sau cùng bà phải gọi một ông thầy bói nổi tiếng trong vùng tới xem, và đứng như một tục ngữ: *bói ra ma, quét nhà ra rác*, ông thầy phán: đúng là có một lũ ma đói *homeless* mới đến cư ngụ căn nhà này, phải mời *thầy pháp* đến thôi. Mời thì mời, dễ thôi... Ngày mai sẽ lập đàn cúng kiếng cho thầy pháp trở tài bắt quỷ đuổi ma.

Không biết có phải sợ thầy không đủ cao tay, ma quỷ sống ra bắt nạt người sống, bà cho gọi mẹ tôi về gấp. Mẹ tôi vốn cứng bóng vía có tiếng. Bà không gọi các chú các bác vì sợ các con trai cười cho, còn mẹ tôi là con gái, kể gì... Theo truyền thống, chuyện ma quái thầy bói thầy pháp... vẫn là chuyện của đàn bà con trẻ.

Tôi không nhớ nổi các chi tiết cụ thể, chỉ biết mọi sự được tổ chức tại căn phòng đối đầu với phòng khách của các ông, đèn nền sáng chưng chuông trống âm ỉ, như vậy chưa đủ thầy pháp còn có thể giơ lên cao một trống nhỏ, đánh nhịp điệu đuổi quỷ, chắc thế, nghe không vui như tiếng trống giao thừa của bố tôi đánh trên thềm hiên cao. Ông thầy mặc áo the đen, tay giơ bắt quyết, miệng đọc những lời không biết tiếng mã tà ma ní chi đó, thỉnh thoảng lại bắt quyết trên đầu con đồng là chị Sập, đầu phủ kín một làn the đỏ, trông cũng bí mật lắm. Đến một lúc nào đó chị bắt đầu quay đầu, trước nhẹ nhẹ sau nhanh dần. Mọi người chung quanh xì xào: đồng nhập rồi, đồng nhập rồi! Không khí nghiêm trọng: đã bắt được ma nhập vào chị Sập rồi, từ đó ông thầy pháp đọc thần chú không ai hiểu, chị Sập trả lời ú ớ u ơ... cũng không ai hiểu nốt, cả hai cứ như thế cho đến khi con đồng thẳng, miếng the đỏ phủ được bỏ đi, và chị Sập được bồi dưỡng giải lao.

Sau đêm thầy pháp điều đình với ma như thế, về sau không thấy bà tôi than phiền gì nữa về chuyện ma quỷ trên trần nhà nữa. Đừng ai hỏi tôi tại sao vì tôi không biết, thật thế. Trước khi Pasteur dùng kính hiển vi thô sơ nhìn thấy nhiều vi trùng lớn nhỏ bơi lội thoải mái trong một giọt nước, không ai ngờ là có. Mắt chúng ta không trông thấy một sự vật gì, đừng vội khẳng định là không có...

Bên cạnh tòa nhà chính là một sân gạch, bên cạnh có một cây xương rồng to bụi, vào mùa hoa nở màu vàng sậm thơm lừng cả khu vực. Người lớn bảo những loài rắn độc rất mê mùi hoa cây này, lại gần phải coi chừng. Tôi dón dến lại gần, chỉ thấy những chú thằn lằn xanh lè xông ra, ngóc đầu lên nhìn tôi đe dọa. Thế cũng dễ sợ rồi cho chú bé là tôi. Ở đầu sân gạch là một cây mít quả lúc lỉu bám vào thân cây, thân chính có cột một tàu cau khô dẫn nước mưa chảy vào một chum nước. Lần nào về trại, tôi cũng ghé thăm chum nước mưa này, ngắm mấy chú cungh quăng bơi lội tứ tung, dù thế người lớn vẫn khẳng định là nước sạch uống được. Có lẽ hồi nhỏ

Nhất Linh cũng đã nghiêng đầu nhiều lần trên một chum nước như thế, thả vài hạt muối trắng vào, coi chúng tan biến như chưa bao giờ có - như đời một con người trên mặt tinh cầu trái đất này.

Bà tôi xây một bếp đứng có thể đun một lúc nhiều nồi, kê một cái phản gỗ lớn để các bà ngồi làm cối. Phần nửa phía sau nhà chính là một bể lớn tích trữ nước mưa đủ dùng quanh năm, mở về phía trong nhà bếp cho an toàn người lấy nước về mùa mưa. Đi qua nhà bếp, một sân nhỏ, là đến hàng rào dâm bụt ngăn với vườn sau, là nơi làm việc của anh lực điền Dự, trụ sở chính là căn nhà tranh chứa cối và chày giã gạo. Đối với trẻ con thành phố, đây là một cơ quan hấp dẫn, tôi đã có lần quanh quẩn cả buổi tại đây, coi anh Dự đập chày xuống hố trước khi co chân lên cho chày bổ xuống cối gạo một tiếng rõ to, chị Sập qui bên cối, xúc gạo lên. Cứ như thế đều đều. Đôi khi anh Dự chuyển sang một hoạt động hào hứng hơn, như "ăn ong" chẳng hạn. Đây là công tác đàn ông nguy hiểm nên bọn trẻ và chị Sập chỉ được đứng trong nhà giã gạo, ngoài tầm tấn công của đàn ong. Anh Dự làm một bó đuốc to quấn thêm rơm để tạo ra nhiều khói hơn, cời trần làn da nâu xỉ (tôi chưa có cơ hội thấy anh mặc áo), đốt đuốc leo lên một cây cau. Ong vàng bay ra bao lấy kẻ tấn công, anh Dự quơ đuốc xua ong. Sau cùng anh gỡ được tổ ong, tụt xuống mang vào cho "nàng" và lũ tôi coi. Anh mở toang tổ ong cho thấy mật chảy ứa ra, từng giọt ong non trắng lúc nhúc. Anh ra về không quan tâm tới "nàng", chị Sập bây giờ phải gọi là nàng thôi - bất cứ phụ nữ nào đang yêu hay đang được yêu, đều phải gọi là "nàng" hết, bất kể tuổi tác xấu đẹp, đang quệt vôi lên những chỗ ong chích.

Anh Dự mời bọn trẻ ném thử mật ong vườn nhà, một vài ngón tay giơ ra, không có ngón nào của tôi, đến chiều anh Dự làm món ong non chiên giòn mời mọi người ăn thử, trong những bàn tay nhô nhón một con ăn thử và khen "cũng giòn đấy", cũng vẫn không có tay nào của tôi: tôi không bạo ăn bạo uống như nhiều người. Những món như ba ba, mỗi chúa nuốt tươi, cày bọ cạp nướng, chuột ướp ngũ vị hương, rượu trộn máu đuôi rắn độc... tôi đều không biết ăn dù vào lúc đói dài người, đói kinh niên mãn tính trong các trại cải tạo tập trung của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Một chuyến về trại Cẩm giàng sau này, tôi chỉ thấy một con chó vện thay cho con Mực ra đón sửa nhặng xỉ và những người làm mới. Bà tôi cho biết anh Dự lấy chị Sập (có lẽ tên đúng là Thập, tôi nói ngọng thành Sập chằng), đôi trẻ xin về quê đẻ con, sau đó không trở lại làm nữa. Tan biến mất tích vào cái dòng băng nhân mãn thường xuyên nghèo và đói từ ngàn đời. Nhưng hai người đó được lấy nhau và sinh con đẻ cái, là một truyện tình có hậu hẳn hoi, và như thế "cũng tốt thôi"...

Miêu tả trại Cẩm giàng như thế, là quên một "nhân vật" quan trọng, là cái ao dài cách nhà khách một khoảng vườn nhiều hoa, nhiều nhất là hồng, sồi, ngâu. Ao người ta thường tròn, ao bà đào dài sát bờ tre, lấy nhiều đất làm các nền nhà nên chứa được nhiều nước tắm giặt, và bơi tùm tùm cho lũ cháu. Một lối đi lát gạch, từ giữa nhà khách ra bờ ao có làm các bậc gạch cho dễ lên xuống, và chính lối đi này đã dụ một cô bé con Nhất Linh chập chững đi theo và rớt tùm xuống, chết ở ao nhà. Lâu lắm rồi, tôi chỉ nghe kể lại. Tháng 1 năm 1955, đứng trên bậc thềm toa xe lửa đưa tôi vào Nam, kẻ cuối cùng của một giòng họ đông đảo di cư vào Nam, khi qua vùng Trại Cẩm giàng, tôi cố nhìn kỹ nhưng không thấy trại năm xưa đâu hết. Chiến tranh, cách mạng đủ loại đã quét hết, nhà cửa cũng như cây cối. Đứng nghiêng hẳn người ra khỏi toa xe, cố nhìn, tôi chỉ thoáng thấy vết tích duy nhất là cái ao dài. Còn lại bao nhiêu trở thành ruộng hết.

Xưa kia, lâu lắm rồi, có một bà góa trẻ và nghèo nhưng quyết tâm nuôi đàn con ăn và học cho thành tài. Và không những thành tài về học vấn mà còn thành danh về văn học nữa: những Nhất Linh, Hoàng Đạo, Nguyễn thị Thế, Thạch Lam, Tường Bách là con của bà, những Tường Hùng, Nguyễn tường Thiết, Nguyễn tường Giang, Duy Lam, Thế Uyên, Đặng Thơ Thơ là những cháu nội và ngoại của bà. Khi còn nghèo phải thức khuya dậy sớm kiếm tiền nuôi các con, bà có một lời nguyện: khi nào có đủ tiền sẽ mua đất làm nhà tí ngoài xa để không ai chặn

gió đồng nội của mình. Quả thực bà đã thực hiện được giấc mộng ấy, nhưng rồi bây giờ, lúc này đây, gió đồng nội lại vi vu thổi trên phần ruộng đất xưa là trại Cẩm giàng của bà. Ruộng đất lại trở thành ruộng đất như xưa.

Seattle, tháng 7, 08

Tuyến đường ga Âm Thượng

Lê Quỳnh Mai: Biến cố 1975 gây chấn động thế giới để lại một vết thương quá lớn cho dân tộc Việt Nam nói chung. Trong Tuyến đường ga Âm Thượng (trg 168-192), ông mượn lời chị dâu tả tâm tình cảm xúc của phụ nữ dắt con về thăm quê hương đúng nơi chồng mình đã bị tù cải tạo. Sau hơn 33 năm, thế hệ cũ dần dần không còn tồn tại, thế hệ mới không hiểu vết thương sâu đậm ấy dù được kể lại. Theo ông chúng ta nên vui hay buồn nên quên hay nhớ để giáo dục cho thế hệ sau những điều tốt đẹp về đất nước.

Nguyễn Tường Thiết: Cuộc đời của chúng ta rồi cũng sẽ đi qua. Thế hệ mới tiếp nối như dòng chảy bất tận của cuộc sống. Tôi nghĩ xưa kia thế hệ ông cha mình chắc cũng có những âu lo như mình bây giờ, không hiểu thế hệ sau có hiểu được những đoạn trường mà họ đã đi qua, chính vì thế mà nảy sinh những thiên hồi ký để lại cho đời sau. Thế hệ chúng ta là một thế hệ rất đặc biệt. Bước chân qua ngưỡng cửa phân chia hai thiên niên kỷ đã là sự kiện hy hữu, lại hy hữu hơn nữa cho những người sống nơi hải ngoại như chúng ta với hai mảnh đời hoàn toàn khác biệt, kết quả của một biến cố lớn đẩy làm hàng triệu người Việt phải sống tung toé trên hầu như mọi quốc gia của hành tinh này, một chuyện không tiền khoáng hậu xảy ra trong lịch sử nước ta.

Những đứa con của chúng tôi được nuôi dưỡng từ bé trong môi trường khác hẳn môi trường chúng ta đã được nuôi dưỡng nay đã bước qua tuổi trưởng thành. Do khuynh hướng tự nhiên càng lớn tuổi chúng càng thích tìm hiểu hơn về nguồn cội. Tùy điều kiện riêng của mỗi người chúng ta có cách thế riêng để giáo dục chúng về quê hương đất nước. Chúng tôi đã thu xếp để chúng có dịp trở về thăm Việt Nam. Riêng tôi khi viết lại hồi ký của đời mình cũng có dụng ý để cho con cái, nếu sau này muốn tìm hiểu thì có sẵn tư liệu. Trong thế hệ sau những đứa sinh trưởng hoặc lớn lên ở hải ngoại, nếu chúng nói và nghe được tiếng Việt đã là điều may, chứ đừng trông chờ chúng đọc và viết được tiếng mẹ đẻ. Vì thế những bài viết của tôi đại loại như truyện Tuyến đường ga Âm Thượng tôi hy vọng sẽ được chuyển qua Anh ngữ để thế hệ sau có thể đọc được.

Tôi kéo chiếc va ly ra khỏi phòng để trên hành lang của khách sạn Galaxy. Chúng tôi thuê hai phòng trên lầu ba. Khóa cửa tôi đi dọc theo hành lang gõ cửa phòng số 319. Lát sau cửa mở. Steve, đưa rổ Mỹ, thò đầu ra nói:

–We are ready.

Thảo, con gái tôi, mở rộng cửa, kéo theo cái va ly to. Nó nhìn tôi nói:

–Mẹ phải mặc thêm áo lạnh. Con nghe nói trên Sapa lạnh lắm đấy.

Nói xong nó mở va ly lấy ra cái áo len khoác lên người tôi. Chúng tôi xuống thang máy. Cô hướng dẫn viên chờ chúng tôi ở lobby. Du khách ngoại quốc đứng chật trước quầy khách sạn. Trong lúc chờ các con tôi xếp hàng làm thủ tục trả phòng tôi ra đứng trước cửa khách sạn nhìn ra phố. Bấy giờ trời đã tối. Ngoài đường xe ô tô, xe máy chạy đan nhau chung quanh cái bồn

nước Hàng Đậu. Bên kia đường là một công viên nhỏ với dăm ba chiếc ghế dài, vài cặp ngồi tình tự trong bóng tối, những chiếc xe máy dựng cạnh.

Hà Nội là một thành phố xa lạ dưới mắt tôi lúc ấy. Xa lạ như thể tôi chưa hề từng đặt chân tới. Thật ra không hẳn vậy. Tuy sinh trưởng và lớn lên ở trong Nam nhưng Hà Nội tôi được biết qua tiểu thuyết tôi đọc thời còn là học sinh, và sau này lập gia đình với một người miền Bắc, nhà tôi vẫn thường kể tôi nghe về những kỷ niệm thời còn bé của anh ở Hà Nội. Ngoài ra có một lần trong đời chính tôi đã từng ghé Hà Nội một thời gian ngắn. Nhưng thành phố này đã không để lại trong tôi một hình ảnh nào đáng ghi nhớ, ngoài hình ảnh buồn bã của những dãy phố lạnh lẽo với những căn nhà màu xám nham nhở cũ kỹ. Và lại Hà Nội đã gắn liền tôi với một mảnh đời mà tôi thực sự muốn quên đi. Tôi không hề nghĩ mình sẽ trở lại thành phố này lần thứ hai, nhất là từ sau ngày chồng tôi mất mấy năm về trước. Chuyến đi này sẽ không xảy ra nếu không có lời mời gần như khẩn nài của con gái tôi muốn có mẹ đi cùng với vợ chồng nó trong chuyến về Việt Nam này.

Steve bỏ ba chiếc va ly lên sau chiếc xe van. Cô hướng dẫn viên ngồi băng trước bảo tài xế chờ chúng tôi đến nhà ga. Xe êm êm chạy qua những con đường của Hà Nội về đêm. Những khách sạn nhiều tầng ánh đèn lồng lầy. Hồ Hoàn Kiếm trên vỉa hè ven hồ người tản bộ đông đảo. Trong khung đen tháp rùa nổi lên màu trắng xanh. Cửa hàng bách hóa Tràng Tiền Plaza sáng choang ánh đèn. Đường Trần Hưng Đạo dài rộng ngập đầy bóng tối, vỉa hè hai bên rộng thênh thang, những hàng cây sấu to cao gốc cây sơn màu vôi trắng xóa.

Vào ga Hà Nội, chúng tôi đi theo cô hướng dẫn bước qua những thanh ray đường sắt tiến tới một con tàu dài nằm im lìm trong bóng tối sân ga. Đi cùng với chúng tôi là đoàn du khách ngoại quốc kéo theo những chiếc va ly, đa số là những thanh niên thiếu nữ trẻ, ngoài va ly còn mang thêm ba lô trên vai. Đến cửa toa ở đầu xe hỏa cô hướng dẫn viên dừng lại. Cô bắt tay Thảo và Steve, nói:

–Have a good time! See you soon. Good by and good night...

Rồi quay qua tôi cô nói giọng nhỏ nhẹ lễ phép:

–Sáng mai tàu đến Lào Cai sẽ có nhân viên của hãng đón bác. Sẽ có ô tô đưa bác và các anh chị đến Sapa. Chúng cháu sẽ gặp lại bác khi bác trở lại Hà Nội vào sáng thứ bảy. Bác đi vui vẻ và chúc bác một đêm ngủ ngon.

Nói xong cô chấp tay trước ngực khẽ cúi đầu chào tôi rồi cô quay người đi trở ngược lối cũ. Bước lên tàu tôi nghĩ trong bụng: “Người đâu mà ăn nói thanh tao dịu dàng đến thế!” Giọng nói và phong cách của cô ta khác hẳn những cô gái Hà Nội thuở nào tôi đã gặp trong chuyến đi Hà Nội trước. Dù sao thì cũng đã mấy chục năm rồi còn gì. Bây giờ phải khác chứ. Và lại, tôi nghĩ, cô thiếu nữ này được huấn luyện đặc biệt để trở thành hướng dẫn viên du lịch thì phải học cách ăn nói cho lịch sự chứ.

Chuyến tàu đêm toa cút xếp có máy lạnh, sạch sẽ và tiện nghi. Con tàu dùng dằng giật nhẹ rồi chuyển bánh. Buồng nhỏ có hai giường đôi. Người thứ tư trong buồng là một thanh niên Mỹ còn trẻ, ngang tuổi Steve. Chẳng mấy chốc mà hai người đồng hương tình cờ gặp nhau trên chuyến tàu đêm Hà Nội - Lào Cai trở thành bạn đồng hành tương đắc, câu chuyện qua lại trên hai chiếc giường cao, tiếng cười nói vui vẻ. Ngồi ở hai giường dưới mẹ con tôi chỉ yên lặng mỉm cười, thỉnh thoảng trao đổi ánh mắt. Thảo ngồi xích lại phía cửa sổ nhìn ra ngoài. Nó giơ tay chỉ tôi ngồi gần nó. Hai mẹ con cùng nhìn ra cửa. Tàu chạy sát những căn nhà của Hà Nội. Những quán ăn tấp nập. Những gia đình quây quần bên mâm cơm tối. Đám trẻ bu đông trước màn ảnh TV. Những chiếc xe máy đứng chờ sau cổng đường sắt. Rồi tàu lên cao hạ thấp dần những mái nhà xuống phía dưới. Đoàn tàu rầm rộ trôi lên vượt qua cầu Long Biên. Âm thanh

loảng xoảng nghiêng trên cầu sắt. Phía xa trên đêm đen của mặt sông Hồng trôi đi ánh đèn của ghe chài những đốm sáng leo lét. Tàu vào huyện Gia Lâm rúc lên một hồi còi dài “Tu tu...”... “Tu tu...”.

Tiếng còi tàu Việt Nam nghe rít cao hơn tiếng còi hơi tôi vẫn thường nghe quen ở bên Mỹ. Qua cửa kính buồng ngủ căn nhà chúng tôi ở chung với các con tôi nhìn xuống vịnh Puget Sound, nơi đó trên một con đường sắt ngoằn ngoèo chạy dọc bãi biển Richmonds xe hỏa mỗi ngày đi qua vùng vịnh. Từ xa đoàn tàu trông nhỏ xinh như một món đồ chơi, tiếng còi vọng tới, trầm buồn. “Phè phè...”... “Phè phè...”. Tiếng còi nặng nhọc như không đủ sức cất cao trong bầu không khí ẩm lạnh của miền Tây Bắc.

Chúng tôi thường từ nhà đi bộ xuống bãi biển. Nhất là từ ngày sức khỏe của nhà tôi suy yếu, bác sĩ khuyên không nên ở lâu quá trong nhà. Chúng tôi nắm tay nhau đi xuống con đường dốc, con đường tắt từ sau nhà dẫn xuống bãi biển. Những buổi chiều mùa lạnh trời nhiều mây xám và lộng gió bãi biển hoang vắng không một bóng người, đàn hải âu bay rối trên không trung, tiếng chim kêu thảng thốt. Những buổi trưa hè chúng tôi thường ngồi trên những khúc thân cây tróc vỏ nhìn thiên hạ tấp nập đi qua lại trên bãi cát, thỉnh thoảng một chuyến xe lửa rầm rộ đi qua, mặt đất phía sau lưng rung chuyển, chuyến tàu hàng chở những thùng hình hộp không lồ đủ màu sắc, những chữ lớn in trên thùng hàng Evergreen, Sealand, Hyundai, Pacific N.W, Han Jin... vùn vụt lướt qua... Con tàu đi khuất ở một khúc quanh vương lại trong không gian tiếng còi hơi... “Phè... Phè..”.

“Nhìn những con đường sắt, những chuyến tàu hỏa bao giờ cũng làm anh nhớ tới thời trẻ và bao giờ cũng mang lại một cảm giác buồn buồn”. Anh hay nói với tôi như thế cứ mỗi lần anh nghe một tiếng còi hụ hay nhìn một chuyến tàu đi ngang. Những ngày tháng cuối cùng của đời anh chỉ thích nhắc đến quá khứ và nỗi ám ảnh của anh về những chuyến đi, chuyến đi nào cũng thấp thoáng hình ảnh con đường sắt, những chuyến tàu, những nhà ga... ga Mường Mán, ga Tua Chàm, ga Diêu Trì, ga Kỳ Lam... của những thị trấn, thành phố miền Trung anh đã đi qua. Nhưng buồn bã và cô tịch nhất - anh bảo - là những nhà ga nhỏ như ga Krongpha, ga Eo Gió ở chân đèo Ngọn Mực.

Cửa buồng mở. Một người đàn bà bước vào. Chị ta bận đồng phục quần xanh áo sơ mi trắng tay xách cặp da, ở túi áo có đeo phù hiệu nhân viên hỏa xa. Chị yên lặng soát vé bốn người trong phòng rồi trở ra. Thảo quay qua hỏi chị ta:

–Sáng mai mấy giờ tàu đến hồ chị?

Chị trả lời bằng một giọng nhà quê hơi sảng:

–Đến đâu?

–Chúng tôi đi Sapa.

–Tàu không đỗ ở Sapa. Tàu đỗ ở “Nào Cai”. 6 giờ sáng.

Nói xong chị ta mở cửa đi ra.

“Nào Cai”!

Giọng nói ngọt đặc biệt miền Bắc của chị ta làm tôi vụt sống lại những ngày xa xưa lần đầu tiên tôi đến Hà Nội. Rồi tôi chợt nhớ ra rằng cái tuyến đường sắt Hà Nội-Yên Bái-Lào Cai mà tôi đang đi này cũng là tuyến đường tôi đã đi trong chuyến tàu thăm nuôi nhà tôi. Tôi lặng người nghĩ đến chuyến tàu cũ, chuyến tàu thăm thương ấy tôi không thể nào tưởng tượng nó đã từng một lần đi qua đời tôi. Tôi nhìn đồng hồ tay. Tàu rời Hà Nội đã từ hai tiếng trước. Đưa con rể tôi

và người bạn Mỹ đã ngừng nói chuyện. Ở giường bên con tôi và chồng nó nằm đọc sách. Giường trên đầu tôi người bạn của Steve chắc đã ngủ. Tôi ngồi dậy dí mũi sát cửa kính nhìn ra ngoài đêm tối cố tìm một hình ảnh nào quen thuộc trong quá khứ... hình bóng của một cái ga xưa. Bên ngoài ánh trăng nhợt nhạt, dãy núi mờ xa, đồng rộng mênh mang từng khoảng nối tiếp như đuổi nhau dọc con đường sắt. Thịnh thoảng thoảng hiện một chòi lá, một trụ điện, một lô cốt in trên nền trời. Giờ này tàu chưa thể đến được cái nhà ga ấy, mặc dầu đây là chuyến tàu tốc hành; may ra thì mới tới được nửa đường, nhưng cho dù có đi qua tôi cũng chẳng thể nào nhận ra. Suốt đời tôi không thể nào quên được cái tên của nhà ga ấy. Tôi tin chắc nhà tôi cũng nhớ rõ như tôi, mặc dù không bao giờ tôi được nghe anh nhắc tới trong số rất nhiều tên ga đã đi qua trong đời anh.

Tôi nằm trên giường kéo chăn bông lên cằm. Tiếng còi đêm “Tu... Tu...” lâu lâu vọng về mơ hồ như từ một miền quá vãng. Theo với tiếng động rập rình của con tàu đêm tôi chong mắt nhìn về quá khứ... tôi tính nhẩm... thế mà đã vừa đúng 25 năm, một phần tư thế kỷ.

Sau ba ngày ba đêm trên chuyến xe hỏa xuyên Việt tôi đến ga Hàng Cỏ Hà Nội vào một buổi chiều mùa đông tháng 12 năm 1979. Chiếc áo len cũ tôi giữ từ những ngày còn ở Đà Lạt không đủ làm tôi ấm áp. Tôi lễ mễ xách hai cái giỏ nặng bước xuống tàu. Ga Hàng Cỏ ồn ào tiếng người. Cả chục chiếc xe xích lô tranh nhau mời khách. Tôi bảo chú xích lô chở tôi đến đường Lê Thánh Tông. Đó là địa chỉ của Bộ Giáo Dục nơi anh Tùng làm việc. Anh Tùng là người anh họ của nhà tôi. Năm trước anh từ Hà Nội vào Sài Gòn thăm chúng tôi và cho tôi địa chỉ này.

Lần đầu tiên đến Hà Nội tôi không có ý niệm gì về phố xá ở đây, không biết phố Lê Thánh Tông cách ga Hàng Cỏ bao xa, nhưng tôi nghĩ là phải xa lắm. Chú xích lô đi mất cả tiếng đồng hồ cũng chưa đến nơi. Xe đi lòng vòng mãi qua những đường phố chật hẹp của Hà Nội. Tôi thấy thành phố này sao mà cũ kỹ và buồn tẻ quá. Nhà cửa thấp lè tè, bờ tường loang lổ vàng ố, mái ngói nhà nào nhà nấy rêu xanh phủ đầy. Có lẽ tại tôi quen mắt từ hồi nhỏ những tòa nhà cao và khang trang ở Sài Gòn. Mà sao thành phố này lảm xè đạp thế. Đường phố chật ních xe. Tiếng chuông xe đạp leng keng rộn rã khắp nơi.

Sau cùng chiếc xích lô đỗ trước một tòa nhà thật to. Đó là Bộ Giáo Dục. Lúc trả tiền xe, chú xích lô quát tôi bốn chục đồng. Tôi điếng người. Bốn chục hồi đó lớn lắm. Tôi cự thì nó lại mắng tôi. Không muốn đôi co tôi đành bấm bụng trả tiền. Vào trong Bộ Giáo Dục tôi đi kiếm anh Tùng. Sau khi biết là tôi phải trả tiền xe những bốn chục bạc, anh kêu lên: “Trời ơi! Sao nó lấy dữ vậy!”. Tôi nói: “Ai biết đâu. Thấy nó chạy xa quá trời...” – “Thôi chết rồi! Từ ga xe lửa lại chỗ anh có tí đường à. Nó đánh vòng vòng để lừa em lấy tiền”. Tôi nói: “Thôi kệ! Miễn nó đưa mình tới nơi tới chốn an toàn là được rồi”.

Tối hôm đó tôi ngủ ở nhà anh Tùng. Anh chị và các cháu chen chúc nhau ở trong buồng trên lầu một chung cư. Vào trong nhà anh chị là tôi đi tìm ngay nhà bếp vì tôi muốn hâm lại một số đồ ăn thăm nuôi tôi mang theo từ Sài Gòn. Nhà anh trống hổng, không có bếp, không có nồi nấu nướng. Ngạc nhiên tôi hỏi anh Tùng thì được biết là dân Hà Nội ở tập thể không nhà nào có bếp núc nồi niêu gì ráo trọi. Công chức nhân viên bộ đội ở ngoài bắc ăn cơm trưa và chiều ở cơ quan rồi mới về nhà. Trong giờ đồ ăn thăm nuôi mà mẹ chồng tôi và tôi đã dành mấy tháng trời để sửa soạn phần lớn là đồ ăn khô có thể để được rất lâu, nhưng tôi vẫn sợ một số ít có thể bị thiu sau ba ngày ba đêm ở trên tàu.

Mấy tháng trước tôi lên Sở Công An quận Năm xin giấy phép ra bắc thăm nuôi chồng. Theo thủ tục tôi đem giấy khai sinh và một cái thư của chồng tôi viết từ trại cải tạo chứng minh có người nhà ở tù. Thư phải kèm cả phong bì có đóng dấu, phải nói rõ tên tuổi, số tù, ở trại nào, lại còn

phải chỉ rõ đường đi nước bước để người trong này ra thăm không bị lạc đường. Trong khi chờ giấy phép tôi sửa soạn đồ ăn thăm nuôi cho nhà tôi. Hồi đó bánh mì không được mua tự do. Mua cái gì cũng phải trình hộ khẩu. Gia đình sĩ quan ngục không được mua gì ngoài một tháng bốn lít dầu với ít ổ bánh mì. Với hộ khẩu có tên tôi và mẹ chồng, một ngày chúng tôi chỉ mua được hai ổ. Chúng tôi chỉ dám ăn một ổ còn để dành một ổ xắt miếng ra đem lên mái nhà phơi khô. Còn mì gói thì tôi gom góp của người nọ người kia từ mấy tháng trước. Ngoài bánh mì, mì gói, còn mắm ruốc sào xả, cơm rang phơi khô...

Sáng hôm sau anh Tùng đưa tôi trở lại nhà ga Hàng Cỏ. Trong ga người đông vô kể. Tôi thấy có rất nhiều đường rầy đến những thành phố khác nhau: Yên Bái, Việt Trì, Thái Nguyên, Lào Cai... Trong thư của chồng tôi có chỉ dẫn cách thức đến trại tù Hà Nội. Tôi nghĩ anh sao chép theo cái mẫu có sẵn mà tất cả tù nhân trong trại cải tạo gửi về cho thân nhân chứ sao mà anh có thể biết rành vậy. Nhà tôi ở trại tù Tân Lập thuộc tỉnh Phú Thọ. Từ Hà Nội đáp chuyến tàu đi Yên Bái. Đi hơn nửa đường thì xuống ga Ấm Thượng. Ga này cách trại tù Tân Lập khá xa, phải đi đò mới tới.

Anh Tùng chạy vào mua vé tàu cho tôi. Anh nói cái tuyến đường sắt tôi đi là tuyến đường đi Việt Trì, Yên Bái, Lào Cai. Trước khi lên tàu anh Tùng dặn dò tôi rất kỹ lưỡng. Anh nói: "Ở trên tàu quân ăn cấp như rươi, phải cẩn thận dữ lắm". Trước kia tôi cũng có nghe mấy bà thăm nuôi kể lại là tụi cướp đường đánh hơi mấy bà vợ sĩ quan ra thăm nuôi có mang nhiều đồ ăn nhiều tiền, tụi nó chờ thời cơ là giật đồ, nhất là ở những khúc đường rừng. Tôi sợ lắm, không bao giờ rời cái giỏ xách tay đựng áo lạnh, tiền bạc, giấy tờ. Đi ngủ tôi cũng phải gói đầu lên nó. Anh Tùng còn sợ lên tàu tôi đói bụng không biết đường mua thức ăn nên anh dúi vào tay tôi một bao ny lông đựng cơm nắm trộn muối mè và thịt kho.

Chuyến tàu từ Hà Nội đi Yên Bái thật khủng khiếp. Nó bè hơn chuyến tàu từ Sài Gòn ra ngoài Bắc nhiều. Tàu chật ních. Người đứng người ngồi, đồ đạc ngổn ngang trên sàn tàu. Đã thế mấy thằng du côn ngồi banh chân banh cẳng choán hết lối đi. Tôi có đi qua chúng nó cũng làm ngơ chẳng thèm co chân lại. Mặt chúng căng căng dễ ghét. Tôi tìm được chỗ ngồi trong góc, đút cái giỏ đồ ăn dưới ghế, tay ôm cứng cái bọc quần áo có giấy tờ tiền bạc. Chuyến tàu chợ này chạy chậm lắm. Đã chạy chậm lại còn ngừng ở rất nhiều ga. Mỗi lần tàu ngừng là cả một cảnh hỗn loạn. Người lên người xuống chen nhau cãi vã cứ ồn cả lên. Trước khi chạy tàu giật một cái mạnh, xô mọi người về một phía.

Một anh cán bộ vừa bước lên tàu. Anh ta nhìn quanh. Vì ghế đã chật hết mà dưới sàn hàng hóa để ngổn ngang, anh ta đành ngồi bệt xuống sàn, dựa lưng vào một cái cửa cầu tiêu, ở gần cửa lên xuống. Tôi để ý trên chuyến tàu Yên Bái này có nhiều cán bộ đi hơn là ở trên chuyến tàu từ Nam ra Bắc. Chắc họ đi công tác. Thường cán bộ đi đâu cũng quán ở bụng cái khăn lông, cái ruột tượng đựng gạo, lưng đeo ba lô, lại cài thêm nôi niêu, xoong chảo lủng la lủng lảng. Anh này mặc bộ ka ki vàng bạc màu, đội nón cối, đi dép râu, chỉ có ba lô, không mang theo đồ nấu nướng. Anh ta có đồ ăn làm sẵn. Mở ba lô, anh lấy gói cơm ra ăn. Anh ta ăn bốc. Tù tởn. Chậm rãi. Thản nhiên. Lát lát anh ta lại né người xịch sang một bên. Một hành khách mở hé mở cửa cầu tiêu, lách vào.

Tôi cũng lấy bánh trưng bóc ăn. Bánh trưng còn nóng tôi vừa mua lúc tàu ngừng ở ga trước có người lên tàu bán. Bánh chưng một đồng một cái. Tôi còn mua cả chuối. Chuối ăn rất ngon. Ăn xong, vừa thấy có người mở cửa cầu tiêu đi ra tôi vội vàng ôm cái bọc bước tới. Cầu tiêu lúc này người ta xử dụng liền liền nên tôi không thể chần chờ. Vừa mở cánh cửa cầu tiêu tôi bật ngửa! Trên lối đi vào, trên bệ ngồi bày nhầy một thứ nước vàng đặc sền sệt của phân người trộn lẫn với nước tiểu. Ngay chỗ lỗ nhà trở phân vung lên như một cái bánh bò. Từ đồng phân

đó vô số những con ruồi trâu bay vù lên, đâm thẳng vào mặt tôi! Hoảng hồn tôi vội quay trở ra, đóng cửa lại. Một mùi hôi thối theo tôi nồng nặc.

Tôi ngồi chịu trận sau đó cả tiếng đồng hồ trong cơn mót tiểu mỗi lúc một tăng làm người tôi co quắp lại. Nhưng nghĩ đến cái cầu tiêu gốm ghiếc kia tôi lợm người không dám trở lại. Cũng may mà tôi đã ăn bánh và chuối trước đó, nếu không tôi không thể nào nuốt trôi bất cứ thứ gì vào bụng. Trong khi đó anh cán bộ vẫn ngồi thoải mái. Ăn xong cơm, anh ta chậm rãi đưa ngón tay trở lên miệng mút mút rồi xòe các ngón tay ra thè lưỡi liếm lòng bàn tay. lát sau, đầu dựa vào chiếc cánh cửa – chiếc cánh cửa hôi thối – anh ta lim dim đôi mắt như còn đang tận hưởng dư vị của gói cơm ngon lành anh vừa ăn xong.

Đến trưa tàu rời đồng bằng tới vùng trung du. Bên ngoài là núi đồi rừng cây nối tiếp. Đến một khoảng rừng trống tàu hỏa ngừng lại giữa đường, chắc là theo lời yêu cầu của hành khách để họ đi tiêu đi tiểu. Thiên hạ đổ xô ra cửa. Tàu đỗ lưng chừng một ngọn đồi. Một bên là rừng cây có bờ dốc đứng. Một bên là cánh đồng có dốc thoải xuống. Nhìn phía bên rừng có cả trăm người đàn ông đứng thành một hàng dài, lưng quay phía tàu, tôi ngần ngại. Tôi bảo một con bé trông đồ cho tôi rồi tôi xuống tàu ở phía bên kia. Không nhìn thấy một ai, lại thấy một con dõc, tôi đi lần xuống. Tôi ngồi xuống tiểu trên bờ cỏ, mắt tôi nhìn ngược lên con tàu hỏa ở trên kia mà lòng lo sợ nó chạy mất. Tôi đi tiểu lâu lắm. Sau mấy giờ đồng hồ nhịn trên tàu, bọng đái của tôi tê liệt, tôi cố rặn mà nước tiểu không ra. Càng kinh hãi vì sợ tàu chạy lại càng khiến tôi không tiểu được. Sau cùng tôi phải cố trấn tĩnh và tập trung tư tưởng. Đến lúc nước tiểu vừa thoát ra được thì một tiếng còi hú vang lên và con tàu từ từ chuyển bánh!

Kinh hoảng tôi kéo vội quần lên, chạy lên bờ dốc. Con dõc dựng ngược hơn tôi tưởng. Cứ mỗi lần hai tay tôi bám vào đất vào đá để níu lên thì đất lại lở ra và tôi lại tụt xuống. Tôi tụt xuống như thế hai ba lần. Cứ mỗi lần tụt xuống thì ở phía trên một toa tàu xẹt qua! Thắt kinh, bàn tay tôi quờ quá thụp bám, trong khi dòng nước tiểu trong quần tôi vẫn tiếp tục chảy dọc xuống đùi. Đến lúc tôi tìm được một khúc rễ cây để bám lên được và chạy đến sát đường rầy thì vừa vặn hai toa tàu chót đi ngang. Rất may tàu chạy không nhanh vì đang lên dốc. Tôi vúi được cái thanh sắt ở cửa đu lên. Tàu hỏa có hai mươi toa. Đó là cái cửa của toa tàu chót!

Tôi đi lần lên trên tìm về toa tàu của mình, toa số tám, như người mất hồn. Từ đó cho lúc xuống ga Ấm Thượng tôi ngồi im bất động. Tôi tưởng tượng cái cảnh nếu tôi bị bỏ lại giữa rừng thì không biết số phận của tôi ra sao. Lúc đó hai ông quần của tôi ướt nhẹp, ép cái lạnh cái nhớp nháp vào da đùi tôi. Nhưng nghĩ đến cái cầu tiêu khủng khiếp tôi không dám vào đó để thay quần khác.

Mãi 8 giờ tối tàu mới đến Ấm Thượng. Cùng xuống với tôi tại ga này có khoảng ba bốn chục người. Tất cả đều là dân đi thăm nuôi thân nhân tại trại tù Tân Lập. Xuống ga chúng tôi tập trung tại một cái trạm trình giấy tờ. Trạm là một căn nhà lá lợp tranh. Chúng tôi ngồi chờ riết tại đó cho đến sáng. Trời lạnh như cắt da cắt thịt. Có bao nhiêu áo tôi bận hết mà vẫn thấy rét. Sáng hôm sau đoàn người lũ lượt đi xuống một bến đò gọi là bến Ngọc, nơi đó có phà chở chúng tôi đi ngược dòng sông. Sông khá to, vùng này người ta gọi là suối, có tên gọi là Suối Mai. Chiếc phà tựa như chiếc xà-lan tôi thường thấy chở dừa chở chuối ở bến đò Thủ Thiêm. Cả một ngày trời phà chạy trên sông tôi nhìn cảnh vật hai bên bờ và thấy núi non ở miền Bắc khác hẳn trong Nam. Núi ở đây cao hơn, nhọn hơn, ít cây hơn và có nhiều đá xanh. Hai bên bờ lác đác những căn nhà chòi cất cao như kiểu nhà sàn của người Thượng. Phà đi lâu lắm. Đến tận chiều tối chúng tôi mới đến nơi, một bến đò nằm tuốt phía dưới sâu. Đây là vùng đồi núi, từ bến muốn lên đường cái phải lên cái dốc thiệt cao. Mọi người hì hục dinh đồ lên. Lên trên đó có xe Molotova, một loại xe nhà binh của Liên Xô, chờ sẵn. Xe đưa chúng tôi một quãng đường khoảng 10 cây số đến một cái trạm thì ngừng. Mọi người xuống xe. Lúc đó đã tám giờ tối. Tôi

ninh ninh là đã đến Tân Lập. Té ra còn phải cuốc bộ thêm cả tiếng đồng hồ nữa mới đến trại. Hành lý đồ đạc của mọi người được chất đầy trên một chiếc xe trâu, một loại xe giống như xe bò ở miền Nam nhưng do hai con trâu kéo. Dưới ánh trăng mờ mờ, đoàn người thăm nuôi lặng lẽ đi bộ theo xe trâu trên con đường rừng.

Khoảng 10 giờ đêm chúng tôi đến trại Tân Lập. Mọi người trình giấy tờ ngoài cổng và được hướng dẫn đến một dãy nhà lá ở phía ngoài trại. Nhà này dùng làm chỗ ngủ cho dân thăm nuôi. Đó là loại nhà ở ngoài Bắc gọi là “láng”, nhà lá lợp tranh, cột gỗ lầy trong rừng, chắc là do những ông tù cải tạo làm và được ngăn ra từng phòng nhỏ. Mỗi người được cấp phát một cái mền Trung Quốc có lông đỏ thật dày. Trời ban đêm quá lạnh, có lẽ trong đời tôi chưa bao giờ phải ngủ ở một nơi giá buốt như thế.

Sáng ra tôi trở dậy, đứng xúc miệng đánh răng tôi nhìn xuống núi. Phía dưới kia, trong làn sương sớm, ba tên công an giắt một đoàn tù cải tạo vác cuốc đi vào rừng lao động. Tuy nhìn từ xa nhưng tôi thấy rõ đoàn người ai nấy đều ngoái cổ ngược nhìn lên ngọn đồi chỗ tôi đang đứng và tôi hình dung nổi nồn nao của họ không biết trong số những bóng đàn bà thấp thoáng trên kia có người vợ thân yêu của mình không. Lúc ấy lòng tôi cũng nồn nóng không kém họ. Đã năm năm rồi còn gì. Năm năm không hề thấy bóng dáng anh. Kể từ ngày cuối tôi tiễn anh với mớ hành trang và thức ăn tôi soạn rất kỹ để anh dùng trong thời gian xa cách mà lúc ấy tôi nghĩ là chỉ có hai tháng. Sau năm năm chờ đợi, chốc nữa, tôi sẽ gặp anh. Nhưng “chốc nữa” bây giờ tưởng như dài vô tận. Đã 10 giờ sáng rồi mà tên anh chưa thấy gọi trên loa.

Ngồi bó gối trong phòng đợi tôi lấy bánh chưng ra bóc ăn. Ăn xong còn đói tôi sực nhớ ra là trong bọc còn gói ny lông cơm anh Tùng đưa tôi ở ga Hàng Cỏ từ hai hôm nay mà tôi quên khuấy đi mất. Tôi giờ ra thì nắm cơm đã thiu. Thấy giữa phòng cạnh một cái bàn có để một cái sọt rác, tôi bèn giục cái bao cơm và cái lá bánh chưng vào đó.

Nghe trên loa đọc tên nhà tôi tôi lật đật đi vô phòng tiếp tân. Tù cải tạo và thân nhân chỉ được phép gặp nhau trong phòng đó nửa tiếng đồng hồ. Cứ người nọ ra thì người khác vô. Lúc tôi vào còn đứng ở cửa thì có một anh bộ đội đang quát một cặp vợ chồng. Hết giờ thăm rồi mà bà vợ cứ bịn rịn mãi không chịu đi ra. Anh cán bộ hét to: “Khẩn trương lên!” Không biết bà ta không hiểu hay giả đờ không hiểu, bà ta cứ tỉnh bơ, cứ lần chần rề rề gói đồ ăn thiệt là chậm. Bà rĩ rả nhấn chồng, nhấn có một câu mà cứ nói tới nói lui hoài. Tôi đứng chờ mà cũng sốt cả ruột. Thấy anh cán bộ tức giận quá tôi sợ cho ông chồng, sợ hấn trừ ông ta tội nghiệp, nên mới nói chữa: “Ở trong Nam người ta không nói khẩn trương. Người ta bảo nhanh lên hay lẹ lên. Nói khẩn trương chắc ông bà không hiểu đâu!” Anh ta liền nói “Nhanh lên!” tức thời hai ông bà kia trả lời “Rồi, rồi! Đi liền! Đi liền!” Ông chồng cho vợ đồ ăn vào bao rồi lật đật đi trở vô. Còn bà vợ quay qua nhìn tôi, cười khì khì, có vẻ khoái trí vì đã lừa được anh cán bộ.

Phòng tiếp tân có một cái bàn như kiểu bàn ăn, nhà tôi ngồi một đầu bàn, tôi ngồi một đầu, công an ngồi ở giữa.

Thoạt tiên, tôi không nhận ra người ngồi phía bên kia đầu bàn, là anh. Nhà tôi vốn xưa nay tạng người đã gầy gò, nhưng bây giờ thì chỉ còn da bọc xương. Thoáng trong một giây ở đầu bàn kia là một khuôn mặt hốc hác; không, nói cho đúng đó là một chiếc sọ người có dính thịt, của một người lạ mặt. Rồi cái khuôn mặt ấy thu nhỏ lại, là anh, ở cặp mắt. Nhìn nhau, tôi biết ngay là anh đã đọc được nét sừng sốt trong ánh mắt tôi, và qua đó, như tấm gương soi, lần đầu tiên sau năm năm trời cải tạo, anh mới ý thức được cái diện mạo mới của mình.

Tôi biết là mình chỉ được phép gặp anh có nửa tiếng và nửa tiếng đó sẽ vụt qua nhanh lắm, nên tôi cố hết sức đè nén xúc động, không dài dòng tỉ tê mà chỉ tóm tắt cho anh biết rành rẽ về

hiện tình ở nhà, tình trạng sức khỏe của mọi người, nhất là của mẹ chồng tôi, bà con những ai đã chết, đã đi xa, những người đã lập gia đình, có con... Còn biết bao nhiêu những điều khác – nhớ nhung, xót thương – tôi chỉ biết lặng lẽ gửi đến anh qua ánh mắt. Tôi hoàn toàn không nói với anh một lời về những khó khăn chồng chất mà hai mẹ con tôi phải chịu đựng trong cuộc đời. Lát sau họ đưa đồ ăn của tôi vô bầy lên bàn. Công an mở từng gói từng gói đồ ăn ra, họ lấy chiếc đũa khều khều kiểm tra từng li từng tí một. Xong tôi hốt đồ ăn bỏ lại trong gói. Tủi thân thân nhân từ trại đi ra mỗi người đẩy một cái xe cút kít. Chúng tôi bỏ đồ ăn lên xe. Nửa giờ ngắn ngủi đã hết, nhà tôi đẩy xe đồ ăn vào trại, tôi đi trở ra, chấm dứt chuyến thăm nuôi tôi đã để cả sáu tháng trời sửa soạn.

Trở ra phòng khách tôi thấy người ngồi chờ đông lắm. Nhiều bộ mặt mới, chắc là những người này đi trên những chuyến tàu sau tôi. Tôi phải ngồi chờ ở đây cho đến hết giờ thăm nuôi lúc 5 giờ chiều mới có xe đưa về.

Trong lúc ngồi nói chuyện với một bà thăm nuôi, tôi nhìn cái giỏ rác ở giữa phòng, trên miệng giỏ còn vắt cái lá chuối gói bánh chưng tôi vứt vào đó lúc nãy trước khi vào phòng tiếp tân. Bỗng tôi chú ý, ngạc nhiên. Rõ ràng cái lá chuối còn dính một ít bánh chưng sao bây giờ nó sạch bóng sạch trơn như thể có con chó nào liếm láp. Quay qua bà bên cạnh tôi hỏi: “Ừa, có con chó nào ở đây mà tôi không thấy hả? Nó liếm sạch bách cái lá chuối gói bánh chưng tôi mới vứt ở kia trước khi gặp nhà tôi”. Bà ta nhìn lá chuối nói: “Ờ đó mà chó! Mấy ông tù chứ còn ai vào đây nữa! Mà phải ông nào có phước lắm được điểm tốt lắm mới được phép ra ngoài này dọn dẹp không phải đi lao động... Tôi đi thăm nuôi ba lần rồi tôi biết. Mấy ông khổ lắm! Khổ còn hơn con chó!”. Nửa tin nửa ngờ, tôi bước lại gần cái giỏ rác nhìn vào bên trong. Tôi lặng người. Nắm cơm thiêu biến mất. Chỉ còn lại cái bao ny lông trong giỏ.

Tôi nghĩ đến anh lòng buồn rầu. Chắc chắn anh không phải là người “có phước” kia. Bởi vì tôi biết chắc anh không thể nào là người có “điểm tốt”. Tôi nghĩ tới đêm qua tôi ngủ ở đây trong căn trại này, đến cái giá rét mùa đông đất bắc thật là khủng khiếp và tôi nghĩ là mình chắc chết nếu đêm qua tôi không có cái mền Trung Quốc. Đó mới chỉ là một đêm trong đời tôi. Còn anh, còn những người khác... không có cái mền Trung Quốc, không có cả một nắm cơm thiêu tôi vứt đi, tháng này năm nọ như thế... Thảo nào mà anh trông rộc cả người đi tôi không còn nhận ra anh nữa.

Hết giờ thăm nuôi chúng tôi mấy chục người bắt đầu rời trại đi xuống một con dốc dài. Lúc đó mới năm giờ chiều nhưng vì mùa đông đêm tới sớm nên trời đã gần tối. Sương chiều bắt đầu lan xuống thung lũng. Xuống gần cuối dốc thì gặp một đoàn tù cải tạo đi lên, tôi không biết đó có phải đoàn vác cuốc tôi trông thấy hồi sáng sớm hay không. Họ đi lao động ngược dốc trở về trại. Đoàn tù dài lắm chắc khoảng cả trăm người được hướng dẫn bởi ba tên cán bộ cầm súng, một tay dẫn đầu, một tay đi giữa, một tay đi sau cùng. Lần này vì đi gần nên tôi trông thấy rõ đôi mắt những người tù, những đôi mắt thật buồn, thật tội nghiệp.

Lần đi về chúng tôi không đi lại con đường cũ, không đi phà trên sông như ngày hôm trước mà có xe Molotova chở thẳng chúng tôi đến ga Âm Thượng. Xe đi trong đường rừng suốt ba tiếng đồng hồ. Đến ga khoảng 8 giờ tối.

Vừa ngồi ở trạm không lâu thì có chuyến tàu trở tới. Tàu vừa ngừng ở trạm thì đoàn người thăm nuôi, phần lớn là đàn bà trong số có nhiều bà cụ vội vã chen nhau trước cửa toa tranh nhau lên. Toa tàu chắc đã nghẹt người bên trong nên nhiều người không lên vào được. Đã thế lại có những thằng mất dạy ngồi dạng cẳng ở bậc cửa choán hết lối đi. Một cảnh hỗn loạn xảy ra. Ông trưởng trạm chạy ra nói: “Thôi! Lên vừa vừa thôi! Ở lại còn chuyến nữa 9 giờ. Làm gì

mà chen dũ vậy!” Nghe thấy thế tôi khều mấy người tôi mới quen lúc ở trại ở lại với tôi. Tôi nói: “Đợi chuyến sau đi! Việc gì mà phải chen lấn. Mà tàu cũng sắp chạy đến nơi rồi, nó chỉ ngừng ở ga có 8 phút thôi” Lúc ấy có một bà lão trên bảy chục tuổi, mặc dù tàu đã hụ còi mà còn ráng bám vào cửa tính đu lên. Mới chân trên chân dưới thì tàu phát chạy lôi bà ta sên sệt trên mặt đá rầm cạnh đường rầy một quãng dài rồi quãng bà lão nằm sòng sọt trên đất. Mọi người chạy tới vực bà đưa vào trong trạm. Một chân của bà máu me ướt đẫm cả quần. Bà ta người quê ở Vĩnh Long lặn lội từ đó ra thăm con. Buổi trưa, lúc chúng tôi ngồi chờ xe trong phòng đợi ở trại Tân Lập, bà ta khóc quá trời kể tôi nghe con bà đi lao động đốn cây, bị té lăn xuống núi gãy cẳng. Trong trại tù làm gì có nạng. Anh ta dùng hai khúc cây chặt ở trong rừng làm nạng chống khập khểnh từ trong trại đi ra khu tiếp tân gặp mẹ. Bây giờ thì cả con lẫn mẹ đều bị gãy chân. Một tiếng sau thì chuyến tàu 9 giờ tới. Chuyến này cũng đông không kém chuyến tàu trước và cảnh chen lấn để lên tàu lại tái diễn. Tôi để ý là những toa ở phía sau có ít người lên xuống hơn những toa đầu nên tôi cùng với vài người chạy dọc theo đường rầy về phía cuối tàu. Vừa lên toa thì tàu hụ còi. Chúng tôi xô nhau lên toa. Vào được trong toa rồi thì quái lạ, toa tàu tối thui! Tôi nghĩ bụng: “Người ta không bật đèn chắc để tiết kiệm điện. Không thấy đường, tốt nhất là mình nên đứng yên một chỗ”. Tôi mừng thầm là dù sao mình cũng leo lên được chuyến tàu chót. Tàu chạy. Nó giật một cái mạnh làm tôi xiêu người một bên. Hoảng hồn, sợ bị té, tôi từ từ ngồi xuống. Tôi ngồi bệt xuống sàn. Tay tôi quờ quạng trong bóng tối xem có cái ghế ngồi nào ở chung quanh không. Trống hỗng. Sờ phía sau lưng tay tôi đụng thành tàu, tôi chống tay lùi dần dít về phía sau, cho đến khi tôi dựa được lưng vào đó.

Tôi ngồi yên như thế lâu lắm. Thường thường khi con mắt đã quen với bóng tối tôi có thể nhìn thấy được cảnh vật dù rất lờ mờ. Đàng này không. Tuyệt nhiên trong toa tối đen như mực. Bỗng tôi có một cảm giác là lạ là tôi không ở trong một toa tàu hỏa bình thường. Tôi xòe bàn tay mò mò trên sàn để thám hiểm xung quanh. Bỗng tay tôi mò trúng một đồng gì sên sệt ướt ướt. Tôi đưa tay lên mũi ngửi. Trời! Cứt heo! Tôi hoảng hồn: “Ủa! Cứt heo đâu trên xe lửa vậy ha!”. Ngồi lê trên sàn tôi quờ quờ phía trước. Tay tôi đụng mấy con heo. Chúng nằm cả đồng ở đó. Thì ra đây là toa chở heo! Không muốn ngồi gần mấy con heo tôi dịch qua phía bên kia để tránh. Hơn nữa sàn tàu nhớt nháp dơ dáy quá tôi phải tìm cho ra chiếc ghế để ngồi. Mò mãi không ra ghế. Tay tôi lại đụng thêm một bãi gì bầy nhầy. Đưa tay ngửi: Cứt vịt! Một bãi khác: Cứt gà! Tôi quờ tay lên trên. Gà vịt một bày ở đó. Thôi, tôi rút lui, không muốn thám hiểm thêm.

Tôi thụt lui, thụt lui. Tôi không về đúng chỗ cũ vì khi tôi ngồi dựa vào thành tàu tôi ngồi ở giữa hai người, chắc là hai người đàn ông, lúc ấy đang ngủ gục ngáy khò khò. Hồi sau một cái đầu nghoẹo sang đè xuống vai tôi. Nghĩ thằng cha này lợi dụng bóng tối để đè mình tôi đẩy mạnh ra. Nhưng hình như hấn chỉ ngủ say, người hấn mềm xuội, chốc chốc cái cổ lại vẹo sang một bên. Tôi nhích người phía bên kia để tránh thì lại đụng thằng thứ hai. Thằng này còn tệ hơn! Cái đầu nó gục lên vai tôi nặng đến độ tôi không hất ra được. Rồi hự một cái. Trời ơi nó ói! Nó ói nhớt dãi thốc vào cổ tôi, chảy xuống ướt cả phần trên chiếc áo. Thôi rồi! Mấy thằng này nó say xe chứ không phải dẽ mình. Tôi ngồi chịu trận như thế. Lâu lắm. Suốt đêm. Bên cạnh tôi hai người đàn ông bây giờ đã ngủ say, ngáy khò khò. Tiếng ngáy to cộng thêm cái cổ nhớt nháp của tôi đưa lên một mùi chua nồng làm tôi rùng mình, không sao chớp mắt được. Đến gần sáng có lẽ vì quá mệt tôi thiếp đi.

Lúc tỉnh dậy thì tàu vừa đến ga Hà Nội. Trời sáng bạch. Hai người bên cạnh tôi vẫn còn ngủ vùi. Nhìn gương mặt của họ tôi mới biết đó là hai người thượng, có lẽ họ ói mửa vì không quen đi tàu. Tôi nhìn khắp trong toa. Nào heo nào gà nào chuối nào bắp nào bí nào khoai... lổn nhổn đầy trong toa. Thì ra những toa ở trên là toa hành khách còn những toa ở cuối tàu chỉ để chở hàng, thảo nào mà đêm qua không có ai tranh nhau lên.

Lúc tôi xuống tàu gặp lại mấy bà quen họ rủ tôi đi mượn khách sạn. Ai nấy đều khuyên tôi là dù

có người quen cũng không nên ở vì nhà cửa Hà Nội chật và đông đúc lắm. Mấy người chung nhau mượn khách sạn ở Đường Thành. Tôi tắm rửa sạch sẽ rồi ngủ một giấc dài. Đến chiều tôi kiếm anh Tùng. Anh Tùng lấy xe chở tôi đi. Ngồi sau chiếc xe đạp cũ kỹ của người anh họ lần đầu tiên trong đời tôi thăm Hà Nội 36 phố phường.

Hôm sau anh Tùng ra ga Hàng Cỏ tiễn tôi vào Nam. Anh nói là lần tới ra thăm nuôi thì nhớ lại ghé anh. Hai chữ “lần tới” làm tôi nhớ đến câu nói của nhà tôi trước khi chia tay. Anh cũng nhắc đến “lần tới”. Tôi nói với anh là mỗi lần ra bắc tốn kém lắm, có thể phải bán cả cái xe Honda đi. Anh bảo: “Thì bán!” Tôi không nói gì. Anh không biết rằng cái xe chính là nỗi cơm của mẹ con tôi, bán đi thì lấy gì mà sống. Bây giờ, sau chuyến thăm nhà tôi, tôi lại có thêm một lý do nữa để tin rằng sẽ không có “lần tới”. Nghĩ đến hai chuyến tàu đi và về trên tuyến đường ga Âm Thượng tôi rùng mình. Tôi thật tình không muốn phải đi lại tuyến đường ấy một lần thứ hai.

Rất may cho chúng tôi là một năm sau chuyến thăm nuôi ấy nhà tôi được thả về.

Xuống ga Lào Cai chúng tôi được nhân viên của hãng du lịch đón và đưa chúng tôi đi Sapa, cách Lào Cai khoảng hơn ba chục cây số. Trên chiếc xe van ngoài ba chúng tôi còn có Brian, người bạn mới của con rể tôi và hai du khách người Úc. Xe đi trên con đường đèo chật hẹp quanh co. Tôi nhìn hai bên đường. Phong cảnh nơi đây tuyệt đẹp. Sương hòa lẫn mây giăng phủ đầy núi cao. Lưng chừng những ngọn đồi bờ đất chạy ngoằn ngoèo ôm lấy những khoang ruộng vàng rực trong ánh nắng mai từng lớp từng lớp đi lên như những bậc thang.

Gấp cuốn sách “Vietnam: the update guide book” đặt trên đùi, Thảo quay qua hỏi tôi:
– Đêm qua mẹ ngủ ngon không?

Tôi trả lời con:

– Mẹ ngủ cũng tạm tạm.

Thật ra đêm qua trong toa tàu tôi trăn trở mãi không ngủ được và khi tôi thiếp đi giấc ngủ lại đầy mộng mị. Con tôi rời Việt Nam lúc còn nhỏ. Nó thuộc một thế hệ khác và lớn lên trong một thế giới khác. Sau khi nhà tôi mất nó trở thành giọt máu thân thương duy nhất của tôi. Tuy thế không bao giờ tôi tâm sự với nó về những chuyện buồn cũ. Bởi vì tôi biết chắc dù mình có diễn tả cách nào nó cũng chẳng thể nào hình dung ra nổi chứ đừng nói đến chuyện thấu hiểu. Và lại nói cho cùng nó cần gì biết những chuyện xưa ấy.

Thảo nhìn ra ngoài xe rồi giơ máy ảnh chụp hai người đàn bà thượng vai đeo gù lưng bọc con đi dọc ven đường. Nó nói:

– Cuốn sách này “rate” Sapa những 3 sao. Họ nói Sapa cũng như vịnh Hạ Long là hai thắng cảnh du khách không thể bỏ qua khi đến miền bắc của Việt Nam.

Tôi yên lặng. Tôi ao ước được như con tôi: đến Sapa và nhìn Sapa dưới con mắt thuần túy của một du khách. Dưới con mắt vô tư ấy Sapa dễ dàng được đánh giá bằng con số của những ngôi sao. Còn tôi, tôi không thể nhìn cảnh trí nơi đây một cách bàng quan như thế. Tôi không thể nhìn nó mà không kèm theo những xúc động vui buồn hết sức riêng tư.

Vui vì Sapa là một thị trấn trong mộng tưởng của nhà tôi mà hôm nay tôi thay mặt anh đến thăm. Hồi anh còn bé đã có một lần cha anh kể anh nghe về Sapa và anh cứ nhớ mãi. Từ đó Sapa ăn sâu vào tuổi thơ anh như một cảnh trí thần tiên. Trong tâm tưởng anh Sapa là một thị trấn nằm trên mây, một thị trấn lãng đãng chìm đắm trong sương khói. Đó là nơi anh chờ đợi nhiều nhất để đến trong chuyến trở về Việt Nam của chúng tôi. Chẳng may anh mất trước chuyến đi được dự trù không lâu.

Buồn vì cảnh trí nơi này chưa chi đã làm tôi muốn ứa nước mắt. Khi tôi nhìn xuống chân đồi kia trong làn khói sương bay tỏa một đoàn mấy người thượng mang gùi vào rừng đốn củi tôi không khỏi liên tưởng đến cái cảnh ba tên công an cầm súng dẫn một đoàn tù dài vác cuốc vào rừng lao động, đoàn tù cúi mặt lầm lũi đi trong sương sớm.

Cây bàng lá đỏ

Buông từ trên tít cao rơi lững ở ngang chừng, những dây rễ con đan kết vào nhau bện thành từng chùm thả xuống như tấm rèm thưa vây che thân cây si già sần sùi, cổ kính: Hà Nội trong mắt tôi cũng đan kết dính quyện với nhau như thế. Trong cái nhìn của tôi không thể nào tròn vẹn là một Hà Nội những năm đầu của thiên kỷ mới mà luôn có lẫn cái nhìn cũ kỹ của chính tôi thời thơ ấu, có vương cái hồn những người cật ruột của tôi phơi bày qua những dòng văn lãng mạn nổi tiếng một thời.

Đêm Hà Nội có lễ hội. Tết Trung Thu năm nay lại rơi đúng vào tối thứ Bảy. Tôi bước xuống từ lầu nhà Thủy Tạ thấy mình rơi vào dòng người tấp nập ngược xuôi xung quanh Hồ. Phố Lê Thái Tổ ôm sát nửa vòng hồ chứa cả một khối lượng không biết cơ man nào xe máy, tưởng như tất cả các chiếc xe của thành phố bỗng từ trăm ngã cùng lúc tuôn ra đi "thường trăng" nơi hồ Hoàn Kiếm. Trên những chiếc xe máy là cả một đàn thể tử: chồng thì gò lưng lách lạng, vợ ngồi sau ôm cứng bầy con; có xe ôi chao kẹp những ba đứa, những đứa bé ghéech mặt tay giơ cao chiếc que đèn lồng hay kéo sợi giây căng có buộc chùm bong bóng đủ màu.

Đêm này, năm mươi năm trước, đứa bé đó là tôi tay xách đèn lồng đi tung tăng trong khu phố cổ, ngụp lặn trong thế giới của đồ chơi tháng Tám những phố Mã Mây, Hàng Bông, Hàng Hòm, Hàng Quạt, Hàng Bò... Thăng bé đi qua phố Hàng Thiếc ngáy người đứng xem những cái tàu thủy bằng thiếc chạy xịch xịch trong thau nước, con bướm sắt đầy đi trên hè kêu leng keng chiếc cánh gập lên hạ xuống, tạt vào Hàng Mã nhìn những con giống bằng bột hình con thạch sùng, con kỳ lân, con phượng... màu sắc lòe loẹt, sặc sỡ. Nó hoa mắt nhìn những cỗ đèn Trung Thu đủ màu đủ kiểu ở phố Hàng Gai: đèn xếp, đèn quả trám, đèn con thỏ, đèn kéo quân, đèn ông sao... trong khi đâu đó từ hướng Hàng Trống đưa lại tiếng trống âm âm, xùng xoèng múa sư tử.

Dưới ánh đèn xe chộp loạn, lẫn với tiếng người kêu gọi ồn ào là tiếng xe máy gầm rú, tiếng ô-tô bóp còi tin tin liên hồi. Qua mặt Hồ Gươm lặng chìm bóng tối mà khoảng sáng độc nhất sững lên ở cuối hồ là cái tháp rùa được thắp sáng màu trắng phớt xanh, hàng hàng ánh đèn xe chộp lóe làm thành những vệt sáng dài ngoằng ngắt hiện loáng thoáng qua hàng trăm thân cây sấu quanh hồ. Tôi thả người theo dòng xô đẩy về phía Tràng Thi. Đi cùng dòng với tôi là một đám chục người ngoại quốc chắc cũng vừa rời nhà Thủy Tạ, những anh chị ba-lô tây đầm cao to, họ bước đi nhìn thẳng làm ngỡ trước những bàn tay chìa ra của đám con nít bán postcards bu quanh. Trên vỉa hè rộng lát gạch đỏ dòng người đi bộ đập vượng tránh né các hàng quà bánh bày la liệt; thoảng trong gió đưa từ mạn hồ có mùi mực nướng thơm nồng, tiếng rao hàng mời mọc, những khoảng sáng của gian hàng quảng cáo chụp ảnh lấy liền với ánh điện quang giả pháo bông chộp lóe. Dưới chân ánh sáng cột đèn là từng đám ngồi chồm hồm châu quanh bàn cờ tướng. Mấy anh công an trẻ măng mặc áo xanh ve đang xua đi mấy chị hàng rong. Phía sát ven hồ, dưới tàng cây liễu rủ, kín mít phủ lên bãi cỏ san sát những manh chiếu, những mảnh vải rộng, là đùm đề gia đình hóng mát. Tất cả vào đêm Trung Thu, cả cái khối người đông như bể kiến ấy, tôi tưởng như không có một ai buồn ngược mặt nhìn trăng; và lại nếu có ngược nhìn cũng khó thấy, trên đầu những cây sấu, cây lim, cây si, cây điệp, cây liễu, cây bàng vắn vít

giao nhau cành lá. Giọng ca Hồng Nhung đâu đây từ một cassette theo gió hồ đưa lời nhạc Trịnh Công Sơn: *Hà Nội mùa Thu cây cơm nguội vàng... Cây bàng lá đỏ... Nằm kề bên nhau... Phố xưa nhà cổ... Mái ngói thâm nâu...*

Tôi đứng dừng lại trước đầu đường Hàng Trống. Phía bên kia đường là một dãy nhà hàng, khách sạn; tôi giương mắt nhìn không thấy đâu dấu tích rạp chớp bóng Lửa Hồng nơi tôi đã xem những phim Tarzan thời thơ ấu. Ngay cái góc xéo đường Hàng Trống đâm ra bờ hồ là một tòa lâu kiến trúc cổ quét vôi vàng, trụ sở mang tên Trung tâm Nghiệp vụ Văn hóa Thông tin. Một lần ngồi uống cà-phê nơi cái quán cóc Highland's Coffee giữa tầng cây sấu bên bờ hồ, ông bố vợ tôi, người mà từ hơn tám mươi năm nay không hề rời khỏi làng Hoàng Mai Hà Nội, chỉ vào cái trụ sở ấy nói: Con biết không xưa kia nó là trụ sở hội *Khai trí Tiến đức* đấy!

Một lát sau, trên khoảng đất ven hồ người đứng đông quá, hai thiếu nữ thấy khó lòng tiến lên được. Giữa lúc ấy có tiếng reo ầm ỹ từ phía Hội quán "Khai trí Tiến đức" đưa lại. Rồi phố Hàng Trống rẽ sang một cái ô-tô kết bông trắng thành hình cái thuyền trên có tám cô thủy binh... Trong làn không khí mờ bụi, ồn ào đầy tiếng cười và tiếng vỗ tay, những hoa giấy, những vòng giấy ngũ sắc ném tung lên đầu, lên người bọn lính thủy xinh xắn và như cổ lồi giựt các cô xuống đất. Những chiếc ô-tô với hàm răng trắng lướt qua, những sợi dây hồng, dây tím rơi đầy đường: (Xe trường nào thế? (Trường taxi girls! Đáp lại câu trả lời ngộ nghĩnh, tiếng cười phá lên vang động (Thoát ly (Khái Hưng).

Tôi bỗng lặng đi. Những ký ức đóng băng từ một thời quá vãng chợt như rã ra hòa với thực tại và cái cảnh trí tôi hiện thấy trước mắt bỗng lướt qua êm như một ảo giác, mơ màng như không có thực. Tôi vừa rời đi từ một thành phố miền Tây Bắc nước Mỹ nơi tôi đã sống gần nửa đời mình, nơi cả rừng xe trên xa lộ chạy êm êm không một tiếng bóp còi. Dường như cái ồn ào hoảng loạn mà tôi không quen làm tôi nôn nao. Hình như hai chai bia Hà Nội làm tôi ngây ngật. Tôi nhìn phía Hồ Gươm nơi tháp rùa sáng lên lung linh qua tầng cây liễu. Rồi tôi bỗng có cảm giác như mình đang đứng ở điểm giữa của một cái đèn kéo quân khổng lồ, những vệt đèn làm đường viền sáng quanh hồ như chênh lên và chiếc đèn kéo quân rập rình như muốn quay đi...

*

Chiếc xe buýt của hãng du lịch Café Sinh cuối cùng rồi cũng rời khách sạn Prince đường Lương Ngọc Quyến chạy kênh cang qua những con đường rất hẹp của khu phố cổ. Mã Mây. Hàng Bạc. Hàng Bè. Cầu Gỗ. Từ trên tầm cao của xe những căn nhà cũ như tháp hẳn xuống. Hai bên con phố trên vỉa hè hẹp cây bàng, cây dâu da xoan đâm chĩa cành lá lát sát chạm vào thành xe. Đến cuối phố Cầu Gỗ chiếc buýt làm một vòng qua bồn phun nước, nơi năm con phố cổ chụm đầu đâm vào Hồ Gươm. Phía bên kia đường Đinh Tiên Hoàng trông sang Đền Ngọc Sơn, thoáng qua hàng cây bờ hồ, một tòa nhà nhô cái tháp cao phô hàng chữ *Múa rối nước Thăng Long*. Chiếc xe đi vào lườn của Hồ Gươm, khung cảnh khu hồ quang đãng êm dịu của một buổi sáng vào thu, khác hẳn khung cảnh đêm Trung Thu hôm trước

Bọn tôi năm người. Ba anh chị tôi và tôi được gọi là "Việt kiều". Còn hai người kia là dân tại chỗ, một cô em họ và một người bạn của anh tôi. Ngay từ đầu chuyến du ngoạn mà hầu hết là ngoại kiều đã gặp chuyện lộn xộn phải khởi hành rất muộn. Chẳng phải do lỗi chúng tôi mà xe đi trễ. Chung quy chỉ vì chú tài xế, anh hướng dẫn và cô thu ngân của hãng xe ham tiền. Nhưng những người ngoại quốc trên xe lại không biết thế: khi năm chúng tôi bước lên xe tôi đọc ở ánh mắt họ cái nhìn tức tối và ác cảm.

Thời gian ở Hà Nội của anh em chúng tôi eo hẹp nên hôm trước chúng tôi có hỏi dò mấy hãng du lịch xem có *tour* nào đi chơi xa mà lại có thể đi về nội trong ngày. Trên tấm phích quảng cáo chuyến đi Ninh Bình Tam Cốc xem ra hấp dẫn vì thắng cảnh được tả một cách mỹ miều là một

“Vịnh Hạ Long trên cánh đồng lúa”. Giá cho mỗi người là 17 đôn. Nếu thêm 5 đôn nữa thì lại được đi thăm Phát Diệm. Chị tôi và tôi quyết bắt cái tua Ninh Bình “ Phát Diệm chỉ vì muốn nhìn lại cái nhà thờ Phát Diệm mà hơn năm mươi năm trước chúng tôi tản cư về sống ở ngay bên cạnh. Khi lấy vé thì được biết cái tua ấy bị hủy. Chú bán vé giải thích: “Chúng cháu mở cái dịch vụ này chủ yếu là nhắm vào người nước ngoài, thế mà cái tỉnh Phát Diệm thì chỉ có độc một cái nhà thờ là đáng xem, nhà thờ thì ở bên Tây thiếu giống gì!”. Sau cùng thấy chị tôi cứ muốn đi Phát Diệm bằng được, chú ta chỉ sang phía bên kia đường: “Cô thử sang hỏi hãng bên kia. Họ đi nhiều chuyến, có thể có tua đi Phát Diệm”. Sau khi mua được vé, anh tôi dặn dò: “Ngày mai đón chúng tôi ở khách sạn Prince, nếu xe không đi Phát Diệm thì chúng tôi sẽ không đi đâu và lấy lại tiền về” n “Chú cứ yên trí đi. Chúng em làm ăn đứng đắn!”.

Hôm sau lúc chiếc buýt màu trắng đỗ trước khách sạn thì trên xe đã đầy người. Chúng tôi hẳn phải là khách rước sau cùng. Toàn khuôn mặt tây đầm nhô lên trong khung kính. Trước khi lên xe, chị tôi cẩn thận hỏi lại là xe có đi Phát Diệm không. Chú tài xế nói không. Anh tôi lúc đó đã bước hẳn trên xe vội quỳ quả bước xuống, ngăn chúng tôi lên xe và đòi trả lại tiền. Anh hướng dẫn *tour* chạy vội lại, nhấn nhó: “Cô chú cảm phiền. Tối qua họ điện cho biết đường vào Phát Diệm bị mưa ngập lụt xe không đi được. Mời cô chú cứ lên xe đi Ninh Bình. Cháu sẽ hoàn lại tiền sai biệt cho cô chú.” “Hôm qua tôi đã nói là nếu xe không đi Phát Diệm thì chúng tôi không đi. Anh trả lại tiền cho chúng tôi và không nói lời thôi gì nữa!”. Lặng nặng một hồi thì sau cùng cô thu ngân cũng phải mở cặp đếm đủ 110 đôn trả cho anh tôi. Mặt cô ta ngẩn ngơ như thể chính cô ta vừa mất số tiền to tát ấy.

Trở lại khách sạn chúng tôi lên gác vào buồng bàn tính với nhau về chương trình thay thế chuyến du ngoạn hụt. Khoảng gần nửa giờ sau, khi tôi định ninh là chiếc buýt ấy đã rời khỏi Hà Nội từ lâu, thì (hỡi trời!) chiếc xe ấy với tất cả đám khách trên xe vẫn chưa nhúc nhích, vẫn còn đỗ ngay trước khách sạn! Có tiếng gõ cửa phòng và cái đầu của cô thu ngân thò vào. Cô ta cười cười: “Mời cô chú lên xe! Chúng cháu đã thương lượng xong với khách trên xe và xe sẽ đi thêm Phát Diệm như là cô chú muốn. Chúng cháu phải đi lỗ vì không bắt họ trả thêm tiền” “Nhưng chúng tôi lại đổi ý không đi nữa rồi...” Anh tôi nói. “Vả lại đường đi Phát Diệm ngập lụt thế kia...” Cô thu ngân chắc vì không nghe câu nói láo của anh “tua gai” đương ngẩn mặt ra thì anh tôi nói tiếp: “Thôi, chúng tôi đồng ý đi. Nhưng cô đừng có lấy tiền đi Phát Diệm nhé! Chả lẽ cô cho họ đi miễn phí mà cô lại lấy tiền của chúng tôi...”.

Xe bắt đầu chuyển bánh. Chúng tôi được xếp ngồi băng sau cùng. Thấy không khí trên xe căng thẳng tôi ngoác anh hướng dẫn, lúc đó đang vịn thành cửa kính và là người duy nhất còn đứng trên xe: “Này chú, chuyện gì xảy ra vậy? Xem ra chuyến đi chơi này tốn tiền mà không thấy ai vui vẻ hết, chuyện gì vậy?” “Thật cháu không hiểu được mấy con mẹ tây này! Ai đời cho đi chơi Phát Diệm không lấy tiền mà còn xưng xĩa. Lại còn một cặp giận dỗi không đi đòi lại tiền nữa chứ. May mà còn có cô chú đi nếu không chuyến này lỗ chồng gọng! Lại còn cái con bé này...” Anh ta hát hàm về phía cô tây ba-lô ngồi trước tôi hai hàng ghế: “Bực mình đéo chịu được! Cháu chỉ muốn táng cho một cái! Mình có bắt nó đi đâu, xuống xe thì không chịu xuống, trả lại tiền thì không lấy, mặt cứ chằm hàm, cứ nói bua xùa cả lên là có cái hẹn tối nay ở Hà Nội nếu đi thêm Phát Diệm thì sợ về không kịp. Cháu đã bảo đảm về kịp mà...”. Tôi ngắt lời anh ta: “Này chú, tôi ở nước ngoài lâu năm tôi hiểu họ. Họ bực mình là phải. Lỗi ở các chú cả. Thứ nhất bắt họ ngồi chờ trong xe nửa tiếng đã là chuyện đáng tức. Hai nữa họ đi du lịch qua đây thời giờ rất giới hạn, làm cái gì cũng phải tính trước chương trình giờ giấc, các chú làm trật đường rầy của họ hết trơn, tức là phải!”. Anh ta lặng yên không nói gì, ngoảnh mặt nhìn ra phố. Tôi nhìn theo và như một thói quen, tôi dướn người hướng về căn nhà xưa của mình khi chiếc xe lướt qua phố Hàng Bè.

Lần đầu tiên nhìn lại dãy phố đó, căn nhà đó, sao chúng nhỏ nhắn quá ngoài trí tưởng của tôi.

Có thể là dưới tầm mắt của một cậu bé con thì thế giới cái gì chẳng là vĩ đại. Có thể là hơn phần tư thế kỷ sống ở nước ngoài cái tầm vóc lớn đã ăn sâu vào cảm quan tôi. Thăm lại một thành phố cũ "trở về mái nhà xưa" nơi tôi đã rời xa khi tôi mới tròn mười tuổi và chỉ trở về khi trên đầu mình đã hai màu tóc, Hà Nội hiện về trong ngày đầu với một kích thước được rút bé đi rất nhiều: người, nhà, phố, hồ và đường như cả cái bầu trời Hà Nội nom cũng be bé xinh xinh. Nhưng chính cái huyền hoặc về một không gian thu hẹp lại ấy cộng thêm cái háo hức đầy tính trẻ thơ muốn "đi tìm thời gian đã mất" của mình đã giúp tôi trong buổi sáng đầu tiên ấy thả bộ đi miệt mài cùng khắp Hà Nội mà không biết đến thế nào là mỏi mệt. Và tôi ngạc nhiên là cái Hồ Gươm trong trí tưởng của tôi năm mười năm trước nó rộng mênh mang ấy tôi đã rảo bước đi trọn một vòng trong có đúng mười bảy phút!

Rõ ràng là số 15 đây rồi nhưng cái tiệm uốn tóc Thu Hương mang con số đó hoàn toàn không một chút gợi nhớ cái cửa hàng bán cau khô của mẹ tôi. Chỉ khi tôi ngược nhìn lên cao những cửa sổ chần song sắt han rỉ ở căn gác và cái mảng tường quét vôi loang lổ hoang tàn vẫn còn nguyên xưa tôi mới thực tin rằng tôi đã tìm được căn nhà cũ của mình. Come back to Sorrento! Tiếng hát của anh Triệu tôi, theo điệu nhạc của bài Home, Sweet Home vang lên ở Sài Gòn, ở Đà Lạt: "Nhà tôi bên Hàng Bè âm u... Chiều chiều gió lay... Và đông người qua...". Cất cao giọng, anh tôi hát điệp khúc sau: "Rời từ đó bước chân vô Nam... Lòng nhớ thương... Mười lăm Hàng Bè..."

Cái vỉa hè ở trước nhà, tôi không tin được con mắt mình, nó hẹp một cách lạ thường, rộng chỉ vừa đúng một chiếc xe máy đặt ngang, thế nhưng đó là cả một thế giới của chúng tôi thời thơ ấu: chơi bi, đá cầu, đánh khăn, nhảy giầy, lò cò, ô quan... Thằng bé thơ thân chơi bi một mình ở đó. Lần đầu tiên thằng bé ý thức một cách mơ hồ nó có một người cha khác thường khi ông thợ húi tóc ở vỉa hè cạnh đó ngừng tay hát mặt về phía nó, bảo khách: "Con ông Tam đấy!"

Phía bên kia con phố hẹp mà cây dâu da xoan trồng hai bên hè giao nhau những chùm hoa ngà trắng, căn nhà trước đây hai tầng bây giờ thành ba mang số 16 xưa kia là của thầy Bùi Hữu Đột, nay biến thành Sinh Café-Open Tour. Nhìn lên cái cửa sổ ở lầu hai tôi mỉm cười nhớ lại cái tinh nghịch của mình. Mỗi lần thầy dạy học đứng trước bảng đen ở căn lầu ấy mặt hướng ra phố thì thằng bé ở căn gác bên này dùng gương hứng ánh nắng hè chiếu tia phản xạ đúng vào mắt thầy! Thằng bé 9 tuổi ấy cũng đủ quỷ quái để mỗi lần thầy bị lóa mắt thì vội vàng ngồi thụp xuống ngay. Nó học cái trò "ném đá giấu tay" nhanh như cắt! (Sau này vào Nam thầy Đột có mở "cua" luyện thi trung học phổ thông môn lý hóa ở đường Công Lý và tôi là học trò của thầy. Một hôm sau khi thầy giảng bài toán quang học về "sự phản chiếu ánh sáng ở gương phẳng" tôi thú tội với thầy tôi là thằng bé đã nghịch chiếu vào mắt thầy khi còn ở Hà Nội. Tôi nhớ thầy có thốt lên "à ra đó là mày!" và thầy còn "khen" tôi là có khiếu về khoa học, biết áp dụng nguyên tắc vật lý từ lúc còn rất bé).

*Hai bên vệ đường loáng thoáng rải rác những căn nhà bé thấp mái ngói xưa cũ, những cây bàng cành lá tiều tụy, những chiếc lá xơ xác bám phủ bụi đường mất đi cái màu lá xanh bóng bẩy của những cây bàng trong thành phố, những hàng quán vắng trụi trên xe nhìn thổng qua nhà những chiếc bàn ghế gỗ xiêu vẹo, trước quán những bảng chữ quen thuộc tôi thấy cùng khắp miền ngoại ô Hà Nội. *Thịt chó. Com phở. Bia hơi.* Chiếc buýt xuôi nam theo quốc lộ một, vượt qua một cái mốc thấp màu trắng ven đường. *Phủ Lý 62 cây số.* Sau những căn nhà thấp, những hàng tre bờ ao đã thấy xuất hiện và ở xa nữa cánh đồng lúa đã bắt đầu mở ra.*

Trên xe đám người yên lặng. Sau đêm Trung Thu thức khuya mấy người trong bọn tôi gạt gửng. Tôi nhìn quanh xe. Nhìn thoáng thì trên xe chỉ có hai nhóm, nhóm người Việt thừa hơn nhóm ngoại kiều. Nhưng qua cách ăn mặc tôi thấy ngay nhóm người mình cũng xếp thành hai: "Việt kiều" gồm chúng tôi và một cặp rất trẻ. Nhóm kia là khách du lịch trong nước; đặc biệt

trong số có hai bà đứng tuổi không thể lẫn được là dân địa phương: hai bà đi chơi mà cứ như đi dự dạ hội, mặc áo dài gấm, thướt tha mà xưa kia tôi chỉ thấy mẹ tôi mặc trong những dịp lễ tết. Đến Ninh Bình tôi lại khám phá ra là còn có thêm một lớp thư tư nữa, chỉ có hai người thôi, nhưng đó là chuyện sau.

Cô thu ngân vừa rời hàng ghế đầu tay lần vịn thành ghế đi về phía chúng tôi. Cô ngồi xuống một trong hai ghế trống ở băng trước (ghế trống chắc thuộc về một cặp đã giận dỗi bỏ không đi từ đầu), hướng về anh tôi ý muốn thâu tiền. Anh tôi móc nguyên bó tiền cô giao ban sáng, lấy lại 25 đôn, rồi đưa cô ta số còn lại: "Còn tiền này tôi sẽ đưa cô sau khi đến Phát Diệm. Sau chuyện sáng nay bây giờ thì tôi không còn biết tin ai!". Mặt phụng phịu, cô thu ngân nài nỉ: "Thôi mà, cô chú bồi dưỡng chúng em tí chút, chúng em xin cảm ơn!". Anh tôi cười (chắc vì cái từ lạ tai cô ta dùng), giao nốt số tiền cho cô ta: "Tôi bồi dưỡng cô chứ có ai bồi dưỡng cho tôi đây!". Cô gái về ghế, tôi nói với anh tôi: "Này anh Việt, bọn này nghi lắm! Hăng xe thì không biết là xe này đi Phát Diệm rồi. Ba cô chú này chắc cấu kết với nhau để chia chác ăn lẻ số tiền đi Phát Diệm của tụi mình. Hai mươi lăm đôn cũng ngon lắm! Có thể tụi nó mới bắt xe chờ nửa tiếng để thương lượng và nài tụi mình đi bằng được."

Ở băng trên có người nói to tiếng. Rồi cô tây ba-lô đứng dậy. Bằng một giọng Anh ngữ lạ tai mà tôi ngỡ là từ Úc châu, cô ta nói to với anh hướng dẫn *tour* than phiền về cái máy lạnh trên xe, hơi lạnh cứ nhè vào gáy cô ta mà thổi làm cô ta rét run. Bây giờ tôi mới để ý là cái máy điều hoà không khí trên xe đã làm việc sốt sắng quá độ mà cô ta thì lại mặc đồ short, lạnh là phải. Anh hướng dẫn loay hoay đứng điều chỉnh cái núm ở trên cao để hướng luồng gió lạnh về phía khác, nhưng sau mười phút vật lộn với cái núm, anh ta bỏ cuộc. Hơi lạnh tiếp tục phì phà vào gáy cô gái Úc làm mấy sợi tóc tơ của cô bay tạt đi. Anh hướng dẫn chỉ vào cái ghế trống trước mặt tôi, đề nghị cô ta đổi chỗ ngồi. Nhưng cô gái Úc nhất định không chịu rời ghế, cứ ngồi đó mà chịu rét và tiếp tục cằn nhằn to tiếng với anh hướng dẫn, lời cả câu chuyện ban sáng ra nói. Tôi nghe anh "tua gai" đáp lại bằng cách văng tục cũng to tiếng không kém nhưng cố nhiên bằng tiếng Việt Nam: "Đ... mẹ mày! Hôm nay đúng là ngày ông ra ngô gặp gái..."

Cô gái rất trẻ. Chắc khoảng hai mươi. Hàng ghế cô ta ngồi có ba người, hai người kia là một cặp vợ chồng già. Tôi đoán cô ta đi du lịch một mình. Nhìn nghiêng tôi thấy má cô ta có nhiều tàn nhang, khuôn mặt gầy, mái tóc vàng sợi tóc rất nhỏ như tơ, phía sau gáy tóc buộc túm bằng sợi cao su. Chập sau cô ta ngồi yên, tiếp tục đọc một cuốn sách dày, bìa cứng, như một cuốn tiểu thuyết. Nhưng cô ta dường như không đủ kiên nhẫn để đọc lâu, chốc lát lại ngừng lên, ngó lung ra ngoài xe, nhìn đồng hồ tay, tiếp tục đọc thêm được chừng trang sách, rồi lại ngừng lên nhìn đồng hồ tay. Cứ thế!

Xe qua Phủ Lý. Trung tâm thị xã những biệt thự khang trang là những công sở mới xây cất mái ngói còn nguyên màu đỏ tươi. Xe lướt qua *Kho bạc Nhà nước*, tòa nhà đồ sộ tôi thấy hiện diện ở tất cả các trung tâm những thị xã tôi đã đi qua từ nam ra bắc. Tôi nhớ câu nói tiêu của một người họ hàng: "Ở cái xứ sở này cái gì cũng thuộc về nhân dân hết, duy chỉ có kho bạc thì nhất trí phải là của nhà nước!".

Phía xa sau những căn nhà của thị xã là một dải xanh của rặng núi vôi Ninh Bình, những khối màu lam lớp lớp nhấp nhô chồng lên nhau vắt ngang chân trời. Cái màu xanh lam ấy đã ăn sâu vào ký ức tôi. Hơn năm mươi năm trước chúng tôi đã chạy loạn qua miền núi Ninh Bình để đến tạm cư ở Phát Diệm. Chiếc thuyền xuôi nam theo giòng sông Đáy đi giữa những rặng núi vôi ấy. Chúng tôi năm anh chị em, hướng dẫn bởi người chị cả lúc đó mới hai mươi tuổi đầu. Bố chúng tôi bôn ba sang Tàu, mẹ chúng tôi và người anh cả bị Việt Minh vây bắt ở phủ Thường Tín. Trong khung cảnh tan hoang ấy thằng bé 7 tuổi nhớn như thò tay nghịch nước ở mạn thuyền và nhìn những rặng núi lam hùng vĩ và đẹp như cảnh thần tiên. *Thuyền mơ trên*

giòng sông vắng... Buồn in bóng... trên ngàn dâu xanh... Núi lam khuất sau ngàn cây... Như bức tranh chiều lắng lơ xây mộng vàng... (Thuyền mơ - Dương Thiệu Tước) .

Gần trưa, chiếc buýt đáp vào một bãi đậu xe rộng bên cạnh một bến nước với rất nhiều quán lá mở ra trước mắt một khung cảnh vừa hùng vĩ vừa mộng mơ trong lòng rặng núi đá Ninh Bình. Mọi người trên xe vội vã quẳng đồ tùy thân trên những cái bàn dài trong quán, xếp hàng đứng đợi trước hai cái W.C. Lúc tôi trở lại quán thì một đám người bu quanh bàn. Giọng của cô gái Úc cất cao, đầy tức tối. Cô giơ tay phân bua là cô mới để cái ba-lô và chai nước suối ở trên bàn, cô vào W.C. lúc ra cái chai nước đã biến mất! Xem ra đám người bu quanh chắc chỉ biết là cô ta tức tối mà không biết cô ta tức tối cái gì. Thấy cô thâu ngân chạy lại, cô gái Úc trút hết căm phẫn vào cô ta, xô ra một tràng. Trong khi đó ở ngay bàn bên cạnh, một bà trong số khách du lịch trên xe, bà mặc áo dài gấm, thản nhiên ngồi uống một chai nước lọc. Cô thâu ngân, với giọng nhỏ nhẹ lễ phép, hỏi bà là chai nước bà uống có phải là của bà ấy mang theo không. Bà ta trả lời là không, bà tưởng là chai nước để trên bàn ăn thuộc về nhà hàng nên cứ tự tiện lấy uống. Sau khi được biết là chai nước của cô gái Úc, bà còn nói là từ nãy giờ đứng cạnh nghe cô đâm la lối mà cứ thắc mắc hoài không hiểu chuyện gì. Cô thâu ngân sai anh hướng dẫn vào quán mua một chai nước lọc mới nguyên hoàn lại cho cô gái Úc và chuyển lại lời xin lỗi của bà uống nhầm chai nước. Cô Úc mặt vẫn hầm hầm, không nhận chai nước, nói chai nước này phẩm chất không bằng chai nước của cô mua ở Hà Nội, hiệu La Viande, nhập cảng; còn chai nước anh hướng dẫn đưa là nhãn hiệu La Vie, sản phẩm nội địa. Anh "tua gai" nhìn tôi lắc đầu, lại văng ra một câu chửi tục, lần này còn "dữ dội" hơn là câu anh đã văng ra ở trên xe.

Năm chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Ngồi cạnh tôi là một cặp mà trên xe tôi không để ý đến. Một cặp vợ chồng già, có lẽ nhiều tuổi nhất trong số khách trên xe. Người vợ nói chuyện với chồng bằng tiếng Pháp giọng nhỏ nhẹ và nói rất nhanh, nghe líu ríu như giọng trẻ con. Người đàn ông gương mặt Á châu, nom như người Nhật Bản. Bà kia chắc phải là người Pháp. Người chồng cầm đũa rất thạo, ông gấp luôn tay cho vợ. Tôi nhìn rõ cái đũa run rẩy trong bàn tay già nua. Người vợ vừa ăn vừa cười lúc xúc trong miệng, thỉnh thoảng lại rúc vào vai ông già nói khẽ vài lời nhỏ nhẹ nghe như tiếng chim sẻ kêu. Sự thân mật đầm ấm của cặp vợ chồng già trông cảm động. Nó nhô hẳn lên cái sự tương phản với nhiều cặp rất trẻ trong chuyến du lịch này. Cuối bữa ăn, ông quay mặt về người dọn bàn nói vài câu, lúc đó tôi mới biết ông ta người Việt. Bằng một giọng nói rất chậm của một người đã lâu lắm không có dịp dùng tiếng mẹ đẻ và với một giọng Hà Nội của một thời rất xưa cũ, ông yêu cầu một món ăn tráng miệng cho người vợ đầm của ông. Tôi bắt chuyện với ông ta và được biết ông sống ở Marseille bên Pháp đã trên 60 năm và đây là chuyến hồi hương đầu tiên của ông. Tôi cảm thấy như vừa có một người bạn đồng hành cùng đi trong chuyến hành hương tìm về quá khứ của mình.

Ăn trưa xong tất cả ra bến xuống thuyền đi theo một nhánh nhỏ của sông Hoàng Long thăm ba cái động được gọi là *Tam Cốc*. Những chiếc thuyền nan nhỏ như chiếc lá liễu chỉ chở được một cặp. Thường thì cặp là vợ chồng hoặc bồ bịch. Chỉ những người đi riêng lẻ mới được xếp chung với nhau. Điều rắc rối và khó hiểu là những người tổ chức sắp xếp cứ nhất định bắt ly gián cặp vợ chồng già. Bà đầm Pháp gần như bị lôi xuống thuyền ngồi chung với cô gái Úc, trong khi ông già Việt lại bị cặp với một người trong bọn tôi. Tội nghiệp bà già, bà sợ hãi run rẩy cương không chịu xuống thuyền. Còn ông chồng thì cực lực phản đối, nói là nếu không xếp ngồi cùng thuyền thì *vợ chồng* ông sẽ không đi. Sau cùng một người đứng tuổi chạy tới nói: "Người ta vợ chồng xếp cho người ta ngồi chung thuyền đi". Ông già lấy bầy ôm lấy vợ, tôi nghe ông nói nhỏ bằng tiếng Pháp với bà, thứ tiếng mà tôi còn hiểu được nghĩa những câu thông thường: "Em đừng sợ. Có anh đây. Anh không để chúng nó chia rẽ chúng mình đâu!".

Trong suốt chuyến đi Tam Cốc tôi cứ bị ám ảnh bởi cặp vợ chồng bị ly gián và thắc mắc tại sao những người xếp thuyền lại cố tình không muốn họ ngồi chung một thuyền. Chiều hôm đó, trên

chuyến xe buýt trở về Hà Nội tôi có hỏi người bạn của anh tôi, là dân địa phương, thì được anh cho biết là khi những chiếc thuyền lá ra sông phải đi ngang một trạm kiểm soát và bị đánh thuế: nếu trên thuyền có một người ngoại quốc thì thuyền bị đánh thuế cao, còn thuyền có người Việt thì đánh thuế thấp vì được xem như là khách du lịch trong nước. Những người tổ chức dịch vụ du lịch thu giá đắt đối với Việt kiều vì coi họ như người nước ngoài, nhưng khi đóng thuế thì tìm cách để xếp họ là người trong nước để hưởng thuế nhẹ. Việt kiều "yêu nước" bị móc túi hai lần! Mấy chục chiếc thuyền lá liểu lướt đi trên con sông cạn, nhiều đoạn sông thu lại nhỏ như một con lạch, len lỏi qua cánh đồng lau sậy, rồi mở ra trước mắt cánh đồng lúa vàng bát ngát, trên cánh đồng mênh mang đó lác đác đó đây sừng lên như có ai cắm vào những khối núi đá xanh lam.

Thuyền êm trôi dưới mái chèo nhẹ nhàng của các cô gái quê, tôi và người chị ngồi chung thuyền, hai người yên lặng và cùng nhau nhớ lại cái thời tản cư xa xưa. Lướt sóng đôi với thuyền chúng tôi là thuyền cô gái Úc, cô ngồi một mình một thuyền. Trong cái yên tĩnh của cảnh vật mà tiếng động duy nhất là tiếng khua nước của mái chèo, tôi nghe tiếng tôi cất lên bằng tiếng Anh với cô gái Úc: "Này, cô bé! (tôi dùng chữ *young lady!*). Tôi hiểu được cái bực mình của cô. Nếu tôi ở địa vị cô tôi cũng sẽ bực mình y như cô vậy. Cái bà kia đáng lý ra phải hỏi trước khi uống, cứ tự tiện uống một chai nước không phải của mình là một việc làm không phải. Nhưng thôi, cô nên nhớ rằng đây là một chuyến đi nghỉ mát của cô, một *vacation*, mà mục đích của chuyến đi chắc chắn là để tìm sự thoải mái. Cô từ xa đến thăm xứ sở này, cô đã bỏ ra một số tiền không nhỏ cho chuyến du lịch, không lẽ chỉ đổi lấy toàn sự bực mình, sự đổi chác đó quả là không tương xứng. Trong một xã hội không toàn hảo, mà chả cứ gì ở nước này, ở đâu đâu cũng thế, sự bực mình lúc nào cũng có, không thể tránh được, nếu cô cứ xoáy vào nó cô sẽ chỉ trông thấy nó mà không nhìn thấy những cái lạ cái hay cái đẹp lúc nào cũng có đầy dẫy ở ngay trước mắt cô, rất đáng để cô chú ý và rất xứng đáng với số tiền cô bỏ ra cho chuyến du lịch này. Cô cứ tin tôi đi!". Cô gái Úc yên lặng không trả lời tôi. Trong ánh mắt cô tôi đọc thấy hình như là một sự ngạc nhiên: tôi không biết cái thoáng ngạc nhiên đó là do nội dung những lời tôi nói, hay chỉ vì cái khả năng diễn đạt bằng Anh ngữ của tôi, tuy còn xa lắm mới đến chỗ toàn hảo, nhưng hẳn là hiếm thấy trong số những người cô được tiếp xúc ở Việt Nam.

Tôi bước trên vỉa hè hẹp, tránh những vũng nước mà trận mưa đêm qua đã để lại trên khắp lối đi. Trước những căn nhà nhỏ của khu phố cổ những chiếc xe máy chắn chặt vỉa hè, người đi bộ phải tách xuống mặt đường, bước qua những mương rác rưởi. Con phố cũ của tôi đã được hiện đại hoá bằng những Mini Hotel nhiều tầng, những cửa hàng dịch vụ du lịch với những phích quảng cáo trưng bày trước cửa. Free Internet! Trong những gian hàng dịch vụ, khách du lịch ngoại quốc tấp nập, những anh tây chị đầm với ba-lô trên vai ngồi đánh e-mail trên một dãy những bàn máy vi tính. Tôi bước qua ngõ Gia Ngư. Khu chợ này vẫn lầy và nhiều rác như năm mươi năm trước. Đến đầu phố Hàng Bè ở góc Cầu Gỗ tôi đưa mắt tìm nhưng không thể nào nhận ra được đâu là căn nhà cho thuê xe đạp quen thuộc của tôi mà thuở nhỏ tôi đã thuê giờ đạp xe cùng khắp Hà Nội, thích nhất là đạp xe trên đường Cổ Ngư đến Quảng Bá để đi bơi ở rặng ổi. Theo phố Hàng Dầu tôi đi về phía Bờ Hồ. Trên vỉa hè, dưới bóng một cây si già, một hàng bán thịt bò khô làm sống dậy thời thơ ấu của tôi: ông bán hàng khuynh hai tay dốc dốc hai chai nước mắm, dấm vào hai cái đĩa mỏng bằng nhôm đặt trên cái bàn xếp, rưới dấm hai thứ nước chấm trên những sợi đu đủ màu trắng xanh, mấy miếng gan cháy, mấy lát húng xanh xếp gọn ở trên. Hai đứa bé đứng chờ, mắt chăm chú nhìn vào đĩa, đầu chúng chỉ cao hơn chiếc bàn xếp có gang tay. Chúng nó đang nuốt nước bọt... Tôi đoán... Y chang như tôi năm mươi năm trước. Tôi quay đi, bụng nghĩ với cái dạ dày từ lâu bị Mỹ hóa của tôi, nếu bây giờ tọng vào một đĩa ấy thì bảo đảm là đi cầu chết bỏ!

Tôi bước sang bên kia đường, tìm về rạp xi-nê Philharmonique. Đó là rạp chớp bóng gần nhà tôi nhất. Thằng bé tôi tôi la cà đến đó chui luôn qua đám ông tây bà đầm, những người tây ăn

mặc lịch sự đang tùm lại nói chuyện dưới cái vòm hiên cong chìa ra vỉa hè rộng để chờ giờ vào rạp. Nó đến đây để nhặt những tờ programme phim mà nó sưu tập. Lâu lâu gặp những phim nổi tiếng như Cuốn theo chiều gió nó cũng đánh bạo sỗ tiếng tây bồi để xin bà đảm tờ programme mà bà cầm trên tay.

Cái mái hiên vòm cong đó giờ đây không còn nữa. Rạp Philharmonique nay trở thành rạp trình diễn Múa rối nước Thăng Long (Water Puppets Show). Những ông tây bà đầm ăn mặc lịch sự và sang trọng kia, hơn nửa thế kỷ sau, được thay thế bằng những anh tây chị đầm ba-lô, quần đùi áo ngắn, đi đứng nghênh ngang hí hửng với chiếc nón cối Việt cộng ở trên đầu.

Dựa theo trí nhớ tôi đi men theo vỉa hè đó đến vườn hoa Chí Linh, giữa vườn hoa vẫn còn tòa nhà bát giác xưa kia tôi đứng nghe hoà nhạc ở đó. Cuối vườn hoa tôi không tìm thấy dấu vết cái Ấu Tử Viên với cái hồ bơi lộ thiên nơi tôi đã tập bài học bơi đầu đời. Thay vào chỗ đó hình như là một biệt thự khang trang dùng làm sứ quán một quốc gia nào đó.

Quay lại phía Hồ Gươm, ngang qua nhà bưu điện, tôi băng qua phố Đinh Tiên Hoàng. Ngồi trên ghé đá sát hồ, gần một cây cổ thụ mà thân cây uốn cong xuống la đà mặt nước, tôi nhìn ngắm ánh nắng sớm mai lấp lánh lặn tẩn chạy trên mặt nước xanh và bàng hoàng chợt nhận thấy là Hà Nội đẹp quá! Đẹp hơn cả trong trí tưởng của tôi... Về phía Tràng Tiền, những hàng cây liễu rủ lá xuống mặt nước... sau những cây liễu một đám người già tập thể dục tai-chi, tay chụm nhau đưa cao quá đầu, cong người như múa. Trên vỉa hè rộng lát gạch đỏ những tấm bích chương cổ vũ làm đẹp thành phố để chuẩn bị kỷ niệm một ngàn năm ngày thành lập cố đô Thăng Long.

“Chú đánh giầy!”

Tôi giật mình. Hai đứa bé xà xuống chân tôi. Hai gương mặt cùng ngừng lên nhìn tôi chờ đợi. Tôi nhìn đôi giầy bám đầy bụi của mình, gạt đầu. Thằng nhỏ con vừa giơ tay sờ vào giầy tôi thì bị thằng lớn hơn xô một cái mạnh ngã lăn chiêng. “Tao thấy chú này trước! Mày đừng có ăn tranh!”. Thằng nhỏ ngồi phất dậy, văng một câu chửi tục tằn: “Đ... mẹ mày!”. Nó đứng tẩn, lấy thề. Tôi can: “Thôi đừng đánh nhau. Cả hai đứa đều đánh giầy cho tao!”. Tôi cởi giầy, đưa cho mỗi đứa một chiếc: “Đây! Đánh cho kỹ nghe! Thằng nào làm kỹ hơn tao cho thêm tiền!”. Hai đứa, mỗi đứa một đầu ghé, giờ hộp gỗ nhỏ, lấy xi, giẻ lau, lúi húi chà bóng chiếc giầy; thằng nhỏ lặng yên, thằng lớn vừa làm việc vừa huýt sáo. Chập sau chúng đưa đôi giầy bóng loáng cho tôi. Tôi ngắm nghía rồi nói: “Hai đứa mày làm kỹ đây! Tao cho bằng nhau mỗi đứa hai ngàn! Tao biết giá mà!”. Tôi mở ví. Tiền Việt Nam là tiền lèo. Để cho ví khỏi cộm tôi chắt toàn giấy bạc lớn. Rút ra tờ năm chục ngàn (khoảng hơn ba đôn), tôi đưa cho thằng nhỏ: “Tụi bay chia đều nghe chưa!”. Nhìn hai đứa bé mặt mày rạng rỡ, vừa đi khỏi vừa ôm bá cổ nhau, thốt nhiên tôi lặng người!. Đó đúng là hình ảnh của hai anh em tôi năm mươi một năm trước, tôi mười tuổi, em Thái tôi lên tám, hai đứa vẫn thường bá vai nhau đi trên con đường Bờ Hồ này. Tôi còn giữ bức ảnh cũ hai anh em tôi chụp chung đứng bên cây liễu cạnh hồ, cũng khuôn mặt rạng rỡ, cũng tay bá cổ nhau. Bức ảnh chụp hai tháng trước khi nó chết vì bệnh tê liệt. Tôi nhớ trước khi chết nó đòi được ăn thịt bò khô. Nó chết ở căn nhà số 15 phố Hàng Bè. Vào ngày thứ Hai, mồng Ba tháng Tư năm Năm mươi. Cái ngày dễ nhớ. Kể từ ngày đó tôi bị đôn xuống làm em út trong một gia đình còn lại sáu anh chị em.

Rời chiếc ghé đá tôi đi không định hướng theo phía hai thằng bé đánh giầy. Tôi không biết đi đâu. Có quá nhiều chỗ để đi, có quá nhiều nơi để gọi nhớ, hầu như khắp Hà Nội đâu đâu cũng ghi dấu kỷ niệm đến nỗi tôi không biết bắt đầu từ đâu nữa. Tôi như những đứa bé mà bố tôi đã tả trong áng văn “Nhặt lá bàng”. “Chúng chạy vụt ra xa rồi lại quay vòng trở lại, có khi đương chạy về một phía bỗng nhiên đứng dừng: một đám lá rơi lả tả trên người khiến chúng ngập

ngừng bối rối không biết quay mặt phía nào". Thốt nhiên tôi muốn nhìn lại tòa nhà đó, nơi tôi tin rằng bố tôi đã ngồi viết áng văn kia. Tòa biệt thự ấy tôi chỉ đến có một lần trong đời. Chiếc xe xích-lô chở hai mẹ con rời phố Hàng Bè. Đưa bé năm tuổi ngồi trong lòng mẹ. Xe đưa nó đến một biệt thự tọa lạc ở một nơi dường như xa xăm lắm, trong một khu phố tây trên con đường ngập bóng cây mát. Mẹ nó nói với nó là đi thăm bố, người bố xa lạ mà nó không hình dung được khuôn mặt. Nhưng cái kỷ niệm đã mờ nhạt ấy không phải là nguyên cớ cho cái háo hức của tôi bây giờ muốn nhìn lại tòa nhà đó. Tôi tò mò muốn đến xem tận mắt một cái địa điểm đã được nhắc tới hoài huyễn, đã ám ảnh tôi sau này khi tôi lớn lên đến độ, với tôi, nó gần như một linh địa. Chiếc xe buýt bỏ Quốc Lộ số 1 ở gần Hoa Lư đi vào một con lộ nhỏ hơn. Mốc chỉ đường cho thấy còn cách Phát Diệm 25 cây số. Xe chạy chừng chục cây thì tiến sâu vào vùng giáo xứ đánh dấu bằng những nghĩa trang bên đường với hàng trăm ngôi mộ mang dấu thập tự trắng, những ngôi nhà thờ tuy nhỏ nhưng nhiều vô kể, gây cảm tưởng là nhà thờ còn nhiều hơn những cấu trúc khác trong vùng. Gần vào thành phố, xe chạy dọc một quãng dài theo một con sông nhỏ ở mé trái rồi qua một vài con phố rất hẹp nhà cửa hai bên bé nhỏ cũ kỹ trước khi đến nhà thờ chính tòa Phát Diệm. Chị tôi và tôi nhào người ra cửa xe vừa kịp thoáng thấy ngôi tượng Chúa dang tay trên một tháp cao đặt chính giữa một cái hồ tròn bằng xi-măng rộng lớn nằm cách mặt tiền của nhà thờ một khoảng khá xa. Xe buýt đỗ dưới bóng một cây đa bên hông phải nhà thờ, được bao quanh bởi một bờ tường cao. Tôi theo đám du khách xuống xe qua một cái cổng ở bên hông bờ tường bước vào địa phận của nhà thờ.

Mặc dù hồi bé tản cư sống gần cạnh nhưng tôi không nhớ một chút nào hình thù của nhà thờ, chỉ nhớ mang máng nó là một khối đen sừng sững. Tôi ngạc nhiên là nhà thờ Phát Diệm lớn quá, ngay cả đối với tầm mắt của tôi hiện giờ. Làm toàn bằng đá cẩm thạch, mặt tiền của nhà thờ là một khối xám xịt có hình thù như một cỗ thành thu nhỏ mà tôi thấy trong Đại Nội ở Huế, với cái nóc nhà thờ là một dãy kế tiếp những mái đỡ uốn cong vút lên như những mái chùa. Nếu không có cây thánh giá ở trên tít cao và ngôi tượng chúa dang tay thì chắc không ai biết kiến trúc đó là một nhà thờ Thiên chúa giáo.

Tôi lấy máy ảnh bấm mấy tấm với anh chị tôi đứng trước mặt tiền nhà thờ và trước bức tượng Chúa. Trong khi tất cả đám du khách tiến vào thăm bên trong thì tôi tách ra; một mình, tôi lách khỏi cái cửa gỗ bên hông trái bước ra khỏi địa phận nhà thờ. Tôi muốn nhìn lại căn nhà xưa của chúng tôi.

Đó là Phát Diệm của năm 1947. Thị xã hừng hực không khí kháng chiến. Từ căn nhà lá chúng tôi tá túc thẳng bé là tôi nhìn ra nhà thờ Phát Diệm qua một rặng cây phi lao. Trong ký ức xa xăm của tôi có in tiếng gió rì rào trên đỉnh phi lao cao ngất. Thời gian của nó ở đây là một chuỗi dài những ngày hè nóng bức. Nó ê a đọc thuộc bài thơ đầu đời. *Ai xui con cuộc gọi vào hè. Cái nóng nung người nóng nóng ghê. Ngõ trước vườn sau um những cỏ...* Nó nhớ nhất là những đêm hè đi ra cánh đồng nhìn những đốm sáng bay la đà trong không gian, những đốm sáng chớp tắt chớp tắt. *Đầu cành gọi bạn oanh xao xác. Trong tối đưa bay đóm lập lòe...* Cùng với đứa em trai, nó đi bắt những con đom đóm bỏ lọ rồi hai đứa chui vào màn chụm đầu vào nhau, tay nó lắc lắc cái lọ trong đó mấy con bọ toả ánh sáng mờ mờ xanh trong.

Trong cảnh chơi đùa ấy thằng bé con cảm thấy một cách mơ hồ không khí nghiêm trọng ở chung quanh. Nó nhớ là người chị cả của nó với nét mặt âu lo chụm đầu nói chuyện với những người nhiều tuổi trong họ cùng đi chung trong chuyến tản cư. Phải mãi mãi rất nhiều năm sau này nó mới biết được nội dung những câu chuyện đó. Người ta đang tung tin đồn vu cáo bố nó ăn cắp hai triệu đồng công quỹ bỏ trốn sang Tàu và toàn quốc đang dấy lên phong trào mại lị bố nó và cụ Nguyễn Hải Thần. Nhưng cái không khí nghiêm trọng nó cảm thấy rõ ràng hơn không phải ở trên gương mặt những người lớn tuổi mà là ở những gì nó chứng kiến trong khu vực xung quanh nhà thờ. Từ trước căn nhà lá nhìn qua rặng phi lao, những đoàn dân quân tự vệ

trang bị vũ khí thô sơ, mỗi người đeo một giỏ đá ở bên hông, chạy rầm rập, hô to vang dội: *Đức Cha Lê Hữu Từ. Muôn năm! Muôn năm! Đức Cha Lê Hữu Từ. Muôn năm!*

Cả thị xã Phát Diệm vùng lên những lời ca kháng chiến. Thằng bé 7 tuổi học thuộc bài ca đầu tiên trong đời nó. Năm mươi năm sau mỗi lần hát lại, tôi như sống dậy trong cái hồn của đứa bé kia. Bài hát đầu đời cũng là bài hát hận thù. Bài “Diệt phát xít” của Nguyễn Đình Thi. *Việt Nam bao năm ròng rên xiết làm than... Dưới ách quân tham tàn gian ác sai lang... Giặc phát xít cướp và giết dân lành...*

Khi tôi lách qua cửa nhìn ra ngoài, cái rặng phi lao trong trí tưởng của tôi vụt mất. Trước mặt tôi là một con phố hẹp, một bên là bờ tường hông nhà thờ, bên kia là một dãy nhà một tầng san sát nhau. Cả một vùng trống trải xưa kia được lấp đầy bằng những căn nhà chi chít. Cái khung cảnh xưa kia giờ đây chỉ còn lại trong tâm tưởng của ba anh chị em tôi, những người còn lại trong đám năm chị em lưu lạc kia.

Tôi bước vào một quán nước trước mắt. *Hoàn Hải - Cà phê - Kem ly - Sinh tố*. Quán vắng. Tôi gọi một cốc nước chanh quả. Ngồi một mình trên một chiếc ghế nhựa thấp tôi vừa lấy ngón tay xoay tròn cục nước đá vừa nhìn chung quanh. Bên kia đường, khuôn mặt cô gái Úc thò ra cửa ngó dáo dác ra ngoài. Khi thấy tôi cô quả quyết bước ra đường vào ngay quán như thể cô có dụng ý đi tìm tôi. Vẫn cái giọng như còn giận dữ cô nói ngay với tôi khi vừa đặt chân vào quán: “Này ông! Hồi nãy ở trên thuyền ông có khuyên tôi không nên bực mình vì đây là vacation. Ông nói hay lắm. Nhưng tôi không giấu ông là tôi rất bực mình đây! Chuyển đi Phát Diệm của ông đã làm hỏng chương trình của tôi. Tôi không tin là sẽ về kịp Hà Nội tối nay. Nhưng thôi thế cũng tạm được đi. Tôi đã tạm tin rằng đi viếng cái nhà thờ này đối với ông nó cũng quan trọng như cái hẹn của tôi. Tôi chỉ tức mình là từ lúc xuống xe ông không thèm nhìn cái nhà thờ này lấy một phút. Ông bỏ ra đây ngồi chơi trong khi tất cả mọi người chiêm ngưỡng cái nhà thờ lạ lùng này. Vậy thì ông đi Phát Diệm làm gì cho phí thì giờ.” i “Cô hãy ngồi xuống đây cái đã rồi tôi sẽ nói cô nghe vì sao tôi đến đây. Chuyện nó hơi dài dòng.”. Tôi đứng lên, mở tủ kính lấy ra một chai nước cất, tôi trả tiền ở quầy rồi đưa chai nước cho cô gái Úc: “Lúc nãy tôi để ý thấy nhà hàng này có bán chai nước suối giống hệt nhãn hiệu cái chai cô mua ở Hà Nội. Vậy tôi thay mặt cái bà uống nhầm chai nước của cô sáng nay mà tôi biết chắc là bà ta vô tình, để hoàn trả cô chai nước này.”

Cô gái Úc nhận chai nước, nói cảm ơn, rồi ngồi xuống cái ghế thấp cạnh tôi. Bằng một giọng từ tốn tôi giải thích về chuyến đi của tôi. Một người sinh đẻ ở Hà Nội nhưng đã rời xa Hà Nội trên năm mươi năm, hiện sinh sống ở bên Mỹ. Với tôi chuyến trở về này không có ý nghĩa một chuyến du lịch thông thường mà là một cuộc hành hương tìm về quá khứ của mình. Tôi kể về thời thơ ấu của tôi, về chuyến chạy loạn đến vùng Phát Diệm và tạm cư ở ngay sát nhà thờ này. Đó là lý do tôi đã bỏ ra ngoài để tìm lại dấu tích nơi chúng tôi đã sống hơn một nửa thế kỷ về trước. Tôi kể về người chị cả của tôi lúc đó mới hai mươi tuổi đầu đã hướng dẫn bốn người em bị lạc cả bố lẫn mẹ tan tác chạy đi giữa cơn ly loạn. Tôi nói: “Cả bố mẹ tôi và người chị ấy đã qua đời từ lâu. Mới cách đây không lâu ba anh em chúng tôi từ Pháp và từ Hoa Kỳ đã mang di cốt của mẹ chúng tôi từ Pháp về Sài Gòn, sau đó lại di chuyển di cốt của bố mẹ chúng tôi và người chị cả về chôn cất nơi nguyên quán ở Hội An. Trên chuyến xe hỏa xuyên đêm từ Sài Gòn đi Hội An tôi nằm ngủ ôm cái bình tro của người chị cả. Tôi đã nói với chiếc bình đó. *I am so sorry...* bởi vì khi chị còn sống tôi đã không có được một lời gọi là từ tế đối với chị, mà trái lại tôi thấy chị chỉ là một người khó tính và dờ hơi, đến độ tôi chỉ muốn lánh xa. Tôi có hứa với cái bình đó là nếu có dịp tôi sẽ đi lại đoạn đường mà chị đã hướng dẫn các em đi qua trong thời kỳ tản cư để thấy được cái can trường của người con gái hai mươi tuổi đầu như chị. Gọi là một chút ghi ơn muộn màng. Và, như một sự rất tình cờ, cái tour Ninh Bình- Phát Diệm này nó thỏa được điều hứa của tôi.”

Khi tôi ngừng nói, cô gái Úc lặng lẽ rời quán. Tôi ngồi thêm một chập uống hết cốc nước rồi tôi đứng dậy đi qua con phố trở vào trong địa phận nhà thờ. Tôi không nhìn thấy đám du khách đâu, tự hỏi không biết họ còn đang ở trong nhà thờ hay đã ngồi đợi trên xe buýt. Dưới bóng mát một gốc cây tôi thấy anh hướng dẫn đứng một mình đang phì phà điếu thuốc. Gặp tôi anh nói ngay: "Này chú! Cái cô gái điên đó nó điên thật rồi! Cả buổi sáng thì nó tức tối cả khuya, giờ thì nó lại khóc hu hu ở trên xe. Cứ bua xùa cá lên! Chả ra làm sao cả!"

Tôi đi về phía cây đa. Chiếc xe buýt dưới bóng cây hình như trống trơn. Tôi bước lên không nhìn thấy một ai trên xe. Rồi ở cuối xe một cái đầu ngừng lên. Tôi thấy đôi mắt cô ta mọng lên đầm ướt. Cô nói với tôi, đúng cái câu tôi đã nói với chị tôi: *I am so sorry...* Rồi cô đứng lên, đặt tay lên vai tôi: *I apologize. I didn't know that this trip meant so much to you...* (Tôi xin lỗi. Tôi không biết chuyến đi này mang ý nghĩa lớn với ông như thế.)

"Trương chậm bước lại vì chàng vừa nhận thấy mình đi nhanh quá tuy không có việc gì vội và cũng không nhất định đi đến đâu. Từ lúc này, vô cớ chàng thấy lòng vui một cách đột ngột khác thường nên tự nhiên chàng đi nhanh làm như bước đi cần phải ăn nhịp với nỗi vui trong lòng." (Bướm trắng- Nhất Linh). Tôi cũng bước chậm lại vì nhận thấy mình đi nhanh quá. Nhưng tôi khác anh chàng Trương tôi biết là tôi đi đến đâu và cái háo hức trẻ thơ muốn đến ngay thay vì nỗi vui đã khiến tôi nhanh bước.

Lúc này ở nhà Thủy Tạ tôi đã hỏi dò đường đến phố Quan Thánh. Từ cái ngã năm có bồn phun nước ông già chỉ đường cho tôi giờ tay về phố Hàng Đào nói cứ đi thẳng hướng đó, đi quá Chợ Đồng Xuân thì đến. Ông ta còn bảo đường xa lắm sao không đi xe ôm. Tôi nói tôi thích đi bộ. Bước qua đường ở cái ngã năm là một thử thách cho những người ở nước ngoài về. Cả một rừng xe máy, ô-tô nườm nượp không ngừng. Khi nào không thấy xe lớn thì cứ chậm chậm qua đường không đợi xe vẫn. "Xe tránh người chứ người không tránh xe". Một người họ hàng khuyên cáo tôi ở Sài Gòn. Đoàn xe máy cứ như đám lao thẳng vào người tôi cho đến sát gần thì đám xe tách qua hai bên. Nơi này xưa kia là bến đỗ của tàu điện. Nơi này xưa kia vang lên tiếng xe leng keng. Nơi này xưa kia người chị cả dẫn đưa em út đi ăn kem ở quán Mụ Béo. Tất cả bây giờ không còn nữa. Kể cả người chị. Thay vào đó là quang cảnh những ngoại kiều đi lại tấp nập, những cô đầm nép vào nhau sợ hãi líu ríu dắt nhau qua đường.

Tôi đi trên những con đường ngắn nối tiếp nhau. Hàng Đào. Hàng Ngang. Hàng Đường. Đồng Xuân. Hàng Giầy. Qua chợ Đồng Xuân tôi thấy đường đi không xa như tôi tưởng và mỉm cười nghĩ tới ông già chỉ đường cứ đề nghị tôi đi xe ôm. Đường trong khu phố cổ rất ngắn, qua rất nhiều ngã tư có đèn xanh đèn đỏ. Tôi nhớ tới lời của bố tôi: "Nhớ giữ nhịp đi của mình, đừng có để bị cái đèn xanh đèn đỏ nó chi phối mình đi nhanh hơn hay chậm hơn. Đến, thấy đèn đỏ mình ngừng. Đến, thấy đèn xanh mình đi. Nếu trong đời sống mình lúc nào cũng giữ được cái nhịp sống như vậy thì mình sẽ sống được một cuộc đời thoải mái.". Bố tôi rất ít nói. Nhưng khi ông nói bao giờ cũng ngầm một ý nghĩa sâu xa.

Đạp vào mắt tôi là cái bồn tròn chứa nước Hàng Đậu. Trí nhớ của tôi vụt hiện ra hình ảnh chiếc xe xích lô mẹ con tôi ngồi năm mươi sáu năm trước, chiếc xe lượn vòng tròn quanh cái bồn nước ba tầng bằng đá xám to lớn bề thế chạy vào một con đường rợp bóng lá bàng. Trong ký ức của tôi có tiếng ve sầu kêu râm rân. Tiếng ve kêu thoạt to rồi cứ nhỏ dần trôi về phía cuối đường, ở đó như vỡ ra tiếng ve lại nổi rân lên. Chiếc xe đỗ ở ngã tư, trước tòa nhà 80 Quan Thánh. Thằng bé con ghi nhớ toà biệt thự có một khoảng vườn rộng phía trước bao bởi hàng rào thấp. Nhưng nó nhớ nhất và khoái trí nhất là khi mẹ con nó bước vào cổng, người lính Việt Quốc ở chòi canh đứng nghiêm tấp bồng súng chào. Đó là năm 1945. 80 phố Quan Thánh vừa trở thành trụ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng.

Tôi bước qua vườn hoa Hàng Đậu. Phía bên kia, gắn trên trụ điện là tấm bảng sắt sơn màu xanh dương đề "Phố Quán Thánh". Cái dấu sắc trên chữ Quán làm tôi ngạc nhiên. Đã bao nhiêu năm trôi tôi đọc sai mà tôi không biết, hay là cái dấu sắc chỉ được thêm vào sau này? Phố Quán Thánh của năm 2001 mà tôi đi qua có quán café Trung Nguyên. Tiếng hát Hồng Nhung vẳng từ trong quán ra phố. Hà Nội mùa Thu... Mùa Thu Hà Nội... Mùa hoa sữa về... Thơm từng cơn gió... Mùa cỏm xanh về... Thơm bàn tay nhỏ... Trịnh Công Sơn vừa chết. Khắp nước người ta để tang bằng những bản nhạc của anh. Bản nhạc này, được nghe từ trong lòng Hà Nội, tôi ngậm ngùi nhớ tới người nhạc sĩ, tới kỷ niệm đã có với anh. Một buổi chiều mùa Thu ở Huế năm 1967, một buổi chiều có nắng vàng hanh, có mưa bụi bay "mưa không ướt áo" như anh nói, chúng tôi vừa ăn bún bò ở dốc Nam Giao xong, về nhà anh đường Nguyễn Trường Tộ gần nhà thờ Phủ Cam. Anh ở trên lầu hai một chung cư dài nhìn ra hàng cây long não. Chúng tôi đứng trên lan can nhìn ra hàng cây. Anh nói cái hàng cây long não đó gợi hứng anh viết nên một số bài hát của anh. Anh giải thích là về mùa Đông lá cây thưa đi, mùa Hè lá cây rậm rì, mùa Xuân "hàng cây lá xanh gần với nhau" (Mưa hồng). Mới hai tuần lễ trước tôi ở Sài Gòn, một người tôi quen biết, người đó có cơ hội tham dự cả hai đám tang, có nói với tôi: "Ở Sài Gòn, 38 năm sau đám tang của nhà văn Nhất Linh, mới lại có một đám tang đông đảo với thành phần sinh viên tham dự nhiều như thế."

Tôi đứng lại trước ngã tư Quán Thánh - Hàng Bún. Tòa nhà đó phải là ở đây, nhưng tôi không nhận ra. Tôi dò con số 80. Con số đó thuộc một căn nhà ở cuối một ngõ cụt rất ngắn. Căn nhà hai tầng với bức tường quét màu vôi vàng loang lổ. Tôi quay trở ra ngoài ngõ, băng qua bên kia phố Quán Thánh, nhìn từ xa ngược lại. Tôi nhìn ra cái mái ngói nâu nhô lên cao của tòa nhà mang số 80 cuối ngõ và tôi hiểu ra: cái vườn hoa nhỏ phía trước biệt thự đã biến mất, thay bằng những căn nhà nhỏ chắn mặt tiền biệt thự chỉ chừa một con ngõ nhỏ đi vào cổng. Tôi băng trở lại con ngõ, nhìn kỹ vào tòa nhà cũ kỹ kia. Cái nôi của Tự Lực Văn Đoàn bây giờ bị chia cắt thành từng mảng nhỏ với rất nhiều hộ ở chen chúc, những người đàn ông vai trần nhô lên trên cửa sổ trên gác, đang giương mắt tò mò nhìn người khách lạ, máy hình lủng lẳng trên vai, lăng xăng chạy tới chạy lui dưới ngõ. Ngay trước ngõ là mấy sạp hàng quán, mấy chị bán hàng cũng quay nhìn ông khách kỳ lạ. Tôi sửa soạn máy ảnh, cẩn thận hỏi mấy người bán quán: "Này chị, tôi chụp ảnh được không chị?" ("Được mà, chú cứ chụp thoải mái!". Tôi nghe chị ta nói với người bán bên cạnh: "Di tích lịch sử đấy nghe! Tháng trước tao cũng thấy có mấy người đến đây chụp ảnh."

Nhớ tới đoạn văn Nhật lá bàng của bố tôi, tôi lại chạy ra ngoài, băng qua đường. Ở ngã tư, đối diện với tòa nhà 80 là một khách sạn lớn, mang tên Khách sạn Hữu Nghị. Tôi đứng rất lâu dưới mái hiên khách sạn. Ở vị trí đó tôi có thể nhìn được bao quát: vừa thấy được cái mái ngói nâu của tòa biệt thự vừa thấy được mấy cây bàng ở phố Hàng Bún. Tôi lặng người đối diện với cái khung cảnh mà trong bao năm đã trở thành "linh địa" trong tâm khảm tôi.

Dưới mái ngói thâm nâu của tòa nhà cổ kính kia, tôi hình dung bố tôi ngồi sau cánh cửa sổ nhìn ngắm những cây bàng chỗ tôi đang đứng. Giữa hai thế giới là một khoảng cách bảy mươi năm chiều dài của một đời người. Cây bàng ông nhìn thấy là cây bàng lá xanh. Cây bàng tôi thấy bây giờ là cây bàng lá đỏ. Lời tiên tri ghê gớm của bố tôi trước khi chết, mười hai năm sau đã trở thành sự thực.

Một người anh họ tôi, nhà văn Tường Hùng, đã từng san sẻ rất nhiều tâm tình và kỷ niệm với bố tôi. Trong một lần gặp gỡ anh có tâm sự với tôi: "Chú Tam rất mê thơ Huy Cận. Chú thích thơ Huy Cận hơn thơ Xuân Diệu. Hai câu thơ sau đây chú thường ngâm cho anh mà chú cho là một kiệt tác trong dòng thơ hiện đại:

Đồn xa quần quai bóng cò

Phát phơ buồn tự thời xưa thối về.
(“Chiều xưa” - Huy Cận)

Thốt nhiên tôi hiểu vì sao bố tôi yêu hai câu thơ ấy. Bằng vào một cảm nhận có tính cách linh liêng hay bằng vào một thứ cảm quan có mang di truyền tính, tôi không biết, nhưng tôi trông thấy giống như ông đã trông thấy, qua hai câu thơ, cái quần quai của tâm hồn ông và cái hồn xưa hiện về ám ảnh ông khôn nguôi.

Tôi nhìn thấy ông quần quai lựa chọn giữa những cái phải làm có tính cách vĩnh cửu với những cái phải làm có tính cách cấp thiết, cái quần quai giữa con người văn nghệ và chính trị, giữa tâm hồn nghệ sĩ và tâm hồn cách mạng, giữa hai con người nhập một của ông.

Giờ đây nhìn lên cái mái ngói kia tôi thấy bằng bạc cái hồn xưa hiện về. Dưới mái nhà đó đã có những con người cùng có những trái tim rung động như nhau, cùng chia sẻ những kỷ niệm thần thánh nhất của cuộc đời mình, cùng nhau tạo dựng được cả một vùng trời văn học. Rồi bỗng thoát - vào cái thời điểm mà chiếc xích lô chở mẹ con tôi đến căn nhà đó - tan hàng đứt gánh “anh đi đường anh tôi đường tôi” và hơn thế nữa thuộc hai khối lạnh lùng giết hại lẫn nhau, nhân danh lý tưởng. Thất tinh của Tự Lực Văn Đoàn, trừ một Thạch Lam đã ra đi trước, sau năm 1945, tách làm hai đều nhau ba người theo hai bên bờ khác nhau của Giòng sông Thanh Thủy, của Giòng sông Bến Hải, hai tác phẩm cuối đời của bố tôi, một đã hoàn tất một còn trong dự tưởng. Tôi còn giữ một số trang bản thảo của tác phẩm dự tưởng ấy. Cuốn truyện dài mang tên Hai con mắt bố tôi chưa viết được bao nhiêu nhưng trong mấy trang đầu đã thấy Thanh và Ngọc, câu chuyện của các nhân vật Giòng sông Thanh Thủy được tiếp tục. Tôi nhớ là Hai con mắt sau được bố tôi đổi thành Giòng sông Bến Hải, nhưng tài liệu này đã bị thất lạc sau biến cố tháng Tư năm 1975. Nếu trong Giòng sông Thanh Thủy bố tôi dẫn đầu cuốn truyện bằng một lời của Pascal: “Bên này dãy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm”, thì ở trong tác phẩm dự tưởng Giòng sông Bến Hải, mở đầu có hai câu thơ sau đây của bố tôi, cũng là hai câu thơ chót của đời ông:

Cùng nguyên giữ tấm lòng Nhân
Tình yêu Tổ Quốc, tình thân Bạn Bầy.
(Nhất Linh 24-1-1961)

“Trong hương trầm của đêm 30 Tết và mắt mờ đi vì thương cảm những người cũ đã khuất hoặc mất tích... tôi có mấy lời cảm xúc này - và cũng là chúc thư luôn thể - với một bài thơ để gửi các anh em cũ (bất cứ từ khu nào)...

Những lúc ngoảnh về quá khứ, kiểm điểm công việc mình đã làm tôi thấy rõ ràng công việc tốt đẹp, lâu bền và có ích nhất của đời tôi là sự thành lập được Tự Lực Văn Đoàn và công việc sáng tác...” (Nhất Linh - 2 giờ sáng, mùng 1 Tết năm Quý Tỵ 14-2-53)

Đứng ở góc cây bàng nhìn toà nhà 80 Quán Thánh, cũng như bố tôi năm nào trong hương trầm của đêm 30 Tết, mắt tôi cũng mờ đi vì thương cảm. Bố tôi đã ra đi được non 40 năm. Thất tinh của Tự Lực Văn Đoàn nay tụ hội đầy đủ ở thế giới bên kia, biết đâu anh linh còn vương vấn bên kia đường, dưới cái mái ngói thâm nâu của tòa nhà cổ kính kia.

Rời Phát Diệm chiếc xe buýt trở lại Ninh Bình. Theo chương trình xe còn đi Hoa Lư thăm đền vua Đinh Tiên Hoàng và đền vua Lê Đại Hành trước khi trở về Hà Nội. Đi qua Hoa Lư chị Thoa tôi quay sang tôi nói: “Em nhớ hồi nhỏ mình học thơ lịch sử không, giống như Bà Trưng quê ở Châu Phong..., Đến Hoa Lư lại nhớ đến câu Có ông Bộ Lĩnh họ Đinh. Con quan thứ sử ở thành Hoa Lư. Khác thường từ thuở còn thơ. Rủ đoàn mục thụ mở cờ bông lau. Mình học thơ sử từ hồi còn bé thế mà mãi đến giờ mới được thăm ông Đinh Bộ Lĩnh và cố đô Hoa Lư.” Tôi nói:

“Còn những bài hát về lịch sử như bài *Bóng cờ lau* của Hoàng Quý, hồi bé hát nhiều thế bây giờ chả nhớ được gì. Em chỉ nhớ là nhạc của Hoàng Quý nó tươi mát và trẻ trung lạ thường! à này, chị có biết cậu thích nhạc của ai nhất không? Cậu mê nhất là nhạc Đặng Thế Phong. Sau đó là Văn Cao. Thứ nữa mới đến Phạm Duy. Nhưng cậu thích lời nhạc Phạm Duy. Cậu mê cái câu này. *Người về ấm lữ tre xanh...* Cậu nói sao mà hay thế! Em tiếc là chưa được gặp ông Phạm Duy. Nếu gặp thế nào em cũng nói với ông ta như thế!”

Xe dừng ở một bãi đậu cách Đền một khoảng xa. Khách trên xe chưa bước xuống thì như ong vỡ tổ một đám đông những người bán hàng đã ồn ào kéo tới. Họ bám theo đám khách du lịch suốt dọc con đường nhỏ dẫn đến Đền Vua. Những đứa bé bán kẹo, những cô gái bán nước uống, những bà già bán bánh trái kèo nài mời mọc. Biết là nhắm vào khách ngoại quốc không ăn thua gì, đám bán hàng chỉ tấn công vào đám người Việt. Nhìn những đứa bé lem luốc và những bà già áo quần sờn rách tôi thấy cái nghèo khó của vùng quê miền Bắc, cái nghèo khó như bị ướp nguyên từ cả trăm năm nay, tương phản với đời sống những nơi thị tứ tôi đã đi qua. Chị tôi mua mấy thứ, vì tội nghiệp mà mua, chứ tôi biết những thứ đó chị tôi cũng sẽ đi cho chứ không ăn được. Tội nghiệp ông già Việt kiều và bà vợ đầm. Hai người không đi được nữa vì bị bu quanh, phải rút lại phía sau. Hai tay ông già đầy bánh trái không còn chỗ nào để cầm nữa, dưới nách còn cặp thêm chai nước, mà đám con nít vẫn không buông tha. Vì số người bán quá đông mà người mua ít tôi đọc thấy sự thất vọng trên khuôn mặt của những người không bán được hàng. Nhất là hình ảnh bà già đứng ở ven đường, một bà già răng nhuộm đen của một thời xưa, bà xuất hiện như thể vừa ngoi lên từ trong vùng sâu quá khứ của tôi. Khăn vấn, áo cánh trắng, chiếc quần đen bạc thếp, khuôn mặt nhăn nhúm, bà giơ hai bàn tay về phía trước. Sức nặng của thời gian làm lưng bà còng xuống. Rõ ràng bà chìa tay không phải ăn xin. Bà ta bán hàng. Nắm kẹo vừng lầy bầy trên lòng bàn tay. Nhưng bà không tranh được với những thằng bán kẹo xông xáo, bà bị đẩy lui về phía sau.

Phía bên tay mặt cái cổng vào đền là một hàng chữ khắc trên đá đen "Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng". Qua cổng đền du khách chia làm hai nhóm đi theo anh hướng dẫn viên nói tiếng Anh và cô thân ngân giải thích bằng Việt ngữ. Tôi không đi theo nhóm nào, tôi lấy máy hình chụp ảnh anh chị tôi trong tốp người Việt theo cô thân ngân. Phía trong cùng của ngôi đền là tượng của Đức Vua đặt trong một gian tối mờ mờ, giữa những cây cột gỗ lim đen bóng và mùi hương trầm phảng phất. Hai bà du khách mặc áo gấm đốt nhang và xì xụp khăn, dưới ánh chớp lóe của những chiếc máy ảnh từ phía du khách ngoại quốc. Tôi thấy chiếc áo dài gấm của hai bà trông không kệch cỡm như khi đi thuyền sáng nay nữa, mà trái lại rất thích hợp trong khung cảnh này.

Trong khi hai hướng dẫn viên giải thích về lịch sử vua Đinh Tiên Hoàng tôi thơ thẩn đi dạo quanh, tôi nhìn cái sân rộng dưới chân với những viên gạch Bát Tràng nâu đã thâm bóng lại và thời gian đã làm mòn trũng đi ở giữa những viên gạch. Trên sân, những bông hoa giấy đỏ thắm trồng trong những chậu sành lớn. ở ngang hông đền thờ một cái cửa nhỏ khoét trên bức tường thành, qua cánh cửa mở là cánh đồng lúa chín vàng rực ở bên ngoài. Tôi tiến về phía cửa. Bên ngoài vắng ngắt không một bóng người. Cánh đồng lúa trải ra bát ngát, một con trâu gầy gò đang gặm cỏ ở gần và mùi lúa chín thoảng về làm sống dậy khứu giác tôi cái mùi quê đồng cỏ nội của thời quá khứ xa xưa. Ngay khi tôi toan quay trở vào đền, tôi chợt thấy ngay gần tôi, sát phía ngoài cửa bờ tường một bà già đang ngồi gục ngủ, cái nón lá bên cạnh. Tôi không biết có phải bà bán kẹo mà tôi đã thấy trước khi vào đền hay không nhưng áo quần bà mặc và cái đầu tóc vấn thì giống hệt. Thốt nhiên tôi lặng người. Hình ảnh bà già ấy đúng là hình ảnh của mẹ tôi, đầu vấn khăn, chiếc áo cánh trắng, chiếc quần lĩnh đen, đang cúi xuống chà chà cho sạch những miếng cau khô ầm bị xanh mốc. Cái hình ảnh quen thuộc đó của bà nó ăn vào ký ức tôi từ thời tám bé, từ căn nhà 15 Hàng Bè Hà Nội cho đến 39 Khu chợ An Đông Sài Gòn. Bao nhiêu năm tháng qua, bao nhiêu thăng trầm của thời cuộc, ngay sát cạnh cái đời sống gió to

bờ của bố tôi, bà cứ lui cui cúi xuống vâng vâng chăm sóc những hạt cau khô từng hạt từng hạt không rời, xem chúng như những hạt quý nuôi dưỡng chúng tôi. Hai mươi năm qua từ ngày mẹ tôi mất hình ảnh của tôi về bà bao giờ cũng là hình ảnh buồn bã, cái buồn bã như thấm đọng vào đời bà, như thấm sâu cả vào trong tiếng cười ròn của bà nữa.

Một buổi trưa tôi nằm ngủ lơ mơ trong căn gác ở chung cư chợ An Đông. Trong giấc mơ ngắn ngủi của tôi có tiếng khóc nức nở khiến tôi choàng dậy. Tiếng khóc như vừa xuyên thủng giấc mơ vì khi tỉnh giấc tôi còn nghe rõ tiếng khóc nức ấy đưa lên từ nhà dưới. Tôi nhảy hai bước một xuống cầu thang. Dưới nhà, trên tám giường phản gỗ, mẹ tôi đang cười ròn tan, cười chảy cả nước mắt vì mắt bà đỏ hoe! Mẹ tôi vừa cười vừa vỗ vỗ lên vai bà khách: "Giời! Lâu quá mới gặp lại bà! Để từ cái thời ở Hà Nội. Gặp nhau nói chuyện cũ với bà, ôi sao vui quá!". Mẹ tôi ngừng nói khi trông thấy gương mặt thẳng thốt của tôi. "Trời, mẹ cười mà con cứ nghĩ là mẹ khóc, làm con hết hồn!". Mẹ tôi quay sang bà khách: "Đấy, đứa con út của tôi đấy! Bố nó thương nó nhất nhà. Lúc bố nó chết, có bao nhiêu sách bố nó giao cho nó hết. Tôi chỉ sợ sau này nó cũng đến khổ như bố nó thôi..."

*Ví mà tôi đổi thời gian được
Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười*
(Thơ Trần Thiện Đạo)

Nhìn trước sau không có ai, tôi lấy ví tiền rút ra mấy tờ giấy bạc lớn rồi sợ bà già thức giấc tôi rón rén bỏ tiền vào trong chiếc nón lá. Khi tôi quay trở vào trong thì vừa vặn đám du khách cũng đi ra về phía cổng đền.

Chiếc xe taxi bỏ Hồ Hoàn Kiếm rẽ qua phố Tràng Thi. Xe đi vào khu phố tây của Hà Nội. Nó khác khu phố cổ ở những vỉa hè rộng, những cây sấu cao to thay thế những cây dâu da xoan thấp bé và những biệt thự màu vôi vàng y nguyên từ thời thuộc địa thấp thoáng qua những hàng rào sắt chạy dài dọc theo vỉa hè. Đến đường Điện Biên Phủ tôi bảo tài xế chạy chậm cho tôi dò tìm số nhà. Xe ngừng, tôi dặn anh tài xế đứng một giờ sau trở lại đón tôi ở đấy.

Ngày hôm trước đứng dưới gốc bàng nơi ngã tư Quán Thánh - Hàng Bún tôi sực nhớ tới một người. Dưới mái nhà kia người đó đã từng san sẻ nhiều kỷ niệm với bố tôi, là người mà có thể tôi đã gặp trong toà nhà đó năm mươi sáu năm trước mà vì còn quá nhỏ tôi không nhớ, là người duy nhất đang ở thành phố này có thể giúp tôi làm cây cầu nối liền quãng thời gian gần bảy mươi năm, khoảng cách giữa hai lần bố con tôi cùng nhìn về cây bàng này. Trở về khách sạn tôi quay điện thoại xin gặp nhà thơ Huy Cận.

Sau khi tự giới thiệu là con của nhà văn Nhất Linh từ nước ngoài về muốn đến thăm ông, ở đầu dây có tiếng thốt lên mừng rỡ bằng một giọng rất nặng Huế: "Có phải anh là anh Triệu không?" ("Không, cháu là em của anh Triệu." (Tôi nhớ ngay đến bài thơ "Tự trường" của Huy Cận 1938 với lời đề "Tặng em Triệu"). Nhà thơ nói với tôi là đúng hai giờ trưa mai ông có thể tiếp tôi một tiếng đồng hồ tại tư gia. Ông còn nói là mặc dù có tuổi ông vẫn còn làm việc ở Nhà Văn hóa và thời gian đó là thuận tiện nhất cho ông.

Nhìn đồng hồ tay tôi thấy mình đến sớm 10 phút. Nhớ tới lời dặn của ông tôi chờ bằng cách tản bộ trên vỉa hè rộng của khu phố tây. Buổi sáng nay Hà Nội rào rào một trận mưa lớn. Tôi đi dưới hàng cây sấu cao. Sau trận mưa ban sáng những chiếc lá xanh trở nên đậm màu hơn và trên vỉa hè, trên mặt đường phủ lên một lớp hoa sấu vàng mỏng. Vỉa hè còn ướt nhẹ nước mưa. Tôi giẫm đi trên hoa sấu nhỏ li ti những cánh hoa vàng nhạt mỏng manh mỏng nước.

Đó là một toà nhà quét vôi vàng nhạt với kiến trúc cổ, trước nhà một cánh cổng sắt sơn màu xanh lá cây. Đúng hai giờ một ông già dáng đi nặng nề từ trong nhà bước ra tay cầm chùm chìa

khóa tra vào ổ cánh cửa sắt. Cửa mở. Trước mặt tôi là Huy Cận. Trước mặt tôi là tác giả câu thơ "Bèo giạt về đâu hàng nối hàng..." bố tôi đã trang trọng viết trên trang đầu bản thảo cuốn Xóm Cầu Mới(Bèo giạt) mà tôi đã nâng niu cất giữ trong suốt 40 năm qua.

Huy Cận hướng dẫn tôi vào nhà qua một lối đi lát gạch có đặt nhiều chậu cây kiểng. Trong phòng khách ông tiếp tôi có treo trên tường bức tranh vẽ chân dung nhà thơ Xuân Diệu. Trên một cái tủ đen có trưng hai bằng tưởng thưởng lòng trong khung kính, qua hàng chữ đồ lớn tôi đọc thấy "Huân chương Độc Lập" và "Giải thưởng Hồ Chí Minh". Ngồi xuống ghế, tôi nói ngay với ông cái mục đích rất giản dị của tôi là xin được gặp ông để nghe ông nói về những kỷ niệm ông đã có với bố tôi. Tôi xin ông không nói chuyện chính trị bởi vì giữa ông và bố tôi đã đi trên hai con đường khác nhau mà cả hai bên tôi nghĩ đều rất hãnh diện về sự lựa chọn của mình. Xem ra ông cũng đồng ý với tôi trên căn bản đó.

Tuổi già không làm khuôn mặt ông hom hem như nhiều khuôn mặt những người tuổi ông tôi đã thấy ở Hà Nội. Mặt ông vẫn giữ được vẻ đầy đặn có thể gọi là tròn trịa. Với cặp mắt húp húp Huy Cận nhìn tôi và bắt đầu câu chuyện bằng một câu hỏi: "Cháu Thiết năm nay được bao nhiêu tuổi?". Sau khi tôi nói tuổi của tôi, trầm ngâm hồi lâu rồi ông nói, giọng ngậm ngùi: "Cháu có biết không? Thế là cháu đã già hơn bố cháu bốn tuổi khi bố cháu mất đấy!". Rồi ông hỏi tôi về đời sống của tôi, của các anh chị tôi, có những ai còn ở trong nước không và nhất là hỏi thăm anh Triệu mà ông đã san sẻ kỷ niệm dưới tòa nhà 80 Quán Thánh (anh Triệu tôi là con nuôi của nhà văn Khải Hưng). Ông cũng hỏi anh em chúng tôi còn lại bao người. Tôi trả lời chúng tôi còn lại năm. Huy Cận nói: "Bố mẹ cháu có trên mười người con. Cháu có biết vì sao cháu có đông anh em thế không? Mỗi lần bà Nhất Linh mang bầu thì ông Nhất Linh lại nói với tôi là sau mỗi lần sinh đẻ bà khỏe hẳn ra chứ không như những người đàn bà khác ngại đẻ, cho nên có nhiều con cũng là một cách tốt để bà sống lâu."

Bố tôi đối xử với bạn bè và những người cộng tác với ông hết sức chân tình. Huy Cận ghi nhận. Ông kể với tôi là ông không bao giờ quên được một đêm đông ông đến thăm bố tôi, thấy ông trên người chỉ có cái áo phong phanh, bố tôi đã cởi ngay chiếc áo lạnh pa-đờ-suy mà bố tôi đang mặc khoác lên người ông và tặng luôn ông chiếc áo lạnh đó.

Rồi bỗng như lóe ra một kỷ niệm vui, trong cặp mắt húp húp của ông già ấy tôi thấy ánh một nét trẻ thơ: "À, mà chuyện này bà Nhất Linh không biết đâu! Chỉ có tôi với ông Nhất Linh biết thôi! Chúng tôi có san sẻ riêng với nhau câu chuyện về một thiếu nữ. Tôi không biết ông Nhất Linh có mê thật cô ấy không, nhưng ông đặt một bí danh cho thiếu nữ ấy là 'cô áo trắng'. Bài thơ "Áo trắng" của tôi ông muốn tôi để tặng ông. Cháu biết không, cô áo trắng là cô Thu trong Bướm trắng của ông Nhất Linh đấy."

Tôi hỏi Huy Cận là ông có biết bài thơ "Ngậm ngùi" của ông đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc và bản nhạc này rất thịnh hành ở miền Nam đến độ với bài "Ngậm ngùi" người nhạc sĩ Phạm Duy đã làm mờ nhà thơ Huy Cận. Ông không trả lời vào câu hỏi nhưng ông nói: "Bài thơ 'Ngậm ngùi' có tư tưởng mới lắm nghe! Sáu bảy mươi năm trước mà tôi đã viết câu 'anh hầu (chứ không phải em hầu) quạt đây!'. Mới lắm nghe!"

Tôi nhìn đồng hồ thấy đã nói chuyện với ông gần một tiếng. Trước khi đứng dậy cáo từ, tôi nhìn thẳng vào mắt Huy Cận, tâm tình: "Này chú, cháu có thắc mắc này, và cháu nghĩ biết đâu cũng có những người khác có cùng thắc mắc như cháu, đó là một người, một nghệ sĩ đã từng sáng tác được những câu thơ như chú trong cái thời 1930 ấy, những vần thơ lãng mạn trác tuyệt như thế đến như bố cháu cũng phải cảm mà lấy tên Bèo giạt đặt cho một tác phẩm để đời của mình, một người có cái tâm hồn ấy không thể nào là bản chất của một người cộng sản được."

Huy Cận ngẫm nghĩ hồi lâu rồi trả lời:
"Hỏi thật cháu chứ câu này có phải của ông Nhất Linh nói không?"

Khi tôi nói là không phải và tôi cũng không biết bố tôi có cái thắc mắc như tôi hay không, thì ông không trả lời, chỉ nói nhẹ nhàng: "Cháu nghĩ là người cộng sản không có tâm hồn sao?" rồi ông nói lảng sang một câu chuyện khác.

Huy Cận tiễn tôi ra cửa. Bàn tay ông run rẩy tra khóa vào ổ khóa chiếc cửa sắt. Chúng tôi ra ngoài hè đường. Chiếc xe taxi đã đậu chờ sẵn dưới bóng một cây sấu. Ông ngoắc tôi đi theo ông đến một hiệu photocopy ở cách đó mươi nhà. Ông làm mấy phóng ảnh đưa tôi. Đó là bốn bức ảnh chụp Khải Hưng, Nhất Linh, Xuân Diệu, Thế Lữ với lời đề tặng Huy Cận của từng người một từ hơn sáu mươi năm trước. Rồi ông và tôi bước trở lại chỗ chiếc taxi đậu.

Giây phút trước khi tôi lên xe, Huy Cận quàng tay qua người tôi. Tôi cảm thấy bàn tay ông nặng xuống bả vai. Qua giọng nói của ông và qua bàn tay ông truyền vào người tôi, tôi cảm nhận được cái xúc động của ông già 82 tuổi đó, cái xúc động nó rõ ràng là mạnh mẽ hơn một sự ngậm ngùi: "Việc gì anh ấy phải chết. Việc gì bố cháu phải chết..."

Đọc đường trở về Hà Nội, trên xe buýt cô gái Úc có một lúc rời chiếc ghế ở hàng trên xuống ngồi trên chiếc ghế ngay trước tôi. Khoảng thời gian cô ngồi nói chuyện với tôi, tôi thấy đó cũng là lúc cô tỏ ra thanh thản nhất trong suốt chuyến đi chơi. Tôi được biết cô ta ở thành phố Sydney bên Úc. Cô ta đã để ra ba tháng hè để đi du lịch và đúng như tôi đoán cô ta du lịch một mình không có bạn đồng hành. Nghe cô gái tả về hành trình đã qua của cô tôi ngạc nhiên về cái tinh thần phiêu lưu mạo hiểm của cô và chắc cũng là của nhiều những cô gái tây phương trẻ trung của thế hệ mới này. Chuyến đi bằng đường bộ của cô khởi đi từ thượng lưu sông Dương Tử bên Trung Quốc trong vùng núi Tứ Xuyên. Bằng đường bộ trong một tháng trời cô đi xuôi nam xuống biên giới Việt Hoa, qua ngã Lào Cay cô vào Việt Nam. Hai tuần lễ ở Sapa, cô leo núi Fansipan và sống với người H'mông ở trên núi. Cô ở Hà Nội có hai ngày. Ngày mai cô sẽ rời Hà Nội sớm đáp xe đi qua Lào, qua ngã Điện Biên Phủ. Chương trình của cô sau đó là băng qua Thái Lan bằng đường bộ và sẽ bay về Úc từ Bangkok. Cô hỏi tôi là tôi đã đi Sapa chưa, tôi nói chưa, cô nói đây là một nơi rất đẹp của Việt Nam và là một chỗ phải đi. Tôi nói với cô gái Úc: "Thành phố nơi chúng tôi sinh sống, Seattle của tiểu bang Washington, rất giống thành phố Sydney nơi cô ở. Tôi biết như vậy là vì coi TV chiếu thể vận hội mùa hè ở Sydney, đoàn lực sĩ chạy đường trường trên những con đường của thành phố. Tôi thấy Sydney cũng giống như Seattle có rất nhiều cây, rất nhiều nước vì cả hai thành phố đều nằm sát vùng vịnh. Ở bên Úc chúng tôi cũng có nhiều người bạn và họ hàng sinh sống, vì thế chúng tôi sẽ qua thăm đất nước của cô trong thời gian gần đây." Tôi còn nói vợ chồng tôi rất thích đi du lịch và đề nghị khi nào cô có dịp ghé Seattle thì tôi sẽ làm hướng dẫn viên và cô cũng làm như thế khi chúng tôi đến Sydney. Cô gái Úc trở lại chỗ ngồi sau khi chúng tôi trao đổi địa chỉ e-mail. Đọc cái địa chỉ mà cô ta ghi cho tôi trên một mẫu giấy, tôi biết được tên cô ta. Bên ngoài xe trời mùa thu miền Bắc chụp bóng tối xuống rất sớm. Về đến gần Hà Nội thì đèn trên xe đã thấy bật sáng, hai bên đường ánh đèn điện vàng mờ trong những hàng quán. Ngoại ô Hà Nội về đêm trông hoang vắng đìu hiu.

Xe vào trong thành phố. Tôi thấy cô gái Úc đứng dậy nhìn ra ngoài. Cái vẻ nóng ruột hiện rõ trên nét mặt cô. Luôn tay nhìn đồng hồ, cô nhắc lại đến hai bà lần với anh hướng dẫn là nhớ nói với chú tài xế ghé Hồ Gươm cho cô ta xuống trước khi xe đến bãi đỗ. Tôi thấy anh hướng dẫn gạt đầu lia lịa, có vẻ chịu đựng như không còn buồn cà khịa với cô tây ba-lô nữa.

Tôi suy nghĩ. Tôi đã làm hỏng chuyến đi chơi này của cô gái chỉ vì cái nhà thờ Phát Diệm. Tôi đoán trong lúc nói chuyện với tôi hồi nãy sở dĩ trông cô thanh thản chắc là vì lúc ấy cô định nhìn

là sẽ không về kịp Hà Nội nên cô bỏ cuộc thôi không nghĩ đến cái hẹn của mình nữa. Nhưng đến khi xe vào thành phố, xem lại giờ thì chắc là cô nghĩ không đến nổi nào, và chính vì thế nên cô mới lại nóng ruột. Cái hẹn nào mà quan trọng thế? Tôi tưởng tượng nếu tôi ở vị trí cô ta và tôi cũng trẻ như cô ta. Với cái tuổi đó cái hẹn gì là quan trọng nhất? Có lẽ bị ảnh hưởng bởi những dòng văn lãng mạn của Tự Lực Văn Đoàn, tôi hình dung một câu chuyện tình. Sáng sớm mai cô ta phải rời Hà Nội. Cái hẹn tối nay là cơ hội chót để cô gặp người ấy. Một anh tây ba-lô cũng đi du lịch một mình như cô, người Úc, người Đức, người Mỹ; điều đó không quan trọng, cái quan trọng là hai người đã gặp nhau và hợp nhau. Cô đã quên không lấy địa chỉ của người đó. Nếu lỡ hẹn cô đã mất đi một cơ hội lớn nó có thể làm lệch hẳn đời cô. Vì cô ta cứ nhất định muốn xuống xe ở Hồ Gươm, vậy thì chỗ hẹn phải là cái nhà Thủy Tạ thơ mộng kia. Khi chiếc xe buýt đến bờ hồ, cô gái bỏ chỗ đứng tiến đến chờ sẵn ở sát cửa. Đến đường Đinh Tiên Hoàng, chỗ đối diện với đền Ngọc Sơn, cô gái Úc ra hiệu xe ngừng. Chiếc buýt đỗ lại bên hè, thả cô gái xuống rồi chạy ngay. Tôi dướn người nhìn qua khung kính. Trên vỉa hè đèn sáng trưng, cô gái Úc vừa đi tất tả vừa lục trong ví sách tay lấy ra một cái gì như tấm vé, trình cho cô gái đứng trước rạp và biến mất vào trong. Rạp hát vắng ngắt. Cảnh vật ban đêm ở chỗ đó khác hẳn quang cảnh tôi đã thấy ban ngày. Tôi nghe mình nói thầm với tôi. *Bye bye Christina! Bye...*

Cái mái hiên vòm cong đó giờ đây không còn nữa. Rạp Philharmonique nay trở thành rạp trình diễn Múa rối nước Thăng Long (Water Puppets Show). Những ông tây bà đầm ăn mặc lịch sự và sang trọng kia, hơn nửa thế kỷ sau, được thay thế bằng những anh tây chị đầm ba-lô, quần đùi áo ngắn, đi đứng nghênh ngang hí hửng với chiếc nón cối Việt cộng ở trên đầu.

Seattle, mùa Giáng Sinh 2002

Phụ đính I

Niềm vui chết yểu Nguyễn Tường Thiết

Tôi ngó đồng hồ: 5 giờ kém 15. Chiếc xe sao chạy chậm quá vậy? Người tôi nửa như xôn xao bồn chồn, nửa như bị du sâu vào trong một giấc mơ. Tiếng động, tiếng sinh hoạt về chiều của thành phố, nghe xa vút hẳn đi. Những âm thanh lâm râm, lao xao, mơ hồ như thuộc về một thế giới khác. Đường phố quen thuộc của Sài Gòn, đâu đó một tiếng còi xe giạt lại, tôi nghe ngắn và sắc hơn. Chiếc xe chạy qua rạp Olympic, tôi quay người ngó lơ đăng vào mấy tấm vẽ quảng cáo ở cửa rạp: “*Cậu coi Jugement à Nuremberg* chưa?”. “Rồi!”. “Đấy cậu chẳng cần nói gì cả, cứ im lặng như viên Bộ trưởng Đức mà hay. Cũng chẳng cần viện cớ bệnh không nói được ở Toà. Để tối con lại luật sư Ch. lấy mấy giấy bác sĩ. Con nghĩ chẳng cần phải dùng cách ấy. Mình vẫn khoẻ như thường mà chả thèm nói gì cả, cũng chẳng cần trả lời những câu của Toà, cứ im như hén thế mà hay!”.

Chiếc tắc-xi đến một khúc đường sửa, bị xóc, tôi thấy nặng ở đùi: đầu cha tôi còn gồi lên đùi tôi, miệng hé mở, ngả đầu về sau, một ít nước bọt ở mép, cánh tay phải mềm xuôi buông lỏng xuống sàn xe. Cách đây một giờ, cha tôi uống thuốc độc thật mạnh để tự tử. Cha tôi đã đồng ý với tôi ở một điểm: “Im như hén thế mà hay!”. Nhưng quả thật tôi không ngờ ông đã đi sâu đến như thế để dọn một thái độ dứt khoát không phải chỉ im lặng ở Toà án mà là một im lặng mãi mãi, một im lặng bi đát đến ghê rợn mà tôi không thể tưởng tượng nổi.

Tôi thò tay vào túi áo ngủ của cha tôi lấy ra một tờ giấy mà lúc ở nhà tôi không kịp xem. Trên

một vuông kẻ ô, cha tôi để lại những hàng chữ cuối cùng trong đời ông. Đọc xong, gần như vô ý thức, miệng tôi cứ lặp đi lặp lại mãi một câu “Đời tôi để lịch sử xử...”.

Anh T. ngồi ở đằng trước, giục tài xế chạy thật nhanh để chóng đến bệnh viện, nhưng chiều chủ nhật đông xe, chiếc tắc-xi bị nghẽn đường mấy lần và cuối cùng chỉ tới Grall lúc 5 giờ 10 phút. Chúng tôi xuống xe, trình giấy giới thiệu khẩn cấp của bác sĩ Ph. cho viên quản lý thường trực và khiêng cha tôi, lúc đó đang thiêm thiếp trong chiếc khăn len dày, xuống băng ca. Một lát bác sĩ Gourillon tới, ông bảo mọi người lui ra ngoài rồi tiến vào phòng. 10 phút sau, trước sự chờ đợi nóng lòng của mẹ tôi, anh T. và tôi, viên bác sĩ Pháp đẩy cửa bước ra, ông nhìn mẹ tôi trước nhất, khẽ nhún vai, buông xuôi hai cánh tay xuống tỏ một dáng điệu thất vọng rồi nói với bác sĩ Ph. lúc ấy cũng vừa tới nơi: “C'est foutu!”.

Tôi nhìn lên mấy hàng cây của khu công viên bệnh viện. Bầu trời vẫn chưa lên cao sau một buổi chiều mưa rơi tầm tã. Những vũng nước nhỏ yên lặng như những mặt gương, soi ngược mái dẫy bệnh viện im lặng, gác nhà thờ nhỏ nằm im lìm ở phía bên phải, những lá cây ướt nước trở nên sậm màu hơn, và ở dưới những chiếc lá, giọt nước mưa vẫn thi nhau nhỏ xuống, không gây một tiếng động nhỏ.

Buổi sáng ngày hôm ấy, cha tôi đi thật sớm. Ông mở ngăn kéo, lấy mấy tập sách, tập bản thảo những tác phẩm cuối cùng, gói vào một tờ nhật báo. Tôi đoán có lẽ cha tôi đi họp ở đâu vì cũng đúng vào chủ nhật tuần trước, ông đã tới dự phiên họp đặc biệt của nhóm Bút Việt. Cha tôi có một thói quen dậy rất sớm khoảng 5 giờ, rồi cùng mẹ tôi ngồi uống trà Tàu. Ngay cả trong những buổi sáng giá buốt của Đà Lạt, thói quen đó cũng không bị bỏ. Nhiều lúc hứng trí, cha tôi còn đánh thức chúng tôi dậy để cùng hưởng cái thú uống trà buổi sáng ấy. Nhưng thường thì chúng tôi phản đối để ngủ lại. Cũng chính vì thức sớm nên đến chơi nhà ai, cha tôi cũng đến vào lúc chủ nhân chưa ngủ dậy.

Khoảng gần 10 giờ, cha tôi về. Tôi đang ngồi ở đi-văng, mở máy thu thanh nghe mấy bản tân nhạc trình diễn, cha tôi bước lên cầu thang, dáng hơn mệch mội. Ông không thay quần áo ngay như mọi lần về nhà, cứ để nguyên quần áo Tây ngồi xuống ghế xích-đu, bên cạnh tôi. Trong suốt buổi sáng hôm ấy chỉ có cha tôi và tôi ở trên gác. Ông ngó quanh quất không thấy ai nữa, hỏi tôi: “Anh T. mấy giờ về?”. Tôi trả lời: “Mọi tuần đêm thứ bảy đã ở Sài Gòn không hiểu sao bây giờ vẫn chưa thấy về nhà”. Cha tôi lộ vẻ băn khoăn, chờ đợi, bứt rứt, điều thuốc lá rung rung ở trên đầu hai ngón tay. Ông mở bia, rót vào một cái cốc nhỏ. Ánh nắng lọt qua khe cửa chiếu vào thành cốc dày loé lên những ngôi sao sáng. Tự nhiên tôi nhớ đến một kỷ niệm cách đây bảy năm, ở Đà Lạt. Năm 1956, một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, cha tôi, chị Th. và tôi tổ chức một buổi pic-nic ở hồ Than Thở. Chúng tôi tìm một chỗ thật vắng vẻ ở cuối hồ, cha tôi và chị Th. rải mấy tờ báo xuống đất, dưới mấy gốc thông, chỗ lá thông khô rụng phủ dày làm cỏ không mọc được. Tôi nghĩ nơi này không có đường mòn dẫn tới chắc chắn có ma nào đến, nhưng khi xách súng cao-su đi bắn chim ở gần đó, tôi thấy rải rác dưới đất có những hộp cá ri, một tờ báo cũ nát, mấy khúc cây cháy dở dang (vết tích của một bữa ăn no say), tôi thấy nơi này không còn hiu quạnh nữa. Cha tôi nghĩ ra một cách nướng lạ-xưởng rất giản dị. Lấy bông đồ alcohol vào rồi đốt, hơ khúc lạ-xưởng quấn queo lên trên ngọn lửa màu xanh nhạt. Cha tôi bày biện sắp xếp thức ăn nom rất mỹ thuật, ngon mắt. Đặc biệt ông hay để ý đến màu sắc của đĩa làm nổi những thức ăn bày ở trên, ông thường bảo đĩa màu vàng làm nổi những thức ăn hơn những đĩa màu khác. Trong bữa có món trứng cá caviar cha tôi bảo ăn rất ngon, nhưng chúng tôi chịu không ăn được. Dùng bữa trưa xong, cha tôi mở bia rót vào mấy cái cốc nhỏ. Chúng tôi không quen uống, nhất là lại không có đá, nhưng cha tôi không bao giờ cho đá vào và bảo uống như vậy nhạt. Tôi còn nhớ nắng hắt vào thành cốc – vẫn cái cốc hôm nay ông dùng – làm loé lên những ngôi sao nhỏ. Một giờ sau đó lúc trở về mang theo một con chim bị bắn chết, giờ khoe trước mặt cha tôi thì ông đang ngả người hút thuốc, lưng dựa vào một gốc

thông. Những vệt ánh sáng yếu ớt lọt qua lá thông chạy loà xoà trên mặt cha tôi, một tí nắng đậu yên ở trên sống mũi gần chỗ những đường gân đỏ bóng ở cuối mũi trông như một viên cuội có những đường vân đẹp.

Cha tôi ho một tiếng ngắn. Tôi có cảm tưởng ông sửa soạn nói với tôi điều gì. Nhưng ông chỉ im lặng. Từ lúc này một ban nhạc nào đó hát đi hát lại mãi bản nhạc “Mừng ngày song thất”, tôi để ý thấy cha tôi chú ý nghe nhưng không để lộ một thái độ nào. Tôi đem vấn đề ra Toà ngày mai ra bàn, xem cha tôi đối phó ra sao. Tôi cũng đề nghị với cha tôi không nên có thái độ nào khác ngoài sự im lặng. Nhưng ông chỉ âm ừ như không muốn những câu hỏi của tôi có thể làm loãng những điều ông đang xuất ngoại. Thình thoảng có tiếng chân ai lên gác, ông giật mình ngó về phía cửa. Tôi vói tay lấy sách Ronéo để trước mặt ông. Đó là bản cáo trạng khá dày, trong đó có những lời khai của cha tôi ở cảnh sát. Ở trang cuối, tôi chú ý đến những lời kết tội như “phản quốc”, “xâm phạm đến an ninh quốc gia”. Trong suốt hơn một giờ đồng hồ, cha tôi vẫn giữ một thái độ im lặng, suy nghĩ. Ông uống bia rất chậm. Dường như lại không biết mình đang uống bia nữa. Khi ông để cốc rượu xuống bàn, chiếc ly rung rung lơ lửng vài giây sát mặt bàn rồi mới hạ hẳn xuống một cách khó khăn, như giữa ông và cái bàn có một sự xa cách đủ khiến ông phải gắng sức.

Khoảng 11 giờ, như vụt quyết định xong một điều gì, cha tôi có vẻ thành thoi hơn, ông bỏ hẳn thái độ băn khoăn, thay quần áo ngủ, rồi quay lại trả lời câu hỏi của tôi ban nãy: “Phải đấy, chẳng cần phải nói gì cả, chiều nay con lại nhà luật sư Ch. lấy hết các giấy bác sĩ về. Biết địa chỉ không?”. Tôi gật đầu. Cha tôi kéo ghế ngồi đối diện tôi, nhìn tôi rất lâu. Tôi nói: “Con đoán họ chẳng làm gì cậu đâu, nếu họ muốn bỏ tù thì họ đã bắt tù lâu rồi. Việc này họ đem ra xử cho có lệ, rồi kết mình vô tội để hạ nhục chơi. Và lại nếu có ra Côn Đảo thì cũng chẳng sao, chỉ làm giàu thêm cho cuộc đời tranh đấu của cậu. Cứ coi đó như một dịp đi nghỉ mát, biết đâu lại chẳng có những tài liệu hay để viết, phải không cậu? Ra ngoài ấy, gặp hai chú S., anh V., vui biết mấy! Sẵn dịp đó cậu viết tiếp quyển *Xóm Cầu Mới* hay là con nghĩ thế này – tôi ngồi ngay lại trên ghế – cậu có thể như Churchill về già viết lại quãng đời mình. Con nghĩ đó cũng là một tài liệu quý lắm!”. Cha tôi nhìn ra ngoài cửa sổ đáp: “Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau. Có điều bức nhất là họ lấy tư cách gì mà lại đem xét xử những người quốc gia đối lập rồi gán cho họ tội phản quốc. Còn cái việc viết hồi ký thì cậu cũng đã nghĩ đến hồi 1958 ở Đà Lạt. Cậu dự định viết 3 quyển: cuộc đời làm báo và viết văn của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam và quyển thứ ba cậu nói về sự sưu tầm hoa phong lan. Nhưng rồi về đây vì bạn tờ *Văn hoá Ngày nay* nên chỉ viết được cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, sau đó lại bị dính vào những rắc rối chính trị, không có tâm đâu mà viết”. Cha tôi cúi xuống đọc lại một lần nữa bản án kết tội mình, khi ông ngẩng lên, tôi ngập ngừng đưa ra một câu hỏi: “Bây giờ nghĩ lại tất cả những việc cậu đã làm, cậu thấy hãnh diện về những việc gì nhất?”. Cha tôi cười: “Thật ra thì chẳng có việc gì đáng tự hào vì chẳng có việc nào cậu cho là đến nơi đến chốn. Nhưng cậu vừa lòng nhất là việc thành lập được *Tự lực Văn đoàn*. Đến bây giờ cậu vẫn tha thiết về vấn đề này nhất. Chuyện chính trị nhiều khi cái không khí nó bắt buộc mình phải tham gia, như cái tình trạng hồi Pháp thuộc, lúc đó, nếu cậu không đứng ra giúp nước thì trong lòng áy náy chẳng làm được chuyện gì khác. Nhiều khi người ta bị đẩy tới guồng máy hoạt động một cách rất giản dị đến nỗi chính họ cũng không ngờ tới sự quan trọng của việc họ làm, rồi như những bánh xe ăn khớp nhau, họ bị đẩy dần vào vòng trách nhiệm. Ngay cả những hồi lấy lan ở Đà Lạt, cậu vẫn bứt rứt vì thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm ấy, nên phải về hoạt động lại ở Sài Gòn. Chính vì thế làm chính trị, lúc nào tiến thì dễ, liệu lúc nào rút khỏi đúng lúc mới khó. Nếu ông Diệm sau một năm đầu ổn định tình thế quốc gia từ chức ngay khi ban hành hiến pháp có phải đẹp biết mấy”. Tôi sực nhớ ra một điều hỏi: “Còn đảng Việt Quốc ra sao? Còn hoạt động gì nữa không?”. Cha tôi có vẻ buồn, ông chớp mắt mấy cái rồi hạ giọng: “Lúc nào cậu cũng muốn có một sự đoàn kết thật sự các anh em, đến bây giờ cậu còn muốn những đảng viên trẻ tiến lên hàng lãnh tụ, những tầng lớp già rút lui đến

nếu cần thì làm cố vấn thôi”.

12 giờ trưa, cả nhà đông đủ, mẹ tôi ở dưới nhà lên, anh T. mới ở Biên Hoà về, chúng tôi dùng bữa trưa rất vui vẻ. Cơm xong, tôi ngủ trưa, cha tôi khác với lệ thường không đi nghỉ. Trong giấc ngủ chập chờn tôi nghe mơ hồ thấy cha tôi và anh T. nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Đến ba giờ trưa tỉnh giấc, tôi vẫn thấy hai người đang nói chuyện, mẹ tôi đã xuống nhà dưới tự bao giờ. Tôi hơi ngạc nhiên thấy hai người uống Whisky, thứ rượu mà cha tôi đã bỏ từ nhiều năm nay. Nhưng xem dáng, tôi thấy cha tôi rất vui vẻ, ông sốt sắng hỏi tôi về chuyện học hành, chuyện đi dạy học của tôi. Nhân dịp này tôi có hỏi ý kiến ông về việc có một số người lạ tới gặp tôi trong những ngày gần đây rủ tôi vào một đoàn thể thanh niên mưu chống lại chính quyền Diệm. Cha tôi có vẻ lưu tâm đến vấn đề, ông khuyên tôi phải nên thận trọng vì từ sau vụ đảo chánh thất bại ngày 11-11-1960, những đoàn thể đó có thể của Nhu tung ra để giải bẫy những người muốn chống lại họ. Trong câu chuyện ông rất bình tĩnh, vui vẻ, giảng giải khúc chiết khác hẳn thái độ của ông trong mấy ngày qua. Điều đó làm tôi vui lây. Tưởng như câu chuyện ra Toà ngày mai không còn làm cha tôi quan tâm nữa. Uống xong ly rượu nhỏ, cha tôi đề nghị mua thêm rượu mạnh nữa. Chúng tôi nghĩ có lẽ rượu làm ông quên được những sự thối mả khó chịu nên chúng tôi rủ nhau đi, hẹn cha tôi 15 phút sau trở về ngay. Lúc tôi sắp bước xuống cầu thang, cha tôi gọi giật tôi lại, tôi nghe ông gọi tên tôi bằng một giọng xúc động, nhưng ngay lúc ấy tôi không để ý. Ông nhìn lâu vào mắt tôi, ngáp ngừng đưa một cánh tay về phía trước như muốn nói điều gì lại thôi, chỉ hỏi: “Đi có 15 phút thôi à?”. Đến bây giờ nghĩ lại tôi còn nhớ rõ cái nhìn của cha tôi lúc ấy, ánh mắt như gửi đến tôi những điều mà ông không thể diễn tả bằng lời.

Tôi chờ anh T. đến đường Đồng Khánh, lúc ấy khoảng 4 giờ chiều. Trời âm u buồn như muốn mưa. Chúng tôi vào mấy tiệm để lựa thứ rượu nào cha tôi ưa thích. Cuối cùng chọn được chai Johnnie Walker, vừa đi ra thì trời lại đổ cơn mưa to. Chúng tôi trú ở mai hiên nhà hàng Arc-en-ciel. Trời tối sầm lại. Người đi đường chạy dạt vào hai bên trú mưa. Anh T. lộ vẻ bồn chồn, nóng nảy, bứt rứt. Tôi thấy anh đứng một chỗ như không yên. Một chiếc tắc-xi vút tới, những giọt nước mưa màu vàng sáng đan nhau líu ríu trước hai vệt đèn pha. Tôi ngạc nhiên thấy anh T. chạy vụt ra đón chiếc tắc-xi ấy, mặc dù mưa rất nặng hạt. Anh chỉ kịp nói với tôi một câu: “Mày ở lại đây, tao về trước!”.

Tôi nhìn những giọt nước mưa bắn toé bọt trắng ở bên mặt lộ, hơi nước trắng nhờ phủ kín mặt nhựa. Thình thoảng một chiếc xe xẹt ngang rẽ nước sang hai bên. Bên cạnh tôi, dưới mái hiên một cô bé chừng 15 tuổi đứng khấp nép vào sát tường, cô ta căng cái ô ướt sũng nước về phía trước, nhưng những giọt nước mưa quái ác vẫn bắn toé vào hai gót chân. Mái tóc của cô ta mềm phủ dài sau lưng, bụi nước mưa phủ trắng lấm tấm như những hạt sương nhỏ.

Tôi nghĩ miên man đến những chuyện riêng rồi cuối cùng trở lại chuyện cha tôi ngày mai phải ra toà, không biết gia đình có được vào xem xử án không. Dần dà tôi khám phá ra hình như thái độ gần đây của cha tôi có một cái gì khác thường tất cả diễn ra như sắp xếp theo một nhịp ngăn nắp, một trật tự đặc biệt. Mọi thái độ, lời nói, cử chỉ của cha tôi mấy hôm nay mơ hồ như có liên quan với nhau như âm thầm, đan díu, mưu tính để cùng tiến tới một ý định duy nhất. Sự khám phá đó nở dần trong tôi một mối lo sợ, đầu tiên là những cơn lo âu vớ vẩn có xen chút hoài nghi như một bộ hành sợ mưa khi nhìn thấy vài áng mây đen trên nền trời xanh. Nhưng sau đó, kiểm điểm lại, thấy quả thật mọi việc đều ăn khớp với nhau mật thiết như một sợi xích, thì lý trí tôi đã tìm được lý do để thông đồng bào chữa cho nỗi lo âu của mình. Từ đó, lo sợ biến thành một cảm giác bàng hoàng xâm chiếm ở ạt con người tôi như một dòng nước mạnh phá vỡ con đê. Nổi bàng hoàng toả ra, lan ra khắp người như cảm giác đang khi ở trong phòng lạnh chợt mở cửa bước chân ra ngoài đường phố.

Tôi bắt đầu đi vào giấc mơ. Trí óc tôi vẫn tỉnh suốt. Nhưng cảm giác lạc đi, tê dại. Mưa vẫn quất xối xả. Tôi nhìn xuống mái tóc cô gái đứng trú mưa cạnh tôi, rồi quay đi. Nhưng trong trí tôi vẫn còn vương lại hình ảnh những bụi nước nhỏ lấm tấm, những bụi nước ấy cứ lờn vờn ám ảnh một cách dai dẳng vô lý. Từ đó, hiện lên rất nhiều những đốm trắng nhỏ nhảy múa trước mắt, chúng nở ra nhòa đi, rung rinh trên một nền trắng; trong đó là hình ảnh của cha tôi buổi chiều ngày hôm trước, lúc ông đang nằm trên nệm trắng, vòng tay gối đầu, ngửa mặt lên trần. Hai mắt ông màu nâu đục, cái nhìn xa xăm buồn bã như suốt đời đi tìm chẳng bao giờ toại nguyện. Tôi tiến lại, đưa cho ông một tờ giấy tôi vừa nhận được, trên góc có đóng hai chữ “Thượng khẩn” màu đỏ: người ta buộc cha tôi đúng 6 giờ chiều ngày 6-7-1963 phải trình diện tại Tiểu đội Hiến binh số 635 đường Nguyễn Trãi vì “một lý do sẽ cho biết sau”. Cha tôi nhòe dậ, chống một khuỷu tay lên giường, ngược nhìn đồng hồ. Tiếng máy xe mô-tô của người hiến binh nổ đò ở dưới nhà, nhỏ dần, loăng đi rồi mất hẳn. Cha tôi đứng dậy, mở cửa sổ, trông xuống đường. Chập sau, suy nghĩ hồi lâu, ông quay về phía tôi, bảo: “Con mặc quần áo đi với cậu đến nhà chú K.”. Tôi hơi bực mình, vì chiều thứ bảy nào tôi cũng có mục riêng, không đến chơi nhà mấy thằng bạn thì cũng chui vào rạp xi-nê, nhưng tôi không dám trái lời. Trên chiếc tắc-xi rời chợ An Đông hướng về miệt Sài Gòn, tôi thấy cha tôi cứ chốc chốc lại ngoái về phía sau. Ông bảo tôi: “Con xem có xe nào theo không? Lúc nãy cậu thấy có mấy người lạ đứng bên kia đường nhìn vào nhà mình”. Tôi ra hiệu cho tài xế rẽ quặt sang đường Trần Bình Trọng. Chiếc xe hơi duy nhất chạy phía sau vẫn tiến thẳng đại lộ Thành Thái. Tôi đáp: “Không! Không có xe nào theo mình cả!”. Cha tôi ngồi bên cạnh, một tay chống lên má, cúi đầu nhìn xuống mũi giày. Ông có vẻ thật buồn. Má ông tôi thấy hóp hơn; cha tôi trở về thái độ đăm đăm khó hiểu có từ mấy ngày nay. Tóc ông bị rụng khá nhiều trong những ngày sau cùng nhiều suy nghĩ, nom xơ xác hơn, mấy sợi bạc phát lơ thơ theo gió. Một lát, ông hơi giật mình ngẩng lên nhìn ra ngoài rồi bảo tôi: “Sao không đi xe Vespa của con?” – “Sợ cậu mệt, xe con đi xóc lắm!”. Cha tôi nhăn mặt: “Ồi dào! Cần gì!”. Ông im lặng một lát khá lâu rồi nói tiếp, giọng thật nhỏ nghe như một tiếng thờ dài: “Từ trước đến nay, cậu đã đi xe con lần nào đâu!”.

Một chiếc tắc-xi ở đằng xa vụt tới, cô gái đứng bên cạnh tôi giờ cao ô, bước ra khỏi hiên, tay ngoắc rồi rít, nhưng chiếc xe trên có người. Tôi lắng nghe tiếng mưa rào rào. Để ý thấy tiếng mưa đang reo to bỗng như hụt xuống, âm thanh trầm hẳn kéo dài dật dờ trôi từng đợt nhỏ dần về phía cuối đường. Ở đó, như vỡ ra, tiếng mưa lại ào ào ran lên từng nhịp. Tôi ngần ngợ nghe tiếng mưa trôi dạt rồi bỗng nhiên bị hút trong những hình ảnh vô trật tự, những mâu thuẫn thoạt ngắn hỗn độn, đồng thời cảm giác lo âu, bàng hoàng lại trở về, rối loạn, mãnh liệt. “Người ta sẽ giữ tôi lại!”. Cha tôi bám vào vai chú K., ra hiệu cho tài xế về nhà, lúc chiếc tắc-xi tới gần Tiểu đội Hiến binh. Hình ảnh ban trưa cha tôi và anh T. rì rầm nói chuyện. Gương mặt thẳng thốt của ông lúc gắt với chị Th. tối qua! – “Chết! Sao hôm nay anh nói gì lạ thế!”. “Ngày mai, tôi ra Toà. Họ xử tôi không biết bao nhiêu năm, biết còn sống đến ngày về không?”. Thái độ bỏ về hốt hoảng của anh T. đang lúc mưa rơi nặng hạt. “Không! Không ai xử được tôi đâu!”. Ánh mắt kỳ dị của cha tôi nhìn tôi hỏi nãy: “Đi có 15 phút thôi à?”.

Tôi không dám nghĩ tiếp. Tim tôi như đứng lại. Một cái gì ghê gớm đang chờ tôi ở nhà. Tôi quay sang bên, người con gái có mớ tóc dài đã bỏ đi từ hồi nào. Mưa vẫn chưa dứt. Nhưng tôi vẫn băng ngang đường, mở khoá xe. Một chiếc xe buýt màu vàng nặng nề trờ tới, đỗ xích thả một bà cụ xuống vỉa hè.

Lúc tôi nhảy hai bước một lên cầu thang, nhìn vào phòng, thì mọi chuyện đã xong xuôi cả rồi. Căn buồng đóng kín cửa, tối mờ mờ. Một bầu không khí yên lặng trang nghiêm. Mùi hương đầu đây phảng phất. Cuối phòng vẫn trên cái ghế xích-đu buổi sáng ông ngồi nói chuyện với tôi, cha tôi ngồi gục đầu, hơi ngoẹo về phía vai phải, một cánh tay buông lỏng thả quệt xuống sàn nhà. Dáng điệu ấy thoạt trông thì khổ sở nhưng nhìn gương mặt thì tuyệt nhiên không một nét đau đớn. Ông như người ngủ một ít nước bọt nhả ra ở khoé mép. Anh T. từ lúc nãy vẫn ngồi cúi đầu

yên lặng, tưởng như không có mặt anh trong phòng, ngẩng lên, tưởng như không có mặt anh trong phòng, ngẩng lên, tôi thấy mắt anh không còn làm cho tôi ngạc nhiên nữa: “Cậu đã bỏ chúng ta đi rồi!”. Mẹ tôi đang thấp hươg lâm râm khẩn trước bàn thờ, quay lại nhìn tôi, mắt cũng đỏ nhưng không khóc, cái nhìn của bà đại đi như không còn nhận ra tôi là ai nữa. Bà phác vài cử chỉ thừa thãi, rồi như người miên du bà bỏ đi xuống nhà. Đền cầu thang vẫn bật sáng từ trước, nhưng theo một thói quen vô ý thức, bà giơ tay bật đèn, thành thử cầu thang lại bị tối om.

Trong suốt thời gian trú mưa dưới mái hiên nhà hàng Arc-en-ciel, bàng hoàng và lo sợ đã xâm chiếm lấy tôi. Xúc cảm của tôi như bị dãn ra tê liệt. Tới nỗi bỗng dưng giấp mặt trước cảnh tượng này, tôi giản dị quá. Nó mở ra trước mặt tôi một cảm giác mơn man êm ả; như một giải thoát thoải mái. Tôi nghĩ: “Xong rồi!”. Và tự nhiên thấy tâm hồn mình trở nên bình tĩnh. Tôi hỏi anh T.: “Anh gọi bác sĩ chưa?”. “Chú K. đi gọi bác sĩ Ph. từ 15 phút rồi!”. Tôi hỏi tiếp: “Chú K. đến từ hồi nào vậy? Mà tại sao lại đến đúng lúc vậy nhỉ?”. Không óc tiếng trả lời câu nói của tôi.

Cha tôi vẫn ngồi đó, không ai đụng tới. Trên một bàn nhỏ trước mặt ông, chai rượu đã vơi gần nửa. Quyển *Wuthering Heights* của Brontë còn mở rộng trước mặt. Thời khắc trôi qua rất chậm. “Phải làm một cái gì chứ”. Tôi nghĩ. Nhưng không biết sao tôi vẫn ngồi bất động ở trên đi-văng. Căn phòng tự nhiên tối tăm và yên lặng quá. Tiếng quạt trần quay chậm rì rầm, rì rầm. Căn nhà sát bên vọng sang một tiếng quát mắng: “Cho mày chết!”. Rồi có tiếng guốc hấp tấp xuống cầu thang, giận dữ. Im một lát. Tiếng một thằng bé oà lên khóc. Tiếng khóc thê thảm kéo dài mãi không ngớt, tôi chú ý nghe mà gần muốn hựt hơi. Tôi nghĩ thầm trong trí: “Thằng bé nào mà khóc dai vậy nhỉ?”. Rồi lẳng tai chờ đợi, xem người chị vừa bỏ xuống nhà khi nãy có trả lên đỡ nó không? Khung cảnh ấy thường xảy ra từ bao nhiêu năm nay không bao giờ tôi chú ý, bỗng dưng vô lý lại ám ảnh tôi quá đáng. Những tiếng động vang sang rất rõ, có lẽ là còn nét hơn cả mọi lần, nhưng tôi nghe vẫn thấy như lạc đi, như tất cả cái sinh hoạt ấy thuộc về một thế giới khác, một thế giới thực sự, quen thuộc nhưng xa xăm, không còn liên lạc gì với tôi nữa.

Mẹ tôi bắt đầu sụt sùi. Tiếng anh T. gắt, nhưng vẫn cố đẽ giọng thật nhỏ: “Mợ khóc làm gì? Có ích gì đâu?”. Anh đến sát bên, nhắc cánh tay cha tôi lên, bắt mạch. Lát sau anh nói: “Mạch yếu lắm! Khiêng cậu lên giường mau!”. Chúng tôi choàng một cái chăn lên dày lên người ông, phải khó khăn lắm mới mang nổi cha tôi lên giường. Thân thể ông mềm ra, nên khi hai người khiêng, người ông trũng ở giữa như một chiếc võng. Anh T. rút trong túi cha tôi một tờ giấy, giơ tôi xem nói: “Di ngôn của cậu đấy! Giấu thật kỹ! Đừng để cho tụi mật vụ nó cướp lấy!”.

Có tiếng nói lao xao ở dưới nhà. Tôi thờ ra khi nhận được giọng nói quen thuộc của bác sĩ Ph. và của chú K, bác Ph., tay xách cặp da y sĩ, bước vội lên lầu. Tiếng bác nói rất lớn, tôi có cảm tưởng như ông vừa mang sự sống cho căn phòng này: “Rõ khổ! Mới buổi sáng nay anh Tam còn lại nhà tôi mà! Khổ quá!”. Bác bước vội lại bên giường giờ chẵn, áp sát tai vào ngực cha tôi nghe ngóng. Ông hấp tấp mở cặp da, cưa ống thuốc, chích cho cha tôi một mũi vào gân máu. Mẹ tôi lo lắng hỏi: “Thế nào?”. Bác thu mũi kim vào, tra vào cặp, lắc đầu trả lời: “Phải chờ gấp vào Grall! Để lâu thuộc độc ngấm vào máu không chữa được đâu!”.

Cha tôi kể như đã mất lúc mang đến bệnh viện. Nhưng điều này – ngay lúc ấy – không ai dám nghĩ tới. Câu nói của bác sĩ Gourillon không làm cho chúng tôi hoàn toàn tuyệt vọng. Bác sĩ Ph. khẩn khoản: “Faites quand même quelque chose pour lui”. Chú K. cũng tiến tới, xúc động còn in rõ trên nét mặt, giọng chú lạc hẳn, tới nỗi tôi tưởng đâu chú đang xúc phạm viên bác sĩ Pháp: “Fais l'impossible!”. Người ta chở cha tôi lên lầu. Trong một phòng nhỏ có máy lạnh, viên y tá

bơm dưỡng khí vào phổi cha tôi. Ngực ông thở nhấp nhô đều đều. Mãi sau này, khi nghe bác Ph. trình bày lại là bác sĩ Gourillon đã tính cho chở thi thể cha tôi vào phòng xác ngay sau cuộc khám xét sơ khởi ấy, tôi mới chịu tin rằng cha tôi đã bỏ đi ngay từ buổi chiều hôm đó, ngày 7-7-1963, có lẽ vào lúc mà tôi ngược nhìn lên những hàng cây của khu công viên bệnh viện đứng rũ mình dưới bầu trời màu xám chì thẫm đậm. Và tất cả những gì người ta đã làm theo sự khẩn nài của chúng tôi – từ sau đó đến nửa đêm, với tất cả những phương tiện tối tân của bệnh viện, là chỉ cốt gây cho cha tôi một sự sống giả tạo để kéo dài hy vọng cho những người còn lại, cho những giọt nước mắt khoan chảy trên gò má chúng tôi.

Khoảng 7 giờ hơn. Một màn tím thẫm phủ kín khu nhà thương. Cuối con đường lát sỏi của khu vườn hoa, một cột đèn sắt gục đầu phải ánh néon lạnh lẽo. Giờ thăm bệnh đã hết từ lâu. Người gác cổng khom lưng đẩy hai cánh cửa sắt nặng nề. Cười, vì trường hợp đặc biệt, được phép suốt đêm ở lại bệnh viện. Trên một chiếc ghế dài ở hành lang, anh T. và tôi từ lúc này không ai nói một câu. Anh để hai tay lên đùi, nhìn xuống sàn. lát sau, vẫn không ngẩng lên, anh nói: “Liệu có qua được không?”. Tôi đáp: “Hy vọng lắm! Có gì trể đâu! Cậu uống được vài tiếng thì mình đã mang vào nhà thương rồi”. Ở đầu kia, một bác sĩ Pháp đẩy cửa phòng cha tôi bước ra, ánh đèn hắt ra ngoài cắt một khoảng sáng trên nền hành lang tối sâu thẳm. Bác Ph. đứng ở cửa chặn lại hỏi thăm. Hai người thì thầm nói chuyện rất lâu: “Lúc anh bỏ về thì cậu đã uống chưa?”. “Rồi! Có lẽ ngay từ lúc tụi mình vừa đi khỏi, nhưng ông còn tỉnh lắm, vừa thấy tao là ông hỏi ngay: Đi gì nhanh thế? Tao giơ chai Walker lên bảo ông: Rượu đây, cậu uống cho say rồi quên cái ý tưởng muốn tự tử tối hôm nay đi, người ta chẳng đáng để cậu bận tâm đâu! Ông không nói gì cả, rót rượu vào cốc, uống một hơi cạn liền. Uống xong ông lại rót đầy một ly nữa, rồi cũng uống một hơi cạn. Kể thì cũng hơi lại, nhưng thấy ông xuống buổi chiều nay vui quá tao cũng không để ý”. Tôi giơ tay ngắt lời: “Sao anh biết tối nay cậu tự tử?” – “Chính ông nói mà, vào buổi trưa lúc mày còn ngủ quên trên giường. Ông tin việc làm của mình là phải nên không giấu. Ông bảo đêm nay 10 giờ cứ để ông ngủ như thường. Sáng mai, đánh thức dậy là xong rồi. Tha hồ để cho người ta xử. Ý ông đã quyết như thế, ông bảo nếu không xong hôm nay, thì vào khám cũng chết. Tao đã có kế hoạch đối phó cả rồi nếu... tối nay ông tự tử thật”. Anh T. dừng lại, di một ngón tay lên đùi, lát sau anh hạ giọng: “Nhưng không ngờ ông lại làm sớm thế...”. Tôi bắt thần quay hẳn sang phía anh tôi, hỏi: “Còn tờ di chúc cậu viết hồi nào vậy?” – “Có lẽ hồi sáng, tao cũng chẳng biết, ông uống hết cốc thứ ba rồi thì thò tay vào túi rút ra cái tờ giấy ấy đưa cho tao xem. Đến lúc ấy tao mới biết là ông tính làm thật. Tao đã định chốc nữa ông ngủ sẽ lục túi ông lấy thuốc độc giấu đi; ông dặn tao là tờ di ngôn này phải đưa cho ông Đặng Văn S., bác sĩ Đặng Văn S., và nhờ ông chuyển đi ngoại quốc. Còn liệu có thể đưa cho ký giả Mỹ Pháp được thì khỏi cần. Lúc ấy ông như sức nhớ ra điều gì, đi lại bàn viết. Tao thấy ông có vẻ mệt, ông ngồi lên thế tay run run viết bản thứ hai giống hệt bản thứ nhất. Bản này chữ xấu lắm, nét nguệch ngoạc rời rạc những dấu phẩy nằm bên cạnh nhau. Sau này nhìn kỹ tao mới thấy hai bản khác nhau một chữ. Bản thứ nhất: Tôi không chịu để ai xử cả, bản thứ hai thì: Tôi không chịu để ai xử tôi cả¹. Viết xong ông nói: Tí nữa thì quên, phải viết hai bản thế này nhớ nó tóm được một thì còn bản kia chứ. Ông giơ tay che miệng ngáp một cái dài rồi nói: Gớm! Buổi trưa mãi nói chuyện, không ngủ, bây giờ mệt quá. Ông nhìn ra cửa sổ, nhìn bầu trời ướt sũng nước mưa, rồi nói, rất nhẹ, nghe như hơi gió: Trời hôm nay đẹp quá... Tao quay lại thì ông đã ngủ rồi. Đó là câu nói cuối cùng của ông. Tao cứ để yên ông ngủ, bỏ xuống dưới nhà. lát sau, lên nhà thì thấy ông nằm trên ghế có vẻ gì khác lạ đáng điều khổ sở quá, tao nhìn chai rượu vơi gần nửa rồi mới sức nhớ đến cử chỉ của ông lúc này. Khi ông uống đến cốc thứ ba, ông như tọng rượu vào đầy người chứ không có vẻ gì là ngon lành cả. Hình như có cái gì chặn tay ông lại khiến ông phải cố gắng lắm mới nâng nổi cốc lên miệng. Ông hấp tấp uống như muốn để nén một cái gì. Lấy làm lạ, tao thử lay lay ông dậy nhưng thấy người ông mềm hẳn ra. Tao tái người vội vàng chạy xuống nhà gọi mợ lên. Tao nghĩ ngay đến việc gọi bác sĩ, nhưng vừa mặc quần áo xong thì chú K. cũng vừa tới nơi”. Anh ngừng lại, nắm chặt tay đập lên đùi: “Không hiểu sao tao không nghĩ là ông có thể tự tử ngay trước mặt mình, tao cứ nghĩ

người ta phải tự tử ban đêm, từ lúc tao về đến nhà có đầy 15 phút đâu?”.

10 giờ đêm. Bác Ph. gọi riêng chúng tôi báo cho biết cha tôi khó qua khỏi đêm nay. Chúng tôi bàng hoàng sửng sốt cả người. Mẹ tôi bảo chúng tôi phải báo tin ấy cho những người thân. Trên chiếc xích lô máy rời bệnh viện, tôi quay sang anh T. hỏi: “Cậu uống gì mà có thể chết nhanh vậy nhỉ?”. Anh đáp: “Không biết, vừa rồi bác sĩ phân chất thấy không có thuốc ngủ trong nước tiểu. Chắc là phải mạnh lắm, rồi lại thêm rượu vào nên mới nhanh thế!”. Tôi lại hỏi: “Buổi trưa cậu nói gì với anh?” – “Ông dặn tao rất nhiều điều phải làm sau này. Đầu tiên ông nói về phong trào đấu tranh của Phật giáo, tới vụ tự thiêu của Thượng toạ Thích Quảng Đức, tới việc ngày mai ra Toà, rồi ông kết luận là ông phải chết như Thượng toạ để đẩy mạnh thêm phong trào tranh đấu chống chính phủ Diệm. Tao có nói rằng cậu hy sinh như vậy phí đi. Nhưng ông có vẻ giận tao về câu ấy lắm, ông bảo cứ nghĩ như thế thì chẳng làm được gì cả. Nếu cái chết có thể cảnh cáo được họ hay ít ra cũng có một tiếng vang thì còn tiếc gì thân mình nữa. Ở nhà bác tôi trở về bệnh viện chúng tôi đi trên hai chiếc xe hơi. Dự định là sẽ họp nhau lại tối nay để bàn kế hoạch đối phó, phân công. Nếu cha tôi mất đêm nay, ngày mai sẽ mở ra đầy bất trắc. Người ta có thể xông vào nhà tôi cướp tờ di ngôn ấy không? Làm sao cho tờ giấy ấy có thể lọt ra ngoại quốc, thoát các bàn tay mật vụ? Lúc ấy 11 giờ đêm, hai xe đi cách nhau 50 thước, lướt trên những con đường về đêm vắng ngắt. Một hồi đến ngã tư Duy Tân, Hồng Thập Tự, xe trước đi mất hút. Anh L. làu nhàu găt gỏng: “Thằng Q. đi gì mà kỳ cục vậy?”. Nhưng vòng một lát gần đến bệnh viện thì bắt gặp lại xe đi trước. Tôi thốt nhiên chú ý tới một xe traction mang số NBN màu đen đi lùi theo sát lấy xe của Q... Xe này vừa quặt sang đường Nguyễn Du, xe traction bám theo liền. Anh L. chỉ tay cho chúng tôi thấy, kêu lên: “Xe mật vụ!”. Rồi anh đập tay lên bánh lái, giận dữ: “Tụi này nó thính mũi như ruồi!”.

Nửa đêm, tôi đứng tựa lan can, nhìn lên bầu trời lòng trĩu nặng. Các bác sĩ Grall vừa báo cho biết cha tôi chỉ còn sống được 15 phút nữa. Tất cả những căn phòng khác mấy khu bệnh viện đều rơi vào bóng tối và yên lặng. Chỉ trừ phòng cha tôi đèn còn bật sáng. Người nữ y tá rời phòng đi ra, lặng lẽ cúi đầu bước xuống cầu thang. Chừng hơn mười người thân thuộc đứng nói chuyện nhỏ tiếng trước cửa phòng. Anh B. ngồi lẻ loi trên một chiếc ghế dài, buồn bã. Đèn phòng hắt ra, đổ dài bóng anh trên nền hành lang lạnh lẽo. Có tiếng vài người khóc. Tiếng mẹ tôi trong phòng lọt ra thảm thiết: “Anh Tam ơi! Anh bỏ...”. Tôi há miệng ra, ngăn chặn một xúc động đang dâng lên đầy ngực, nhưng không kịp. Hình ảnh cha tôi nhoè ra, rạn vỡ tươi cười, hình ảnh ấy của 5 năm về trước, lúc ông vừa xem xong một truyện ngắn của tôi tả về cái chết của ông. Trong đó tôi kể một buổi đi chơi núi, cha tôi với một nhánh Huyết-nhung-lan ở bờ vực, rồi hụt chân ngã xuống khe. Người ta vớt ông về nhà nhưng đến bên dòng Đa-mê thì ông tắt thở, sau khi mỉm cười nhìn lần cuối cùng vườn hoa của mình. Ông ưa nhất chuyện ấy. Mỗi lần đọc ông lại mỉm cười thích thú. Nhưng ông không đưa cho ai xem, sợ người khác không hiểu cho tôi bất hiểu. Thành thử mỗi lần khoe ai về chuyện ấy, ông có vẻ bức tức khi thấy người đối diện lộ vẻ không tin. Một lần tôi hỏi ông: “Chết rồi sẽ ra sao nhỉ?”. Ông nghĩ một hồi, cười trả lời: “Hồi bà Trưng chắc chắn là mình chưa ra đời chứ gì? Thế mình ở đâu? Chết tức là trở về mình hồi ấy đó!”.

Có tiếng xôn xao. Mọi người đổ dồn vào phòng. Khi tôi chạy lại bên giường thì vừa kịp thấy ngực cha tôi ngưng thở. Ngay lúc ấy, một cái gì thoáng qua rất nhẹ trên nét mặt ông. Nhưng khi nhìn kỹ, thấy gương mặt không có gì đổi khác tôi biết là mình đã quá giàu tưởng tượng. Hai ba người hỏi lao xao: “Mấy giờ rồi? Mấy giờ rồi?”. Không ai trả lời. Mẹ tôi òa lên khóc ngắt. Tôi bỏ ra ngoài. Gió từ phía sau nhà thương thổi lạnh gậy gậy. Một lần nữa, tôi nghĩ thầm trong trí: “Xong rồi!” và thấy chỉ còn trong người một mối uất hận man dại thấm thía. Trước mặt tôi lơ lửng một cái màng mỏng phát phơ qua lại, tôi nhớ mình vừa thấy đâu đây một cái màng nhện giăng ở góc tường. Bỗng nhiên trong người tôi nở dần ra một cảm giác lan ran, một cái thú tê dại khổ sở đau thương như cái thú nuôi nắng một mối cắn hờn, cái thú sung sướng man dã khi

bắt gặp một người bạn thân mà mình bấy lâu đối xử tử tế bỗng đứng trở mặt lừa đảo lại mình.

Từ hồi sáng, cha tôi vẫn bận quần áo ngủ. Mẹ tôi đòi thay quần áo Tây cho ông trước khi đưa vào phòng xác. Cánh tay ông lỏng lẻo quá, không thể nào bỏ được vào ống tay áo, trừ khi nhét thật mạnh vào, nhưng tôi lại sợ ông đau. Tôi phải cố nghĩ: Ông không còn biết đau là gì đâu, mới làm xong được việc ấy. Lát sau trên chiếc xe hồng thập tự bít bùng của bệnh viện, mẹ tôi và chúng tôi ngồi trên hai dãy ghế dài, yên lặng không nói một câu. Trên băng-ca đặt dưới sàn, một mảnh vải trắng rộng phủ lên thi thể cha tôi. Chiếc xe lướt êm quanh co trên những con đường nhỏ của khu nhà thương mênh mang. Đến trước cửa nhà xác, xe ngừng lại; người gác-dan ngái ngủ, dụi mắt, mở cửa sau, phụ với viên tài xế khiêng băng-ca xuống. Tôi bước vào nhà, dừng mắt trước một cánh cửa dày kẻ một hàng chữ đỏ chói: “Buồng lạnh. Triệt để cấm vào”. Người gác-dan tra khoá vào ổ, chiếc cửa nặng nề mở ra, có tiếng máy chạy ù ù. Bên trong, một làn ánh sáng nhợt nhạt. Khí lạnh toát ra gai người, mấy dãy giường sắt khô khan. Một cái xác đã nằm sẵn trong góc trái. Tôi hơi ghê sợ với ý nghĩ tối nay cha tôi phải nằm đây một mình. Chúng tôi vén tấm vải lên, nhìn vào gương mặt ông, ghi nhớ hình ảnh ông một lần cuối: Mắt ông đã nhắm lại. Từ nay chúng tôi không còn được thấy cái tạt hay chớp mắt của ông, cái nhìn buồn bã vô tận ấy nữa. Râu của ông thưa thớt màu muối tiêu, riêng đôi lông mày vẫn còn rậm rạp. Tóc ông thưa thớt như hói phía trên, lộ cái trán rộng mênh mang.

Anh T. bỏ tấm vải che mặt xuống. Tôi nhớ tới hình ảnh vui vẻ của ông mới hồi trưa, tới niềm vui bèo bọt của tôi hồi chiều lúc ông bảo tôi đi mua rượu, tới ánh mắt nhìn tôi rất lạ và câu nói sau cùng mà tôi được nghe thấy ở ông: “Đi có 15 phút thôi à?”. Rồi quay sang phía mẹ, tôi nói: “Thôi! Cậu đã bỏ đi thật rồi!”. Tôi chợt chú ý giọng nói của mình, âm thanh như đứng một chút ở cửa miệng, ngỡ ngàng như giọng nói của một người khác. Rồi bỗng tôi thấy câu nói của chính mình nghe tội nghiệp, thảm thương quá. Chữ “bỏ đi” nhắc nhở tôi một cái gì mất đi hoàn toàn, một hình ảnh không còn nữa hay không bao giờ còn trở lại. Một mối xúc động lại dâng lên chặn lấy ngực tôi nặng như một khối đá, tôi há miệng ra, quyết chặn đứng một lần thứ hai không cho lên cổ, nhưng không còn kịp nữa.

Lúc ấy một giờ ba mươi. Khi tôi ngẩng lên, các vì sao lấp lánh trên bầu trời đã lung linh nhoè nhoẹt cả rồi.

Cái chết của Nhất Linh Nguyễn Văn Lược

Đã hơn nửa thế kỷ kể từ khi Nhất Linh quyết định đưa chúc thư văn học này ra trước công chúng. Qua chúc thư này, có nhiều điều nay cần được nhìn lại và quả thực là không thừa khi tôi làm công việc này.

Và sau đây là nội dung bản chúc thư.

Trong hương trầm của đêm 30 tết và mắt mờ đi vì thương cảm những người cũ đã khuất hoặc mất tích, tôi nghĩ tới những nhân tài mới khả dĩ đem lại một nguồn sinh lực rồi rạo hơn làm cho Tự Lực thay đổi luôn và mới trẻ mãi, tôi có mấy lời cảm xúc này và cũng là chúc thư luôn thể, với một bài thơ gởi các anh em cũ (bất cứ ở khu nào) và mấy nhân viên tương lai của Tự Lực Văn Đoàn. Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được trong hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng, là nhân viên Tự



Lục Văn Đoàn và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ bỏ phiếu bầu một khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và Duy Lam. Những lúc ngoảnh về quá khứ, kiểm điểm những việc mình đã làm, tôi thấy rõ ràng công việc tốt đẹp lâu bền và có ích nhất của đời tôi là sự thành lập được Tự Lực Văn Đoàn và công việc sáng tác. Nhưng Tự Lực Văn Đoàn không thể ngưng lại ở số người cũ và đứng yên, người qua, nhưng đoàn phải mới và tiến mãi. Ngoài sự cố gắng của anh em cũ còn lại, tôi mong những nhà văn tương lai, trước và sau khi gia nhập cũng đem hết tâm hồn và khả năng để làm rạng rỡ tên tuổi của đoàn mình, coi mình với đoàn là một, giữ được tinh thần cố hữu trước kia đã sáng tỏ giữa anh em quá cố: giúp đỡ nhau, đùm bọc lấy nhau, cùng nhau sát cánh để phụng sự văn nghiệp và đoàn mình, nghiệp văn dù chung một kiếp người, đoàn văn cùng chung tiếng để mãi tới kiếp sau. Đã bảy năm tôi mới lại có dịp làm thơ và thơ tôi vẫn không hay nhưng lòng và ý thành thực là đủ rồi:

*Tự lực, vườn văn mới trở lên
Bồng dung thời thế đảo huyền thiên
Thương dăm lá cũ vừa rơi xuống
Mừng mấy mầm tươi vụt nhú lên
Mạch cũ, nhựa non rộn rập chảy
Vườn xưa, hoa mới điểm tô thêm
Người qua, sách một, đời thay đổi
Tự lực, danh chung, tiếng vẫn truyền*

Nhất Linh

2 giờ sáng mồng một tết, năm Quý Tỵ

14/02/1953

Người đầu tiên gia nhập nhóm TLVĐ là Khái Hưng, khi ông này viết một bài về truyện Kiều được Nhất Linh khen ngợi và mời gia nhập nhóm. Trong bấy nhiêu người được mời trong nhóm TLVĐ lúc ban đầu thì đây là một lời mời hợp tác mang nhiều ý nghĩa nhất, đem lại vinh dự nhất cho TLVĐ và cho văn học VN nói chung. Theo tôi, ngoài Thạch Lam, khó có ai trong TLVĐ có thể sánh bì với Khái Hưng. Nói ông là nhà văn hàng đầu, thật không quá đáng. Rất tiếc ông đã bị Việt Minh thẩm sát vào năm 1947, tại Tự Lực Văn Đoàn, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định dịp tết Đinh Hợi. (tài liệu của cộng sản nay cũng xác nhận Khái Hưng chết ở bến Đò Cựa Gà).

Như nhiều trường hợp khác của một số nhà văn, trí thức Việt Nam đã bị sát hại, Việt Minh chịu trách nhiệm cái chết của một nhà văn lớn của VN. Cho đến nay, họ cho in lại sách vở của Khái Hưng trong tuyển tập: Văn xuôi lãng mạn Việt Nam, nxb Khoa Học, Xã Hội, Hà nội. Nhưng vẫn chưa có một lời xin lỗi.

Cùng lắm, trong Đại Hội Văn Nghệ toàn quốc, năm 1957, Trường Chinh gián tiếp nhìn nhận như sau:

Việc uốn nắn lại thái độ hợp hời máy móc đối với những giá trị Văn học cũ, không những có tác dụng sửa chữa những thái độ bất công đối với nhiều tác phẩm mà còn có tác dụng mở rộng con đường cho sáng tác văn nghệ hiện thời

Người thứ năm gia nhập TLVĐ vốn là bạn của Nhất Linh, trước cùng làm thư ký với nhau ở sở tài chánh vào năm 1920: Nhà thơ Tú Mỡ Hồ Trung Hiếu. Ông trở thành nhà thơ trào phúng

hàng đầu khan những chỉ trong nhóm TLVĐ mà còn trong cả văn chương Việt Nam. Trong tập thơ Giòng nước Ngược, Tú Mỡ phụ trách mục Giòng nước ngược trong báo Phong Hoá đã có bốn câu thơ đề tặng Nhất Linh như sau:

*Ít lời lẽ ngang phè
Mấy vần thơ lỗ mỗ
Tặng anh Nguyễn Tường Tam
Đáp tấm ơn tri ngộ...*

Cũng theo Tú Mỡ, có khi số in của tờ Phong Hóa tăng vọt lên đến hàng vạn số, mỗi kỳ. Không biết Tú Mỡ có hăng quá nên vung tay quá trán không? Vì tôi đọc Nhất Linh trong *Nói chuyện cũ*, ông viết như sau:

Lúc chúng tôi sắp nhận làm báo Phong Hóa thì các tuần báo không có về thịnh vượng, ít tờ xuất bản được đến 2000 số. Chúng tôi lúc đó mong bán được ba nghìn số và đã tự cho là *tham lam quá*. Cũng xin ghi lại đây cái không khí anh em, gia đình, tình đồng chí trong việc làm báo mà sau này ít khi có dịp còn tìm thấy cái không khí làm báo như thế nữa. Tú Mỡ ghi lại như sau:

Trên căn gác ẩm cúng nhà số 80 đường Quan Thánh, chúng tôi quây quần, thân mật như hội ở Ấp Thái Hà.

Người thứ sáu gia nhập TLVĐ là Thế Lữ, người đóng góp thơ mới trong Phong Hóa. Sau này Nhất Linh có mời ông vào nhóm TLVĐ. Người ta thường chỉ nhìn Thế Lữ như một nhà thơ, nhưng thật ra ông viết đủ loại. Truyện tiêu biểu của ông như Thoa, Ông Phán nghiệm, Câu chuyện trên tàu thủy. Chưa kể ông là cây bút viết châm chích khá ác ý những nhà văn nhà thơ không cùng nhóm như Lãng Nhân, Nguyễn Trọng Thuật, Lê Văn Trương, Trương Tửu, Nguyễn Công Hoan, Lan Khai, v.v... Chửi nhau, tố cáo ăn cắp, đạo văn cũng dữ dội lắm. Đây là cái dở của TLVĐ? Nhiều khi bất công đối với những nhà văn ngoài nhóm. Có vẻ như đổ kỵ. Báo Ngày Nay số 51 đã có bài viết *chống dâm uế*, công kích thiên phóng sự Lục sĩ của Vũ Trọng Phụng. Ông Lê Thăng gọi Vũ Trọng Phụng là thằng khốn nạn, là văn sĩ nửa mùa. Dĩ nhiên, Vũ Trọng Phụng đáp lễ công kích Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng của nhóm TLVĐ.

Chửi liên tiếp. Chửi tất cả. Kể cũng là lạ ở thời kỳ đó, người ta đã chửi nhau như thế.

Một giai thoại được truyền lại trong văn giới: Thế Lữ chế diễu cuốn *Làm Đĩ* của Vũ Trọng Phụng như sau. Một ông khách vào một tiệm sách hỏi cô bán sách như sau:

Cô có *Làm Đĩ* không? Cô gái đỏ mặt... Không vừa, cô trả lời: Ở đây không có *Làm Đĩ*, chỉ có *Cái Tát* thôi. Có người lại bảo cô hàng bán sách đạo đức đã trả lời rằng. Dạ không, em không có *Làm Đĩ*. Chỉ có *Những kẻ khốn nạn* thôi. (Les misérables của Victor Hugo).

Đây là một lá chúc thư, lời lẽ chân tình chan chứa cảm xúc. Ngậm ngùi nhớ tiếc. Người ấy ngồi một mình, nghĩ lại đời mình, bạn bè, kẻ còn người mất, nghĩ tới tương lai Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ), thành quả duy nhất đạt được trong đời một nhà văn sáng chói một thời. Không khí chúc thư cho ta có cảm tưởng như thể của một người sắp ra đi, muốn nhắn nhủ lại. Vì thế mọi chuyện từng chữ, từng câu trong lá chúc thư vồn vện một trang này chứa đựng tâm tư, nỗi lòng thương nhớ bè bạn xa gần, cũ cũng như những hoài bão, lòng mong đợi của Nhất Linh. B viết và nhận định với một sự trung thực tối đa, sự công bình đối với riêng ông Nhất Linh và nhất là đối với Văn học.

1. Vấn đề ai là nhà văn thuộc nhóm TLVĐ?

Đây là thắc mắc của nhiều người đặt ra khi nhìn lại nhóm TLVĐ. Thắc mắc đó là chính đáng và cần tìm lời giải đáp. Theo anh Duy Lam, nhóm TLVĐ mới đầu thật ra chỉ có ba người, ba anh

em ruột gồm: Nhất Linh, Thạch Lam và Hoàng Đạo. Họ họp nhau ở Thái Hà. Lúc bấy giờ tiền thân của TLVĐ vẫn còn là tờ Phong Hóa.

Người thứ bảy gia nhập TLVĐ là nhà thơ Xuân Diệu. Đã có Thế Lữ lại có thêm Xuân Diệu nên sau này Nhất Linh nói đùa rằng ông khổ cần phải làm thơ, vì trong nhóm đã có hai nhà thơ là Thế Lữ và Xuân Diệu. Theo Thụy Khuê thì Xuân Diệu chỉ được thu nhận sau này khi ông cho xuất bản tập Thơ Thơ, 1938. Tập Thơ Thơ được giải thưởng TLVĐ, sau đó Nhất Linh mới chú ý đến Xuân Diệu và nhận vào nhóm. Cũng theo Thụy Khuê, người thứ bảy của nhóm phải là Nguyễn Gia Trí, nhưng vì ông là họa sĩ nên đã bị loại ra khỏi nhóm. Cũng trong Di Bút Đồi Lành Báo của Nhất Linh, ông chỉ ghi Nguyễn Gia Trí, họa sĩ mà thôi.

Tóm lại, nay thì TLVĐ tạm gọi là đã có thất tinh (hay thất hiền?): Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu. Nguyễn Gia Trí không được nhắc tới nữa.

Tuy là có bảy nhân vật chính, nhưng thực ra họ có mặt trong TLVĐ một cách tự nhiên, như anh em, không có nội quy, cũng chẳng có điều lệ gì. Nhưng đối với bên ngoài thì có 7 người là thành viên của TLVĐ. Chữ Tự Lực xuất phát từ ý chí muốn tự lập về tài chánh. Nói đúng ra không muốn lệ thuộc vào bất cứ ai. Vì thế, quyết định rằng, mỗi thành viên phải đóng góp 500 đồng để gây quỹ. Nên nhớ, lương công chức thời đó không quá 20 chục đồng. Vì thế, có cái cảnh Khái Hưng phải vay tiền bà chị để ra làm báo.

Cái khổ của Khái Hưng gần một thế kỷ trước đây thì hiện nay hình như cũng không khác bao nhiêu đối với những người làm báo? Sau này, theo lời đề nghị của Khái Hưng có thêm Trần Tiêu, em của Khái Hưng với các tác phẩm Con Trâu, Năm Hạng, Chồng con. Cá nhân tôi rất thích cuốn Con trâu. Khổ sách của cuốn Con Trâu nhỏ đến không thể nhỏ hơn được, chữ nhỏ li ti. Chẳng hiểu tại sao lại được in ấn như thế? TLVĐ đã đứng ra in cuốn truyện đó. Nhưng căn cứ theo Đồi làm báo của Nhất Linh thì ngay cả cái tên Trần Tiêu cũng không có trong danh sách những tác giả viết cho TLVĐ. Có thể là vì lý do chính trị đã khiến Nhất Linh gạt tên Trần Tiêu ra khỏi TLVĐ? Nhưng phải giải thích làm sao trường hợp ba người ở lại hợp tác với Cộng Sản là Thế Lữ, Xuân Diệu và Tú Mỡ?

Sự hợp tác làm văn học với nhau thì có. Nhưng tự nó, TLVĐ đã tan đàn vì những lý do chính trị. Phải chăng đó cũng là nỗi buồn và sự tuyệt vọng của Nhất Linh? Sau này trong chúc thư Văn học, Nhất Linh có nhắc tên Đỗ Đức Thu. Điều đó làm nhiều người không khỏi ngạc nhiên. Nhưng trong bản thảo *Đồi làm báo* với nhiều xóa tẩy, ông chỉ ghi là Đỗ Đức Thu (tiểu thuyết). Có nghĩa là ông Thu không thuộc nhóm TLVĐ.

Nhưng sự thực Đỗ Đức Thu là người của TLVĐ. Bởi vì khi viết bản chúc thư thì Nhất Linh đang ở trong Nam mà Đỗ Đức Thu thì còn ở ngoài Bắc. Đó là lý do để Nhất Linh viết rằng sau này Đỗ Đức Thu chắc cũng đồng ý với ông trong việc thu nhận ba nhà văn nữa. Nếu kể những nhà thơ, nhà văn viết cho nhóm TLVĐ mà không thuộc nhóm TLVĐ thì cũng nhiều như: Lưu Trọng Lư, Nguyễn Khắc Hiếu, Phạm Thị Cầm Mốc, tức Phạm Cao Củng, Huy Cận, Bùi Hiển, Tô Hoài, Vi Huyền Đắc, Nguyễn Công Hoan, Trọng Lang. Họa sĩ như Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường, Trần Vinh Lộc, Trần Văn Cẩn, Lưu Văn Xìn.

Có những nhà thơ như Tản Đà bị nhóm TLVĐ mang ra chế diễu nhiều lần. Như trong bài *Giờ đây Nguyễn Khắc Hiếu*. Tản Đà không giận chỉ cười. Vì thế, sau này Nhất Linh lại mời Tản Đà hợp tác trong mục làm thơ Đường. Tình bạn văn nghệ đã không mất. Cũng trong chúc thư của ông Nhất Linh có nói đến 7, 8 người thuộc diện ứng cử viên. Vậy họ là những ai? Tôi có hỏi anh Duy Lam, anh cũng không biết chắc là những ai? Và Nhất Linh đã quyết định dừng lại ở ba người như chúng ta đã biết. Theo nhà văn Duy Lam thì ông cũng không thực sự biết được

những người được mời là ai. Nhưng đáng chú ý nhất là nhà văn Bình Nguyên Lộc. Nhiều người lại cho rằng Nhật Tiến là người của nhóm TLVĐ?

Không phải vậy. Chính thức Bình Nguyên Lộc và Nhật Tiến không có chân trong TLVĐ. Trong tổng số 11 số báo Văn Hóa Ngày Nay đã xuất bản, tôi chỉ thấy có một vài truyện của Nhật Tiến như Đêm tân hôn, Đôi guốc trắng. Sau này, khi có báo Tân Phong do Nguyễn Thị Vinh làm chủ nhiệm thì quả thực Nhật Tiến có viết nhiều hơn trước. Vì Nhật Tiến là do Nguyễn Thị Vinh giới thiệu với Văn Hóa Ngày Nay. Theo anh Duy Lam thì trong một chương trình sinh hoạt văn học nghệ thuật của đài phát thanh Little Sài Gòn do con gái của nhà văn Nhật Tiến làm chủ, ký giả Đinh Quang Anh Thái giới thiệu Nhật Tiến là thành viên của nhóm TLVĐ (?) Không có chuyện đó, nếu không nói là chưa bao giờ có chuyện đó. Nhất Linh không ngờ lời mời Nhật Tiến vào TLVĐ. Đọc lại danh sách những người biên tập cho Văn Hóa Ngày Nay trong số 1, tôi thấy có tên các tác giả sau đây: Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thành Vinh, Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Duy Lam, Tường Hùng, Trương Bảo Sơn.

Riêng Đỗ Đức Thu được giới thiệu là thành viên của TLVĐ. Sự chọn lựa thành viên của nhóm TLVĐ này qua những tên tuổi trên, chưa vội nói tới giá trị văn chương và tác phẩm. Để khiến cho người ta liên hệ sự chọn lựa đó là vì con cháu trong nhà. Đó là trường hợp Tường Hùng và Duy Lam. Tôi có đề cập đến sự kiện tế nhị này thì anh Duy Lam cũng cho rằng tuy điều này có làm cho anh hãnh diện, nhưng cũng khiến anh khó chịu đôi chút, vì anh là cháu của Nhất Linh. Riêng trường hợp bà Nguyễn Thị Vinh thì sao? Xin đọc phần phụ chú.

2. Cái chết định trước của Nhất Linh

Đây là phần quan trọng nhất, mục đích của bài viết này, đi tìm nguyên nhân, lý do nhà văn, lãnh tụ chính trị Nhất Linh vì sao đã tự tử.

Trong bản chúc thư ở trên đã có diềm dự báo về cái chết không tránh khỏi của ông sau này. Những giọt nước mắt trong bản chúc thư này là những giọt nước mắt tiễn đưa của 10 năm sau? Tất cả như là hành trình tâm linh của một người, của một thân phận dần dần tới cái chết như một thứ định mệnh đã an bài. Không xảy ra cách này thì cũng xảy ra cách khác. Và sự chọn lựa cái chết vào ngày song thất 7 tháng 7, 1963 là một chọn lựa chủ ý như một thứ suicide intentionnelle theo Tây Phương hay theo nghĩa Nghiệp, Karma theo Đông Phương.

Khi nói về cái chết của Nhất Linh, dư luận thường kết luận một cách rõ ràng, minh bạch, dứt khoát: ông chết để phản đối chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Vì thế cái chết đó là một bản án văn học dành cho chế độ Ngô Đình Diệm. Bức bách, bức tử một nhà văn, một nhà chính trị đối lập. Mọi người, mọi giới đều coi việc Nhất Linh tự tử là một hành động vì lý tưởng, dám đem thân mình, sự sống đời mình thách thức cả một chế độ, không chịu khuất phục và không chịu để cho chính quyền độc tài thời đó xét xử ông. Không ai nói khác được, không ai có thể nghi ngờ sự trong sáng về cái chết đó. Giấy tờ chúc thư còn để đó. Nó biểu tượng cho một lý tưởng và không khác gì ngọn lửa Thích Quảng Đức trước đó không bao lâu đã góp phần làm suy sụp nhanh chóng nền đệ nhất cộng hòa.

Đã gần nửa thế kỷ trôi qua, kể từ ngày 7 tháng 7, năm 1963, ngày mà Nhất Linh tiễn tiết đến nay, dù xác thân Nhất Linh nay chỉ là nắm tro tàn nguội lạnh, tôi không muốn tin như thế. Tôi vẫn muốn đi tìm ý nghĩa đích thực của cái chết ấy.

Gạt ra ngoài những loại văn chương ai điều, thứ văn chương mà hễ có nhân vật nổi danh nào nằm xuống là phải có sẵn một bài tụng niệm *sáo ngữ*, để nhập cái chết của ông vào cuộc tranh đấu của Phật giáo chống chính quyền Ngô Đình Diệm, như:

Riêng tôi, trên đường đi, tôi cảm nhận hơn một lần, hình như khi đưa tiễn Nhất Linh tôi đang đưa tôi, đang đưa một chặng đường Văn học của quãng đời thanh xuân của mình... Chừng đó cũng đủ gọi cho tâm thức một thứ ánh sáng thúc giục lên đường... để tự giác ngộ.. Tôi đã đưa tiễn Nhất Linh trên đường lên chùa Từ Đàm với một chút .. lòng sao lạnh, xen lẫn tri ân. (trích *Đưa tiễn Nhất Linh*, talawas.org).

Đó chỉ là một thứ kèn trống đám ma, nói thì nghe xôn xao, rộn rã nhưng không biết mình nói gì, viết gì. Theo tôi, hiểu Nhất Linh quan trọng gấp bội lần *vinh danh* Nhất Linh kiểu như trên. Vì nói về cái chết của một người là nói về một bí nhiệm. Phải đâm thủng được bức màn bí nhiệm ấy để hy vọng thấy được những khe hở còn che đậy. Công việc không phải là dễ. Mỗi cái chết tự nó là một thông điệp của người chết gửi người sống, một ý nghĩa.

Ở trong triết học, tự tử mang ý nghĩa từ chối đời sống vì không tìm thấy trong đời sống một ý nghĩa gì khả dĩ để tiếp tục sống nữa. Tự tử như vậy là một chọn lựa tối hậu khi không còn có chọn lựa nào khác. Nhất Linh đã tự tử. Sự chọn lựa đó phải chăng do những biến cố thời cuộc chính trị của những năm 1963 hay là một chọn lựa tiền định, tiềm ẩn? Thực tế, ông đã để lại một thông điệp 72 chữ mà nhiều người có thể lập lại một cách thuộc lòng như: *Đời tôi để lịch sử xử*. Nhưng lịch sử là ai? Ai xử? Xử như thế nào? Đã xử chưa? Hay là câu chúc thư trên thực ra phải hiểu như sau: *Đời tôi, để tôi tự xử?*

Phải chăng đó chỉ là cách nói của ông? Phải chăng điều căn bản, không chối cãi được ở đây là ông đã tự chọn một cái chết cho mình mà những sự việc xảy ra trong năm 1963 đã được sắp xếp, tính toán trước như một điều không thể khác? Có không, giữa ông Diệm và ông Nhất Linh, một sự đổ kỵ về cá tính, về lý tưởng? Trên bình diện cá nhân, ông Nhất Linh không coi trọng ông Diệm và nghĩ rằng chỉ có Hồ Chí Minh mới là kẻ đối đầu có tầm cỡ, sánh ngang tầm với ông? Có không, sự oán hận vì đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm bỏ quên, nhục mạ? Việc một hai tờ báo thân chính chế diễu, gọi Nhất Linh là nhà văn viết truyện khiêu dâm là chủ trương của người cầm quyền? Nhất Linh đã gán cái trách nhiệm chết yểu của tờ Văn Hóa Ngày Nay là do sự ngấm ngầm chống phá của chính quyền Ngô Đình Diệm không cho nhà phát hành Thống Nhất phát hành báo Văn Hóa? Tất cả những vấn đề này, chúng tôi sẽ bàn kỹ trong một số báo đặc biệt về tờ Văn Hoá Ngày Nay. Theo lời bà Nguyễn Thị Vinh viết lại:

Anh chống lại chính phủ Ngô Đình Diệm ít nhất về quyền tự do ngôn luận bị xâm phạm nặng nề. Tờ Văn hóa Ngày Nay chỉ là giai phẩm, đã không được cấp giấy phép chính thức mà còn bị đóng cửa.

Thật sự, cho đến bây giờ, tôi chưa hề nghe ai trong giới báo chí nói chính phủ Ngô Đình Diệm đóng cửa tờ Văn Hoá Ngày Nay. Tình cờ, tôi đã tìm được một tài liệu trong Văn Hoá Ngày Nay số 9 do một thân hữu, anh Nguyễn Thế Toàn ở Hoa Thịnh Đốn gửi cho trong đó có lá thư cáo lỗi độc giả của nhà văn Nhất Linh vì lý do sức khỏe, ông đã bỏ dở nửa chừng công việc và do đó số báo đó cũng như những số sau có quá nhiều sơ sót và lỗi lầm như đăng bài trùng hợp, đăng cùng một bài trên hai số báo liên tiếp... Tôi có hỏi thẳng anh Duy Lam về việc này. Anh cho biết, ông Nhất Linh có tâm sự và cho biết do những khó khăn về tài chánh nên phải đình bản tờ báo. Và nếu như thế thì cắt nghĩa làm sao sự chết yểu của Hiện Đại, Thế kỷ 20 cũng trong thời kỳ đó? Dù mọi người hiểu rằng Hiện Đại, Thế kỷ 20 đóng cửa vì hết tài trợ. Tóm lại, VHNN đình bản vì thiếu tài chánh và nhất là lý do sức khỏe của Nhất Linh.

Nhìn lại nhóm những người trí thức đối lập trong nhóm Caravelle thì hơn phân nửa là những người đã từng cộng tác với ông Diệm. Sự chống đối không khỏi có những yếu tố riêng tư trong đó. Nhiều người đã bị bắt, riêng Nhất Linh lại được miễn trừ? Khi hai phi công ném bom dinh

TT Ngô Đình Diệm mà theo nhiều người, đã có tay trong để biết giờ giấc trong dinh. Nhưng đến phút chót, một quả bom của phi công Nguyễn Văn Cử đã không nổ. Vai trò ông Nhất Linh trong vụ ném bom này như thế nào? Chỉ biết khi vụ ném bom xảy ra vào sáng hôm ấy, hai ông Nguyễn Văn Lực và Nhất Linh đang quan sát diễn tiến nội vụ. Làm chính trị đối lập thì khác. Nhưng dính dáng vào một vụ mưu sát thì nếu có bằng chứng rõ rệt, chính quyền nào cũng có thể mang ra xử tội? Không thể đổ trách nhiệm cho lịch sử được. Mặt vụ há không biết sao? Họ có làm ngơ được không? Chính quyền dù dân chủ cách mấy cũng sẽ không làm ngơ trước việc mưu sát này? Quả bom đã không nổ vì chưa đủ vòng quay đã làm Nhất Linh chán nản tuyệt vọng, tin rằng cái số dòng họ nhà Ngô hãy còn lớn lắm. Thất vọng chồng chất thất vọng mà những người chung quanh Nhất Linh đều nhận thấy.

Có thể nói cuộc đời Nhất Linh lúc đó chồng chất những thất bại. Những giấc mơ không thành. Bằng chứng trong bức hình vẽ chân dung Nhất Linh của họa sĩ Nguyễn Gia Trí còn dang dở vì sau đó họa sĩ Trí bị đi tù. Khi trở về, ông Nguyễn Gia Trí định vẽ tiếp thì Nhất Linh không cho. Ông đòi để nguyên vì cho rằng: bức họa dang dở giống như cuộc đời của ông. Nó là một tác phẩm chưa hoàn tất. Thất bại của ông thì nhiều, trải dài trong suốt cuộc đời làm chính trị khiến ông bị căn bệnh trầm uất triền miên. Depressive psychosis với ba giai đoạn phát triển tuần tự của bệnh từ Suicidal ideation, suicidal planning và cuối cùng suicidal attempt. Từ ý tưởng sang kế hoạch và sau cùng là thi hành.

Bệnh tâm thần của Nhất Linh là có thật. Nhưng ít ai trực tiếp nói thẳng ra.

Thứ nhất: Âm ảnh tự tử luôn luôn lẫn quất trong truyện của ông trong hai phần ba cuộc đời. Đó là giai đoạn suicidal ideation.

Ngay từ khi còn làm báo Phong Hóa, Tú Mỡ đã ghi nhận như sau: tâm thần bị giao động nhiều, gần như bệnh. Cần phải đi dưỡng bệnh.

Đó là những dấu hiệu có tính cách tiên báo trước.

Bệnh càng ngày càng trở nên trầm trọng theo thời gian vì ông mang gánh nặng trên vai của một kẻ sĩ, của một người trí thức sống trung thực, có lòng với đất nước và vì sự kỳ vọng của mọi người. Nếu ông không phải một trí thức, không có cái tâm của một kẻ sĩ, có thể ông đã không bị quan như vậy.

Ông đã thất vọng về sự bất lực của ông.

Trong những bài viết bàn về cái chết của Nhất Linh, tôi thấy chị Thụy Khê đã ra khỏi những lối suy nghĩ định sẵn và tới gần được Nhất Linh nhất qua những gì ông đã viết. Trong bài viết này, tôi muốn trình bày ý nghĩa việc tự tử này trong sự truy lùng hiện trạng con người, vấn đề tâm thần và lịch sử cuộc đời của Nhất Linh qua từng những chi tiết nhỏ, qua những nhận xét xem ra rời rạc mà khi nối kết lại với nhau, tôi nghĩ chúng ta có thể hiểu được phần nào cái chết bị kịch ấy. Tìm hiểu để tôn trọng con người ấy và những lựa chọn không tránh được của ông. Cái mà ông nói tới như định mệnh con người, định mệnh đời ông, cái Karma của đời ông theo nhà văn Võ Phiến.

Trong phạm vi văn chương, ông đã gửi gắm gì trong những truyện của ông? Trong truyện Người quay tơ, truyện đầu tay của ông, phương cách làm chính trị, làm cách mạng của Nhất Linh rất lãng mạn, rất tự hủy. Làm chính trị có nghĩa là hy sinh mạng sống. Làm cách mạng đồng nghĩa với chết. Thật vậy, trong truyện, Người quay tơ, người đọc không biết đích thực ông tú đã làm gì, đã chống đối chính quyền thực dân Pháp ra sao. Chỉ biết ông bị

đi tù Côn đảo và đã hy sinh. Cũng vậy, Dũng đã nghĩ về Thái như sau:

Anh Thái đi như vậy để làm gì? Chẳng qua không biết làm gì nữa thì liều lĩnh Thế giới của Dũng là chấp nhận sự bất lực, sự bế tắc và chấp nhận cái chết như một hành vi cao cả và *đáng sống* nhất như một thoát ly: Cái chết của Thái đối với Dũng chỉ là một thoát ly?, vì thế *tôi không sợ chết, vì đất mát lắm.*

Ám ảnh về cái chết, về sự tự hủy như một cứu cánh đời sống, ám ảnh ông, bàng bạc trong các tác phẩm của ông, rõ rệt nhất là trong truyện Bướm Trắng?

Có điều gì liên hệ giữa văn chương đến cuộc đời? Những ám ảnh về tự tử trong truyện có thể dẫn đường cho việc giải thích việc tự tử của ông sau này, vào năm 1963 hay không? Chính vì thế, ông đã không muốn cho con cái trong nhà đọc Bướm Trắng khi còn nhỏ? Trong truyện, nhân vật Trương biết mình không còn sống bao lâu nữa đã có những ý nghĩ đen tối là tự tử. Nhân vật Trương nghĩ rằng:

Cách tốt nhất là nhồi một viên đạn nhỏ vào trong sọ. Tạch một cái, thế là hết. Ngọt như mía lùi. Lý luận thêm: Hèn nhất thì không bao giờ tự tử được, mà có can đảm như trời cũng không thể tự tử được. Tự tử được hay không là ở cảnh chứ không phải ở người.

Tóm lại, Nhất Linh nhà văn có phải là một con người tâm trí bình thường khi quyết định việc tự tử, kết liễu đời mình nhằm chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm? Hay đó là một hành vi, hay một quyết định sáng suốt của một người biết mình phải làm gì? Hậu quả của sự đau buồn, nỗi cô đơn vì cái chết yêu của Thạch Lam, của Khải Hưng. Nhất là cái chết của Hoàng Đạo, một người em, một đồng chí cách mạng. Nguyễn Tường Bách viết lại như sau:

Song tại đây, một sự mát mát và đau buồn vô tận cho chúng tôi đột ngột tới, đó là cái chết của anh Hoàng Đạo trên một chuyến xe hỏa từ Hồng Kông về tháng 8/1948. Đặc biệt là đối với Nhất Linh, vì hai anh em gần gũi nhất từ nhỏ, và từng sát cánh mật thiết trong sự nghiệp văn hóa, cách mạng (Tưởng nhớ anh Nhất Linh, Nguyễn Tường Bách, trang 65, sách Nhất Linh, nhiều tác giả).

Rồi sự thay đổi lập trường chính trị của Nguyễn Tường Bách cũng như sự rạn nứt hệ phái Quốc Dân Đảng với Vũ Hồng Khanh, Tự Lực văn đoàn tan đàn nát gánh, thất bại trong việc ký hiệp ước sơ bộ rồi tản mát chạy sang Tàu. Rồi sự thất vọng khi làm bộ trưởng ngoại giao dưới chính phủ Hồ Chí Minh và làm nhân vật đối lập dưới thời Ngô Đình Diệm. Bấy nhiêu nỗi thất vọng, chán chường về chính trị có đủ đưa đến quyết định quyền sinh của Nhất Linh hay không? Bà Nguyễn Thị Vinh đã nhận xét về con người của ông như sau:

Hằng ngày, tôi ít dám nói chuyện với anh, bởi vì trên gương mặt anh toát ra một vẻ nghiêm khắc, trầm lặng, rất buồn bã. Ánh mắt luôn luôn như nhìn về một cõi xa xăm, mòng lên nỗi chất chứa u sầu. Tới nỗi tôi có cảm tưởng, nếu có một tiếng động dù nhỏ, bất chợt vang lên, cũng đủ làm cho các màng nước trong mắt anh oà vỡ. Cặp môi anh có lúc rung rung như đang nói chuyện với ai đó, vô hình, đôi khi lại thoáng nét nhẹ, thật nhẹ, như mỉm cười. (Nhất Linh và Xóm Cầu Mới, Nguyễn Thị Vinh, trong Nhất Linh, nhiều tác giả, trang 88).

Đó là thái độ, cung cách của người mắc bệnh tâm thần. Nhất Linh nhất định không thể là một người tâm trí bình thường lúc cuối đời. Ông có vấn đề. Vấn đề của chính ông. Không ai có thể làm gì cho ông được. Ông rơi vào cô đơn và tuyệt vọng. Từng ngày, từng năm tháng sắp tới? Về tâm linh, ông đã chết dần và ông chết từng ngày?

Ông Trương Bảo Sơn, chồng bà Nguyễn Thị Vinh cũng nhận xét như sau:

Phải chăng việc mất hai người em thân yêu như mất hai cánh tay đắc lực, đã làm cho Nhất Linh, Nguyễn Tường Tam xót xa đau lòng khiến nhiều đêm ông đã âm thầm khóc một mình và chán nản, ngưng làm chính trị mất ba bốn năm trời, ẩn cư ở núi rừng Đà Lạt?

(Trích *Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh*, trong *Nhất Linh*, nhiều tác giả, trang 73)

Triệu chứng tâm thần đã rõ. Nó dẫn đưa ông đến ý tưởng quyên sinh. Không thiết sống nữa.

Ông Nguyễn Tường Bách là một thầy thuốc đã nhận xét về hiện trạng tinh thần của anh mình như sau:



Xuân Diệu, Thế Lữ, Nhất Linh, Khái Hưng thời trong Tự Lực Văn Đoàn Nguồn: vi.wikipedia.org

Sự tang tóc này khiến cho bệnh suy nhược thần kinh của Nhất Linh càng nặng thêm. Một ngày năm 1950, tôi ra Hồng Kông, chỗ anh ở trên một sườn đồi, bên cạnh một suối trong... anh cũng đồng ý về nước với quyết tâm sẽ không tham dự hoạt động chính trị nữa, ít ra trong giai đoạn này.

(Tưởng nhớ anh Nhất Linh, trích dẫn như trên).

Như vậy việc tự tử của Nhất Linh do tình trạng suy nhược thần kinh đã là nguyên nhân thúc đẩy đến cái chết không tránh được.

Cái chết đã định trước. Đã tính toán. Đã dự liệu. Đã không muốn sống. Ông đã tính toán, đã dự liệu như thế nào?

Đó là giai đoạn hai, giai đoạn suicidal planning. Như lời của bà Nguyễn Thị Thế:

Có lần tôi hỏi thẳng anh, họ đã tha cho anh không bắt, vậy anh có tự do rồi, anh muốn làm gì thì làm, sao anh còn ngại. Anh trả lời, cô không hiểu tôi, tôi chỉ ngồi đây đợi hai năm nữa thôi. Anh nói đến đây thì chị Tam ở dưới nhà lên nên anh lại không nói gì nữa. Riêng tôi về sau cứ mãi băn khoăn về câu anh nói chờ hai năm nữa là ý nghĩa ra sao. Vào một hôm trước ngày 7 tháng 7, các con tôi lên thăm anh Tam về cho biết bác có trát đòi và chắc bác ra tòa xử ngày mai, và chắc họ sẽ kết tội bác phá rối trị an và bỏ tù bác chứ không tha đâu. Tôi vội lên thăm anh Tam ngay. Tôi thấy hai con mắt anh sáng ngời, vẻ mặt hồng hào. (trích *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, Nguyễn Thị Thế, trang 158).

Những lời bộc bạch tự nhiên của bà Thế chứng minh rằng những suy nghĩ về nguyên do đưa đến cái chết của nhà văn Nhất Linh là ông đã tự chọn một cái chết cho mình mà thời điểm 1963 chỉ là điểm chung cuộc. Trước hay sau, ông sẽ tìm đến cái chết đó như một giải thoát hơn là một thái độ phản kháng về chính trị.

Khi đặt cho mình những câu hỏi về cái chết này, tôi có trao đổi ý kiến với nhà văn Duy Lam. Anh cũng đồng ý với tôi là: Cái chết của nhà văn Nhất Linh là một cái chết định sẵn. Nó đã bị chi phối, ảnh hưởng hay thúc đẩy bởi một động lực tâm lý, một quá trình đời sống với gánh nặng quá khứ chán nản và tuyệt vọng của một người không còn làm chủ được đời mình. Phải công bằng với lịch sử để trả lời những câu hỏi này.

Tôi nghĩ rằng những tiết lộ của Nguyễn Tường Thiết, con trai nhà văn, đã giúp chúng ta trả lời hai câu hỏi trên.

Nhất Linh thường viết trong đêm khuya khoắt. Những khi giật mình thức giấc nửa đêm tôi thường thấy, qua khe cửa, đèn trong phòng ông còn bật sáng. Có đêm lữ chúng tôi lòm còm bò dậy vì còn tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kìm hãm được. Lữ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau... Không ai có thể đoán biết ông khóc cái gì, ngay cả mẹ tôi cũng không thể nào biết được. Nhưng sự khám phá này đã gieo vào tuổi thơ của tôi một ấn tượng mạnh mẽ, rằng cha tôi là một người cô đơn và đau khổ. Ngoài ra những giấc mơ kỳ lạ và kinh hãi cũng được tôi hình dung thấy qua giấc ngủ của ông, qua cách ông trần trọc ú ớ trong đêm.
(*Nhất Linh cha tôi*, Nguyễn Tường Thiết, trang 19)

Những tiếng khóc về đêm khuya khoắt là dấu hiệu một tình trạng bệnh trầm cảm, cô đơn và tuyệt vọng. Thoạt đầu tiên khi làm báo, ông lấy tên báo là *Tiếng cười*. Nhưng cả cuộc đời ông chỉ là những *tiếng khóc*. Đọc tiếp những trang hồi ký của Nguyễn Tường Thiết thật không cảm nổi xúc động. Nhưng cũng cho thấy rằng, Nhất Linh đã chuẩn bị cái chết của mình một cách chu đáo, từng chi tiết một.

Đó là giai đoạn suicidal attempt.

Đến Nguyễn Tường Triệu, con trai ông, ở cạnh ông cũng bị ông qua mặt, bị ông đánh lừa trước mặt, *chỉ 15 phút là xong*. Chẳng khác gì: *Chỉ tạch một cái là xong*.

Nhiều lúc thật bình thản.

Như ông từng nói từ năm 1951: *Tôi mà tự tử thì chẳng ai biết tôi dùng loại độc nào* (trích bài viết *Nhất Linh, người định nghĩa sống và chết*, Lưu Văn Vịnh, trong *Nhất Linh*, nhiều tác giả, trang 177). Tôi có thể đến đây dám chắc rằng, ý định tự tử đã bám dính vào ông, nhất là ở giai đoạn chót cuộc đời ông. Và ông đã có kế hoạch để tự hủy mà không ai biết được. Từ kế hoạch tự tử sang đến chỗ thực hiện chỉ là một bước nhảy: Bước nhảy từ cõi sống vào cõi chết. Cần một triggering factor, le facteur déclenchant, chỉ cần một động lực để nhảy, để... lầy cò.

Thần chết đã đến gõ cửa rất lâu trước ngày 7 tháng 7, 1963. Nó đã đi theo ông như một định mệnh, như một cái nghiệp không tránh được. Ông mới chỉ bị gọi ra tòa. Thế mà xong. Ông chỉ chờ có thế. Đó là thời điểm để ông có đủ can đảm thực hiện nếu không muốn nói là ông mong đợi nó đến. Cái trát đòi ra tòa là một facteur déclenchant. Nó đã đến nên mắt ông tươi sáng hẳn lên, mặt ông hồng hào. Ông sống làm gì nữa? Vào tù ư? Để chịu nhục? Để kéo dài sự cô đơn và tuyệt vọng? Chỉ có cái chết giải thoát ông.

Cái chết đã định trước từ lâu? Biến cố 1963 chỉ là giọt nước tràn đầy ly.

Ông Ngô Đình Diệm chỉ là người chịu trách nhiệm đưa ông Nhất Linh ra tòa. Nhưng trách nhiệm giết ông Nhất Linh, chính là bạn bè ông, những người đồng chí của ông, những người nước mắt tiền đưa ông. Tất cả vô tình đã giết ông, vì đã đặt tất cả trách nhiệm lịch sử lên đôi vai ông mà thực sự ông không thể chu toàn được. Vì trước sau, tựu chung ông Nhất Linh chỉ là một nhà văn với tinh thần nhạy cảm, ông không phải là một chính trị gia có bản lĩnh, đờm lược như mọi người kỳ vọng. Nhưng làm sao ông có thể nói thật về điều này với mọi người khi ông còn sống.

Nhưng một người mà cả cuộc đời làm chính trị thất bại, đến phút cuối cùng, ông trở thành kẻ chiến thắng bằng chính cái chết của mình.

Lịch sử quả là trớ trêu và oan nghiệt.

Dù sao, chết như Nhất Linh chứng tỏ ông là kẻ sĩ của cả một thời đại văn học. Thời đại Nhất Linh như ông từng cân nhắc viết:

Những lúc ngoảnh về quá khứ, kiểm điểm những việc mình đã làm, tôi thấy rõ ràng công việc tốt đẹp lâu bền và có ích nhất của đời tôi là sự thành lập được Tự Lực Văn Đoàn và công việc sáng tác.

Bài toán về cái chết của ông coi như đã được giải đáp một phần nào trong lời thú nhận chót của ông. Điều chắc chắn là ông đã chết sung sướng và có thể mỉm cười nơi chín suối. Bên dòng suối đam mê, bên những giò lan rừng. Đó mới là chỗ để ông về vì đã đem lại cho ông những phút thư thái nhất, được sống với con người thật của mình mà lúc sống ông đã không có được.

Phản phụ chú

1. Thư của Nguyễn Tường Thiết

Thân gửi anh Nguyễn Văn Lục,

Tôi đã đọc xong bài *Chúc thư Văn Học* của anh. Nếu chỉ để ý đến khía cạnh tìm những sai sót trong bài như anh yêu cầu tôi thì tôi không tìm thấy làm lỗi nào, vì bài anh viết khá công phu, dựa trên những tài liệu đã công bố hoặc những nhân chứng sống. Tôi chỉ có ý kiến riêng của tôi như sau:

Một người đã chết, khi chết mang theo tất cả những niềm bí ẩn của họ. Không ai có thể biết được sự thật hoàn toàn. Người đời chỉ có thể suy đoán. Trường hợp ông cụ tôi cũng vậy. Nhưng có một điều tôi tin chắc rằng ông cụ *mong muốn* được người đời hiểu rằng *ông, (tôi) tự huỷ mình* để cảnh cáo những người chà đạp lên mọi thứ tự do như ông đã viết trên giấy trắng mực đen. Ở cương vị một người con tôi có bổn phận phải hỗ trợ cho lòng mong ước đó của ông. Và trên quan điểm này tôi không thể đồng ý với nội dung bài viết của anh.

Tuy nhiên, ở mặt khác, vì ông cụ tôi đã là người của văn học, của lịch sử, nên tôi tôn trọng tất cả những ý kiến khác tôi về việc tìm hiểu những nguyên nhân làm nên cái chết của ông cụ, thứ nhất là việc tìm hiểu ấy không làm giảm đi lòng quý trọng và ngưỡng mộ đối với người đã khuất, như tôi đã thấy ở anh, trong bài viết.

Thân ái,

Nguyễn Tường Thiết

2. Nguyễn Thị Vinh, Nhất Linh với TLVĐ

Có rất nhiều người đàn bà trong TLVĐ mà theo tôi không có họ thì không có Nhất Linh, không có Thạch Lam, không có Duy Lam, không có Thế Uyên. Họ tưởng chừng như không có dính dáng gì đến văn học. Vậy mà không có họ thì có thể nói khó có TLVĐ. Bà mẹ Nhất Linh, bà vợ Nhất Linh hay bà Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh. Như lời bà Nguyễn Thị Thế viết về mẹ ruột mình:

Một mình mẹ tôi buôn bán phụng dưỡng mẹ chồng và nuôi đàn con ăn học thành tài, giá như người khác, các anh tôi chỉ có đi làm thợ hay đi làm thuê thôi.

(trích *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, Nguyễn Thị Thế, trang 132).

Riêng ông bà Nhất Linh. Họ khác nhau về đủ thứ. Quanh năm ngày tháng, Nhất Linh bỏ đi. Con cái như Nguyễn Tường Thiết nhiều khi lâu không gặp bố thấy xa lạ. Nhất Linh lúc ở bên Tàu, lúc ở Đà Lạt, vậy mà cái bóng của bà Nhất Linh vẫn phủ lên đời ông?

Bà Nhất Linh trả lời như sau về đời sống gia đình của bà:

Tôi lấy nhà tôi là do cha mẹ mối manh, dạm hỏi và cưới xin linh đình. Khi tôi về nhà chồng rồi thì chỉ biết lo buồn bán để gánh vác giang sơn nhà chồng, làm gì có thì giờ đọc sách, đọc báo ợ? Với lại sách báo là việc của đàn ông, đàn bà mình ngó vào làm gì?
(trích bài viết của nữ sĩ Anh Thơ về Nhất Linh, Nhất Linh, nhiều tác giả trang 107).

Trong truyện ngắn *Người quay tơ*, phải chăng nhân vật nữ *người quay tơ* là hiện thân của bà Phạm Thị Nguyên, vợ Nhất Linh và nhân vật ông Tú phải chăng là chính là Nhất Linh? Rồi còn lá thư tuyệt mệnh để lại cho bà trước khi tự tử. *Minh, mối tình của đôi ta đẹp để lắm rồi. Minh không còn mong muốn gì hơn nữa*. Di chúc cho vợ mà ông nhắc nhở đến mối tình của đôi ta thay vì nói tới tình nghĩa vợ chồng.

Kể là đẹp và trọn vẹn.

Chính anh Duy Lam sau này theo nghiệp văn cũng là do ý muốn của mẹ anh. Bà Thế chỉ mong sau này con trai bà trở thành nhà văn như những người của dòng họ Nguyễn Tường. Coi như giấc mơ của mẹ anh đã thành hiện thực.

Nhưng còn những người đàn bà trong văn chương TLVĐ? Trong truyện và trong đời sống, tuy hai mà một? Trong văn chương, Nhất Linh đã khiến độc giả mê một thiếu nữ mà ông đặt tên là *cô áo trắng*. Trong đời sống, *cô áo trắng* này có thực. Theo Huy Cận tiết lộ, cô này chính là nhân vật truyện tên Thu trong tiểu thuyết *Bướm Trắng* của Nhất Linh.

Trường hợp của bà Nguyễn Thị Vinh thì sao? Bà Vinh đã từng sống bên cạnh Nhất Linh khi ở bên Tàu. Là đồng chí, là em nuôi, là người tình, là bạn văn? Hay là tất cả những thứ đó cộng lại? Trong trường hợp nào bà Vinh quen biết và trở thành người của nhóm TLVĐ? Tôi chưa liên lạc trực tiếp được với bà Nguyễn Thị Vinh để tìm hiểu rõ vấn đề này vì bà ở quá xa, bên Na Uy. Nhưng chỉ biết rằng hai chị em Nguyễn Thị Vinh có mở một tiệm sách ở Hà Nội, rồi sau này bà Nguyễn Thị Vinh, lấy Trương Bảo Sơn, một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Phải chăng vì mối liên hệ đảng phái mà bà Nguyễn Thị Vinh có nhiều dịp gần gũi với Nhất Linh? Nhất là khi cùng trôi dạt sang Tàu, vợ chồng Trương Bảo Sơn, Nguyễn Gia Trí và Nhất Linh sống chung một nhà. Chính ông Trương Bảo Sơn viết về những kỷ niệm riêng với Nhất Linh cho biết như sau:

Lần đầu tiên tôi được gặp ông, tiếp xúc với ông là ở chiến khu Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD), trong tỉnh Vĩnh Yên, sau khi ông từ chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp kháng chiến, trên đường ông đi sang Trung Hoa, ở Côn minh, Trùng Khánh, rồi Thượng Hải. Nơi đây tôi gặp ông lần thứ hai vào cuối năm 1946
(trích Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, (trích *Nhất Linh, người Nghệ sĩ, người chiến sĩ*, trang 69).

Nhưng mãi đến năm 1948, nghĩa là ba năm sau, bà Nguyễn Thị Vinh, vợ ông Trương Bảo Sơn mới cùng con gái ba tuổi từ Hà Nội sang ở với ông Trương Bảo Sơn. Có thể từ 1948, bà Nguyễn Thị Vinh mới được quen biết với Nhất Linh. Cũng trong thời gian này, Nhất Linh

đã khuyến khích Nguyễn Thị Vinh viết cuốn Thương Yêu và bà Linh Bảo viết cuốn Gió Bắc.

Thời gian ở bên Tàu, còn có nhiều người khác như ông Nguyễn Gia Trí, Đỗ Đình Đạo, Trần Văn Tuyên, Phan Quang Đán, Nguyễn Văn Hợi cùng ở chung với Nhất Linh. Hoặc tới hội họp như cụ Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Bảo Toàn, Lưu Đức Trung, Tạ Nguyên Hải.

Khi ở chung, cũng có xảy ra những chuyện cãi cọ. Đáng kể nhất là mâu thuẫn giữa Nguyễn Gia Trí và Trương Bảo Sơn? Nguyễn Tường Ánh, lúc đó chỉ là một cậu bé hơn 10 tuổi đầu đã có dịp chứng kiến những màn cãi nhau đó. Ông kể lại là có lần bà Nguyễn Thị Vinh tức mình bỏ chạy chạy ra suối. Ôi cái tức mình của đàn bà! Ông Nhất Linh thương tình, sợ bà bị lạnh nên đã sai Nguyễn Tường Ánh mang quần áo ra suối cho bà. Có thể có một mối tình tay ba, tay tư không? Tôi tin là có khi nhìn lại những hình ảnh Nhất Linh ôm ấm và cưng chiều cô con gái út của Nguyễn Thị Vinh là Trương Kim Anh. Điều gì cũng có thể xảy ra được. Sau này, khi đọc hồi ký của bà Nguyễn Thị Thế, em gái Nhất Linh và là mẹ các nhà văn Duy Lam và Thế Uyên có đoạn kể về cô con gái nuôi, Trương Kim Anh này như sau:

Khi tôi dở chăn ra để được ngó mặt anh tôi, thời có cái sáo rơi xuống. Tôi lấy làm lạ hỏi cháu Thoa thời nó cho biết có con gái nuôi của cậu cháu (con gái chị Nguyễn Thị Vinh) tối qua đem sáo vào nhà xác thổi suốt đêm cho ông nghe. Thổi xong nó tặng luôn chiếc sáo và nói từ nay nó sẽ không còn thổi sáo cho ai nghe nữa đâu. (trích *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*, Nguyễn Thị Thế, trang 159). Trong bài Tường nhớ về Nhất Linh, cô Trương Kim Anh đã viết như sau:

Sau một lúc, mẹ tôi bảo tôi lấy sáo trúc ra thổi một bản tiễn bác. Tôi gạt nước mắt, đưa ống sáo ngang miệng, chọn bản Thiên Thai, bản mà bác thường bảo tôi thổi mỗi lần bác đến nhà chúng tôi. Tiếng sáo u uẩn vang trong khu nhà xác, lạnh lẽo. Nhưng chỉ được nửa bản, tiếng sáo ngưng trong tiếng nấc nghẹn ngào, âm thanh như đọng lại trong không gian, tiễn đưa hương linh bác về nơi vĩnh cửu. (trích *Nhất Linh, người nghệ sĩ, người chiến sĩ*, trang 153).

Trong mục Lan Hàm Tiểu dành cho các thiếu nhi trên VHNN, Nhất Linh đã không quên mà người đọc cũng khó bỏ qua bóng dáng Nguyễn Thị Vinh qua cháu Trương Kim Anh. Em bé Trương Kim Anh, lúc ấy 12 tuổi đã tập tành viết văn như mẹ cháu, dưới sự hướng dẫn của bác Nhất Linh qua tác phẩm đầu tay của cháu: *Ở vậy*.

Như vậy, người ở lại sau cùng trong cái đêm cuối cùng trước khi Nhất Linh đi vào lòng đất là bà Nguyễn Thị Vinh và cô con gái. Và trước khi tuấn tiết, ngoài bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, người được Nhất Linh đến gặp lần cuối cũng lại là bà Nguyễn Thị Vinh. Trương Kim Anh kể lại:

Mãi sau này tôi mới biết, chuyện quan trọng đó là: bác Tam nhận được trát đòi ra hầu tòa, cùng với một số bạn chiến đấu của bác, trong đó có ba tôi, “ông Trương Bảo Sơn”.

Tôi hơi ngạc nhiên về chú thích để trong ngoặc kép này...

Khoảng một tiếng sau, từ trên cửa sổ nhà Thúy nhìn xuống nhà mình, tôi thấy bác Tam đang từ già mẹ tôi.

Đây là một cử chỉ chỉ có những người trong cuộc, trong giờ phút giữa sống chết, bên bờ tử sinh mới thấm thía hết được ý nghĩa của cuộc gặp gỡ này.

Cô Trương Kim Anh, con nuôi của Nhất Linh, sau này lấy nhà văn Dương Kiền. Theo các con cháu của Nhất Linh như anh Duy Lam cũng cho rằng nhiều phần Nhất Linh và Nguyễn Thị

Vinh... phải có cái gì với nhau. Nhưng cụ thể như thế nào thì không ai dám chắc. Nhưng trong cách thức của bà Nguyễn Thị Vinh khi nói về Nhất Linh thì bà thường làm ra cái vẻ như thể bà là người tình của Nhất Linh, hay đóng kịch như thế và gây cho mọi người có cảm tưởng là giữa bà và Nhất Linh hẳn phải có một mối dây liên lạc đặc biệt.

Nhưng hay nhất vẫn là để Nguyễn Thị Vinh tỏ bày:

Đời tôi từ bấy lâu nay, thời gian qua đi già nửa thế kỷ, đã từng được ở những nơi nhà cao cửa rộng, đầy đủ tiện nghi, mà sao tôi vẫn không thể quên được, túp lều (trên núi) của chúng tôi. Chao ơi mỗi khi tắm, tôi chưa thấy có một vòi hoa sen nước nào có thể so sánh được với dòng suối ngày ấy. Tôi biết kể sao cho hết nỗi vui thích của tôi mỗi khi ra suối tắm...
(Trích *Nhất Linh, người nghệ sĩ, người chiến sĩ*, trang 85/86).

Khó quên là phải. Làm sao quên được. Cá tính bà Nguyễn Thị Vinh theo nhận xét vài người quen biết của bà trước đây hay người trong gia đình Nhất Linh thì bà là một người đàn bà đa tình, và vô cùng lãng mạn. Gần như không có một biên giới nào. Một người tình cũ cho biết bà có thói quen xoa tóc dài và khoá thân. Một phụ nữ như thế, ngoài cái mối đam mê về văn chương, còn gặp nhau nơi xứ người, sống hoang dã nơi núi rừng, suối chảy, ông Nhất Linh nếu có liên hệ tình cảm với bà thì cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên.

Chuyện Trương Bảo Sơn và Nguyễn Thị Vinh chia tay nhau thì cũng là chuyện đành phải là như vậy. Sau khi Nhất Linh chết vào năm 1963, bà Nguyễn Thị Vinh thường đi xe Lam lên thăm mộ Nhất Linh ở nghĩa trang Bắc Việt ở Hạnh Thông Tây. Nghĩa trang này nằm cạnh khu đất hương hỏa của nhà văn miền Nam Hồ Biểu Chánh nên mộ Nhất Linh gần mộ nhà văn Hồ Biểu Chánh. Bà Nguyễn thị Vinh mỗi khi thăm viếng mộ Nhất Linh là đốt 4 điếu thuốc lá Bastos xanh cắm vào bốn góc mộ, sau đó mở hai chai lade 33 tuổi lên phần mộ để tưởng nhớ Nhất Linh.

Nhất Linh khi còn sống hút thuốc lá Bastos xanh không ngừng và khoái uống la de. Theo vài người biết chuyện kể lại thì cậu *thanh niên* Nguyễn Hữu Nhật đã gặp bà Nguyễn thị Vinh tại nhà của nữ thi sĩ Trần thị Tuệ Mai, con cụ Á Nam Trần Tuấn Khải. Một hôm ông Nguyễn Hữu Nhật cùng hẹn với bà Nguyễn Thị Vinh đi thăm mộ Nhất Linh dù đã hứa hôn với một nữ sinh viên trường Luật tên Bình. Vài tuần sau, hai người kết thành đôi lứa, ông Nhật từ hôn với cô Bình và Nguyễn Hữu Nhật chính thức làm chồng bà Nguyễn Thị Vinh cho đến ngày hôm nay mặc dù tuổi tác hai bên chênh lệch nhau đến 20 tuổi.

Mối nhân duyên này đúng là duyên kỳ ngộ và như có sự chứng giám của một người đã chết. Sự hiện diện của bà Nguyễn Thị Vinh trong TLVĐ hay trong đời sống Nhất Linh có phải chỉ là một?

Sự thật về cái chết của Nhất Linh

Lần đầu tiên tôi được nhìn thấy rõ khuôn mặt cha tôi, nhà văn Nhất Linh, là vào khoảng cuối năm 1950 khi cha tôi từ Hương Cảng trở về Hà Nội. Năm ấy tôi mới mười tuổi. Trong thập niên 1940 cha tôi rất bận rộn với những hoạt động chính trị, ông sống nhiều năm bên Trung Hoa. Thời gian này ông chỉ về ghé thăm mẹ con tôi vào những dịp đặc biệt ngắn ngủi, không đủ cho tôi kịp nhận diện khuôn mặt người cha, người mà lâu lâu tôi nghe nhắc đến một cách kính cẩn như thể ông là một nhân vật trong thần thoại hơn là một người có thực ở ngoài đời. Tôi nhớ ngày hôm đó tôi đã ngây người nhìn ông như nhìn một người khách lạ. Trước mắt tôi nhân vật thần thoại ấy hiện hình bằng xương bằng thịt: Nhất Linh dáng dong dỏng quắc thước,

khuôn mặt phong sương, có cặp mắt sâu, đôi mày rậm, vàng trán cao, nụ cười cởi mở dưới hàng râu mép và cái nhìn đặc biệt, nhìn thẳng và sâu vào đôi mắt người đối diện nhưng lúc nào cũng niếm một vẻ mơ màng xa vời.

Kỷ niệm về đêm hôm đầu tiên đoàn tụ ấy còn ghi đậm trong trí nhớ tôi một lời nói của cha tôi. Đó là lời ông tuyên bố quyết định từ bỏ cuộc đời chính trị.

Trong tập hồi ký Nhất Linh Cha Tôi (Văn Mới xuất bản 2006, trang 13) tôi có viết: “Đêm hôm đầu tiên đoàn tụ, chúng tôi không ngủ, tất cả thức gần suốt sáng để trò chuyện với ông. Trong căn nhà số 15 Hàng Bè Hà Nội nơi mẹ tôi mở tiệm bán cau khô, vào một đêm mùa đông, bố mẹ con chúng tôi chen chúc nằm trên một chiếc giường tây lớn. Tôi còn nhớ rõ bố tôi nói với chúng tôi là ngày hôm sau báo chí sẽ đến gặp ông và ông sẽ tuyên bố quyết định từ bỏ cuộc đời làm chính trị để trở về cuộc đời viết văn”.

Sau này đọc bản thảo cuốn tiểu thuyết Xóm Cầu Mới (Bèo Giạt) tôi thấy cha tôi viết những dòng sau này: “Tặng Nguyên, người rất thân yêu đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn Xóm Cầu Mới này mới ra đời” (Hương Cảng, trên núi 16 tháng 10 năm 1949, 1g30 trưa). Như vậy là trí nhớ của tôi, cậu bé 10 tuổi, đã không sai.

Kể từ ngày đầu tiên đoàn tụ năm 1950 ấy cho đến ngày ông qua đời 7-7-1963, tôi là người con đã sống gần gũi với cha tôi nhất trong số tất cả những người con của ông. Lý do là khi cha tôi vào Nam năm 1951, ông kéo tôi đi theo ông, trong khi mẹ và các anh chị tôi ở lại Hà Nội cho đến năm di cư 1954. Và sau đó năm 1955 khi ông quyết định bỏ Sài Gòn lên sống trên Đà Lạt, tôi lại là người ông mang theo để sống gần ông. Là người con vừa thân cận vừa được tin cậy, tôi là người vừa biết rõ nhất về ông cụ tôi, lại là người chứng kiến cái chết của ông trong những giờ phút cuối cùng.

Là người con hiểu rõ ông cụ tôi, tôi tin rằng khi cha tôi tuyên bố từ bỏ cuộc đời làm chính trị ông đã thành thật với mình. Tuy nhiên thời cuộc đưa đẩy buộc ông phải sống trái với ý muốn của mình. Về cuối đời cha tôi bị liên lụy vì liên quan đến một vụ chính biến, đưa đến cái chết của ông ngày mồng 7 tháng 7 năm 1963.

Cái chết ấy mang mục tiêu chính trị rõ rệt. Ông tự vẫn để “cảnh cáo những người chà đạp lên mọi thứ tự do”, như ông đã viết ra trên giấy trắng mực đen.

Nguyên nhân và động lực đưa đến cái chết của Nhất Linh đã được ông viết ra bằng 71 chữ rất minh bạch và đầy đủ:

Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bất bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.

7-7-63

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

Thế nhưng gần đây lại có những người manh tâm viết sách bóp méo sự thật, sửa đổi lịch sử, xuyên tạc cái chết của cha tôi gán ghép cho cha tôi “tự tử vì căn bệnh tâm thần” (Nguyễn Văn Lục), “tự tử để tránh khỏi phải ra tòa đối chất với thuộc hạ” (Lê Nguyên Phú).

Là người con, lại là người con sống gần gũi với ông cụ tôi nhất, tôi biết chắc là gán ghép này hoàn toàn sai với sự thật và vì vậy tôi thấy có bổn phận lên tiếng.

Bài viết này sẽ chia làm hai phần.

Phần thứ nhất tôi sẽ nói sơ lược về cha tôi, về bối cảnh lịch sử, và nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông, Nhất Linh. Tất cả những gì tôi viết sau đây đều dựa trên những gì mắt thấy tai nghe mà tôi tin rằng đó là sự thật.

Tôi sẽ dành phần thứ hai của bài này để phản bác lập luận của hai ông Nguyễn Văn Lục và Lê Nguyên Phú.

Như đã nói ở trên vào năm 1955 cha tôi quyết định lên Đà Lạt sống và tôi là người ông chọn để đi cùng với ông. Ông cụ thu xếp cho tôi thi tuyển vào lớp Đệ Lục trường trung học công lập Quang Trung niên khoá 1955-56. Chúng tôi ở trên lầu 2 nhà hàng Poinsard & Verrey số 12 đường Yersin Đà Lạt. Sau này các anh chị tôi cũng thường lên Đà Lạt vào những dịp hè hoặc Tết nhưng không ai ở luôn trên ấy, chỉ trừ chị Thoa là người chị kế của tôi. Những năm đầu tiên trên Đà Lạt là những năm thanh bình. Cha tôi chơi lan, hòa nhạc tại gia vào cuối tuần. Thỉnh thoảng ba chúng tôi (cha tôi, chị Thoa và tôi) đi pic-nic trên núi Langbian hoặc ở Suối Vàng. Lâu lâu bạn bè của cha tôi từ Sài Gòn lên Đà Lạt ghé thăm cha tôi. Bạn của cha tôi nhiều lắm và đủ loại: bạn thân, bạn văn, bạn đồng chí và cả các chính khách nữa. Tôi còn nhỏ không chú ý đến chuyện người lớn nên không biết cha tôi bàn luận với khách chuyện gì, nhưng tôi đoán thế nào họ chẳng bàn chuyện thời sự và chính trị. Phải đến rất nhiều năm sau này, sau khi thân phụ tôi mất, tôi có dịp gặp lại một trong những vị khách đó là anh Lê Hưng, một đảng viên VNQDD. Anh Lê Hưng nói với tôi là cha tôi tán thành chính sách của tổng thống Ngô Đình Diệm trong việc dẹp loạn Bình Xuyên. Cha tôi nói: “Việc dẹp loạn Bình Xuyên là đúng, nhưng coi chừng, nó có thể mở đầu dẫn đến độc tài”.

Vào năm đó (1955) chính phủ của nền Đệ Nhất Cộng Hòa phát động rầm rộ phong trào tố cộng. Thị xã Đà Lạt tràn đầy băng rôn biểu ngữ chống cộng sản. Trong các dịp lễ tết thế nào cũng có màn kịch tố cộng với những anh hề “cán gố” áo đen nón cối nhảy vũ điệu tập thể “son mi son mi son tố mi”. Nhưng song song với phong trào tố cộng một phong trào khác cũng rầm rộ không kém. Đó là phong trào “suy tôn Ngô Tổng Thống”.

Những bản nhạc suy tôn được phát đi liên tục trên đài phát thanh. Loa phóng thanh đặt ở đầu chợ Đà Lạt suốt ngày rót vào tai khách đi đường những bản nhạc suy tôn ấy, đến nỗi nó nhập vào tôi, cậu bé 15 tuổi. Một bữa đi học về tôi nhảy cầu thang miệng hát oang oang: “Bao nhiêu năm từng lê gót nơi quê người... Cứu đất nước thề tranh đấu cho tự do...” ... “Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống. Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm! Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống. Xin thương để ban phép lành cho Người...”. Đến đầu cầu thang ngừng lên tôi bắt gặp ngay gương mặt chững chững của ông cụ! Tuy ông cụ không nói gì nhưng tôi đoán chắc bụng ông không vui. Tôi biết ông cụ tôi chúa ghét cái trò suy tôn cá nhân, dù người đó là ông trời đi nữa.

Một vài năm sau tôi chứng kiến một câu chuyện khác khiến tôi tin rằng cái trò suy tôn này đã làm cha tôi không ưa chế độ. Ai cũng biết là hồi đó dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa đi xem xi-nê đều phải đứng dậy chào cờ. Dưới chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa luật chào cờ này bị bãi bỏ. Đi giải trí mà phải chào cờ đã là một chuyện vô lý. Nhưng còn thậm chí hơn nữa là khi lá quốc kỳ chiếu trên màn ảnh thì chính giữa lại có một khoảng bầu dục in hình vị thủ lĩnh quốc gia: chân dung tổng thống Ngô Đình Diệm.

Ông cụ tôi một bữa đi xi nê tại rạp hát Vĩnh Lợi khi ông buộc phải đứng lên chào cờ ông đã tức giận đứng dậy bỏ về không xem xi nê. Chuyện này tôi biết vì chính tai tôi nghe ông cụ bắt mẫn than thở với chú Lê Văn Kiểm, một người bạn thân của ông cụ tôi.

Hãy tưởng tượng ông cụ tôi, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, bị buộc phải đứng dậy (không phải để chào cờ) để suy tôn ông Ngô Đình Diệm!

Tôi chắc là có những người có thể bảo đây là chuyện nhỏ và đổ lỗi cho Bộ Thông Tin làm việc này chứ ông Diệm không hay biết. Nói gì thì nói ở cương vị lãnh đạo quốc gia ông Diệm là người phải chịu trách nhiệm về cái trò suy tôn quá lố này của thuộc cấp. Đây là một trong những điều khiến cha tôi bất mẫn với chế độ nhà Ngô.

Mấy năm sau ngày chấp chánh của chế độ nhà Ngô sự bất mẫn của dân chúng gia tăng với sự độc tài gia đình trị của gia đình này. Cả cha tôi và tôi lúc này đều đã về ở hẳn Sài Gòn. Riêng

cha tôi vì mua một miếng đất ở Fim-nôm gần Đà Lạt nên ông thỉnh thoảng vẫn đạp xe dò Minh Trung lên trên ấy vào rừng để “tu tiên” bên dòng suối Đa Mê. Nhưng “tu tiên” không được vì những biến chuyển chính trị ở Sài Gòn khiến cha tôi không thể ngồi yên.

Năm 1958 cha tôi ra tờ báo Văn Hoá Ngày Nay. Tự tay cha tôi vẽ và trình bày bìa cho tờ đặc san này. Ở trên góc bìa đề hàng chữ lớn: Số ra mắt 17-6-1958. Chúng tôi không một ai để ý đến cái ngày 17-6 có ý nghĩa gì cho mãi đến khi tôi gặp anh Lê Hưng. Anh Hưng nói với tôi trước bàn thờ ông cụ: “Anh Tam làm cái gì cũng tính toán rất kỹ lưỡng. Anh chọn ngày ra báo 17-6 là ngày giỗ của đảng trưởng Nguyễn Thái Học, cũng như anh chọn ngày chết 7-7 là ngày chấp chánh của họ Ngô để phản đối chế độ này”.

Ở Sài Gòn báo Văn Hoá Ngày Nay bán rất chạy ngay từ số đầu tiên. Năm ấy tôi học lớp Đệ Nhị trường trung học tư thực Hoàng Việt tại đường Phan Đình Phùng (khúc giữa Cao Thắng và Lê Văn Duyệt). Trên khúc đường đó có rất nhiều tiệm bán sách hoặc tiệm cho thuê sách. Trên đường đi học qua các tiệm sách này tôi thấy có một hiện tượng mà tôi không hề thấy xảy ra trước đó: tất cả các tiệm sách này đều có một tấm bảng đen phía trước cửa với hàng chữ viết bằng phấn trắng: HÔM NAY CÓ VĂN HÓA NGÀY NAY.

Nhưng báo chỉ ra được 11 số thì tự ý đình bản. Chúng tôi chùng hững hỏi ông cụ tại sao báo bán chạy thế mà lại tự ý ngưng? Cha tôi không trả lời. (Ông không có thói quen tiết lộ mọi chuyện cho con cái). Nhưng thái độ của ông lúc ấy rất buồn bã.

Sau này dò hỏi hai người trong ban biên tập của báo VHNN là ông Nguyễn Thành Vinh và ông Trương Bảo Sơn thì tôi càng kinh ngạc hơn nữa: báo không ra nổi vì lỗ vốn.

Trong cuốn sách “Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ” do Thế Kỷ xuất bản năm 2004, trang 78, ông Trương Bảo Sơn viết:

“Tờ Văn Hoá Ngày Nay ra được 11 số thì đình bản, mặc dù được độc giả khắp nơi hoan nghênh. Ôi, chỉ vì nó được hoan nghênh quá xá mà chết non. Nguyên nhân thế này:

“Trước hết tập Văn Hoá Ngày Nay không được chế độ Ngô Đình Diệm cho phép xuất bản như một tạp chí mà chỉ là một giai phẩm phát hành không có định kỳ. Vì không có định kỳ nên Bộ Thông Tin kiểm duyệt cố tình để lâu mới trả lại bản thảo để in. Ông Hoàng Nguyên, chủ sự phòng kiểm duyệt đã nói với tôi rằng tuy có nhiều cảm tình với chúng tôi, nhưng không thể làm trái lệnh cấp trên là cản trở tờ Văn Hoá Ngày Nay ra đúng kỳ hạn (tỷ dụ như đúng ngày mùng 1 mỗi tháng) để độc giả nhớ ngày mua báo. Hơn nữa bài vở phải kiểm duyệt kỹ, nhất là bài của Nhất Linh và Bảo Sơn.”

“Sau nữa, ngoài chế độ kiểm duyệt, phản quyền tự do ngôn luận này ra, chế độ Ngô Đình Diệm còn có một thủ đoạn hiểm độc nữa là nhà nước giữ độc quyền phát hành báo chí, kể cả giai phẩm. Ngô Đình Diệm đã có sáng kiến đặt ra Nhà Phát Hành Thống Nhất, bắt tất cả các báo chí phải đưa cho công ty này phân phối. Tập Văn Hoá Ngày Nay bán chạy như tôm tươi mấy số đầu, đã bị ế đi. Nhà phát hành độc quyền của chính phủ đã thi hành độc kế không gửi đủ số báo cho các tiệm sách đã đặt mua. Chúng tôi khi buộc báo thành từng bó đã cố ý đánh dấu riêng, khi nhận báo từ Nhà Phát Hành trả về, thấy những dấu ấy vẫn còn y nguyên, tức là nhà Phát Hành đã không làm đúng nhiệm vụ, đã giữ báo của chúng tôi trong kho, không phân phối đi. Có những tiệm sách đến điều đình mua thẳng báo với chúng tôi để có đủ báo bán, nhưng chúng tôi phải từ chối vì sợ chính quyền gài bẫy. Đã nghèo lại bị thua lỗ, chúng tôi đành đình bản tờ Văn Hoá Ngày Nay.”

Sau khi được giải thích tôi mới vỡ lẽ vì sao có hiện tượng cái bảng đen với hàng chữ phấn vì chính quyền đã cố ý trì hoãn không cho báo ra đúng hạn kỳ nên độc giả buộc phải chờ khi nào có bảng đề chữ “hôm nay có Văn Hoá Ngày Nay” mới vào mua được.

Những điều nêu trên là sự thực xung quanh vụ đình bản của tờ Văn Hoá Ngày Nay. Nó nói lên sự xâm phạm quyền tự do ngôn luận của chế độ nhà Ngô mà cha tôi là nạn nhân trực tiếp.

Cũng như tất cả những nhà văn, nhà báo khác khi họ bị tước đoạt quyền tự do ngôn luận, cố nhiên là Nhất Linh rất bất mãn về chuyện này.

Vào năm 1960 trên bìa báo Tự Do xuân Canh Tý xuất hiện bức tranh năm con chuột đang đục khoét một quả dưa đỏ và nếu lật ngược cái bìa thì quả dưa đỏ là hình bản đồ nước Việt Nam, hàm ý các anh em của gia đình họ Ngô đang phá hoại đất nước. Tờ báo bị chính quyền tịch thu sau khi báo đã phát hành được một số khá lớn. Không một ai biết tác giả bức tranh là ai. Người ta đoán mò họa sĩ Phạm Tăng là tác giả. Nhưng cha tôi cho chúng tôi biết tác giả là một người rất thân cận với ông: họa sĩ Nguyễn Gia Trí.

Rồi đến cuộc đảo chính hụt ngày 11-11-1960 của một nhóm quân nhân Thi Đông. Cha tôi bị liên lụy thế nào trong cuộc đảo chánh này để đến nỗi mấy năm sau ông cụ tôi phải ra toà với tội trạng “phản quốc” và “xâm phạm nền an ninh quốc gia” đưa đến cái tự vẫn của ông ngày 7-7-1963?

Nửa thế kỷ trôi qua đã có không biết bao nhiêu giấy mực viết về cuộc đảo chính 11-11-1960 này cũng như mức độ liên lụy của cha tôi trong cuộc đảo chính, được viết ra bởi những người thuộc nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau.

Ở đây tôi không nhắc lại cũng không dẫn chứng những bài viết này. Tôi không phải là một nhà nghiên cứu, cũng không có tham vọng viết lịch sử, tôi chỉ nêu lên ở đây tiếng nói của một người con. Nếu tiếng nói đó có góp phần soi sáng thêm cho sự thật của lịch sử thì tôi nghĩ rằng đó là việc tôi phải làm vì bổn phận đối với cha tôi.

Trước hết là cha tôi biết trước vụ đảo chính sẽ xảy ra. Trong cuốn hồi ký “Nhất Linh Cha Tôi” trang 120 tôi viết: “Bốn mươi một năm về trước, một ngày trước cuộc binh biến 11-11-1960 ở Sài Gòn, bố tôi bất thần trở về căn gác chợ An Đông nhìn tôi nói nghiêm nghị: ‘Ngày mai con có đi chơi đâu thì không được lảng vảng gần khu Dinh Độc Lập’. Cuộc đảo chính thất bại. Tôi nghe nói là bố tôi sau đó đã lẩn trốn ở nhiều nơi trong thành phố.”

Sau này tôi nghe nói ông phải đi trốn vì ông có tên trong một tờ truyền đơn chống chính phủ được rải ra trong thành phố vào buổi sáng ngày đảo chánh.

Mấy tháng sau chúng tôi ngạc nhiên thấy cha tôi trở về nhà. Anh tôi hỏi thì ông cụ trả lời giản dị “Cậu được vô can” và không tiết lộ điều gì hơn. Tôi thắc mắc tại sao ông cụ lại vô can được khi ông biết trước vụ đảo chánh xảy ra lại có tên ông trong tờ truyền đơn, trong khi hầu hết những người có tên trong tờ truyền đơn bị bắt hết?

Sau này được tiếp xúc với giáo sư Nguyễn Thành Vinh, một đàn em cũng là đồng chí của ông cụ, anh Vinh xác nhận với tôi: “Anh Tam đã tuyên bố không làm chính trị, vì vậy anh đứng ngoài, anh chỉ ủng hộ ngầm việc làm của các anh em mà thôi. Tất cả các buổi họp quan trọng trước ngày đảo chánh đều không có mặt anh Tam. Tuy nhiên anh được thông báo mọi diễn tiến. Vì vậy anh Tam biết trước có vụ đảo chánh xảy ra.”

Từ những sự kiện trên và là người con gần gũi và thấu hiểu ông cụ tôi nhất, tôi suy luận thế này:

Một mặt cha tôi bất mãn với chế độ nhà Ngô về sự độc tài của chế độ này. Mặt khác vì lời tuyên bố không làm chính trị của ông năm 1950, lại là người rất trọng danh dự, ông cụ tôi hết sức tránh mọi hành vi đi ngược lại lời tuyên bố của ông.

Giữa hai động lực tương phản ấy cha tôi khôn ngoan chọn thái độ đứng giữa nó có thể giúp ông một lúc đạt cả hai mục tiêu: đó là ngầm tán trợ các hoạt động của anh em đồng chí của ông, nhưng riêng ông đứng ngoài.

Sự kiện ông cụ tôi không bị bắt có thể vì người ta không tìm ra bằng cứ. Thứ nhất là ông cụ tôi không bao giờ đi họp. Gần đây tôi có dịp tiếp xúc với ông Nguyễn Liệu, ông cho tôi biết là ông Nhất Linh không đi họp đảng phái, người đại diện là ông Nguyễn Thành Vinh. Ông Nguyễn Liệu hiện cư ngụ tại San Jose, Hoa Kỳ, là người đã tham dự vào những cuộc họp của đảng phái và cũng bị giam tù vì liên hệ đến cuộc đảo chính 11-11-1960. Thứ hai là có tên trong tờ truyền đơn cũng không hẳn là bằng cứ rõ ràng để bắt vì có gì chứng minh ngược lại là người khác để tên ông cụ tôi vào? Và lại không phải tất cả những người có tên trong tờ truyền đơn

đều bị bắt hết. Cũng theo lời ông Nguyễn Liệu thì ngoài ông cụ tôi ra, người có tên trong tờ truyền đơn là cụ Nguyễn Xuân Chữ cũng không bị bắt giữ.

Sự việc không bắt cha tôi, ngoài lý do không có bằng cứ, tôi cho còn là một sự tính toán cân nhắc lợi hại của chính quyền họ Ngô chứ chưa hẳn do cảm tình riêng của ông Diệm đối với ông cụ tôi như nhiều người nghĩ. Thứ nhất không bắt ông cụ để ông cụ vô can tức là chứng tỏ cho dân chúng biết Nhất Linh không hề bắt nạt và phản đối chế độ ông Diệm. Thứ hai họ nghĩ rằng chặt hết tay chân của ông cụ tôi thì ông cụ tôi còn làm gì được nữa.

Nhưng không bắt bố không có nghĩa là để cho ông cụ tôi được hoàn toàn tự do. Trong cuốn Nhất Linh Cha Tôi trang 36 tôi ghi lại lời của cha tôi nói với tôi buổi sáng ngày 7-7-1963: “Cậu chẳng sợ kết quả (ra toà) ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau”.

Ngoại trừ những người trong gia đình tôi rất ít người biết rằng trong hai năm sau cùng của đời ông cha tôi bị giam lỏng tại gia như thế nào. Công an mật vụ canh chừng đến nỗi chúng tôi nhận diện được từng người mỗi khi từ trên lầu căn gác chung cư chợ An Đông (nơi chúng tôi trú ngụ) nhìn xuống. Trang 40 cuốn hồi ký tôi tả một đoạn khi cha tôi và tôi rời khỏi nhà: “Trên chiếc tắc-xi rời chợ An-Đông hướng về phía Sài Gòn, tôi thấy cha tôi cứ chốc chốc lại ngoái về phía sau. Ông bảo tôi: ‘Con xem có xe nào theo không? Lúc nãy cậu thấy có mấy người lạ đứng bên kia đường nhìn vào nhà mình’. Tôi ra hiệu cho tài xế quặt sang đường Trần Bình Trọng, chiếc xe hơi duy nhất chạy phía sau vẫn tiến thẳng đại lộ Thành Thái. Tôi đáp: ‘Không! Không có xe nào theo mình cả!’.”

Hãy hình dung cảnh tượng ấy diễn ra thường xuyên trong một thời gian dài thì mới thấu hiểu câu nói của cha tôi “ở tù hay ở nhà cũng mất tự do như nhau”.

Vào tháng 5 năm 1963 vụ Phật giáo bùng nổ ở Huế. Sau đó phong trào Phật giáo đấu tranh lan rộng khắp nước. Tôi không đề cập chi tiết vụ Phật giáo này. Hãy để các sử gia nói tới. Tôi chỉ bàn khía cạnh vụ này tác động ra sao đối với ông cụ tôi và nhất là đối với cái chết của ông. Vụ Phật giáo xảy ra hai tháng trước khi ông cụ tôi mất. Thời gian này tại căn nhà An Đông họ canh chừng rất kỹ ông cụ tôi. Trong khi hầu hết các chính trị gia đối lập bị bắt hết sau vụ binh biến 11-11-1960, ông cụ tôi là một trong số ít người được tại ngoại, do đó việc tăng cường canh giữ ông cụ là một điều tất nhiên. Ông cụ rất ít ra khỏi nhà. Những tin tức ông biết được bên ngoài là do báo chí (cha tôi sai tôi đi mua báo Tự Do hàng ngày và ông chỉ đọc tờ báo này thôi), ngoài ra có hai người bạn thân của ông thường xuyên lui tới. Đó là bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm và ông Lê Văn Kiểm. Ông Kiểm (mà chúng tôi gọi là chú Kiểm vì chú nhỏ tuổi hơn ông cụ tôi) thường đến hầu như hàng ngày tường trình diễn tiến của vụ Phật giáo. Ngày 11-6-1963 khi chú Kiểm đến báo tin Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở ngã tư Lê Văn Duyệt & Phan Đình Phùng thì cha tôi sững sờ.

Ảnh hưởng của cái tin này thật khủng khiếp.

Tin này là một phần (tôi cho là quan trọng nhất) làm nên cái chết của Nhất Linh.

Nếu ảnh hưởng đó không mạnh thì tại sao ông lại dành đến 9 chữ trong lá thư tuyệt mệnh vốn vẹn 71 chữ của ông để viết lên câu “cũng như hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu”?

Rồi cuối cùng, mãi ba năm sau xảy ra cuộc binh biến 11-11-1960, vào tháng 6 năm 1963 cha tôi bị mời lên Tiểu Đội Hiến Binh số 635 đường Nguyễn Trãi để lấy khẩu cung và ở đó người ta cho ông biết trước là ngày 8 tháng 7 năm 1963 cha tôi phải trình diện tại Phòng xử án Đặc biệt Toà Án Quân sự, toà Thượng Thẩm, số 131 đường công lý Sài Gòn. Trát đòi chính thức sẽ được gửi sau. (Cha tôi nhận được trát đòi vào ngày 6-7-1963 lúc 18.00 giờ).

Tin cha tôi sẽ phải ra tòa để xử án này là động cơ tối hậu làm nên cái chết của Nhất Linh.

Ông có một tuần lễ để sửa soạn cái chết cho chính mình:

Ngày 30-6-1963 (7 ngày trước cái chết) cha tôi đi dự buổi họp tại trụ sở nhóm Bút Việt. Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm viết về sự kiện này như sau (trích trong sách Chân Dung Nhất Linh, tác giả Nhật Thịnh, trang 183): “Tôi dám quả quyết là Nhất Linh đã sắp đặt, ít nhất là một tuần lễ trước cái chết của mình, bằng cứ là ngày 30-6-1963, anh tới dự buổi họp của Trung Tâm Văn Bút mà

trước đó anh là chủ tịch, không phải vì văn hoá, mà chỉ cốt gặp mặt một lần chót các văn hữu của anh trước khi sang bên kia thế giới. Ở Trung Tâm Văn Bút ra, Nhất Linh có ghé lại thăm tôi, nhưng tiếc rằng hôm ấy tôi đi vắng”.

Ngày 2-7-1963 (5 ngày trước cái chết) cha tôi đến nhà in Trường Sơn làm giấy Ủy Quyền cho con. Trong cuốn sách Nhất Linh Cha Tôi trang 192, tôi viết: “Năm ngày trước khi chết ông đến nhà in Trường Sơn đánh máy tờ Ủy Quyền: Tôi, *Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*, giám đốc nhà xuất bản *Phượng Giang* và *Đời Nay*, ký tên dưới đây xác nhận rằng: trong khi tôi vắng mặt (bất cứ vì lý do gì) thì con tôi là *Nguyễn Tường Thiết* sẽ thay thế tôi điều khiển hai nhà xuất bản kể trên và quyết định việc xuất bản các tác phẩm của tôi. Làm tại Sài Gòn ngày 2 tháng 7 năm 1963”.

Ngày 7-7-1963 (ngày chết) cha tôi đến vĩnh biệt người bạn thân nhất của mình vì tuần lễ trước ông đến mà không gặp. Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm viết: “Chủ Nhật sau nhằm ngày 7-7-63 Nhất Linh lại tới vào buổi sáng hồi 10 giờ. Tôi đang ngồi trong phòng ăn bỗng anh lặng lẽ đi vào...”... “chúng tôi tiễn anh ra cửa lặng lẽ cầm tay nhau, khi ấy tuyệt nhiên trên nét mặt Nhất Linh tôi không hề nhận thấy một dấu hiệu nhỏ nào cho biết chỉ trong vài tiếng đồng hồ nữa anh sẽ xa lánh cõi trần, xa tất cả mọi người thân yêu của anh để đi vào lịch sử.”

Buổi sáng hôm ấy sau khi cha tôi đi thăm bác Phiếm về thì chúng tôi, cha tôi và tôi, trên căn gác của chung cư chợ An Đông bàn bạc rất lâu về đủ mọi chuyện. Cha tôi vốn ít nói và kín tiếng, nhưng buổi sáng hôm ấy lạ thay ông lại tâm sự với tôi rất nhiều điều, ông giảng giải khúc triết và rành rẽ mọi chuyện, và tôi có ghi lại đầy đủ trong chương “Niềm Vui Chết Yếu” trong cuốn sách Nhất Linh Cha Tôi.

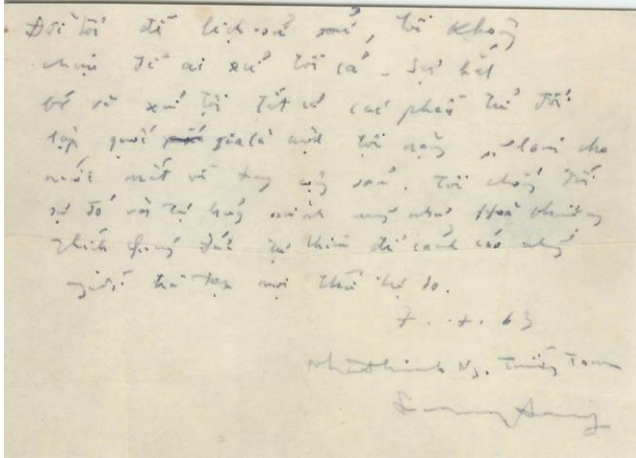
Cũng như bác Phiếm lúc ấy tôi hoàn toàn không ngờ cái chết sắp tới của cha tôi, cho đến khi ông sai tôi đi mua rượu và ông tự vẫn trong lúc tôi vắng mặt.

Chuyện gì xảy ra trong lúc tôi vắng mặt ấy?

Bình tĩnh cha tôi ngồi thảo và viết 71 chữ cuối cùng trong đời ông: 71 chữ cô đọng, đầy đủ, rõ ràng để một người bình thường có thể hiểu được ý nghĩa trung thực của tờ chúc thư tuyệt mệnh của ông.

Khi thảo tờ chúc thư chính trị ấy cha tôi đã sáng suốt tiên liệu là mật vụ nhà Ngô có thể tịch thu bản di chúc nên cha tôi đã cẩn thận viết làm hai bản. Hai bản đó giống nhau, chỉ sai biệt một chữ. Nay, kèm với bài viết này, lần đầu tiên sau nửa thế kỷ, tôi cho công bố cả hai lá thư tuyệt mệnh ấy để độc giả so sánh.

The image shows a handwritten document in Vietnamese, enclosed in a rectangular border. The text is written in cursive and appears to be a testament or will. At the bottom right, there is a signature and the date "7-7-63".



Hai bản di chúc

Nhất Linh con người ghét chính trị, không muốn làm chính trị, thế mà sau cùng phải chết cho mục tiêu chính trị, đó là chuyện chẳng đáng dừng. Ông phải chết để bảo vệ nhân phẩm của mình như ông Trần Thanh Hiệp đã viết trong cuốn sách Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ, trang 132, như sau:

“Vào cái tuổi 57 chưa hẳn quá về chiều của cuộc đời, ông lấy cái chết của mình để cảnh cáo những người cầm quyền bạo ngược, ngang nhiên chà đạp lên mọi thứ tự do là nhân phẩm, thứ giá trị khiến con người khác với các sinh vật khác...”

Nhất Linh đã chuẩn bị cái chết của mình một cách bình tĩnh. Nhất Linh đã sửa soạn cái chết cho mình trong sự tính toán sáng suốt.

Cái bình tĩnh ấy, cái sáng suốt ấy dứt khoát là không thể có được ở một con người mắc bệnh tâm thần!

*

Trong cuốn sách Một Thời Để Nhớ xuất bản năm 2011 tác giả Nguyễn Văn Lục đã dành hẳn một chương (chương 7) để bàn về cái mà ông Lục gọi là Ý Nghĩa Về Cái Chết của Nhất Linh. Nhưng thay vì tìm hiểu “ý nghĩa” cái chết của Nhất Linh như tựa đề ông Lục đặt ra, suốt bài viết ông Lục chỉ bàn về “nguyên nhân”. Cái nguyên nhân ấy ông Lục hãnh diện “tìm ra” như một khám phá lớn: đó là căn bệnh tâm thần. Theo Nguyễn Văn Lục nguyên nhân Nhất Linh tự tử là do bệnh tâm thần.

Dưới mắt ông Lục không có chuyện Nhất Linh chết vì phản đối chế độ nhà Ngô. Dưới mắt ông Lục tờ giấy mang 71 chữ tuyệt mệnh của Nhất Linh để lại chỉ là mảnh giấy lộn vô nghĩa. Thậm chí ông Lục còn dám xuyên tạc ý nghĩa của thông điệp đó khi ông viết: “Đời tôi để lịch sử xử. Nhưng lịch sử là ai? Ai xử? Xử như thế nào? Đã xử chưa? Và lịch sử có phải là ngày hôm nay không? Hay là câu chúc thư trên thực ra phải hiểu như sau: *Đời tôi, để tôi tự xử?*” (Trang 177- Nguyễn Văn Lục- Một Thời Để Nhớ).

Ông Nguyễn Văn Lục là người khôn ngoan. Ông không dại gì nói tới một người như Nhất Linh lại dựng lên một giả thuyết rất dễ bị bắt bẻ là căn bệnh tâm thần, nếu bài ông viết không có sức thuyết phục. Bài viết của ông đầy những dẫn chứng, từ sách cũng có, từ nhân chứng sống cũng có, khiến người đọc dễ dàng tin ngay những gì ông viết là xác đáng. Chính tôi là người đầu tiên bị lừa.

Câu chuyện xảy ra như thế này:

Ba năm trước (2008) một bữa kia tôi nhận được một cú điện thoại của ông Nguyễn Văn Lục. Sau khi tự giới thiệu ông Lục cho biết là ông có số điện thoại của tôi do nhà văn Duy Lam cung

cấp. Sau đó ông cho biết ông mới viết xong một bài về Nhất Linh và xin thỉnh ý tôi trước khi in. Ông cũng yêu cầu là nếu tôi thuận thì xin tôi phúc đáp ngay để kịp đăng ý kiến tôi kèm với bài ông viết đang sửa soạn cho in trên tạp chí Tân Văn.

Thái độ ấy của ông Lục khiến tôi có cảm tình ngay với ông ta và hứa sẽ hỏi âm trong một thời gian thật ngắn.

Sau đó tôi tôi nhận được qua e-mail bài “Chúc Thư Văn Nghệ của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam” với lời yêu cầu: “Xin gửi anh Nguyễn Tường Thiết, để anh đọc. Nếu có điều gì sai sót anh cho tôi biết để xin sửa lại. Lục.”

Vì hứa sẽ hỏi âm nhanh, nên tôi không có thì giờ kiểm chứng lại những gì ông trích dẫn. Tôi trả lời ông Lục ngay như sau:

“Nếu chỉ đề ý đến khía cạnh tìm những ‘sai sót’ trong bài (như anh yêu cầu tôi) thì tôi không tìm thấy lỗi nào vì bài anh viết khá công phu dựa trên những tài liệu đã công bố hoặc những nhân chứng sống”.

Sau đó tôi nêu ý kiến là tôi không đồng ý với nội dung bài viết của ông Lục.

Tôi đã trả lời ông Lục bằng bức thư lời lẽ lịch sự. Sau này đọc kỹ lại những gì ông Lục viết, nhất là sau khi đối chiếu những gì ông trích dẫn với nguyên bản, nhìn thấy rõ hơn con người ông, tôi hối hận là những lời lẽ lịch sự ấy tôi đã đặt làm chỗ.

Chuyện ông đăng ý kiến của tôi trên Tân Văn tôi không phản đối.

Tôi chỉ phản đối ông Lục bây giờ, nghĩa là ba năm sau (2011) khi ông cho ra cuốn sách Một Thời Để Nhớ, trong chương 7 của quyển sách với bài có tiêu đề “Ý Nghĩa về Cái Chết của Nhất Linh”, ông Lục đã không hề hỏi ý kiến tôi mà tự động in trong sách những ý kiến trên của tôi viết ba năm trước.

Tôi cho rằng ông Lục đã thiếu lương thiện trong việc này. Vì sao?

Ông thiếu lương thiện vì đã cố tình lập lòe đánh lộn con đen: ý kiến của tôi là ý kiến đáp lại bài “Chúc Thư Văn Nghệ của nhà văn Nhất Linh” ông Lục viết 3 năm trước (2008), chứ không phải ý kiến về bài “Ý Nghĩa về Cái Chết của Nhất Linh” ông viết 3 năm sau (2011) có nội dung khác vì bài viết đã thêm bớt rất nhiều so với bài trước.

Trong cuốn sách mới xuất bản Một Thời Để Nhớ ông Lục đã thêm vào một chuyện hoàn toàn không có thực mà bài trước không có. Đó là chuyện ông cụ tôi, nhà văn Nhất Linh, tự tử hai lần. Tôi xin minh xác đây là chuyện bịa đặt trắng trợn. Nếu trong bài viết ba năm trước ông Lục nêu lên câu chuyện này thì dù không đọc kỹ tôi sẽ nhận ra điểm sai ấy ngay, và chắc chắn sẽ không có câu tôi viết “tôi không tìm thấy lỗi nào”.

Nay nếu tôi không lên tiếng thì khi đọc cuốn sách của ông Lục với những ý kiến của tôi đi kèm, độc giả (không biết chuyện ông Lục đánh lộn con đen) sẽ tưởng là tôi xác nhận chuyện Nhất Linh tự tử hai lần là có thực.

Đây là lý do khiến tôi bây giờ buộc phải lên tiếng.

Từ bài viết đầu tiên ông Lục gửi tôi 3 năm trước (2008) với nhan đề “Chúc Thư Văn Nghệ của nhà văn Nhất Linh” đến bài ông viết trong cuốn sách Một Thời Để Nhớ ba năm sau (2011) với nhan đề “Ý Nghĩa về cái chết của Nhất Linh” ông Lục đã viết nhiều bài về cái chết của Nhất Linh, mỗi lần viết là ông lại sửa đổi, tùy theo phản ứng của độc giả trong những bài phản bác. Khi ra sách ông Lục thêm vào hai “bằng cứ” mà ông Lục cho là bằng cứ hiển nhiên để chứng minh rằng Nhất Linh tự tử không phải là để chống đối chính quyền nhà Ngô như Nhất Linh đã nói trong tờ chúc thư chính trị 71 chữ. Hai “bằng cứ” ấy ông Lục dựa vào hai bài viết của Trần Văn Bàng và Lê Nguyên Phu mà ông Lục in tít lớn dưới tiêu đề: “Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử” (Trang 188 -Nguyễn Văn Lục-Một Thời Để Nhớ) và “Bằng cứ pháp lý” (Trang 189 - Nguyễn Văn Lục-Một Thời Để Nhớ). Hai vấn đề mới mà ông Lục thêm vào năm 2011 sẽ được bàn tới ở đoạn sau.

Ông Lục chia bài Ý Nghĩa Về Cái Chết của Nhất Linh ra làm bốn chủ đề khác nhau: *Cái chết định trước của Nhất Linh, Trong phạm vi văn chương, Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử và Bằng cứ pháp lý*. Tôi sẽ bàn luận về bài viết của ông Lục theo những chủ đề mà ông đưa ra.

Cái chết định trước của Nhất Linh

Trong chủ đề này ông Lục muốn nói là cái chết của Nhất Linh là do “cuộc đời Nhất Linh chông chất những thất bại” (chữ của ông Lục dùng) và do căn bệnh tâm thần của Nhất Linh.

Theo ông Lục: “Có thể nói cuộc đời Nhất Linh lúc đó chông chất những thất bại”. (Trang 179- Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ). Để chứng minh chuyện “chông chất những thất bại” ông Lục đưa ra hai bằng chứng là vụ đình bản tờ báo Văn Hóa Ngày Nay và vụ Nhất Linh “mưu sát” (chữ ông Lục dùng) TT Ngô Đình Diệm. Theo ông Lục chuyện tờ báo bị đình bản là việc thất bại thứ nhất cộng thêm vụ mưu sát tổng thống không thành là thất bại thứ hai. Hai thất bại là nhiều lắm, là “chông chất” lắm, đủ khiến ông Nhất Linh phải chết rồi!

Về vụ đình bản tờ báo Văn Hóa Ngày Nay, xin nói ngay tờ Văn Hóa Ngày Nay không phải là một thất bại, nó là một thành công! Chưa có một tờ báo nào hồi đó bán chạy và được độc giả hoan nghênh đến như thế. Nhưng trong phần I của bài viết này tôi đã nêu rõ nguyên nhân vì sao tờ báo phải tự ý đình bản sau khi ra được 11 số. Tôi không muốn nhắc lại ở đây. Cha tôi phải ngưng tờ báo vì lỗ vốn. Mà lỗ vốn vì bị chính quyền cản trở như ông Trương Bảo Sơn đã vạch rõ.

Chính ông Lục đã xác nhận nguyên nhân tờ báo tự đóng cửa vì lỗ vốn khi ông viết: “Tôi có hỏi thẳng anh Duy Lam về việc này. Anh cho biết ông Nhất Linh có tâm sự và cho biết những khó khăn về tài chánh nên phải đình bản tờ báo!” (Trang 178- Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ) Ông Lục còn nêu lý do tờ báo tự đình bản vì vấn đề sức khỏe của Nhất Linh. Ông viết: “Tình cờ, may mắn thay, tôi tìm được một tài liệu, một mảnh giấy nhỏ kèm trong Văn Hóa Ngày Nay số 9 do một thân hữu, anh Nguyễn Thế Toàn ở Hoa Thịnh Đốn gửi cho trong đó có lá thư cáo lỗi độc giả của nhà văn Nhất Linh. Nhà văn Nhất Linh cho biết vì lý do sức khỏe, ông đã bỏ nửa chừng công việc...”.

Tôi không biết là ông Lục có lá thư của cha tôi viết ấy trong tay hay không (không thấy ông Lục chụp lại để minh chứng), nhưng giả thử có thật thì cũng không có gì lạ. Nếu không nại có lý do sức khỏe chẳng lẽ trong thư gửi độc giả Nhất Linh lại đi tố giác chính quyền làm khó dễ như sự thật đã xảy ra hay sao?

Như tôi đã viết ở phần trước, vụ đình bản tờ Văn Hóa Ngày Nay là kết quả của sự xâm phạm quyền tự do ngôn luận của chế độ nhà Ngô mà cha tôi là nạn nhân trực tiếp.

Còn vụ Nhất Linh “mưu sát” TT Ngô Đình Diệm là chuyện gì đây? Ông Lục viết: “Khi hai phi công ném bom dinh TT Ngô Đình Diệm mà theo nhiều người, đã có trong tay để biết giờ giắc trong dinh. Nhưng đến phút chót một quả bom của phi công Nguyễn Văn Cử đã không nổ. Vai trò ông Nhất Linh trong vụ ném bom này như thế nào? Làm chính trị đối lập thì khác. Nhưng dính dáng vào một vụ mưu sát thì có bằng chứng rõ rệt tịch thu được trong nhà Hoàng Cơ Thụy, chính quyền nào cũng mang ra xử tội.”(Trang 179, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ) Tôi thấy chuyện ông Lục nói rất khó hiểu. Như ông Lục kể ở đoạn trên, Nhất Linh dính líu vào vụ ném bom dinh tổng thống của phi công Nguyễn Văn Cử (xảy ra ngày 27 tháng 2 năm 1962) và bằng chứng rõ rệt tịch thu được trong nhà Hoàng Cơ Thụy. Bằng cứ gì?

Cũng trong bài viết (trang 191), ông Lục lại đưa ra một trích dẫn khác nói đến chứng cứ công an tịch thu ở nhà ông Hoàng Cơ Thụy liên quan đến vụ đảo chánh hụt 1960: “Xin trích dẫn lại ý kiến của ông Trần Kim Tuyến về vấn đề này trong sách Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm như sau: “Theo bác sĩ Tuyến, khi còn ngồi tại chức, ông có hứa với các chính khách bị bắt sau cuộc đảo chánh hụt 1960 rằng họ được thả về là xong, không còn phải lo lắng gì nữa, ngoại trừ những trường hợp như bác sĩ Phan Quang Đán thì không kể. Nhưng có điều tai hại là hồi đó người Mỹ cũng như người trong nước cứ lầm tưởng rằng các chính khách bị bắt vì đưa ra tuyên ngôn Caravelle, mà không phân biệt rằng họ bị bắt vì có tên trong

danh sách mà công an tịch thu được ở nhà ông Hoàng Cơ Thụy” (Trang 191, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Tôi không nghe ai nói hoặc báo chí đề cập đến việc Nhất Linh dính líu vào vụ bỏ bom dinh độc lập ngày 27-2-1962 của phi công Nguyễn Văn Cử. Không có trát tòa nào đòi Nhất Linh trình diện về vụ mưu sát tổng thống cả. Tôi cũng không nghe ai nói ông Hoàng Cơ Thụy dính líu vào chuyện bỏ bom ngày 27-2-1962 mà chỉ nghe người ta nói đến ông Hoàng Cơ Thụy dính líu đến biến cố 11-11-1960.

Để tìm hiểu sự thật về vụ ném bom Dinh Độc Lập ngày 27-2-1962, tôi có gửi email hỏi ông Nguyễn Liệu hiện sống ở San Jose, CA, là người biết rõ nội vụ, thì được ông trả lời như sau: “Nhất Linh không có dính dáng gì với vụ ném bom Dinh Độc Lập. Vụ ném bom Dinh Độc Lập do Nguyễn Văn Lục, một lãnh tụ QĐĐ người Bắc là cha của phi công Nguyễn Văn Cử. Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc là bạn. Khi thất bại Cử lái phi cơ qua Miên, ông Lục đi đường bộ trốn qua Miên đến sau vụ đảo chánh 11/63 mới về. Diệm nhốt cả hai đứa em nhỏ của Cử dù chúng chỉ là học sinh. Vụ này chỉ có hai người là cha con ông Lục, giờ chót Cử mới rủ Quốc tham gia. Sau vụ đảo chánh 11/60 thất bại Diệm tăng cường công an mật vụ theo dõi các chánh khách. Mật vụ Ngô Đình Cẩn do Dương Văn Hiếu chỉ huy vào Sài Gòn tăng cường theo dõi, do đó ông Lục không dám tổ chức rộng nên không thể nào ông Nhất Linh biết vụ này. Tài liệu trong nhà luật sư Thụy là tin bịa đặt. Lúc ấy nếu có thì báo chí đã đăng lên và nhất là khi xử vụ đảo chánh không hề nhắc đến tài liệu này. Nếu có thì Lê Nguyên Phu đã đưa ra churôi và làm bằng chứng để kết tội. Đó là tin Ông Lục bịa đặt...”

Tôi biết ông Lục nhớ chuyện lịch sử lắm, ông Lục không làm đâu. Ông Lục chỉ cốt bịa ra chuyện Nhất Linh dính líu vào vụ ném bom (27-2-1962) thất bại là để gán cho Nhất Linh thất bại nhiều nhiều một chút, “chồng chất” một chút. Nếu chỉ có một vụ báo Văn Hóa Ngày Nay bị đình bản thất bại thì chả lẽ ông Lục viết “Có thể nói cuộc đời Nhất Linh lúc đó chồng chất *một* thất bại” à! Tuy Nhất Linh không dính dáng vào vụ mưu sát TT Ngô Đình Diệm như ông Lục bịa đặt nhưng cứ thử giả thiết Nhất Linh có dính dáng thì đã sao? Nguyễn Thái Học và 12 liệt sĩ phải lên đoạn đầu đài ở Yên Bái vì mưu sát Tây thực dân. Bao nhiêu người yêu chuộng tự do dân chủ hiện đang bị giam cầm ở Việt Nam đều mang tội chống phá chính phủ. Gần đây ở các nước Algeria, Libya, Egypt, Syria... nổi lên phong trào dân chúng chống phá chính phủ lật đổ các lãnh tụ độc tài. Hành động của Nhất Linh nếu ông có dính líu vào việc chống chính phủ thì có khác gì cả triệu người trên thế giới yêu chuộng tự do tranh đấu cho công bằng và lẽ phải?

Ở một đoạn khác ông Lục viết: “... tự tử mang ý nghĩa từ chối đời sống vì không tìm thấy trong đời sống một ý nghĩa gì khả dĩ để tiếp tục sống nữa. Tự tử như vậy là một lựa chọn tối hậu khi không còn có sự lựa chọn nào khác. Nhất Linh đã tự tử” (Trang 177 Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Ở đây tôi thấy ông Lục hết sức sai lầm khi cho rằng nguyên nhân của tự tử là không tìm thấy trong đời sống một ý nghĩa nào khả dĩ để sống. Như vậy là ông phủ nhận tất cả những danh nhân trong lịch sử đã tự tử để bảo vệ danh dự, bao nhiêu chiến sĩ đã tự tử vì không muốn lọt vào tay địch như Phan Thanh Giản, như Hoàng Diệu, như tướng Nguyễn Khoa Nam, tướng Lê Văn Hưng... và rất nhiều vị khác mà tôi không thể liệt kê ra hết.

Những cái tự tử đó người ta gọi là tuấn tiết. Cái chết của Nhất Linh, vừa để bảo vệ danh dự, vừa để tranh đấu cho lý tưởng, cũng là một hành động tuấn tiết.

Nhưng ông Nhất Linh là người khôn ngoan, ông không dùng chữ tự tử để nói về cái chết của ông (có thể ông tiên đoán sẽ có người như ông Lục định nghĩa tự tử đồng nghĩa với chán đời), ông cũng không kiêu ngạo tự coi cái chết của mình là một hành động tuấn tiết, nên trong lá thư tuyệt mệnh ông viết: “tôi *tự hủy mình* để cảnh cáo những người chà đạp lên mọi thứ tự do”.

Ngoài ra ông Lục còn có những lập luận rất mâu thuẫn. Để chứng minh Nhất Linh hủy mình không phải vì bất mãn với chế độ độc tài của nhà Ngô mà vì bệnh tâm thần và “thất bại chồng chất” ông Lục đã vẽ ra hai con người Nhất Linh hoàn toàn trái ngược nhau. Một mặt Nhất Linh bị bệnh tâm thần, chán đời, không thiết sống, lúc nào cũng chăm chăm đòi tự tử. Mặt khác Nhất

Linh hằng hái tham gia hoạt động văn hóa báo chí, tham gia hoạt động chống chính phủ, tham gia cả việc bỏ bom “mưu sát” tổng thống!
Có thể nào một người bị bệnh tâm thần thấy cuộc đời không đáng sống lại tham gia vào những hoạt động đòi hỏi rất nhiều khả năng cũng như năng lực như thế?

Bàn đến chuyện bệnh tâm thần của Nhất Linh, ông Lục viết : “Thất bại của ông thì nhiều, trải dài trong suốt cuộc đời làm chính trị khiến ông bị căn bệnh trầm uất triền miên. Depressive psychosis với ba giai đoạn phát triển tuần tự của bệnh từ Suicidal ideation, suicidal planning và cuối cùng suicidal attempt. Từ ý tưởng sang kế hoạch và sau cùng là thi hành.”

“Bệnh tâm thần của Nhất Linh là có thật. Nhưng ít ai trực tiếp nói thẳng ra. Không muốn nói ra và còn muốn giấu giếm.” (Trang 179, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Trong đoạn này ông Lục nói rất vu vơ! Ông nói bệnh tâm thần của Nhất Linh có thật nhưng ít ai nói ra, không biết ông muốn nói “ai” là “ai” hay ông muốn ám chỉ gia đình tôi và bạn bè của Nhất Linh, chúng tôi, những người chung quanh Nhất Linh? Chúng tôi “ai” cũng biết là Nhất Linh không bị bệnh tâm thần qua cuộc đời 40 năm hoạt động văn học và chính trị của ông. Nếu chúng tôi biết Nhất Linh không có bệnh tâm thần mà chúng tôi cứ nói ra là Nhất Linh bị bệnh tâm thần hóa ra đầu óc chúng tôi có vấn đề à?

Một trích dẫn khác của ông Lục dùng để nói về bệnh trạng của Nhất Linh: “Ngay từ khi còn làm báo Phong Hóa, Tú Mỡ đã ghi nhận như sau: *tâm thần bị giao động nhiều, gần như bệnh. Cần phải đi dưỡng bệnh*. Đó là những dấu hiệu có tính cách tiên báo trước”. (Trang 180, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Nếu ông Lục cho rằng “tâm thần bị giao động” là dấu hiệu báo trước của bệnh tâm thần thì có lẽ “ho” là dấu hiệu báo trước của bệnh ho lao, và “khó thở” là dấu hiệu báo trước của bệnh ung thư phổi! Định bệnh như thế thì ai cũng bệnh hoạn hết!

Cái tiền đề “Nhất Linh, một cái chết định sẵn” mà ông Lục nêu ra nay tôi xin đổi ra là “Nguyễn Văn Lục, một ý nghĩ định sẵn” vì tôi thấy đúng hơn!

Ông Lục có sẵn định kiến trước khi viết. Định kiến ấy bất di bất dịch: “Nhất Linh bị bệnh tâm thần. Nhất Linh tự tử vì bệnh tâm thần”. Vì định kiến ấy mà ông chỉ nhìn thấy một khoảng rất hẹp, như con ngựa bị bịt hai mắt chỉ thấy phần nhỏ trước mặt.

Ông đọc tất cả các tài liệu mà ông trích dẫn qua con mắt của con ngựa ấy: chỉ nhìn thấy trong khoảng nhỏ những gì có lợi minh chứng định kiến của ông, và cố tình không nhìn thấy một khoảng mênh mông của sự thật nằm ngoài tầm con mắt của con ngựa vì chúng bất lợi cho lập luận của mình.

Ông Lục thừa biết cái lối nghiên cứu quái đản ấy qua bài “Ý Nghĩa Cái Chết của Nhất Linh” là thiếu đưng dẫn nhưng ông vẫn làm. Động cơ nào đã khiến ông làm như vậy, tôi thật sự không hiểu và xin nhường nghi vấn này cho độc giả.

Trong phạm vi văn chương

Trong chủ đề này ông Lục trích dẫn những đoạn văn của Nhất Linh hoặc của những người khác viết về Nhất Linh để chứng minh là Nhất Linh có bệnh tâm thần và có ý định tự tử.

Trang 18 (Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ) - ông Lục viết: “Ám ảnh về cái chết, về sự tự hủy như một cừu cánh đời sống, ám ảnh ông, bàng bạc trong các tác phẩm của ông, rõ rệt nhất là trong truyện *Bướm Trắng*.”

Ý ông Lục muốn nói là cha tôi đã manh nha ý định tự tử từ năm 1939, khi cha tôi viết cuốn tiểu thuyết *Bướm Trắng* này. Đây là cuốn tiểu thuyết mà cha tôi ưng ý nhất vì giá trị nghệ thuật của nó. Tác phẩm mô tả nhân vật Trương mắc bệnh nan y không muốn sống kéo dài cuộc đời nên thường nghĩ đến chuyện quyên sinh.

Ông Lục dẫn chứng đoạn văn sau này trong truyện: “*Cách tốt nhất là nhồi một viên đạn nhỏ vào trong sọ. Tạch một cái thế là hết. Ngọt như mía lùi. Lý luận thêm: Hèn nhất thì không bao giờ tự tử được, mà có can đảm như trời cũng không thể tự tử được. Tự tử được hay không là ở cảnh chứ không phải ở người*” (Trang 180 Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ) rồi kết luận (ngon ơ!)

như sau: “những ám ảnh về tự tử trong truyện có thể dẫn đường cho việc giải thích việc tự tử của ông sau này vào năm 1963 hay không?” (Trang 181, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ). Rồi ông lại còn viết thêm là: “*Chính vì thế* ông đã không muốn con cái trong nhà đọc Bướm Trắng khi còn nhỏ” (Trang 181, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ). Trời đất ơi! Ông đã diễn dịch quá xa lời tôi viết trong cuốn Nhất Linh Cha Tôi. Trong sách ấy trang 17 tôi viết: “Có một cuốn tiểu thuyết mà Nhất Linh cấm không cho chúng tôi đọc là cuốn Bướm Trắng, ông nói là chúng tôi chưa đủ lớn để hiểu được cuốn truyện này”.

Bướm Trắng là cuốn sách phân tích tâm lý rất sâu sắc, người lớn đọc chưa chắc đã hiểu, huống hồ chúng tôi hồi đó còn con nít, chỉ đáng đọc loại Sách Hồng (sách dành cho thiếu nhi) thôi. Ông cụ cấm là vì thế. Vậy mà qua con mắt của ông Lục suy diễn thì ông cụ cấm vì sợ mấy đứa con nít chúng tôi đọc xong Bướm Trắng sẽ ảnh hưởng mà “*chính vì thế*” sẽ lăn ra tự tử hết ráo!

Mà trong truyện Bướm Trắng đâu phải nhân vật Trương có ý nghĩ tự tử không thôi đâu, nhân vật này còn tuyệt vọng, đi thụt két, ăn cắp tiền của sở làm, để tiêu một chuyến đã đời trước khi chết... Không biết ông Lục có suy diễn là từ khi cha tôi viết Bướm Trắng trong đầu óc cha tôi đã manh nha ý định thụt két ăn cắp tiền của thiên hạ?

Ngoài ra Nhất Linh còn viết bao nhiêu các tác phẩm khác về tình yêu, sao ông không nói Nhất Linh bị ám ảnh bởi tình yêu? Hơn nữa tình yêu, thân phận con người và cái chết là những chủ đề lớn mà tất cả những nhà văn trên thế giới đều đề cập tới. Nếu ông Lục dùng chuyện Nhất Linh viết về một người muốn chết, muốn tự tử rồi ông kết luận là tác giả Nhất Linh muốn chết thì ông Lục có thể tìm ra đầy rẫy những nhà văn muốn chết, muốn tự tử, trên khắp thế giới! Chẳng qua là vì cái định kiến bám chặt vào đầu để chứng minh cho lập luận “Nhất Linh muốn tự tử” ông Lục chỉ chăm chăm đi tìm để chỉ nhìn thấy hai chữ “tự tử” trong truyện của Nhất Linh mà thôi.

Cũng nằm trong phần chủ đề “Trong phạm vi văn chương” ông Lục còn trích một đoạn văn của tôi trong cuốn hồi ký Nhất Linh Cha Tôi (trang 19) như sau:

“Nhất Linh thường viết trong đêm khuya khoắt. Những khi giật mình thức giấc nửa đêm tôi thường thấy qua khe cửa, đèn trong phòng ông còn bật sáng. Có đêm lữ chúng tôi lòm còm bò dậy vì có tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kìm hãm được. Lữ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau... Không ai có thể đoán biết được ông khóc cái gì, ngay cả mẹ tôi cũng không thể nào biết được. Nhưng sự khám phá này đã gieo vào tuổi thơ tôi một ấn tượng mạnh mẽ, rằng cha tôi là một người cô đơn và đau khổ. Ngoài ra những giấc mơ kỳ lạ và kinh hãi cũng được tôi hình dung thấy qua giấc ngủ của ông, qua cách ông trần trọc ú ớ trong đêm.”

Ở giữa đoạn văn nói trên tôi viết câu này, nhưng ông Lục không trích đăng: “Một người anh họ lớn tuổi hơn ra dáng hiểu biết, giải thích: “Chú Tam khóc vì chú nhớ chú Long đấy!”.

Trước nhất tôi tố cáo ông Lục đã dùng tiểu xảo cắt xén để làm sai lạc ý nghĩa bản văn nguyên thủy của tôi.

Thứ hai, một vài người trong gia đình lưu ý tôi tại sao tôi lại viết ra điều đó để cho những người như Nguyễn Văn Lục khai thác vin vào đó gán ghép ông cụ tôi mắc bệnh tâm thần? Xin thưa: tôi viết ra bởi vì tôi hãnh diện có một người cha biết khóc!

Nếu tôi phải dùng một câu gọn nhất để mô tả toàn diện con người Nhất Linh bao gồm trí tuệ lẫn nhân cách tôi sẽ không ngần ngại viết câu này: “Nhất Linh là một trong những người Việt Nam trí thức nhân bản nhất của thế kỷ 20.”

Tiếng khóc là biểu lộ khía cạnh nhân bản của con người ông. Bản chất của ông cụ tôi là bản chất một nghệ sĩ. Ông là người có cái tâm yêu nước, thương nòi. Nhất Linh lại là người đã thực sự dấn thân, dám sống ngược lại với bản chất của mình. Và đó là sự can đảm của ông.

Trên con đường dấn thân vừa chống Pháp vừa chống Cộng Sản ông cụ tôi đã mất đi nhiều người thân, nhiều đồng chí. Trong số có Hoàng Đạo người em ruột, cũng là cánh tay phải của

ông. Mất Hoàng Đạo ông không những mất người em thân thiết mà còn mất đi hy vọng về một lý tưởng ông đang theo đuổi. Ông phải khóc thối. Chuyện đó quá bình thường!

Không những thế ngoài Hoàng Đạo, bao nhiêu những người thân khác của ông bị sát hại bởi bàn tay của Cộng Sản: người anh ruột Nguyễn Tường Cẩm, người bạn văn Khái Hưng, họa sĩ Lemur Nguyễn Cát Tường... Ông phải khóc thối. Nếu ông không khóc mới là chuyện bất bình thường.

Thế mà qua tiếng khóc đó ông Lục đã vội vã kết luận: “Những tiếng khóc về đêm khuya khoắt là dấu hiệu một tình trạng bệnh trầm cảm, cô đơn và tuyệt vọng” (Trang 185, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Rồi ông Lục còn đi xa hơn thế khi viết: “Đọc tiếp những trang hồi ký của Nguyễn Tường Thiết thật cũng không cảm nổi xúc động. Nhưng cũng cho thấy rằng Nhất Linh đã chuẩn bị cái chết của mình một cách chu đáo, từng chi tiết một” (Trang 185, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Kết luận của ông Lục lạ lùng quá! May mà tôi không kể ra là sau khi cha tôi mất, mẹ tôi và chúng tôi đã khóc không biết bao nhiêu ngày tháng vì cái chết đau buồn của cha tôi. Nếu không thì ông Lục đã cho rằng gia đình chúng tôi đều mang tâm bệnh trầm cảm, cô đơn và tuyệt vọng rồi!

Không biết ông Lục nghĩ gì khi đọc những lời sau đây về tiếng khóc âm thầm của người em khi ở nơi đất lạ quê người hay tin người anh chết: “Mãi tới năm 1963, tôi đột nhiên nghe tin anh từ bỏ cuộc đời. Âm dương đôi ngã. Vĩnh biệt người anh mà tôi hằng yêu quý. Những đêm khuya vắng, tại nơi quê người, tôi đã hằng khóc - khóc người anh thân yêu, một người đi tiên phong cho làng văn Việt Nam, một nhà văn lỗi lạc, một người lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong những lúc khó khăn gian khổ nhất, một người không màng danh lợi, chỉ biết mình có gì để cống hiến cho đồng bào cho đất nước” (Nguyễn Tường Bách, trang 66, Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ - Người Chiến Sĩ).

Tiếng khóc này có khác gì tiếng khóc của cha tôi trước cái chết của người em Hoàng Đạo? Không hiểu ông Lục có vin vào cái tiếng khóc này để gán ghép cho chú tôi, ông Nguyễn Tường Bách mắc bệnh tâm thần, lúc nào cũng chăm chăm đòi tự tử, như ông đã vu cáo cho cha tôi? Nếu sự suy luận về tiếng khóc là nguyên nhân của bệnh tâm thần để đưa đến chuyện tự tử của ông Lục là đúng thì nhân loại đã tự tử chết hết rồi.

Vẫn dùng cái tiểu xảo cắt xén văn người khác ông Lục trích dẫn một đoạn trong cuốn hồi ký Người Bác của Thế Uyên:

“Thỉnh thoảng ông lên cơn loạn trí, đứng trước nhà đường Lý Thái Tổ, móc giấy tờ trong ví đưa cho mọi người, miệng nói lầm nhảm: ‘Lấy hết đi, xin các ông lấy hết đi. Đừng áp chế tôi’. Tôi nghiệp các người thân hết sức lo lắng. Chỉ riêng mẹ tôi sau lần chứng kiến cơn loạn thần kinh về nói riêng với tôi: “Bác điên khôn ghê, chỉ thấy bác vớt giấy tờ lầm cầm, chẳng thấy bác vớt tiền cho mẹ con mình tiêu.” (Trang 188 Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Nhưng ông Lục lại không trích dẫn câu này Thế Uyên viết ngay sau đó: “Nhận xét bí mật này của mẹ tôi làm hai anh em nghi ngờ “sự loạn trí của Nhất Linh”. Nhất là tôi, vì được mẹ tôi kể lại những thủ đoạn chống Pháp của ông thời trước: hóa trang làm ăn mày, ông già, người say rượu, mê thối kèn để che giấu hoạt động cách mạng. Hoàng Đạo còn bị bắt giam, chứ Nhất Linh, suốt đời không bao giờ để bị bắt.”

Đoạn văn của Thế Uyên viết (mà ông Lục không trích dẫn) nói về vụ cha tôi đã từng đóng kịch để che mắt mật vụ là chuyện có thật. Trong cuốn sách Chân Dung Nhất Linh trang 135, tác giả Nhật Thịnh viết: “Tiểu thuyết Bướm Trắng của Nhất Linh in xong, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí bị bắt ở Vụ Bản (Hòa Bình). Nhất Linh học chơi hắc tiêu (Clarinet) để che mắt bọn mật thám Pháp. Ông làm nhạc công cho ban nhạc tài tử (Orchestre Amateur) của giáo sư Lê Ngọc Quỳnh và các nhạc sĩ Thẩm Oánh, Vũ Khánh”.

Như vậy là rõ ràng là ông Lục trích dẫn mà như không trích dẫn. Ông đã cố tình xuyên tạc ý nghĩa thực của bản văn nguyên thủy mà ông trích dẫn. Từ việc bóp méo văn bản của người khác, ông Lục đã bóp méo sự thật. Từ việc bóp méo sự thật, ông Lục đã bóp méo lịch sử!

“Đừng tin những gì ông Lục viết, hãy nhìn kỹ những gì ông Lục làm!” Tôi xin nhại một câu nói thời danh của ông Nguyễn Văn Thiệu để nói về bài viết của ông Lục.

Cái “làm” của ông Lục là cái làm tiêu xảo trích dẫn văn người khác, làm sai lệch ý nghĩa của bản văn nguyên thủy, bằng cách chỉ trích ra những chữ hoặc những đoạn văn có lợi cho lập luận của ông: lập luận ấy là ông Nhất Linh mắc bệnh tâm thần, lúc nào cũng chỉ lăm le muốn tự tử!

Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử

Như tôi đã nói ở trên, trong cuốn sách mới xuất bản Một Thời Để Nhớ ông Lục đã thêm vào một chuyện hoàn toàn không có thực mà bài trước (2008) không có. Đó là chuyện ông cụ tôi, nhà văn Nhất Linh, tự tử hai lần. Tôi xin minh xác đây là chuyện bịa đặt trắng trợn.

Đây là chuyện mà ông Lục viết ra để bàn luận về hai lần tự tử của Nhất Linh:

“Cũng theo bác sĩ (Nguyễn Hữu) Phiếm, Nhất Linh cũng đã uống thuốc ngủ tự tử khi ông trốn ở đường Lê Thánh Tôn. Chính bác sĩ Phiếm chữa chạy, rửa dạ dày, chích thuốc Strychnine. Số lượng thuốc ngủ hồi ấy vì ít, nên ông bình phục ngay và vài hôm sau ông lại đi họp Hội Bút Việt.” (Trang 188 Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).

Sao lạ vậy? Chuyện động trời như thế mà sao tôi không biết, bà cụ tôi không biết, anh em tôi không biết. Bác sĩ Phiếm là người bạn thân nhất của ông cụ tôi, nếu quả có vụ đó thì bác phải thông báo cho mẹ tôi hay biết chứ?

Thêm nữa câu chuyện ông Lục kể có vẻ mâu thuẫn: Vài ngày trước Nhất Linh đi trốn công an mật vụ ở đường Lê Thánh Tôn rồi không thiết sống, uống thuốc độc tự tử, nhưng vài ngày sau lại bình thường, không trốn nữa, đi họp Hội Bút Việt. Thế là sao?

Khi viết đoạn trên ông Nguyễn Văn Lục đã mập mờ không nói rõ cái nguồn của tin này, cố tình để độc giả hiểu như thể chính bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm là người đã trực tiếp nói hoặc viết ra điều đó.

Thật ra thì không phải bác sĩ Phiếm nói như vậy. Ông Nguyễn Văn Lục đã trích đoạn trên từ bài viết “Bệnh Tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam” của ông Trần Văn Bằng (trong sách ông Lục viết sai là Trần Văn Bang). Ông Bằng viết, nguyên văn như sau:

“Mấy tháng trước, cũng theo bác sĩ (Nguyễn Hữu) Phiếm, Nhất Linh cũng đã uống thuốc ngủ tự tử khi ông trốn ở đường Lê Thánh Tôn. Chính bác sĩ Phiếm chữa chạy, rửa dạ dày, chích thuốc Strychnine. Số lượng thuốc ngủ hồi ấy vì ít, nên ông bình phục ngay và vài hôm sau ông lại đi họp Hội Bút Việt.”

So sánh đoạn ông Lục trích dẫn với nguyên bản thì thấy ông Lục đã cố ý bỏ đi ba chữ hết sức quan trọng, đó là ba chữ “Mấy tháng trước”. Ý của ông Bằng muốn nói là “Mấy tháng trước ngày 7-7-1963”. Tại sao ông Lục lại bỏ ba chữ này đi? Vì ông Lục thừa biết rằng mấy tháng trước ngày 7-7-1963 ông cụ tôi ở nhà, không đi trốn, có nghĩa là câu chuyện do ông Bằng thuật lại là hoàn toàn bịa đặt. Như tôi đã viết trong bài Tâm Tình của Một Người Con đang trong sách “Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ” trang 251: “...Và cũng có thể vì mặc cảm (bỏ bê gia đình) đó mà cuối đời, sau thời gian trốn tránh (cuối 1960-đầu 1961) lần đầu tiên ông sống hẳn với gia đình, mặc dù trong điều kiện sống vô cùng chật vật, trong một căn gác rất nhỏ ở chợ An Đông cho đến mãi tận ngày ông qua đời”.

Gần đây vì muốn kiểm chứng lại chuyện bác sĩ Phiếm rửa ruột cho cha tôi mà ông Lục nêu lên trong bài, tôi có e-mail hỏi chị Bạch Tuyết, con gái bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, thì được chị trả lời như sau:

Re: Chuyện bác Phiếm đi rửa ruột cho Nhất Linh

Friday, December 2, 2011 8:41 PM

From:

"Bachtuyet

Add sender to Contacts

To:

Chú Thiết thân mến,

Gió nào đưa đến, lâu lắm mới được tin Thiết mà chú lại đặt những câu hỏi lạ lùng quá vậy ? Hai gia đình và nhất là cha mẹ chúng ta thân nhau như thể ruột thịt, chuyện gì mà không biết, nói chi chuyện bác tự tử, bơm ruột v.v Không hiểu ở đâu lại có chuyện hoang đường như vậy. Chị không bao giờ nghe và biết là bác ở Lê Thánh Tôn, một thời ngắn trước ngày song Thất 1963. Chị chỉ biết địa chỉ duy nhất của hai bác và gia đình là chợ An Đông, trên lầu của nhà hàng cơm gà Xiu Xiu. Bác dọn về đó thời gian nào thì chắc Thiết nhớ nhưng chị quả quyết ngày 19 March 1962, ngày chị sanh cháu gái đầu lòng ở Bệnh Viện Saint Paul, thì tình cờ bác lại chơi với bố chị và hai ông cùng đưa chị vào nhà thương. Như vậy là trước song Thất 1963 cả hơn một năm, gia đình ở An Đông.

Chuyện rửa ruột ở Lê Thánh Tôn là một chuyện hoàn toàn bịa đặt. Gia đình Thiết không biết, gia đình chị cũng không hề nghe tới. Lại nữa, vì lương tâm chức nghiệp, một thầy thuốc không bao giờ tiết lộ với một người thứ hai về tình trạng bệnh lý của một bệnh nhân. Chị chắc chắn ông Bố chị không bao giờ vi phạm đạo lý này cũng như chuyện tự tử hụt, rửa ruột tại Lê Thánh Tôn hoàn toàn không có.

Bố chị quen B.S. Trần văn Bằng (chứ không phải Bang) có lẽ từ hồi còn ở Bắc vì ông cũng tốt nghiệp trường thuốc ở Hà Nội. Có một thời gian, hai ông cùng làm chung tại Viện Pasteur, Saigon. Bố chị chuyên về bệnh ngoài da và ông Bằng thì bệnh cùi. Quen nhưng không thể gọi là thân vì chưa bao giờ ông cụ mời ông Bằng lại nhà ăn cơm như những bạn thân khác. Ông Bằng rất thích làm thơ nhưng thơ loại bình dân, châm biếm, ngông nghênh và tính tình hơi khác người.

Để chứng minh về cái 'hơi khác người' này và có liên quan đến gia đình chị là năm 1975, Bố Mẹ chị di tản sang Pháp. Bỗng một ngày nào đó, ông Bằng làm một bài thơ bịa ra cảnh Bố chị đặt chân đến Pháp bi thảm ra sao vì con trai có vợ đầm, theo CS... Một chuyện bịa đặt trắng trợn làm cho ông bà già chị rất bức mình. Cách đây khoảng 3 năm, chị lại được đọc bài thơ đó trong một Tập san tết của nhóm Y Sĩ VN. Đã tính viết cho ông chủ trương tờ đặc san phản đối nhưng nghĩ sao lại bỏ qua. Nói thế để hiểu thêm được cái tính thích xuyên tạc của ông bác sĩ này.

Mong là chị đã trả lời những thắc mắc của chú. Nếu moi móc cái 'memory' cùn này mà còn nhớ thêm chi tiết gì khác, thế nào cũng liên lạc với Thiết.

Chúc vui,

BT

-----Original Message-----

From: TuongThiet Nguyen

To: bachtuyet

Cc: nguyenlechi

Sent: Thu, Dec 1, 2011 7:03 pm

Subject: Chuyện bác Phiếm đi rửa ruột cho Nhất Linh

Chị Tuyết thân,

Em tìm thấy ở trên Tawalas, Tạp Chí Văn ra ngày 6/15/1970, chủ đề Hoài Niệm Nhất Linh có bài của ông Trần Văn Bang nói về chuyện bác Phiếm đi rửa ruột cho ba em ở đường Lê thánh Tôn xảy ra vài tháng trước khi ba em qua đời ngày 7-7-1963.

Em rất ngạc nhiên về chuyện này vì chưa hề bao giờ nghe gia đình nói về chuyện bác Phiếm đi rửa ruột cho ba em.

Chị có nghe bác Phiếm nói về chuyện này bao giờ không? Chị có biết về sự liên hệ giữa bác Phiếm và ông Trần Văn Bang không. Chị cho em biết. Cảm ơn chị nhiều.

Đây là bài của ông Trần Văn Bang trên Tawalas:

Trần Văn Bang
Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

Bài dưới đây là một chương trích trong cuốn sách nhan đề Bệnh tật và cái chết của các văn gia thi gia... Sách thuộc loại "lịch sử y học", một môn học mới được công nhận tại Y khoa Đại học Sài Gòn, mà tác giả là giảng sư.

"Theo Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm thì Nhất Linh có bệnh thần kinh suy nhược (neurasthénie). Ông đã bị ám ảnh tự sát (obsession par le suicide). **Mấy tháng trước**, cũng theo Bác sĩ Phiếm, Nhất Linh cũng đã uống thuốc ngủ tự tử khi ông trốn ở đường Lê Thánh Tôn. Chính Bác sĩ Phiếm chữa chạy, rửa dạ dày, chích thuốc Strychnine. Số lượng thuốc ngủ uống hồi ấy vì ít, nên ông bình phục ngay và vài hôm sau ông lại đi họp Hội Văn Bút."

<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=13367&rb=08>

Nguyễn Tường Thiết

Như vậy là chuyện đã rõ. Không hề có chuyện Nhất Linh tự tử hai lần. Chuyện này hoàn toàn do ông Trần Văn Bang bịa đặt. Đọc kỹ bài "Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam" tôi càng ngạc nhiên khi ông Trần Văn Bang viết "Để tìm hiểu bệnh trạng và cái chết của Nhất Linh chúng tôi đã tiếp xúc với gia đình Nhất Linh: bà Nguyễn Tường Tam, con trai út của ông là Nguyễn Tường Thiết". Lại là một chuyện bịa đặt trắng trợn nữa: ông Bang không bao giờ đến nhà chúng tôi cả. Tôi không hề biết ông Bang là ai, chưa bao giờ nghe tên ông ấy cho tới bây giờ khi đọc bài của ông Bang trên Talawas và tiểu sử ông Bang do chính ông viết trong tập thơ của ông: "Giáo Sư Trần Văn Bang, bút hiệu Bằng Vân, Lưu Văn Vong, Sĩ Ngông (Trang 5, Bằng Vân Trần Văn Bang, Thư mục y giới văn thi nghệ sĩ)".

Trong chủ đề "Tìm hiểu ý nghĩa của hai lần tự tử" (Trang 188-189, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ), ông Lục bàn luận về chuyện Nhất Linh tự tử hai lần dựa theo chuyện bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm đi rửa ruột cho Nhất Linh, một câu chuyện bịa đặt bởi ông Trần Văn Bang. Mặc dù biết đây là chuyện bịa đặt, ông Lục vẫn dùng để chứng minh chuyện Nhất Linh tự tử hai lần là có thật. Điều này chứng tỏ là ông không có ý định đi tìm lại hay nhìn lại "ý nghĩa về cái chết của Nhất Linh" như ông đã đặt ra cho tựa đề của chương sách này. Mục đích của ông là ông cần phải gán cho Nhất Linh căn bệnh tâm thần. Bằng mọi giá, mọi cách ông phải chứng minh cho cái lập luận ấy của ông. Bằng chứng thật hay bằng chứng giả không quan trọng miễn là ông đạt được mục tiêu của ông.

Trang 189 cuốn sách Một Thời Để Nhớ, ông Lục viết: "Hầu hết những người phản bác lại nội dung bài viết này không một ai lên tiếng trả lời câu hỏi cắc cớ ý nghĩa hai lần tự tử của Nhất Linh".

Ông Lục biết thừa tại sao không ai lên tiếng trả lời câu hỏi cắc cớ của ông: một là những bài phản bác người ta viết cách đây ba năm (2008), lúc đó câu chuyện bịa đặt Nhất Linh tự tử hai lần chưa được đưa ra trong bài ông viết (2008); hai là ông Lục đưa ra chuyện Nhất Linh tự tử hai lần (bài ông viết sau 2008) ông cố tình đưa ra chuyện bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm đi rửa ruột cho Nhất Linh như một chuyện có thật cho nên người ta không phản bác.

Bằng cứ pháp lý

Trong chủ đề “bằng cứ pháp lý” ông Lục trích dẫn sách của ông Lê Nguyên Phu để đưa ra lập luận rằng Nhất Linh tự tử vì tránh không muốn ra Tòa đối chất với những người anh em đồng chí của mình trước tòa án. Tôi sẽ trình bày trong phần sau đây để phản bác lập luận ấy của hai ông Nguyễn Văn Lục và Lê Nguyên Phu.

Bàn luận về “Bằng cứ pháp lý”, ông Lục viết: “...Chứng cứ pháp lý này mở đường cho những chỉ dẫn có thể hiểu được vì lý do gì Nhất Linh đã tự tử và để lại chúc thư cho lịch sử...” (Trang 175, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Theo ông Lục những chứng cứ pháp lý sẽ giải thích lý do vì sao Nhất Linh tự tử. Sau đây là những điều tôi tìm thấy trong dẫn chứng pháp lý của ông Lục.

Những bằng cứ pháp lý mà ông Lục đưa ra phần lớn ông trích dẫn trong sách của ông Lê Nguyên Phu (Trung Tá Lê Nguyên Phu, Ủy Viên Chánh phủ chính quyền Ngô Đình Diệm, Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt).

Tôi chưa bao giờ nghe nói hoặc nhìn thấy cuốn sách viết bởi ông Lê Nguyên Phu. Khi trích dẫn sách của ông Lê Nguyên Phu, ông Lục không viết tên sách và trang sách, ông chỉ ghi chú như sau: “Trích tóm lược nội dung cuốn sách của ông Lê Nguyên Phu” hoặc “Tóm tắt Lê Nguyên Phu” hoặc “Tóm tắt chứng từ Lê Nguyên Phu”.

Vài trích dẫn của ông Lục nói về con người của ông Lê Nguyên Phu như sau:

“Những người đã ngấm ngấm giúp các chính khách là Trung Tá Lê Nguyên Phu, Ủy viên chính phủ trong tòa án quân sự đặc biệt. Ông Lê Nguyên Phu đồng ý và hứa với ông Tuyển sẽ ngấm giúp các chính khách bằng cách tha bổng hay xử những bản án rất nhẹ...”

“...Tuy nhiên, với tư thế là Ủy viên chính phủ, ông Lê Nguyên Phu đã đóng kịch trước tòa án, có vẻ gắt gao và mặt sát bị cáo. Cho nên có một số người bị chạm tự ái, và để tâm thù, sau này còn mạ lỵ ông thậm tệ. {Trích Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm, Vĩnh Phúc, trang 320-323} (Trang 192, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).”

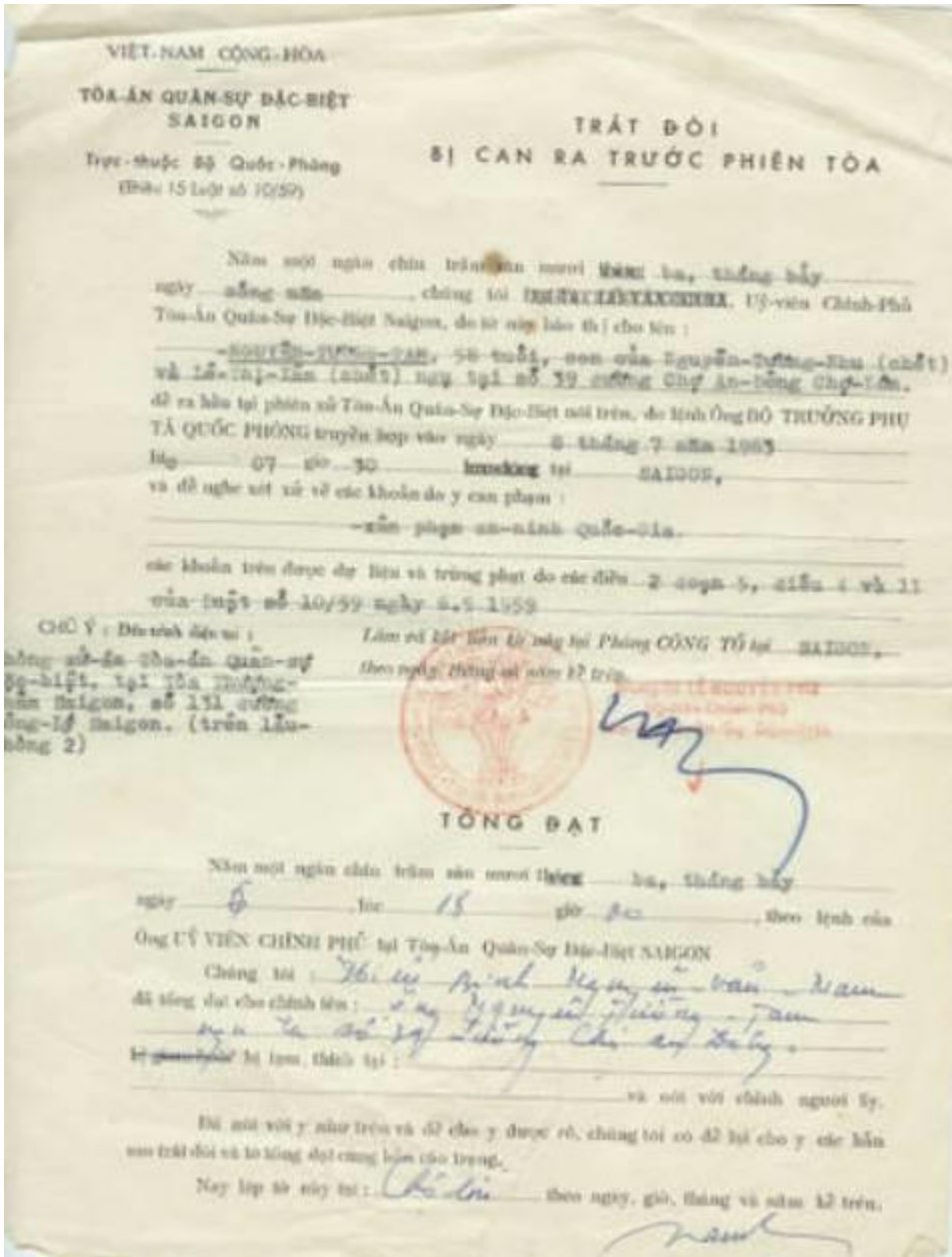
Chuyện ông Lê Nguyên Phu “ngấm ngấm” giúp các chính khách tôi chưa nghe ai nói, nhưng chuyện ông Lê Nguyên Phu “đóng kịch” trước tòa án, “có vẻ” gắt gao và mặt sát bị cáo thì, ông Nguyễn Liệu, có tả rất rõ như sau: “...Tôi phải nhắc lại điểm về con người của Lê Nguyên Phu khi làm Trung tá ủy viên chánh phủ xử vụ đảo chánh năm 1960 của toàn án quân sự đặc biệt Sài gòn, mà tôi là một bị cáo, Lê Nguyên Phu là Trung tá quân pháp...” “...tiếp sau đó vị Trung tá ủy viên chánh phủ lớn tiếng phùng mang trợn mắt lên giọng chưởi bới bọn phản loạn bọn bán nước bọn làm tay sai tiếp tay cho cộng sản. (Bài viết - “Ông Nguyễn Văn Lục nên viết lại bài - Ý nghĩa cái chết của Nhất Linh - Nguyễn Liệu”). Như tôi đã viết trong phần I của bài này ông Nguyễn Liệu bị kết án 5 năm tù vì tội tham gia vào cuộc đảo chánh 11-11-1960 và ông hiện đang sống tại San Jose, CA.

Như thế là cách cư xử “gắt gao và mặt sát” các bị cáo của ông LN Phu trong phần trích dẫn của ông Lục là chuyện có thật và đã được mô tả kỹ lưỡng bởi ông Nguyễn Liệu. Tôi sẽ nói thêm về dẫn chứng rất quan trọng này của ông Lục vào một lúc khác.

Theo dẫn chứng của ông Lục, ông Lê Nguyên Phu vì tư thế của một Ủy viên chính phủ đã phải “đóng kịch” trước tòa án, làm ra vẻ “gắt gao và mặt sát” những bị cáo. Nếu ông Lê Nguyên Phu là người đại diện chính phủ xử tội các bị cáo thì ông cứ phán xét tội phạm của họ rồi kết án, việc gì mà ông phải “đóng kịch” như ông đã làm. Ông Lê Nguyên Phu phải “đóng kịch” có nghĩa là ông không muốn làm nhưng ông bị buộc phải làm. Như thế là ông Lê Nguyên Phu ý thức rằng hành động “gắt gao và mặt sát” bị cáo là việc làm sai, tội tệ. Tại sao ông Lê Nguyên Phu lại phải “gắt gao và mặt sát” các bị cáo trước quan tòa nếu không nhằm mục đích nhục mạ bị cáo trước tòa án? Ông Lê Nguyên Phu là người đại diện chính quyền để thi hành chính sách hoặc đường lối mà chính quyền đặt ra và giao phó cho ông. Như thế sự nhục mạ các bị cáo

trước tòa án là chính sách của chính quyền mà ông Lê Nguyên Phu chỉ là người thừa hành. Tôi sẽ bàn luận thêm chuyện này ở phần sau.

Tôi không được đọc sách của ông Lê Nguyên Phu viết. Tôi không biết tên sách là gì. Tôi không biết ông có viết không? Không biết ông viết gì và với mục đích gì? Tuy nhiên những gì ông Lục trích dẫn trong sách ông Lê Nguyên Phu đưa ra để giải thích về chuyện Nhất Linh tự tử là những chuyện không đúng sự thật.



Trát tòa do Trung tá Lê Nguyên Phu ký

Trích dẫn thứ nhất - ông Lục: “Tôi viết thư mời Nguyễn Tường Tam (chứ không phải ra trát đòi) đến gặp tôi tại tòa án quân sự đặc biệt”... “Đối với ông, tôi không cho tổng đạt trát đòi hầu

tòa”.(Trang 193, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)”. Đây là một điểm sai hoàn toàn. Nhất Linh nhận được trát tòa đề ngày 5-7-1963 của Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt đòi Nhất Linh ra tòa trình diện. Có tên, con dấu, và chữ ký của ông Lê Nguyên Phu. Nếu cái chuyện có chứng cứ rành rành như cái trát tòa mà ông Lê Nguyên Phu còn quên và nói khác đi thì không biết chuyện gì ông nhớ đúng?

Ngoài ra để nói về vụ binh biến 1960, ông Lê Nguyên Phu đã viết sai là “vụ binh biến 11/11/1963” (trang 193). Nếu Ông Lê Nguyên Phu cứ nhớ sai chuyện này, viết sai chuyện kia thì làm sao ông ấy có thể nhớ đúng lời khai của bị cáo Nguyễn Tường Tam và các bị cáo khác? Thêm một điều nữa: ông Phu viết lịch sử mà viết sai bét, rồi ông Lục lại dựa vào cái lịch sử sai bét ấy của ông Phu để chứng minh chuyện nọ chuyện kia. Như thế mà ông Lục cho là ông công bằng đối với lịch sử à? Cái công bằng đó ở đâu khi ông viết: “...muốn nhìn lại ý nghĩa cái chết của Nhất Linh với một cái nhìn trung thực tối đa, sự công bình đối với riêng ông Nhất Linh và nhất là đối với Lịch sử.” (Trang 175, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)

Trích dẫn thứ hai - ông Lục:

“Các thuộc hạ của Nguyễn Tường Tam đều bị đại tá Lê Văn Khoa tổng giam, chỉ một mình Nguyễn Tường Tam được tại ngoại hầu tra. Do đó các thuộc hạ của ông đều tỏ ra bất bình và bất mãn với ông, nhất là Trương Bảo Sơn vừa cay đắng vừa oán hận, chỉ trích Nguyễn Tường Tam đủ điều, nào là phản bội anh em, nào là thiếu tư cách lãnh đạo {Tóm tắt Lê Nguyên Phu} (Trang 190, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)”.

Trích dẫn thứ ba - ông Lục:

“Tiếp theo nội dung sách của ông Lê Nguyên Phu: “Lá thư của ông Trương Bảo Sơn tố cáo Nhất Linh được Giám Đốc khám đường Chí Hòa đệ trình tòa Đặc biệt và được lưu giữ lại trong hồ sơ. Tôi đến thay đại tá Lê Văn Khoa, tôi lưu giữ lá thư trong hồ sơ mà không cho chuyển đi chỉ vì thiện ý” (Trang 192, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)”.

Nếu ông Lê Nguyên Phu là người nhớ sai những chuyện đơn giản thì làm sao ông có thể nhớ đến lá thư của ông Trương Bảo Sơn tố cáo Nhất Linh. Những điều ông Phu viết ra ở trên chỉ nhằm mục đích chia rẽ, mạ lỵ, sỉ nhục Nhất Linh và những người đã cùng sát cánh hoạt động với Nhất Linh.

Không biết là ông Lê Nguyên Phu nhớ sai hay vì ông không “thiện ý” khi ông kể ra rằng các “thuộc hạ” của Nhất Linh đều tỏ ra bất bình và bất mãn với Nhất Linh, nhất là Trương Bảo Sơn vừa cay đắng vừa oán hận Nhất Linh.

Theo ông Trương Bảo Sơn kể lại thì những người hoạt động với cha tôi đã có một thái độ rất khác khi nghe tin Nhất Linh mất. Ngày các bị cáo phải ra tòa lãnh án tù, ông Phan Khắc Sửu và những bị cáo khác đã xin phép tòa cho họ được mặc niệm Nhất Linh. Đây là một hành động đầy can đảm. Gia đình chúng tôi luôn luôn thán phục hành động can đảm này và biết ơn lòng quý trọng của họ đối với cha tôi. Trong lúc mặc niệm họ đã quên đi số phận sắp sửa bị ông LN Phu và chính quyền nhà Ngô mang ra xét xử, kết án tù đày. Riêng ông Trương Bảo Sơn, một đồng chí và cũng là người bạn rất thân của Nhất Linh, đã bày tỏ lòng quý mến và hãnh diện về cha tôi qua những gì ông viết trong bài “Những Kỷ Niệm Riêng Với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam” đăng trên sách “Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ - Người Chiến Sĩ” xuất bản năm 2004. Đây là một vài đoạn trích trong bài ông viết:

“Cùng chiều hôm đó, luật sư Dương Kiên vào khám Chí Hòa báo tin cho luật sư Lê Ngọc Chấn, cùng bị giam chung với bọn đảng phái chính trị và quân nhân bị bắt sau cuộc đảo chính huyệt 1960, chúng tôi vô cùng đau khổ và thương tiếc Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã bàn để tang ông ngày hôm sau khi bị đưa trước tòa án quân sự. Một anh em đã hy sinh một chiếc áo đen, cắt thành băng đeo ở cánh tay trái.

“Vừa trông thấy chúng tôi, ủy viên chính phủ Lê Nguyên Phu nói ngay: “Bọn Quốc Dân Đảng để tang Nguyễn Tường Tam!”. Nhưng không phải chỉ có “bọn QĐĐ” mà tất cả các chính trị phạm hôm đó đã đeo băng đen, trừ một người là ông Phan Quang Đán” (trang 76).

“Hàng năm cứ đến ngày “song thất” tôi lại nhớ tới Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ tôi kính trọng, một bạn đồng tâm đồng chí thân mến của tôi và của cả gia đình tôi. Hôm nay tôi hân hạnh kể hầu quý vị những kỷ niệm riêng của tôi với ông, gọi là đốt nén hương lòng tưởng niệm ông.” (trang 81).

Trích dẫn thứ bốn - ông Lục: Tiếp theo là nội dung sách của ông Lê Nguyên Phu: “...Thật là một sự dễ dãi chưa từng có trong phạm vi thủ tục pháp lý. Sau cùng ông (Nhất Linh) hỏi tôi: Ông ủy viên có thể giúp tôi thêm một chút nữa được không? Tôi xin ông ủy viên giúp tôi tránh khỏi phải đối chất với bọn đàn em thuộc hạ của tôi”. (Trang 192, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ)”

Tôi tin đây là một chuyện bịa đặt của ông Lê Nguyên Phu vì chắc chắn câu nói này không phải là lời nói của cha tôi. Cha tôi không bao giờ gọi những người anh em hoạt động với ông là “bọn đàn em thuộc hạ”. Ông Phu gán vào miệng Nhất Linh câu nói này như thể cha tôi là một tên thảo khấu đang nói về thuộc hạ của mình. Ông Phu viết ra câu đó hiển nhiên là để mạ lỵ tư cách của Nhất Linh. Tư cách của Nhất Linh như thế nào tôi xin dẫn chứng lời của học giả Hoàng Xuân Hãn. Trong sách “Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ -Người Chiến Sĩ, trang 55, nhà văn Võ Phiến có viết: “Nhận xét về phong độ Nguyễn Tường Tam, ông Hoàng Xuân Hãn viết: *Cử chỉ lễ độ, ăn nói chừng chàng, trong buổi xã giao hội họp với kẻ chức trách, hoặc phái viên Pháp, anh đã có thái độ cử chỉ đoan nghiêm và đúng mức, không làm thẹn chức vụ bộ trưởng Ngoại Giao và chủ tịch phái đoàn Việt Nam*”.

Trích dẫn thứ năm - ông Lục: “Tiếp theo nội dung sách của ông Lê Nguyên Phu: *Lúc tiễn ông ra cửa, tôi thấy ông đi thất thểu, nhưng tôi không nghĩ rằng vì vấn đề đối chất này mà ông phải tự tử sau đó*”.

“*Lúc được tin ông qua đời, suy nghĩ kỹ lại, tôi mới nhận rõ điều ông yêu cầu là một điều tối quan trọng đối với ông. Ông không muốn đối diện với bọn đàn em và đối chất với họ trước tòa, vì đó là một điều xỉ nhục, mất thể diện trọng đại...*” (Trang 193, Nguyễn Văn Lục - Một Thời Để Nhớ).”

Có lẽ ông Lục cho đây là một bằng chứng rõ rệt nhất “không chối cãi” được trong phần bàn luận về “bằng có pháp lý” của ông. Tôi xin nói ngay, đây là một giả thuyết thiếu thông minh của ông Lê Nguyên Phu. Khi ngồi viết chuyện này, có lẽ ông LN Phu đã nghĩ tới cái quyền đánh đập, bạo hành, tra tấn bị cáo ở trong nhà tù mà chính quyền ông phục vụ vẫn áp dụng. Hay có lẽ ông hình dung bị cáo Nhất Linh đáng thiếu não run sợ trước quan tòa khi nghe ông LN Phu “đóng kịch” quát tháo, mạt sát, áp đảo tinh thần thì Nhất Linh sẽ phải sợ ngay, rậm rập làm theo lệnh tòa, rậm rập phải đối chất.

Chuyện Nhất Linh sợ phải đối chất là giả thuyết của ông LN Phu và là lập luận của ông Nguyễn Văn Lục. Nhất Linh đã có quyết định rồi. Nếu phải ra tòa ông sẽ chọn sự im lặng. Cha tôi đã nói trước điều đó với nhiều người thân của ông.

Trong sách Chân Dung Nhất Linh, trang 184, tác giả Nhật Thịnh, thuật lại chuyện cha tôi đến từ biệt ông Nguyễn Hữu Phiếm buổi sáng ngày 7-7-1963. Đây là đối thoại giữa bà Phiếm với cha tôi buổi sáng hôm ấy:

– *Mai ra Tòa anh sẽ khai ra sao?*

– *Chị cứ yên trí, tôi sẽ không nói gì hết, y như ông giáo sư ở trong phim “Judgement à Nuremberg” khi ra Tòa ấy”.*

Trong sách Hồi Ký về Gia Đình Nguyễn Tường, trang 158, tác giả Nguyễn Thị Thế (em ruột Nhất Linh) viết:

“Tôi lại hỏi anh mai anh ra Tòa anh sẽ nói sao. Anh cho tôi biết anh sẽ không nói gì hết, chỉ im lặng thôi. Tôi hỏi im lặng trước tòa được ư. Anh bảo đã có luật sư nói hộ”.

Trong sách Nhất Linh Cha Tôi, trang 32, tôi viết:

“*Im như hén thế mà hay!* Nhưng quả thật tôi không ngờ ông đã đi sâu đến như thế, không chỉ im lặng ở Tòa mà chọn sự im lặng trong cung cách ra đi vĩnh viễn”.

Ông Lê Nguyên Phu làm gì được khi một bị can quyết định im lặng không nói trước tòa án? Ông cậy miệng Nhất Linh bắt Nhất Linh phải đối chất trước tòa hay sao? Nếu bị cáo Nhất Linh im lặng, thì ông Phu bỏ tù Nhất Linh à? Nhất Linh đã không sợ chết thì sao Nhất Linh lại sợ vào tù? Nhất Linh không sợ vào tù như ông đã nói người con của ông vài giờ trước khi chết: *“Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù đều mất tự do như nhau.”* (Nhất Linh Cha Tôi- hồi ký Nguyễn Tường Thiết- trang 36).

Như thế thì lập luận của ông Nguyễn Văn Lục và ông Lê Nguyên Phu về chuyện Nhất Linh tự tử vì sợ phải đối chất với những người khác không đứng vững. Nhất Linh tự hủy mình vì không muốn phải ra tòa để cho ông Lê Nguyên Phu “đóng kịch” “gắt gao và mặt sát” như dẫn chứng của ông Lục nêu ra về cách thức đối xử của ông LN Phu đối với bị cáo khi họ đứng trước tòa án. Nhất Linh đã không để cho các ông quan tòa đại diện chính quyền có dịp “gắt gao và mặt sát” sỉ nhục. Nhất Linh đã chọn cái chết như ông đã viết trong chúc thư tuyệt mệnh của ông *“Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử tôi cả.”* Chữ “ai” ở đây ông ám chỉ cả chế độ nhà Ngô trong đó có ông Lê Nguyên Phu!

Để kết thúc phần bàn luận của tôi về chứng cứ pháp lý mà ông Lục đưa ra trong bài ông, tôi xin trích dẫn đoạn viết của tác giả Lưu Văn Vịnh: *“...và ông đã làm, đã chọn cách chết, đã chọn lúc chết... “đời tôi để lịch sử xử”, ông là loại “hồ nhớ rừng” chẳng thể để cho đàn kiến đen bọ hung bọ xít xúc phạm”* (Trang 177, sách Nhất Linh Người Nghệ Sĩ -Người Chiến Sĩ).

Để chấm dứt bài viết này tôi có vài lời chót về bài viết của ông Nguyễn Văn Lục.

Ông Nguyễn Văn Lục không phải là một bác sĩ tâm thần, không phải là bác sĩ thần kinh học, cũng không phải là một nhà tâm lý học nhưng ông đưa ra những dẫn chứng sai sự thật như tôi đã trình bày ở trên để gán ghép cho cha tôi, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam căn bệnh tâm thần. Mục đích của ông Lục khi ông cố gán ghép cho cha tôi mắc bệnh tâm thần là để xuyên tạc ý nghĩa và sự thật về cái chết của cha tôi và bằng cách ấy ông đã xuyên tạc bóp méo lịch sử. Về chuyện ông Lục gán cho cha tôi bệnh tâm thần, tôi xin mượn lời tác giả Vũ Cẩm viết trong bài *“Mưu toan đưa Nhất Linh vào nhà thương điên”* như sau:

“Tôi xin quay lại một chút với chủ đề chính của tác giả Nguyễn Văn Lục trước khi dừng bút. Ấy là vấn đề bệnh tâm thần. Để vô hiệu hóa hành vi, ngôn ngữ của kẻ nào, điều dễ nhất là nói người đó điên. Khi thuyết phục được mọi người rằng một ai đó có bệnh tâm thần là đã có thể huỷ vô hóa người ta. Không một cái gì thuộc về người ấy còn có giá trị với đời sống bình thường của chúng ta nữa. Nguyễn Văn Lục đã khổ công tạo ra một Nhất Linh bị bệnh tâm thần để triệt hạ ông, và tưởng như thế là một phát minh mới mẻ lắm. Không, đảng cộng sản Nga đã chơi cái trò đó nhiều rồi. Những ai thuộc giới trí thức mà chống đối chế độ, thay vì bắt giam tra tấn đánh đập nhiều khi chỉ cần làm người ấy nổi bật lên vì sự can đảm, chỉ cần tống vào nhà thương điên là người ấy không còn tư cách làm người nữa trước mắt xã hội.

Nguyễn Văn Lục mưu đồ cho Nhất Linh vào nhà thương điên. Nhưng người điên, ở đây là ai?”

© 2008 talawas

Tôi xin dành cơ hội này cảm ơn tất cả những tác giả và những bạn đọc đã viết bài hoặc nêu ý kiến phản bác bài viết của ông Nguyễn Văn Lục. Đặc biệt là tác giả: Vũ Cẩm (Mưu toan đưa Nhất Linh vào nhà thương điên - Talawas), Nguyễn Liệu (Ông Nguyễn Văn Lục nên viết lại bài “Ý nghĩa cái chết của Nhất Linh”), Lý Nguyên Diệu (Nguyễn Văn Lục: Người trí thức không biết ngượng – chuyenluan.net), và Trần Yên Hòa (Sừng sừng Nhất Linh – banvannghe.com). Cũng xin cảm ơn chị Nguyễn Bạch Tuyết và Nguyễn Lệ Chi (con bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm) đã giúp tôi tìm hiểu sự thật về một chứng cứ bịa đặt dùng trong bài của ông Nguyễn Văn Lục.

Seattle, ngày 7 tháng 1 năm 2012

Nguồn : Bài đã đăng nhiều kỳ trên tạp chí Người Việt (California, 1.2.2012), tác giả đã gửi bản gốc để đăng.

Phụ đính:

Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam Trần Văn Bang

Bài dưới đây là một chương trích trong cuốn sách nhan đề *Bệnh tật và cái chết của các văn gia thi gia...* Sách thuộc loại “lịch sử y học”, một môn học mới được công nhận tại Y khoa Đại học Sài Gòn, mà tác giả là giảng sư.

I. Thân thế và sự nghiệp văn chương

1. Thân thế: Sinh ngày 25 tháng 7 năm Bính Ngọ (1906) tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Bắc Việt. Ông bà nội gốc người Cẩm Phồ, Quảng Nam, ông bà ngoại người gốc Huế. Vì làm tri huyện ở Cẩm Giàng, Hải Dương nên dòi gia đình ra đây. Chết ngày 7-7-1963, tại Sài Gòn.
2. Văn nghiệp: Chúng ta có thể chia các tác phẩm của Nhất Linh ra các loại:
 1. Tiểu thuyết lý tưởng: *Nho phong* (1924), *Quay tơ* (1925).
 2. Tiểu thuyết tranh đấu xã hội: *Đoạn tuyệt* (1935), *Lạnh lùng* (1937), *Đôi bạn* (1938).
 3. Tiểu thuyết tâm lý: *Bướm trắng* (1941), *Nắng thu* (1942), *Dòng sông Thanh Thủy*, *Ba người lữ hành* (1960), *Chi bộ hai người* (1960-1961), *Vọng quốc* (1961), *Sống dở dang*, *Hai buổi chiều vàng*, *Đi Tây* (du ký vui).
 4. Viết chung với Khải Hưng: *Anh phải sống*, *Gánh hàng hoa* (1934), *Đời mưa gió* (1934); và một số tác phẩm đang soạn chưa xuất bản.

II. Bệnh tật và cái chết của Nhất Linh

Để tìm hiểu bệnh trạng và cái chết của Nhất Linh, chúng tôi đã tiếp xúc với gia đình Nhất Linh: Bà Nguyễn Tường Tam, con trai út của ông là Nguyễn Tường Thiết, cùng Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm vừa là bạn thân vừa là thầy thuốc của Nhất Linh lúc sinh thời, đặc biệt hơn nữa Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm đã theo dõi từng phút cái chết của Nhất Linh và đã giúp chúng tôi những tài liệu y học xác thực.

Nguyễn Tường Tam cao 1m67, nặng 55kg, dáng người mảnh khảnh, mặt sáng, trán rộng, tính tình điềm đạm ít nói, hay suy tư. Ông có tật nghiện thuốc lá hiệu Bastos xanh, mỗi ngày thanh bình phải hai gói, thích uống rượu Tây đủ loại từ Whisky đến Cognac, bia v.v..., nhiều lần ông cố bỏ nhưng sau lại uống. Theo một vài người bạn, có hồi ông hút thuốc phiện sau lại bỏ.

Tuy dáng người không vạm vỡ, nhưng ông không hay đau ốm. Ngày 6-7-1963 ông nhận được giấy đòi phải trình diện tại Tiểu đội Hiến binh số 635 Nguyễn Trãi, Sài Gòn và được biết sáng thứ hai 8-7-1963 phải ra Tòa vì tội tham gia cuộc đảo chính 11-11-1960.

Ông đã có ý định tự tử để có tiếng vang trong quần chúng hầu thúc đẩy cuộc cách mạng chống Ngô Đình Diệm; ông đã chuẩn bị cái chết và đã viết di ngôn từ sáng chủ nhật 7-7-1963, theo ý ông, tự tử ngày “song thất” là đem cái nhục cho họ Ngô.

Ông đã có ý định tự tử ít nhất là một tuần lễ trước ngày 7-7-1963. Vì chủ nhật trước ông có tới dự buổi họp của Văn Bút (hình như là để vĩnh biệt các văn hữu) và có chụp ảnh để kỷ niệm, lúc 4 giờ chiều chủ nhật 7-7-1963, Nhất Linh ngồi nói chuyện với các con và uống rượu Whisky Jonnhie Walker, con trai ông là Nguyễn Tường Triệu tỏ vẻ ngạc nhiên tưởng ông uống để quên sự thế, nào ngờ ông vừa uống rượu vừa uống thêm độc dược để đi tìm cái chết để khỏi phải toà án loài người xét xử mình.

Năm giờ chiều, Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm được mời đến thì Nhất Linh đã mê man, hơi thở đã yếu. Dem vào Bệnh viện Grall chạy chữa nhưng đến 1 giờ 15 sáng thì Nhất Linh đã trút hơi thở cuối cùng.

Từ lúc uống thuốc ngủ đến lúc chết thật sự chỉ vồn vẹn chín giờ. Tất nhiên ông đã uống rất nhiều thuốc ngủ và cách uống cũng thật khoa học nên mới đem lại một cái chết mau chóng như thế.

Theo kết quả phân chất nước tiểu của Nhất Linh có rất nhiều thuốc ngủ (Barbituriques) loại Vénoral.

Nhất Linh mất trong đêm 7-7-1963 rạng ngày 8-7-1963, đúng 1 giờ 15 sáng.

Ngay sau khi Nhất Linh mất, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh làm một cuộc phẫu nghiệm tử thi (autopsie) mặc dầu không có sự ưng thuận của gia đình, để tìm hiểu nguyên nhân chết thực sự của Nhất Linh.

Sau đây là nguyên văn bản phúc trình kết quả thử nghiệm của Viện Pasteur Sài Gòn dịch ra tiếng Việt:

Sài Gòn, ngày 15 tháng 7 năm 1963
Số 562/HA

Thử nghiệm độc dược

Chiếu theo giấy số 13.747, ngày 10-7-1963 của Toà án Sài Gòn, xin khám nghiệm nước tiểu, máu và nước rửa bao tử của Nguyễn Tường Tam.

* *Tìm chất độc loại hữu cơ trích ra nhờ hơi nước lôi cuốn:*

- Tìm chất lân tinh: kết quả *không*.
- Tìm chất Cyanure: *không không*.

* *Tìm chất cặn để lại bởi éther alcalin:*

- Tìm chất alcaloides:

1. Phản ứng Valser và Mayer: kết quả *không*.

2. Phản ứng Dragendorff: kết quả *không*.

* *Tìm trong chất cặn để lại bởi éther acide:*

- Tìm chất digitaline: kết quả *không*.
- Tìm chất phénol acide salicylique và antipirine: kết quả *không*.

* *Tìm chất barbiturique (thuốc ngủ): kết quả có.*

1. Phản ứng kiểm nhận bằng Nitrat mercureux: cặn trắng, rồi sẫm màu rất lạ.
2. Phản ứng Dengiès (bằng nước trung cách Sulfate mercurique): kết tủa trắng và keo tan trong acide chlorhydrique.
3. Phản ứng Pari: màu đỏ tím rất đẹp.
4. Kiểm nhận bằng phương pháp microcristalloscopie Dengiès: hiện diện của những mảnh hình chữ nhật riêng rẽ hay chụm lại với nhau.

* *Kết luận:*

Có hiện diện của chất Barbituriques với một mức độ rất cao trong nước tiểu của Nguyễn Tường Tam.

Sau khi kiểm nhận bằng microcristalloscopie ta có thể kết luận chất barbiturique này là loại Véronal.

Trưởng Phòng Thí nghiệm
Phạm Văn Tất

Nguyên văn bản kết quả thử nghiệm viết bằng tiếng Pháp:

Sài Gòn, le 15 Juillet 1963
Số 562/HA

Examen Toxicologique

Ref: Demande d'examen No.13.747 du 10-7-1963 du Tribunal de Sài Gòn, concernant l'analyse de l'urine, du sang et du liquide de lavage gastrique de Nguyễn Tường Tam.

* *Recherche des poisons organiques extraits par entraînement à la vapeur d'eau:*

- Recherche du phosphore: résultat négatif.
- Recherche des cyanures: résultat négatif.

* *Examen du résidu laissé par l'éther alcalin:*

- Recherche des alcaloïdes:

1. Réatif de Valser et Mayer: recherche négative.

2. Réatif de Draggendorf: recherche négative.

* *Examen du résidu laissé par l'éther acide:*

- Recherche de la digitaline: recherche négative.
- Recherche du phénol, de l'acide salicylique et de l'antipirine: recherche négative.

* *Recherche des barbiturique:* Recherche positive.

1. Réaction d'identification avec le nitrate mercureux: précipité blanc, fonçant très rapidement.

2. Réaction de Dengiès (avec la solution neutre de sulfate mercurique): précipité blanc gélatineux, soluble dans l'acide chlorhydrique.

3. Réaction de Pari: belle coloration rouge violacée.

4. Identification par microcristalloscopie (Denigès): lamelles rectangulaires isolées ou groupées.

* *Conclusion:*

Présence des barbituriques à dose très élevée, dans l'urine de Nguyễn Tường Tam. Par l'identification par microcristalloscopie, on peut conclure que ce barbiturique est du VERONAL.

Le Directeur du Laboratoire

Singé Phạm Văn Tất

Và sau đây là nguyên văn bản phúc trình pháp lý về cuộc phẩm nghiệm tử thi Nguyễn Tường Tam.

Sài Gòn, ngày 9 tháng 7 năm 1963

Bản phúc trình Pháp y về việc phẫu nghiệm tử thi Nguyễn Tường Tam

Ngày 8-7-1963, hồi 16 giờ tại nhà xác Bệnh viện Grall có sự hiện diện của những vị sau đây:

1. Ông Lưu Đình Việp, Biện lý Toà Sài Gòn.
2. Ông Lý Quốc Sinh, Phó Biện lý Toà Sài Gòn.
3. Ông Dương Tấn Hữu, Phó Ty Cảnh sát quận I.
4. Ông Nguyễn Tứ Quý, Sở Giải nghiệm.
5. Ông Trương Tấn Bảo, Sở Giải nghiệm.
6. Bs. Nguyễn Văn Bồn, Y sĩ Chẩn y viện quận I, Y sĩ Giám định.
7. Bs. Nguyễn Đăng Phong, Y sĩ Trưởng Đô thành.
8. Bs. Đào Huy Chân, Y sĩ Chẩn y viện quận III, Y sĩ Giám định.
9. Bs. Nguyễn Danh Đán, Thanh tra Bộ Y tế.
10. Bs. Nguyễn Bình Nghiêm, Đại diện Bộ Y tế.
11. Bs. Nguyễn Huy Can, Giảng viên Trường Đại học Y khoa.
12. Bs. Gourillon, Y sĩ giải phẫu Bệnh viện Grall.

Thời gian Nguyễn Tường Tam nằm Bệnh viện Grall

Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm viết giấy tới khẩn gọi Nguyễn Tường Tam vào Bệnh viện Grall, ngày 7-7-1963, hồi 18 giờ. Có mấy chữ như sau: Toan tự tử (không rõ với chất gì). Khi vào đến bệnh viện thì hơi thở, mạch của bệnh nhân rất yếu cho đến nỗi bác sĩ tưởng đã chết rồi.

Sau khi được chữa trị thì hơi thở và mạch khá hơn chút ít.

Bác sĩ điều trị không thấy triệu chứng của một bệnh nên có nghĩ đến sự tự tử bằng chất độc. Tuy nhiên có tìm chất thuốc ngủ trong nước đái bệnh nhân mà không thấy rõ.

Bệnh nhân tắt thở ngày 8-7-1963 hồi 1 giờ 15 phút.

Giả nghiệm

Muốn cho chắc rằng tử thi đang khám là của Nguyễn Tường Tam, hội đồng nhờ Sở Giả nghiệm (hai ông Nguyễn Tứ Quý và Trương Tấn Bảo) chụp hình và lăn ngón tay.

Khám tử thi bề ngoài

Do Bác sĩ Nguyễn Văn Bồn và Đào Huy Chân là hai y sĩ giám định.

Tử thi là một người đàn ông gầy, độ 60 tuổi, râu môi trên và tóc bạc một phần màu muối tiêu.

a. *Đầu*: Cái mặt không có vết thương nào. Trong miệng không có răng giả, con ngươi mờ (mydriase). Tim kỹ nơi da đầu không thấy thương tích.

b. *Cổ*: không có thương tích.

c. *Tay chân*: không có thương tích.

d. *Mình mẩy*: không có thương tích.

Nơi vùng xương khu (vertébres sacrées) có hai mụn lở (escarres) vì gầy yếu và nằm cứng, ngay những đốt xương D3-D4 có bứu mỡ đo 5cm x 3cm.

Phẫu nghiệm

Bác sĩ Nguyễn Văn Bồn giải phẫu. Bác sĩ Đào Huy Chân phụ tá.

1. *Phổi*: Không có bệnh, chỉ đen vì bụi (anthracose). Màng phổi không có chi lạ.

2. *Tim*: Không có bệnh Infarctus. Màng tim không có chi lạ.

3. *Bao tử*: Không có bệnh. Đầy phân nửa thức ăn. Bao tử được cột hai đầu và lấy nguyên ra với thức ăn để tìm chất độc tại Viện Giả nghiệm.

4. *Gan*: Phía dưới lá gan có một lần chai to (bande scléreuse). Ngoài ra không có bệnh chi cả. Gan và túi mật cân nặng 1kg120.

5. *Tụy tạng* (pancréas): không có chi lạ.

6. *Lá lách* (rate): có vẻ thường.

7. *Thận*: thận hữu nặng 130gr, thận tả 120gr, không có bệnh.

8. *Tuyến thượng thận* (glandes surrénales): có vẻ thường.

9. *Đầu*: da đầu không có thương tích, xương sọ tốt.

10. *Óc*: không có chảy máu, không có bứu, màng óc (tumeur không có bệnh).

Tìm chất độc. – Có gửi đến Viện Giả nghiệm:

- a. Nguyên cái bao tử với thức ăn.
- b. 25cc máu lấy trong tim.
- c. 30cc nước tiểu lấy trong bọng đái. Nước tiểu có vẻ thường.
- d. 4cc nước đầu và xương sống (liquide céphalorachidien).

Kết luận:

Với những phương pháp khám nghiệm thông thường tại chỗ, không thấy thi hài có triệu chứng nào có thể giải thích cái chết mau chóng của Nguyễn Tường Tam.

Cần chờ xem kết quả việc tìm kiếm do các phòng và Viện Giảo nghiệm.

Bs. Đào Huy Chân và Bs. Nguyễn Văn Bồn (ký tên)

Và cái kết quả tìm chất độc của Viện Pasteur Sài Gòn do Trưởng Phòng Thí nghiệm Bs. Phạm Văn Tấn xác nhận có chất thuốc ngủ (barbiturique) rất nhiều trong nước tiểu đã giải thích được cái chết của Nhất Linh. Bất cứ trong các vụ tự tử bằng chất thuốc ngủ nào, nếu ta tìm thấy trong nước tiểu có chất barbiturique thì nhất định nạn nhân đã uống thuốc ngủ. Đây là bằng chứng của các vụ tự tử vậy.

Kết luận

Về phương diện y học, Nhất Linh đã biết cách tìm một cái chết mau chóng bằng thuốc ngủ pha rượu đến nỗi các y sĩ làm phẫu nghiệm cũng không giải thích nổi cái chết quá mau lẹ của Nhất Linh.

III. Suy luận về cái chết của Nhất Linh

Nguyễn Tường Tam lúc thiếu thời là một người khoẻ mạnh. Tôi có dịp gặp ông ở nhà riêng ông ở phố Hàng Cau Hà Nội hồi ông mới ở Pháp về và tôi còn nhớ hình ảnh và dáng điệu của một người tráng kiện và lanh lợi.

Sau này lúc mới 50 tuổi, sức khoẻ của ông đã bị sút kém. Thế Uyên cũng viết: “Tuần trước tháng 11 năm 1960, Nhất Linh là một ông già đau ốm đầy vẻ suy tư” (*Chân dung Nhất Linh*, Tập san Văn xuất bản, SPT số 6/66).

Sao mà ông khỏi ốm được. Mười mấy năm làm văn nghệ không nghỉ, mười mấy năm làm cách mạng, mấy năm lưu lạc, vật chất thì thiếu thốn, tinh thần bị lung lạc. Tất cả những cực nhọc, những lo âu, những thất vọng đã chồng chất lên thể xác ông, tâm thần ông. Tất nhiên sức khoẻ ông phải suy yếu.

Hơn nữa, ông cũng như đa số các nhà văn, thích uống rượu, thích hút thuốc, cả thuốc lá lẫn thuốc lào.

Người ta cho hút thuốc lá, uống rượu là thích thú, hút để giải khuây. Văn sĩ thì lại coi những thứ này như kích thích tố và dùng nó để tăng năng suất hay gây thêm cảm hứng. Nhưng đối với y học thì rượu và thuốc lá, cà-phê không làm tăng năng suất, trái lại, làm giảm trí nhớ, làm cho

phản xạ chậm trễ, kém nhạy. Khoa sinh lý thực nghiệm đã nghiên cứu những chất này và coi như là những chất độc có hại cho cơ thể, và giảm thọ con người. Thuốc lá và thuốc lào cũng vậy, làm hại tim và gây ra bệnh ung thư phổi. Còn rượu thì bất cứ rượu nào, kể cả rượu bia, sau một thời gian có thể sinh ra chứng héo gan, hay là chứng loạn óc, tùy theo phản ứng cơ thể của mỗi người.

Nhiều nhà văn Việt Nam thích uống rượu, nhưng chắc số người nghiện rượu thì ít, họa may có Tản Đà, Nguyễn Tuân; Nguyễn Khuyến ca tụng rượu, di ảnh ông để lại tay cầm chén rượu, nhưng vị tất đã là người nghiện rượu. Còn thanh lý thì đa số người trong nghề viết văn đều nghiện.

Nhất Linh nghiện thuốc lá rất nặng, mỗi ngày hai bao Bastos, ông hút luôn miệng, lại hút cả thuốc lào. Còn rượu thì chắc ông không nghiện bằng Tản Đà. Không biết ông bắt đầu uống từ năm nào, và uống mỗi ngày bao nhiêu và loại rượu gì. Hình như mấy năm sau ông chỉ uống bia thôi. Có lẽ ông cũng thích uống Whisky, chứng cứ là ngày ông tự tử ông uống Whisky Johnnie Walker.

Tường Hùng, cháu gọi Nhất Linh bằng chú viết trong Chân dung Nhất Linh (sđd): “Đã có một dạo cứ buổi chiều Nhất Linh lại say rượu. Nhưng ông uống rượu chỉ để ngủ và lúc say ông chỉ ngồi im nghĩ ngợi trong căn phòng không ánh sáng...”. Mấy năm sau theo Bác sĩ Phiếm thì tinh thần ông kém nhiều và tay ông run (tremblement des extrémités). Đây là một triệu chứng của bệnh nghiện rượu.

Thế Uyên, cháu của Nhất Linh, viết trong bài “Người bác” (sđd): “Ông không lên Đà Lạt tu tiên... và bước vào một thời kỳ đau ốm (đau dạ dày) và suy nhược tinh thần. Tỉnh thoảng ông lên cơn loạn trí, đứng trước nhà đường Lý Thái Tổ, móc giấy tờ trong ví đưa cho mọi người, miệng nói lảm nhảm: “Lấy hết đi, xin các ông lấy hết đi. Đừng áp chế tôi!”. Tội nghiệp, các người thân hết sức lo lắng. Chỉ riêng mẹ tôi (mẹ Thế Uyên là em gái Nhất Linh) sau một lần chứng kiến cơn loạn thần kinh về nói riêng với tôi: “Bác điên khôn ghê, chỉ thấy bác đưa vứt giấy tờ lảm nhảm, chẳng thấy bác vứt tiền cho mẹ con mình nhật tiêu...”. Rất có thể Nhất Linh giả vờ loạn óc, vì chính quyền Ngô Đình Diệm đang lùng bắt ông. Đây cũng là một lối cải dạng. Ông thích đọc truyện trinh thám và rất quen thuộc với lối cải dạng.

Theo Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm thì Nhất Linh có bệnh thần kinh suy nhược (neurasthénie). Ông đã bị ám ảnh tự sát (obsession par le suicide). Mấy tháng trước, cũng theo Bác sĩ Phiếm, Nhất Linh cũng đã uống thuốc ngủ tự tử khi ông trốn ở đường Lê Thánh Tôn. Chính Bác sĩ Phiếm chữa chạy, rửa dạ dày, chích thuốc Strychnine. Số lượng thuốc ngủ uống hồi ấy vì ít, nên ông bình phục ngay và vài hôm sau ông lại đi họp Hội Văn Bút.

Nói tóm lại, trước khi tự tử Nhất Linh đã bị tinh thần suy nhược, chúng tôi không dám phê bình tính cách tranh đấu tiêu cực của ông (theo Bác sĩ Phiếm thì ông bị ảnh hưởng sâu xa của cái chết của Thích Quảng Đức). Nhưng đứng về phương diện y học, thì tự tử với tính cách tiêu cực chứng tỏ là Nhất Linh đã bị khủng hoảng tinh thần.

Nguyên do sự khủng hoảng ấy ở đâu mà ra? Vì thế cuộc chẳng? Nếu muốn tìm lý do y học thì chỉ có bệnh nghiện rượu mới cắt nghĩa được sự khủng hoảng tinh thần ấy. Bệnh rượu của ông khác bệnh rượu của Tản Đà và ông cũng ít uống, không bằng Tản Đà. Tản Đà sau nhiều năm uống rượu, bị đau gan và chỉ ngông chứ không loạn trí. Còn Nhất Linh tuy thời gian uống rượu ngắn hơn, rượu đã đưa ông đến tình trạng tinh thần suy nhược. Ngoài ra trong tờ trình phẫu nghiệm tử thi, lá gan có một lần chai (bande de sclérose). Đây có lẽ là do ảnh hưởng của rượu.

Ta cũng có thể suy luận một cách khác. Nhất Linh đã tự tử không phải tinh thần ông bị suy nhược. Cái chết của ông có thể có một nguyên nhân sâu xa hơn. Bản chất ông là một nghệ sĩ, ông đã sống một cách nghệ sĩ, làm cách mạng như một nghệ sĩ. Rất có thể ông đã mơ ước một cái chết nghệ sĩ.

Người ta đã kể lại nhiều cái chết nghệ sĩ, như cái “chết đẹp”, cái chết “làm dáng” của người đàn bà phần son xiêm áo chỉnh tề, rồi chắt đầy hoa tươi trong phòng ngủ đóng kín cửa lại cho nghẹt hơi mà tự tử. Cái “chết quý phái” của nhà văn Pétrone thời cổ La Mã, trước khi tự tử đã cho đặt một bữa yến tiệc linh đình rồi cắt mạch máu tay mà chết. Gần đây ai cũng bị xúc động vì cái chết cao siêu của Thích Quảng Đức.

Vì Nhất Linh là một nghệ sĩ, nên rất có thể ông muốn tự tử, ông vượt về một cái chết đặc biệt, khác thường, một cái “chết đẹp”.

Trong *Dòng sông Thanh Thủy*, năm 1960 ông đã viết:

“Đời sống chỉ là mơ, niềm vui cũng chỉ là mơ. Thanh tự nghĩ nếu có chết ngay lúc này, nàng sẽ không đau khổ. Hồn nàng sẽ hoá thành một giấc mơ vui rồi khi giấc mơ ấy tan đi là chết, là hết. Nàng chắc cả vũ trụ này đến ngày tận thế cũng vậy, cũng biến thành một nguồn vui bao la rồi cứ thế hoà loãng, tan dần đi trong cái mênh mông của hư vô; không có sự chết, không có sự sống, mà ngay cả đến cái hư vô cũng không có nữa”.

Theo giả thuyết trên đây thì cái chết của Nhất Linh không phải là cái chết “tiêu cực” của một tình trạng tinh thần suy nhược, mà cái chết của ông đã được xếp đặt theo sở cầu của ông. Ông muốn cái chết của ông sẽ đạt hai mục đích:

- Một là mục đích chính trị, ông định tự tử vào ngày “song thất”^[1] để gây một tiếng vang trên thế giới và đánh một đòn nặng vào chính thể Ngô Đình Diệm.
- Mục đích thứ hai là để thoả mãn cái sở cầu thiên tính nghệ sĩ của ông. Ông vừa uống rượu Whisky vừa uống thuốc ngủ. Phải chăng ông muốn một cái chết say sưa, êm đềm và cũng vui như một giấc mơ của Thanh trong *Dòng sông Thanh Thủy* vậy.

IV. Kết luận

Trên đây là những nét chính về bệnh tật của Nhất Linh mà chúng tôi suy luận ra, căn cứ vào những tài liệu đã xuất bản, và lời chứng của Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm. Những suy luận này rất có thể có điều thiếu sót và sai lầm. Còn cái chết của Nhất Linh là một sự kiện với tất cả những chi tiết chính xác. Tôi thành kính ghi những chi tiết này để gởi vào lịch sử.

Nhớ về Nhất Linh Nguyễn Hữu Phiếm

Người ta đã viết và nói nhiều về Nhất Linh trong khi anh còn sinh thời cũng như sau khi anh mất.

Viết hoặc tổ chức những buổi nói chuyện để đề cao một chiến sĩ cách mạng quốc gia đã noi gương Thượng toạ Thích Quảng Đức, tự huỷ mình để chống lại một chế độ bạo tàn, để “cảnh tỉnh những con người ác, làm đèn soi sáng nẻo vô minh”, hoặc để đề cao một văn hào lỗi lạc, “một ngôi sao Bắc đẩu trong nền văn hoá Việt Nam”, suốt đời chỉ biết phụng sự văn hoá, vì

theo Nhất Linh, chỉ có *văn mới làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống mà thôi*.

Cũng có khi viết hay nói về Nhất Linh cốt để tự đề cao mình lên, và theo tôi, cái đó cũng không lấy gì làm lạ, vì như văn hào Duhamel đã viết: “Khi một người có danh tiếng nằm xuống thì có biết bao nhiêu người tự nhận là bạn thân của người đó xuất hiện”.

Nói cho đúng ra, Nhất Linh có rất nhiều bạn – ngoài một số đồng đội giả mền tài anh qua những tác phẩm của anh – vì ai đã gặp anh không thể không quý anh được. Nhưng trong mấy năm gần đây, nhất là từ sau ngày đảo chính huyệt 1-11-1960, anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lùng bắt, nhiều người xa lánh anh, cũng như anh, không muốn cho ai vì mình mà phải liên lụy, cũng chỉ lui tới nhà một thiểu số bạn, rất thân của anh, trong đó có kẻ viết bài này.

Có người cho rằng, dù cho có giao du với Nhất Linh thì đã sao, nhất là trong trường hợp tôi, vốn quen biết anh từ lâu, lại là thầy thuốc của gia đình anh nữa; nhưng theo tôi, phải sống dưới chế độ độc tài, như chế độ họ Ngô, mới thấy rằng người dân không có quyền gì hết đã đành, lại không có cả cái quyền chơi với bạn nữa, nhất là khi người bạn đó lại đứng về phe đối lập như Nhất Linh. Nếu không tất sẽ bị khủng bố, và nếu là một công chức, sẽ bị sa thải, “nồi cơm sẽ bị bẻ” như ta nói. Điều bi đát này, chính tôi đã được tai nghe một cựu công chức cao cấp của Ngô triều thuật lại.

Ở đây, tôi chỉ ghi những gì tôi biết về Nhất Linh trong những giờ phút cuối cùng của anh. Trước hết, tôi dám quả quyết là Nhất Linh đã sắp đặt, ít nhất là một tuần lễ trước, cái chết của mình. Bằng cứ là ngày 30-6-1963, anh tới dự buổi họp của Trung tâm Văn Bút mà trước đó anh là chủ tịch, không phải vì văn hoá, mà chỉ cốt để gặp mặt một lần chót các văn hữu của anh trước khi bước sang bên kia thế giới.

Riêng một cử chỉ, “mối tình chân thành” đó cũng đủ cho chúng ta quý mến Nhất Linh rồi.

Ở Trung tâm Văn bút ra, Nhất Linh có ghé lại thăm tôi, nhưng tiếc rằng hôm ấy tôi đi vắng.

Chủ nhật sau, nhằm ngày 7-7-1963, Nhất Linh lại tới vào buổi sáng hồi 10 giờ. Tôi đang ngồi trong phòng ăn bỗng anh lặng lẽ đi vào. Vẫn con người dong dỏng cao ấy, vẫn vàng trán rộng và thông minh ấy, với đôi mắt tuy tinh anh, sáng quắc nhưng đượm một vẻ buồn khó tả. Phải chăng, tôi nghĩ bụng, anh buồn vì ngày mai anh sẽ phải ra toà để toà xử về vụ đảo chính ngày 11-11-1960?

Anh mặc rất đơn giản, không khác gì mọi bạn anh lại thăm tôi: sơ-mi trắng dài tay, hờ cổ, quần tây màu xanh thẫm, và chân đi giày – vẫn đôi giày duy nhất ấy – cũ kỹ đến nỗi không nhận được ra màu gì nữa. Nhất Linh lười mặc lẫn lười ăn, lười uống... thuốc; trái lại, anh rất chăm làm việc, nhất là chăm đọc, chăm viết. Chẳng thế mà chỉ trong có ba tháng trời, trong khi anh lần trốn, mà anh còn viết, viết một mạch xong ba cuốn *Dòng sông Thanh Thủy*, rồi lại vẽ, lại sửa bản thảo trước khi đưa in...

Cho hay, khi đời sống nội tâm của con người ta dồi dào, phong phú thì tất cả những gì thuộc về ngoại vật, đều không đáng kể. Đó là trường hợp của Nhất Linh.

Như trên vừa nói, Nhất Linh lại thăm tôi vào buổi sáng hôm 7-7-1963. Anh giơ tay bắt tôi. Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Tôi đợi anh ngồi xuống ghế mới cất tiếng hỏi thăm về sức khoẻ của anh. Anh khẽ gật đầu, và hai mắt chớp chớp như mọi bạn.

Tôi ngập ngừng đề cập tới việc hôm sau anh ra toà thì anh lạnh lùng nói:

"Ông Diệm đã bảo xếp việc này đi rồi không hiểu tại sao lại còn moi ra."

Tôi nói để cho anh yên lòng:

"Chắc chỉ để khủng bố tinh thần các anh mà thôi."

Rồi tôi nói một câu tiếng Pháp: "Leurs jours sont comptés" (Ngày tàn của chúng cũng đến nơi rồi).

Vợ tôi đứng gần đấy hỏi anh:

"Mai ra tòa anh sẽ khai ra sao?"

"Chị cứ yên trí, anh đáp, tôi sẽ không nói gì hết, y như ông giáo sư ở trong phim *Jugement à Nuremberg* khi ra tòa ấy."

"Không sao đâu, chiều mai chúng tôi sẽ xuống thăm anh."

"Anh chị lại không gặp tôi đâu."

Thú thật, khi nghe Nhất Linh nói câu đó, với một giọng bình thản vô cùng, tôi chỉ có thể đoán được rằng, có lẽ hơn ai hết, anh biết rõ tội trạng (!) của anh, yên trí sau phiên tòa anh sẽ bị kết án, chứ tôi không ngờ rằng anh nói với ẩn ý là anh sẽ quyên sinh, không chịu để cho tòa xử.

Đang lúc tôi còn phân vân không biết nói gì với anh thì vợ tôi nói:

"Dẫu có thế nào thì chúng tôi vẫn luôn nhớ tới anh, vẫn coi anh như người anh cả."

Câu chuyện giữa anh và vợ chồng tôi, đáng lẽ còn kéo dài, nhưng thấy tôi có khách, anh vội đứng lên và nói rất nhỏ nhẹ:

"Tôi đến để từ biệt anh chị."

Khi ấy vào khoảng 11 giờ. Chúng tôi tiễn anh ra cửa, và hai chúng tôi còn đứng trên vỉa hè để đợi tắc-xi trên 10 phút, lặng lẽ cầm tay nhau, không ai nói với ai một câu, mỗi người có một ý nghĩ riêng, mỗi người có một mối buồn cảnh cánh bên lòng. Nhưng thú thật là khi ấy, tuyệt nhiên trên nét mặt của Nhất Linh, tôi không hề nhận thấy một dấu hiệu nhỏ nào cho biết chỉ trong vài tiếng đồng hồ nữa, anh sẽ xa lánh cõi trần, xa tất cả mọi người thân yêu của anh để đi vào lịch sử.

Tôi có thể nói tôi là người bạn cuối cùng mà anh đã hạ cố lại thăm trước khi mất.

Ngay buổi chiều hôm ấy – vào khoảng 5 giờ – chúng tôi, có lẽ do linh tính thì phải, dang bàn nhau xuống An Đông thăm anh, bỗng có anh bạn của Nhất Linh và của tôi, anh K. xồng xộc chạy vào, với nét mặt hốt hải. Tôi đoán là có việc chẳng lành đã xảy ra cho anh Tam. Quả nhiên, anh bạn đó tới để báo tin anh Nhất Linh đã quyên sinh và hiện đang mê man, anh yêu cầu tôi xuống gấp.

Mười phút sau thì chúng tôi tới An Đông. Gặp chị Nhất Linh ở dưới nhà, tôi không kịp chào hỏi, cứ cắm đầu chạy thẳng lên thang.

Thoáng nhìn nét mặt và nghe hơi thở của anh, rồi bắt mạch, tôi biết ngay là anh đã quyên sinh với thuốc ngủ, mặc dầu lục lọi chung quanh chỗ anh nằm không tìm thấy một viên hay một ống thuốc nào. Khi người ta đã cố tình tự vẫn thì không khi nào để lại một vết tích gì và không chết bằng cách này thì cũng chết bằng cách khác, đó là cảm nghĩ của tôi khi đứng trước Nhất Linh.

Tuy nhiên tôi vẫn phải làm phận sự của người thầy thuốc, vẫn phải chích cho anh một mũi thuốc hồi sinh, rồi cấp giấy giới thiệu với Bệnh viện Grall để anh được vào nằm điều trị.

15 phút sau tôi cũng tới bệnh viện, vừa lúc bác sĩ thường trực đến. Chúng tôi thảo luận với nhau một hồi về bệnh tình, có vẻ trầm trọng của bạn tôi.

Đồng nghiệp của tôi lắc đầu thất vọng, và nói: “C'est foutu!”.

Ông ta toan cho đưa anh xuống “Nhà xác”, nhưng thấy tôi khẩn khoản quá ông đành ưng thuận cho lên nằm trên phòng bệnh để “còn nước còn tát”.

Mặc dầu có bao sự tận tâm săn sóc, Nhất Linh cũng trút hơi thở cuối cùng trong đêm hôm đó. Anh đã được toại nguyện, đã được chết ngày 7-7-1963 là ngày “song thất” của kẻ đã phản dân hại nước.

Trong suốt thời gian nằm trong bệnh viện, anh vẫn mê man không lúc nào tỉnh cả.

Tâm trạng của tôi, vừa là bạn, vừa là thầy thuốc của anh, tối hôm đó, thật rối bời bời, và vô cùng phức tạp. Một mặt, tôi cầu chúc cho anh được tai qua nạn khỏi, mặt khác, lại lo ngại, lo ngại lỡ ra anh sống, biết đâu mình chớ đắc tội với anh vì đã làm trái với chí nguyện của anh chỉ mong được chết để chống lại những kẻ “chà đạp lên mọi thứ tự do”.

Nào chỉ có những ý nghĩ vẩn vơ ấy mà thôi! Trong khi anh mê man, nằm thoi thóp trên giường bệnh, chúng tôi – mấy con anh Nhất Linh và một anh bạn – bàn tính với nhau để giấu tờ di chúc chính trị do chính tay Nhất Linh viết làm hai bản, rồi trao cho phóng viên của hai tờ tuần báo *Time* và *Newsweek*, theo lời trối trăng của anh.

Tôi còn nhớ mãi cuộc thảo luận tối hôm đó ở ngoài hành lang bệnh viện, đối diện với gian buồng bệnh của anh, chung quanh bản di chúc quan trọng đó. Chúng tôi nhất định không để lọt mảnh giấy học trò kia vào tay nhà chức trách. Tôi căn dặn mọi người là nếu họ có hỏi tra thì chỉ đưa ra hai tờ di chúc: một gửi cho bạn bè thân thuộc, và một gửi cho chị Nhất Linh.

Trong tờ di chúc thứ nhất vắn vắn có mỗi một dòng:

Vĩnh biệt tất cả mọi người thân yêu.

Tờ di chúc thứ hai, gửi cho chị Nhất Linh, cũng chỉ vắn tắt hai dòng:

Minh,

Mối tình của đôi ta đẹp để lắm rồi. Minh không còn mong muốn gì hơn nữa.

Ở đây tôi thấy cần ghi là chính bà Nhất Linh cũng không rõ nội dung của tờ di chúc chồng gửi cho mình, vì sau khi được tin Nhất Linh từ trần, nhà chức trách đã tịch thu hết các giấy tờ – trừ bản di chúc chính trị nói trên – và không chịu trả cho thân nhân anh. Cho đến mãi hai tháng sau ngày đảo chính 1-11-1963 mới đòi lại được.

Cũng trong cái đêm lịch sử ấy, chúng tôi bàn nhau để loan tin Nhất Linh tự vẫn cho các bạn đồng chí của anh, hôm sau phải ra toà, ngõ hầu gây một xúc động lớn tại toà án.

Quả nhiên sáng hôm sau 8-7-1963, tin Nhất Linh tự huỷ mình để chống lại chính quyền lan đi rất mau khác nào một vết thuốc súng, khiến cho dư luận các giới, nhất là giới trí thức, sinh viên, xông xáo, bàn tán, và ngay cả chính quyền cũng phải sửng sốt hoang mang.

Bản án của Nhất Linh đương nhiên bị huỷ bỏ, còn đối với các chính trị phạm sắp bị xử, toà có một thái độ bất ngờ. Đáng khen, theo lời tường thuật của một ông bạn tôi cũng bị đưa ra xử hôm đó, là cử chỉ can đảm của ông Phan Khắc Sửu, đã đứng ra xin toà cho một phút để mặc niệm Nhất Linh. Dĩ nhiên là toà không cho phép, nhưng không vì thế mà không có phút mặc niệm kia.

Chả bù cho thái độ trái ngược hẳn của một chính khách, thường được nhiều người coi như một nhà cách mạng, khi nghe thấy một số đồng phạm nhân đề nghị đeo băng đen để tang Nhất Linh, bèn từ chối đầy đặn và thốt lên câu nói bất hủ này:

“Thôi mà, bày vẽ để tang làm gì họ lại phết thêm cho vài năm tù nữa chả bỏ.”

Nghĩ mà buồn và thương hại thay cho những hạng người thường vô ngược là đồng chí của Nhất Linh.

Cái chết của Nhất Linh đã gây nhiều bối rối cho chính quyền Ngô Đình Diệm, nhất là cho vợ chồng Ngô Đình Nhu, lồng lộn lên như con thú dữ. Chúng sợ người sống đã đành, chúng sợ và thù ghét cả người chết nữa, những người chết công kênh (les morts encombrants) như chúng tôi nói.

Trước kia chúng sợ cái chết của Thượng toạ Thích Quảng Đức, ngày nay chúng sợ cái chết của Nhất Linh, không những vì Nhất Linh là một chiến sĩ cách mạng quốc gia có rất nhiều uy tín ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, mà lại còn là một văn hào có tên tuổi, được giới thanh niên, trí thức mến chuộng.

Tôi dám nói, không sợ nói ngoa, là từ lúc Nhất Linh nằm xuống cho tới khi đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng ở Nghĩa trang Gò Vấp, chính quyền Ngô Đình Diệm đã mất ăn mất ngủ, và tìm mọi cách để phá.

Bằng có là ngay sau khi anh mất, họ ra lệnh làm một cuộc phẫu nghiệm tử thi (autopsie), mặc dầu không có sự ưng thuận của gia đình.

Tất cả là 12 người có mặt trong buổi phẫu nghiệm ngay hôm 9-7-1963, tại nhà xác của Bệnh viện Grall: 7 bác sĩ, trong đó có một bác sĩ giải phẫu ngoại kiều của Grall, hai nhân viên Sở Giáo nghiệm, một viên phó cảnh sát, hai biện lý và phó biện lý của Toà án Sài Gòn.

Dưới đây là kết luận của bản phúc trình pháp y về cuộc phẫu nghiệm đó:

“Với những phương pháp khám nghiệm thông thường tại chỗ, không thấy thi hài có triệu chứng nào có thể giải thích cái chết mau chóng của Nguyễn Tường Tam, cần chờ xem kết quả việc tìm kiếm do các phòng và viện giáo nghiệm”.

Nào chỉ có phẫu nghiệm tử thi mà thôi! Theo lời của một người trong gia đình anh, có lần chúng

toan cướp cả xác của anh, định đem ra khỏi Grall, nhưng ban giám đốc bệnh viện không chịu.

Riêng về phần tôi, cũng vào buổi sáng hôm thứ ba 9-7-1963, chính quyền cử một nhân viên công lực tới nhà để hỏi tôi những chi tiết về cái chết của Nguyễn Tường Tam, trong trường hợp nào tôi quen anh v.v...

Sau đó ít lâu, lại một nhân viên khác của Sở Giáo nghiệm tới tìm tôi ở Viện Pasteur để hỏi xem có biết ông Nguyễn Tường Tam đã dùng thuốc gì để quyền sinh không.

Tôi không trả lời thẳng câu hỏi của người ấy mà chỉ cho biết là ông Tam, hồi trẻ, đậu cử nhân khoa học, và như vậy, ông thông thạo hơn ai hết về các chất hoá học. Huống hồ, ông lại còn là một nhà văn, và từng đọc rất nhiều truyện trinh thám (mỗi lần Nhất Linh đi qua đại lộ Lê Lợi là anh khuôn hàng chục cuốn sách trinh thám, và anh đọc ngấu ngiến trong một đêm là hết), nhất là đã từng viết trong tác phẩm cuối cùng là *Dòng sông Thanh Thủy*, cả một chương về một vụ đầu độc. Như thế thì tôi, mặc dù là thầy thuốc, làm sao mà biết được ông đã dùng thuốc gì để quyền sinh?

Sự thật là như thế!

Sau này, theo bản phúc trình của một phòng thí nghiệm công gửi cho Toà án Sài Gòn, tôi mới rõ là người ta đã tìm thấy ở trong máu, trong bao tử, và trong nước tiểu rất nhiều chất thuốc ngủ, loại *véronal*.

Nhất Linh đã mua và tích trữ thuốc này từ bao giờ, ngay đến những người thân thích của anh cũng không hay biết.

Nhưng gay go nhất là việc định ngày để cất đám Nhất Linh.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ bảy vậy.

Lại còn một điều này nữa khiến cho chị Nhất Linh băn khoăn rất nhiều là việc làm lễ cầu siêu cho anh ở chùa Xá Lợi.

Kể bàn ra người tán vào, phần đông không muốn làm lễ ở Xá Lợi, vì đạo ấy như mọi người đều rõ, chùa Xá Lợi dưới con mắt của chính quyền Ngô Đình Diệm, khác nào một cái gai trước mắt họ, là nơi công khai chống lại họ thì làm lễ tại đó, tức là khiêu khích họ.

Tôi còn nhớ mãi nét mặt rầu rầu của chị Nhất Linh buổi trưa hôm thứ tư 10-7-1963 đó, và vì thấy chị buồn thảm quá nên tôi đã không ngần ngại đứng về phe chị để yêu cầu cho bằng được nhà chức trách cho phép làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi. Tôi bảo với chị:

"Nếu họ từ chối thì chị cứ viện lý do tôn giáo ra họ phải chịu. Quả nhiên Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn – sau khi xin chỉ thị của phủ Tổng thống – bằng lòng cho làm lễ cầu siêu tại chùa Xá Lợi."

Nhưng chúng ta còn lạ gì chính quyền Ngô Đình Diệm, luôn luôn có thái độ ngoan cố, tuy rằng

cho phép đấ nhưng cho phép miễn cưỡng, cho phép để che mắt thế gian, để tỏ ra mình dân chủ, tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng kỳ thực vẫn tìm đủ mọi cách để ngăn cản.

Tôi tuy là người ngoại quốc, nhưng trong việc này tôi đã có đủ bằng chứng về những cuộc vận động hoặc áp lực của chính quyền để cho buổi lễ cầu siêu kia không thể thực hiện theo yêu mến của gia đình Nhất Linh được.

Tôi còn nhớ buổi chiều hôm thứ sáu 12-7-1963, hai vợ chồng tôi sắp sửa vào Grall để dự lễ khâm liệm cho anh bỗng có ba nhân viên công lực quận Ba, nhân danh ông Đô trưởng và ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ đến tìm tôi để yêu cầu tôi can thiệp với bà Nhất Linh đừng làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi.

Tôi trả lời họ rằng tôi không có tư cách gì cả để can thiệp, vì đối với gia đình ông Nhất Linh, tôi chỉ là bạn mà thôi. Nhưng mấy người đó cho biết là bà Nhất Linh "chỉ nghe lời bác sĩ, và bác sĩ chỉ nói cho một tiếng là được".

Tôi đánh trống lảng và lại còn nửa đùa nửa thật bảo họ:

"Thì các ông cứ việc ra lệnh cấm cho rồi hà tất phải cho phép."

"Chính phủ đâu có cấm tự do tín ngưỡng."

Những điều dự đoán của tôi thật quả không sai.

"Tôi không hiểu tại sao các ông lại không muốn cho tang quyền làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi? Gia đình ông Tam, theo chỗ tôi biết, vốn theo đạo Phật từ lâu, bà cụ thân sinh ông ta, xưa kia vẫn là một vị tu hành, và sau khi mất đi vấn đề thờ tại đấy thì nay đến lượt ông Tam, làm lễ cầu siêu ở Xá Lợi tôi nghĩ đó là một việc rất thường vậy."

"Chúng tôi được tin mật cho biết Việt cộng định khủng bố, nên có bồn phận phải giữ gìn an ninh trật tự."

Họ đã viện ra lý do đó thì còn biết nói năng gì nữa? Để chấm dứt tôi hứa sẽ can thiệp với bà Nhất Linh, nhưng được hay không, tôi không dám chắc.

Khi vợ chồng tôi tới Grall thì lễ nhập quan đã cử hành xong rồi, chúng tôi rất tiếc và ân hận vô cùng.

Tại Grall, tôi lại được chứng kiến một vụ can thiệp nữa không ngoài mục đích trên.

Trong hai vị sứ giả của Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn cử đi để điều đình, có một bạn đồng nghiệp của tôi. Có lẽ vì là chỗ bạn đồng nghiệp mà mặc dầu chưa được quen biết nên tôi mới hỏi ông ta bằng một câu tiếng Pháp:

"Pourquoi vous faites ce métier?" (Tại sao ông đi làm cái nghề này?)

Bạn đồng nghiệp của tôi hơi bẽn lễn đáp:

"Thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, biết sao?"

Nghĩ tới những con người trí thức mà phải vì cơm áo sống dưới chế độ của nhà Ngô cũng

thương hại thật.

Tôi cho ông ta hay chị Nhất Linh bởi quá thương chồng, nên đã mấy phen ngắt xỉu, và nếu ông cứ trở lại vấn đề đó nữa, bà ta có mệnh hệ nào thì ông sẽ phải chịu trách nhiệm.

Chị Nhất Linh nghe nói thế càng được thể khóc to hơn, và ông bác sĩ nọ – nói cho đúng ra cũng là người biết điều, và nhất là có nhiều cảm tình đối với Nhất Linh – đành phải rút lui, sau khi đã ngỏ lời xin lỗi tang quyến.

Ở Grall về – vào khoảng 10 giờ khuya – tôi đã thấy 2 nhân viên khác của Toà Đô sảnh và quận Nhất, trong đó có một bạn đồng nghiệp (lại một bạn đồng nghiệp), đang đợi tôi ở trước cửa nhà. Họ tìm tôi cũng không ngoài mục đích nhờ tôi can thiệp bà Nhất Linh về buổi lễ cầu siêu, “muốn làm ở đâu cũng được, miễn đừng làm ở chùa Xá Lợi”, nghe vẫn với một luận điệu như trên tôi trả lời tôi không có thẩm quyền để định đoạt. Cùng lắm là tôi sẽ yêu cầu với tang gia rút ngắn thời gian hành lễ ở chùa Xá Lợi mà thôi.

Hồi 11 giờ đêm tôi trở lại Grall thì gặp một tổp khác. Và lần này thì họ doạ nạt chứ không van lơn nữa.

"Chúng tôi vừa được tin Việt cộng sẽ khùng bố đám tang Nhất Linh, vậy tốt hơn hết là thay đổi lộ trình."

Rồi như để phân trần với mọi người, họ nói:

"Chúng tôi xin nói là Việt cộng định khùng bố chứ không phải là chính quyền đâu."

Có người trong tang quyến cất tiếng hỏi:

"Nếu là Việt cộng thì ở đâu mà chúng không khùng bố được, hà tất cứ phải ở chùa Xá Lợi?"

Cuộc vận động của mấy tai sai Nhu – Diệm, mặc dầu kéo dài gần tới ba giờ sáng, đã hoàn toàn thất bại.

Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cửu của anh Nhất Linh quàn tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe doạ dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Đã đến lúc chính quyền Ngô Đình Diệm bỏ rơi mặt nạ! Nhưng mặc dầu có rất nhiều công an, mật vụ ở chung quanh đám táng, chúng cũng không dám nỡ tang quyến treo ngay trên tường của căn nhà xác, và sau này đặt trên nóc xe tang, bức trướng thật to, viết chữ trắng trên nền đen, do các đồng chí của Nhất Linh kính điệu.

Nguyên văn bức trướng đó như sau:

*Kính điệu lãnh tụ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam
Thương thay đối lập quốc gia*

*Mất cả tự do trong mấy lúc
Đối với thiêu thân Quảng Đức
Noi gương cảnh cáo giữa nghìn thu.*

*Các anh em đồng chí
7-7-1963*

Thật chẳng khác nào một ròi vọt vào mặt chính quyền vậy.

Công an và mật vụ của Nhu – Diệm nhiều thật đấy, nhưng chúng đâu có ngăn nổi các anh em sinh viên khiêng linh cữu Nhất Linh, từ nhà xác ra tận xe tang. Mấy bạn đó vừa khiêng vừa sụt sùi khóc, khiến mọi người đứng gần đấy cũng mũi lòng rơi lệ theo. Có người khóc Nhất Linh để thương tiếc một chiến sĩ quốc gia chống cộng, suốt đời tranh đấu cho tự do, dân chủ thể mà lại bị những kẻ đội lốt quốc gia bức tử. Hoặc khóc một văn hào đã có công lớn trong nền văn học nước nhà mà đến khi nằm xuống không được chính quyền ngỏ một lời phân ưu. Hoặc khóc một con người tài hoa, mặc dầu sống trong thử thách mà vẫn giữ một tâm hồn nghệ sĩ, và còn giữ cho đến khi nhắm mắt.

Thật thế! Không có một tâm hồn nghệ sĩ như Nhất Linh mà trước khi từ giã cõi đời, đôi mắt mỗi lúc một mờ dần, còn nói được một câu: *“Bầu trời hôm nay đẹp quá nhỉ!”* thì thiết tưởng, trong thiên hạ ít có người nghệ sĩ như anh.

.....

Đoàn xe tang đi qua các đường Mạc Đĩnh Chi, Phan Đình Phùng, Bà Huyện Thanh Quan, để rồi ghé lại chùa Xá Lợi vào hồi 10 giờ 45.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng âm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thưa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám táng để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đối trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh.

Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.

Tại chùa Xá Lợi, ngoài một số đông đồng bào đã túc trực từ sáng sớm – trong đó dĩ nhiên có cả công an, mật vụ của Nhu – Diệm – còn có khoảng 200 tăng ni có mặt để cầu siêu cho Nhất Linh.

Giữa cảnh khói hương nghi ngút, chùa Xá Lợi cất lên ba hồi chuông trống, rồi thì những tiếng tụng niệm vang lên. Trong khi ấy, ở trước cửa chùa có nhiều thanh niên, sinh viên phát băng tang cho mọi người, kể cả người của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Lễ cầu siêu cử hành không đầy 15 phút như đã ấn định từ trước, rồi đoàn xe tang từ từ chuyển bánh, theo sau có 3 chiếc xe đồ lớn chở những người đi tiễn đưa.

Đoàn xe tiến về đường Phan Thanh Giản, rẽ sang đường Hai Bà Trưng rồi chạy về Gò Vấp. Có hàng trăm chiếc xe, xe đạp lẫn xe gắn máy, trên mỗi xe có hai người, phần đông là thanh niên, học sinh, sinh viên, có cả ký giả ngoại quốc nữa, băng băng đi theo sau, hoặc đi trước, hoặc ở hai bên xe tang. Ngay cả trên nóc xe hơi cũng có người nữa. Hàng phố, từ đường Hai Bà

Trung trở đi, đổ xô ra xem. Một điều đáng ghi nhận là từ chùa Xá Lợi trở đi, không có một ngã tư nào là không có nhân viên công lực đứng, không phải để giữ an ninh trật tự, mà trái lại, để cố tình cắt quãng đoàn xe tang, làm sao cho số người tham dự dừng đông đảo.

Và khi tới nghĩa trang Gò Vấp, liếc nhìn chung quanh, ai nấy đều có một cảm giác nặng nề, ghê rợn, dường như bao phủ bởi một bầu sát khí đằng đẵng: chỗ này một tốp người vận quân phục, chỗ kia một tốp, với súng trường, súng lục, tiểu liên, lựu đạn... Tôi tự hỏi, chẳng hay họ chuẩn bị như vậy để bảo vệ ai, hoặc để giết ai ở một nơi hoang vu, tĩnh mịch và tôn nghiêm này?

Họ đề phòng Việt cộng khủng bố chắc? Phải ngây thơ lắm mới tin được, mặc dầu trong khi hạ huyết người ta đã phao tin bắt được quả tang một gã – phu xe xích lô – trong người dắt một trái lựu đạn.

Còn một điểm này nữa thiết tưởng cũng cần ghi lại, là trên con đường về, trời nắng chang chang và xa tấp có một số người đi đưa đám – trong đó có kẻ viết bài này và một ông bạn già, ký giả Nguyễn Đắc Lộc – được một phen cuốc bộ, vì gặp chiếc xe nào, tắc-xi hay xe gắn máy, tài xế cũng lắc đầu lia lịa, rồi mắt trước mắt sau, như muốn bảo cho mọi người hiểu: đã có lệnh trên, cấm chở những ai đi dự đám táng của Nguyễn Tường Tam.

Người ta bảo Nhất Linh đã chết. Riêng tôi, đứng trước cái chết cao cả của anh, chết để cảnh cáo những người “chà đạp lên mọi thứ tự do”, chết để chống lại bạo quyền, chết với niềm hy vọng sự hy sinh của mình sẽ đem lại tự do cho người khác, như vậy là anh đã biết chết, đã chết thật đúng lúc, mặc dầu anh không biết sống, nghĩa là theo tôi, sống như thiên hạ, một cách tầm thường, hoặc sống cũng như chết, rồi khi đứng trước cái chết thì sợ sệt, hoặc chết nhưng chết một cách nhục nhã thâm thương.

Ở trên tôi vừa nói đời sống nội tâm, đời sống tinh thần của Nhất Linh rất phong phú.

Nhất Linh thường tâm sự với tôi: Ở đời anh ghét nhất là sự giả dối, lừa lọc, xảo trá và phản bội. Và suốt đời anh không có một chiếc xe hơi.

Nhất Linh trong sạch. Điều đó ai cũng trông thấy rõ. Ở thời buổi này, muốn xét người nào trong sạch, yêu nước thương nòi hoặc quốc gia hay không, phải chờ cho người ấy vào trong chính quyền đã, rồi nhìn nếp sống của họ sau khi rũ áo ra về. Hoặc chờ cho người đó nằm xuống, hình hài thể xác trở về nơi cát bụi hãy hay.

Nhất Linh đã tham chính và Nhất Linh nay đã ra người thiên cổ. Bởi vậy tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng anh là một người thiết tha yêu nước, đang đứng ngang hàng với những anh hùng dân tộc của chúng ta, như Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Nguyễn Thái Học v.v.... Anh cũng là một người trong sạch hiếm có. Anh không có xe hơi, nhà lầu, nhưng nói cho đúng ra, anh có một căn nhà gỗ thô sơ – có lẽ bây giờ đã hoang phế – do chính tay anh cất lầy, ở bên bờ suối Đa-mê, cách Đà Lạt 30 cây số, trong một khu rừng hẻo lánh, có nhiều cây cỏ, nhất là nhiều lan để anh ngắm và tìm cảm hứng để viết văn. Phí tổn để xây cất căn nhà đó cả thảy là 20 đồng bạc, tiền mua danh.

Tôi vừa nói ở trên là Nhất Linh sống rất giản dị, từ cái ăn đến cái mặc. Tôi còn nhớ trong những năm 60-61, sau ngày đảo chính hụt và oanh tạc Dinh Độc Lập, tôi lại thăm anh vào bữa ăn, tôi thấy anh chỉ ăn có lạng chén cơm với hai miếng đậu kho, có lần một đĩa nouille, anh và trong ba phút là xong, rồi anh lên giường ngủ.

Trái lại, mỗi khi được tin có một biến chuyển nào đó, có thể làm thay đổi cục diện, chấm dứt chế độ bạo tàn thì đôi mắt anh sáng quắc lên, bao nhiêu bệnh não của anh – mà chúng tôi thường bảo là *bệnh giá-cách* – đều tiêu tan hết, và khi ấy anh cười nói rất vui, ăn uống ngon lành lắm.

Nhất Linh không những là một chiến sĩ quốc gia, anh còn là một văn hào lỗi lạc nữa. Về điểm này, các văn hữu của anh có nhiều thẩm quyền hơn tôi đã phán xét. Riêng về phần tôi ở đây chỉ muốn ôn lại một vài kỷ niệm nhỏ giữa Nhất Linh và tôi trên lĩnh vực văn hoá.

Trước hết tôi cần nói là không có một lĩnh vực nào mà anh không thành công, và thành công rực rỡ nếu như anh muốn, dù là làm chính trị, hay viết văn, hay vẽ, hay chơi âm nhạc, hay chơi lan, hay làm báo... Anh chuyên về thứ nào thì anh say mê thứ đó, đến quên ăn quên ngủ.

Không những chỉ say mê mà thôi, anh dốc hết cả tâm trí vào việc anh làm, và anh làm rất chu đáo. Khi anh viết được một trang nào hay, hoặc tìm ra được một chữ nào, và chỉ có chữ ấy là đúng thôi, anh thích thú vô cùng, anh sung sướng hơn bất được một báu vật. Có lần anh bảo tôi: “Khi tôi dịch cuốn *Les Hauts de Hurle Vent*, tôi tìm mãi mấy ngày mấy đêm mới ra câu: *Đình gió hú*”.

Tôi còn nhớ bạn tôi dịch một truyện trinh thám của Conan Doyle, nhan đề: *La bande mouchetée* (tức con rắn), tôi tìm mãi không biết dịch là gì. Anh nghĩ một lúc rồi bảo: *Chiếc giải đốm hoa*. Tôi cho câu dịch đó thật tài tình.

Khi anh viết cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* (hồi đó anh lẩn trốn ở đường Trần Hưng Đạo) anh biên giấy nhờ một anh bạn của chúng tôi chuyển lại cho tôi để hỏi có mỗi một câu về một danh từ y học, đủ rõ anh thận trọng như thế nào trước khi hạ bút.

Đáng phục nhất là trong suốt thời gian anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lùng bắt, anh phải lẩn trốn hết nơi này đến nơi khác, lấy ngày làm đêm, đêm làm ngày mà anh vẫn còn có can đảm để viết văn, để phác họa ra cả một chương trình: xuất bản sách để các bạn trẻ đọc, để giáo dục quần chúng, để phổ biến tất cả những gì cao đẹp của loài người, của vũ trụ. Bởi theo anh, “đã đến lúc loài người phải gỡ sổ soát lại vốn tư tưởng quá khứ để định hướng đi tương lai, tìm chân lý là kim chỉ nam cho người đời giữa biển sóng gió”.

Hiện giờ, khi viết mấy dòng này, trước mặt tôi còn có một xấp thư – những mảnh giấy học trò – của Nhất Linh gửi cho tôi hỏi anh đang bị chính quyền lùng bắt, chữ viết nhỏ li ti, yêu cầu tôi cho anh những tài liệu cần thiết về: danh nhân thế giới, tình sử đồng tây, kỳ quan vũ trụ, giáo dục phổ thông, chính trị, khoa học v.v...

Những loại sách bỏ túi – 27 loại cả thầy – đó, anh định bán với một giá rất rẻ, và in đẹp, nhằm mục đích nâng cao đời sống tinh thần của mọi tầng lớp người trong xã hội, vì anh cho rằng “văn làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống”.

Thật là cả một chương trình vĩ đại, đáng khen mặc dầu chưa thực hiện được, chứng tỏ sự nhiệt tâm của Nhất Linh trước tiền đồ của dân tộc, trước trạng huống phức tạp và đảo lộn của xã hội ngày nay.

Trên đây là một vài nét về nếp sống cùng những hoạt động của Nhất Linh trên địa hạt chính trị xã hội văn hoá, đủ khiến cho ai nấy phải ngậm ngùi trước sự hy sinh cao cả của anh.

Nhưng điều khiến cho một số bạn thân của Nhất Linh tiếc thương anh hơn cả là tính tình hồn

hậu và thủy chung của anh đối với bạn, nhất là trong những lúc khó khăn, hoạn nạn.

Tôi còn nhớ Tết năm Tân Sửu, vào sáng hôm mồng hai, và trong khi anh lẩn trốn, xa gia đình thân yêu, mà anh còn ngồi vẽ một bức tranh – bó hoa oeillet – để tặng tôi, với hai câu thơ, câu đầu là:

“Tặng ai mười đoá hoa xuân”

khiến tôi cảm động vô cùng. Tôi dám chắc, đối với một số đồng bạn thân của anh, anh cũng có những cử chỉ tế nhị và đẹp như thế. Lại còn một điểm nữa khiến cho tôi quý Nhất Linh, là cách cư xử của anh đối với mẹ già và gia đình nhỏ của anh.

Tôi còn nhớ hồi sinh thời của bà cụ thân sinh ra anh, thường gọi là “Cụ Cẩm Giàng”, mỗi lần tôi lại thăm bệnh cho cụ, cụ móc túi ra cho tôi xem một mẫu giấy nhỏ – nhỏ vừa bằng lòng bàn tay – trên có ghi mấy dòng chữ Nhất Linh gửi cho mẹ, báo tin cho cụ biết cuốn tiểu thuyết này hay tiểu thuyết nọ đã xuất bản rồi, để cho cụ mừng.

Cảm động nhất là hôm cụ đưa cho tôi xem cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* khi vừa mới in xong anh gửi tặng cụ, cụ mệt không đọc được, nhưng lúc nào cụ cũng khư khư ôm trong lòng, không muốn rời ra.

Nhất Linh thường nói với tôi:

“Gia đình tôi đông anh em, nhưng mẹ tôi chỉ thương và nể có tôi thôi. Tôi bảo gì mẹ tôi cũng nghe, nhưng... trăm tội ở đâu cũng đều đổ cả lên đầu tôi, chỉ có tôi là bị rầy la nhiều nhất.”

Hôm cụ mất anh bị mệt và... cũng đang bị chính quyền để ý nên không đưa cụ tới nơi an nghỉ cuối cùng được, anh rất đổi khổ tâm.

Nhất Linh có một đời sống đẹp như vậy, thế mà sau khi anh mất đi có kẻ dám công khai bôi nhọ anh, nào bảo anh “hút thuốc phiện, nghiện rượu, không có chút công lao gì đối với nền văn học Việt Nam”, nào “phản đảng, phản dân tộc, phản cả gia đình nữa”...¹ thì đủ rõ giữa Nhất Linh và đối lập đương nắm chính quyền của anh, ai là quân tử, ai là tiểu nhân?

Thật thế! Nhất Linh, ngay cả đối với kẻ thù, lúc nào cũng đàng hoàng, quân tử. Mỗi khi nói tới Hồ Chí Minh hay Ngô Đình Diệm, hay vợ chồng Ngô Đình Nhu, tôi chưa từng nghe thấy anh có một lời nói nặng, một câu nào bất lịch sự cả. Cái chết của Nhất Linh không những là một thiệt thòi rất lớn cho quốc gia, nhất là trong giai đoạn này, đã mất một chiến sĩ vừa có tài lại có đức, vừa là một cái tang chung cho nền văn học nước nhà, lại còn gieo vào trong lòng của các bạn hữu cũng như gia đình đầm ấm của anh, biết bao niềm thương xót khôn nguôi với thời gian được.

Riêng về phần tôi, mỗi bận nhớ tới anh rồi nhìn chung quanh mình chỉ thấy toàn những kẻ tranh giành nhau trên con đường danh lợi, những kẻ lừa thầy phản bạn, tôi cảm thấy có một khoảng trống mông mênh, kinh khủng. Và tôi chợt nhớ câu thơ bất hủ của thi hào Lamartine, tôi xin mượn câu thơ đó để nói lên nỗi lòng của tôi đối với Nhất Linh:

“Thiếu mỗi một người và tất cả đều là hoang vắng”.
(Un seul être vous manque et tout est dépeuplé).

Tưởng niệm Nhất Linh
7.7.1963 – 7.7.2008
Nguyễn Tường Tâm

*Than ôi! Đời chính trị lòng hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi;
Việc văn chương một tắc để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.
(Trích bài truy điệu Nhất Linh của thi sĩ Vũ Hoàng Chương ^[1])*



Các phóng viên quốc tế chen lấn trong đám đông đưa tiễn Nhất Linh. Trước giờ hạ huyệt, nhà văn Nhật Tiến, thuộc thành phần văn nghệ sĩ trí thức trẻ, Linh mục Thanh Lăng, đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam, và Bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, đại diện chính giới đã đọc những bài điệu văn tiễn biệt văn hào Nhất Linh với những lời lẽ bi ai, thống thiết, đầy thương cảm, nhưng cũng thật hào hùng.

Đám tang văn hào Nhất Linh diễn ra tại Sài Gòn vào sáng thứ Bảy, ngày 13.7.1963 và lễ truy điệu ông diễn ra bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, tại sân vận động Tao Đàn Sài Gòn.

Những bức ảnh trong bài này được chụp bởi nhiếp ảnh gia nổi tiếng Mạnh Đan và cũng là những bức ảnh trải qua những năm tháng trôi nổi như cuộc đời của ông Nhất Linh. Sau 30.4.1975, để thoát khỏi chính sách của nhà nước truy lùng tiêu hủy sách báo và văn hoá phẩm miền Nam, người con dâu của ông Nhất Linh đã phải chôn giấu bộ ảnh dưới làng quê Thủ Đức của bà. Sau đó bà đã cẩn thận lén photocopy làm nhiều bản để trao cho nhiều thân nhân, bạn bè cùng cất giữ. Riêng trường hợp của tôi, gần mười năm sau, khi đi tù cải tạo xã hội chủ nghĩa trở về, đã được bà trao một bộ copy. Năm năm sau, 1989, tôi đào thoát trong một cuộc vượt biên duy nhất cùng gia đình mà thành công tại Đông Hà, Quảng Trị, bộ ảnh bị bỏ lại cùng toàn gia sản. Lúc đó mạng người còn khó bảo trọng nữa là!

Mười lăm năm sau (2004), khi người vượt biên đã được nhà nước đổi danh xưng từ những “tên phản bội tổ quốc” thành những “khúc ruột xa ngàn dặm”, trở về lại nơi đã đào thoát một cách mạo hiểm trước đó, người viết đã phải cảm ơn cô Trần Thị Lan, em vợ, khi cô trao lại những tấm ảnh này kèm theo những lời đáng kính trọng: “Khi anh chị và các cháu ra đi, mọi người chỉ chú ý di chuyển gấp những tài sản còn lại ra khỏi nhà của anh chị để khỏi bị tịch thu cùng với căn nhà, chẳng ai biết và chú ý tới những tấm ảnh này. Nhưng em biết, với anh,

những tấm ảnh này là quý hơn tất cả, nên em cất đi, đợi ngày anh về đưa lại.” Ôi sao chỉ là những tấm ảnh thôi mà cũng phải lao đao lận đận theo vận nước nổi trôi mãi 29 năm trôi!



Vòng hoa kính viếng ông Nhất Linh của các đồng chí Việt Nam Quốc dân Đảng của ông. Dòng chữ phía trên: Nguyễn Thái Học 17-6-1930. Dòng chữ dưới: Nguyễn Tường Tam 7-7-1963.

Ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963, cương quyết phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã uống thuốc độc tử tự tại Sài Gòn.

Ông đã để lại chúc thư nổi tiếng được các hãng thông tấn ngoại quốc truyền đi khắp thế giới, *“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ, xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi phản đối sự đó. Và cũng như Hoà thượng Thích Quảng Đức, tôi tự huỷ mình để phản đối những ai chà đạp lên mọi thứ tự do.”* Nội dung bản chúc thư của ông ngày nay cũng vẫn còn phù hợp với tình hình đất nước.

Mặc dù có sự ngăn cản mạnh mẽ của công an, mật vụ, đám tang Nhất Linh vẫn có cả ngàn thanh niên, sinh viên, học sinh, văn nghệ sĩ, trí thức cùng đồng bào tham dự.

Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, người bạn thân và cũng là bác sĩ riêng của Nhất Linh đã thuật, “Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cữu của anh Nhất Linh nằm tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe dọa dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ Bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ Bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ Bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ Bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ Hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ Bảy vậy.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng ảm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thưa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám táng để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đối trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những

lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh. Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.”^[2]

Bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, các đoàn thể và nhân dân đã tự động làm lễ truy điệu ông Nhất Linh tại sân vận động Tao Đàn (lúc đó chưa có sân vận động Thống Nhất)



Bức ảnh chân dung Nhất Linh là phóng họa từ tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, bạn thân và cũng là đồng chí của ông từ thời Tự lực Văn đoàn.

Sau lưng vị cao tăng là biểu ngữ của học sinh hai trường trung học dạy theo chương trình Pháp nổi tiếng tại Sài Gòn: trường nam sinh Jean Jacques Rousseau (nay là trường Lê Quý Đôn) và trường nữ sinh Marie Curie. “Phải nhiều đời mới có một Nhất Linh thành lập nổi một văn đoàn *Tự lực*, nuôi sống – về tinh thần – được hai tờ *Phong hoá*, *Ngày nay*”. (Nguyễn Mạnh Côn, tác giả cuốn *Đem tâm tình viết lịch sử*).^[4]

© 2008 Talawas

^[1] *Văn số* 156, ngày 15 tháng 6 năm 1970, talawas 9.6. 2008

^[2] *Chân dung Nhất Linh*. Tập hồi ký của Bùi Khánh Đản, Nguyễn Hữu Phiếm, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tường Thiết, Thế Uyên, Tường Hùng và Tuyết Hương. Do tập san *Văn* xuất bản xuất bản ngày 25.6.1966. talawas 5.6.2008.

^[3] Sách đã dẫn.

^[4] Sách đã dẫn

Chuyến tàu trong đêm



Tôi đi vào giấc ngủ chập chờn. Trong giấc mơ có những ánh đèn lồng dài dặc. Rồi một lúc nào đó của giấc mơ những đóm đèn lồng biến thành đàn đom đóm bay la đà chớp tắt trên những ngôi mả thuộc nghĩa trang dòng họ ở Hội An. Nói là giấc mơ thì không hẳn. Phải nói là đêm hôm đó đêm 27 tháng Tư năm 2001 trên chuyến xe lửa đi từ Sài Gòn ra Hội An là hỗn độn của rất nhiều mảnh hồi ức, của những giấc mơ ngắn và cũng là của thực tại. Chúng hòa trộn vào nhau hầu như không tách rời ra được. Bởi ngay cả trong giấc mơ hay những lúc đắm mình trong hồi tưởng tôi luôn

luôn nghe rùng rình tiếng nghiêng bất tận của con tàu trong đêm và cái cảm giác bay trôi như con tàu không di chuyển theo hướng của con đường sắt mà cứ tịnh tiến ngang ngang như xê

dịch của loài cua. Về đêm toa tàu ướp lạnh như một ngăn đá khổng lồ. Cái lạnh khiến tôi nhiều lần thức giấc kéo cái chăn bông lên cầm và qua hành động đó tôi thấy lóe sáng ánh đèn duy nhất còn bật trong căn phòng tối. Dưới ánh đèn đó Jean-François Bernardet miệt mài ngồi viết trong đêm. Rồi hình ảnh Bernardet nhòe lẫn hình ảnh một đêm nào ở Đà Lạt, lạnh lẽo và xa xôi, tôi sực thức giấc nửa đêm mơ màng kéo cái chăn bông lên cầm và qua tấm màn tuyn tôi thấy bóng mờ của bố tôi đang cặm cụi ngồi viết văn trong đêm khuya khoắt dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn chụp.

Tôi tỉnh dậy trong tiếng rung chuyển loảng xoảng của con tàu đi qua một cây cầu sắt. Có tiếng gõ cửa rồi một ánh đèn pin lua vào trong ca-bin tối. Giường bên cạnh Thái Vân bật đèn ở đầu giường. Nàng xòe bàn tay chắn nguồn sáng chiếu thẳng vào mắt. Một người đàn ông cao to đứng chắn ở cửa. Ông ta bận đồng phục xanh đầu đội nón cát-két. Tôi nhận ra ông ta là kiểm soát viên của con tàu Euro-Train. Bằng tiếng Anh ông ta xin lỗi phải đánh thức chúng tôi dậy trong đêm vì con tàu vừa đi vào địa phận của nước Áo và theo luật ông ta buộc phải kiểm soát vé vào lúc này. Thái Vân mở bóp lấy ra hai xấp Euro-Passes mà chúng tôi đã mua từ bên Mỹ. Ông ta xem xét kỹ rồi nói: "Vé của ông bà có hiệu lực trong 4 quốc gia: Pháp, Ý, Thụy Sĩ và Đức. Không có nước Áo. Bây giờ ông bà đang trên lãnh địa Áo. Vì vậy nên ông bà phải trả tiền vé mỗi người là 18 đô-la. Chúng tôi chỉ nhận tiền mặt, không nhận Visa". Thái Vân cự lại: "Nhưng chúng tôi không có ý định đi thăm nước Áo. Tại sao chúng tôi lại phải trả tiền nhỉ?". Ông ta trả lời: "Tôi biết. Ông bà không có ý định đi Áo. Nhưng chuyến tàu hỏa Geneva-München đi từ Thụy Sĩ sang Đức lại băng qua một dải ở phía cực tây của Áo quốc". Rồi ông ta mỉm cười: "Cũng may cho ông bà lắm đấy! Dải đất này chỉ rộng có 6 cây số. Nếu không thì ông bà phải trả một số tiền lớn hơn nhiều vì chúng tôi tính tiền vé theo số ki-lô-mét". Tôi hậm hực móc ví trả 36 đô-la. Ông ta nói cảm ơn rồi vội vã sang toa bên cạnh. Cái mừng này chắc sẽ được lập lại ở các ca-bin khác. Mỗi đêm nước Áo chắc thu được bội bạc. Tiếc tiền vợ chồng tôi chúm mũi nhìn qua cửa kính hy vọng nhìn thấy một dải của dòng Danube cho đỡ nhớ nhưng *những cô em tươi môi, ngồi giết yếm ven sông... Đời là khúc nhạc... Đời là tiếng thơ...* Bên ngoài con tàu âm âm đi vào ruột của khu rừng ngập đầy bóng tối.

Trên sân ga thành phố Hồ Chí Minh đường Kỳ Đồng con tàu tốc hành xuyên Việt dài thượt sơn màu đỏ kè có kẻ hai đường viền dài màu kem đã được "nâng cấp" cho xứng với số tiền khá cao mà năm chúng tôi bỏ ra cho vé toa "cút-xép" có máy lạnh. Chúng tôi theo đám hành khách ngoại quốc đi lên về phía đầu tàu. Khi tôi bước lên toa tôi có cảm tưởng như năm chúng tôi là những người Việt Nam duy nhất lên toa tàu ấy. Qua cửa sổ bên hông một hành lang hẹp tôi thoáng thấy chị Đạt đứng trên sân ke lẫn trong đám đông người đưa tiễn. Bốn người cùng đi với tôi chiếm trọn một phòng. Còn tôi ở buồng bên cạnh. Tôi kéo ngang cánh cửa đôi. Bên trong hai chiếc giường sắt hai tầng ở hai bên giữa là lối hẹp nhìn ra cửa sổ. Một người ngoại quốc cao quá khổ xây lưng về phía tôi đang đẩy cái ba-lô và hành lý linh kính lên góc chiếc giường trên cao mé trái. Ông ta xoay người toan xỏ một chân lên cái khoen kèn để lấy thế đu lên. Tôi nói: *Hi!* Anh ta đáp lại giọng vui vẻ: *Hello!* Mặt anh ta nom trẻ măng. Tôi cúi người xếp hành lý lên giường phía bên phải tầng dưới. Phòng ngủ nhỏ nhưng ngăn nắp sạch sẽ. Giường nệm trải drap trắng, gối cũng trắng được bọc trong bao nylon và một chăn bông xếp gọn ghề đầy cộm. *Chăn bông?* Trời này mà chăn bông? Tôi nhìn đồng hồ tay. Còn 15 phút nữa tàu mới chạy. Tàu chưa chạy thì cái máy lạnh cũng nghỉ thôi. Không khí trong toa cứ hầm lên thôi. Bên ngoài hành lang hành khách ngoại quốc lũ lượt đi qua kéo theo những chiếc va ly có bánh xe.

Bỗng có hai người Việt bước vào phòng gần như cùng một lúc nhưng xem ra họ có vẻ không liên hệ với nhau. Một người đàn ông đứng tuổi tóc hoa râm và một cô gái ăn mặc trẻ trung, trẻ quá không tương xứng với gương mặt đã thoáng lộ nét răn ở đuôi con mắt. Người đàn ông hành lý không có gì ngoài một mớ báo chí Việt ngữ cầm tay, ông ta ngồi xuống chiếc giường

dưới mé trái, né tránh một cái chân thò xuống từ giường trên của anh ngoại kiều quá khổ. Anh này bận quần đùi lộ cái chân bị thương có băng vải thô ở bắp vế, phần không vải che thì lại rậm rịt những lông chân. Người hành khách Việt liếc nhìn cái chân nhú mào lộ vẻ khó chịu. Còn cô gái nhìn tằm vé nhìn số giường và sau khi biết là giường của cô ở tầng trên thì lộ vẻ thất vọng. Cái va ly của cô to trông lại rất nặng nề. Cô ta lưỡng lự nhìn cái va ly như thể không biết cách nào đẩy nó lên tầng trên mà dứt nó dưới sàn thì không yên tâm. Sau cùng cô ta nhìn tôi nở một nụ cười ngoại giao: "Anh là người Việt Nam hả?". Tôi gật. "Anh làm phước đổi chỗ cho tôi được không? Cái va ly của tôi nặng quá mà xem bộ cái giường cao tôi cũng khó mà leo lên được" h "Tôi sẵn sàng đổi giường cho chị. Chị có thể dứt cái va ly xuống đây. Tha lên giường làm gì cho nặng".

Tôi ra ngoài hành lang. Từ cửa sổ con tàu nhìn ra sân ga Hòa Hưng tôi không biết từ lúc nào con tàu đã nhẹ nhàng chuyển bánh. Tôi thấy chị Đạt lùi xa lùi xa. Người chị nghiêng nghiêng, chị giơ tay vẫy vẫy, bóng chị nhỏ dần lẫn vào đám đông. Chị Đạt là con dâu của bác cả Chi, anh ruột mẹ tôi. Bác Cả có hai con trai. Anh Độ và anh Đạt. Trong gia đình cứ gọi là anh Độ chứ tên trên giấy tờ của anh là Ngọc, Phạm Kim Ngọc. Chị Đạt là người miền Nam. Ba chục năm trước tôi đến nhà bác Cả ăn giỗ, bên cạnh một anh Độ, lúc đó là Tổng trưởng Kinh tế của miền Nam Việt Nam lạnh lùng và xa cách, một chị Đạt hiền dịu nhỏ nhẹ vồn vã. Giọng nói của chị thuần miền Nam nghe lạ tai trong một đại gia đình Bắc Kỳ chúng tôi. Ba mươi năm sau từ Mỹ trở về thành phố cũ bây giờ đã đổi tên, tôi đến thăm chị, chị ở một mình nơi căn nhà cao rộng của bác Cả, đường Phan Thanh Giản, bây giờ mang tên Điện Biên Phủ, nhìn sang nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, bây giờ biến thành công viên thành phố. Cả hai bác Cả và anh Đạt đã qua đời. Anh chị Ngọc sang ở bên Mỹ từ những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Chị dẫn tôi lên lầu tư rồi lên sân thượng. Một căn buồng nhỏ xinh xắn nằm ở một góc sân. Từ cửa sổ căn phòng nhỏ nhìn ra là ngang tầm với ngọn cây, công viên Mạc Đĩnh Chi nhấp nhô lá xanh. Bốn mươi mốt năm về trước, một ngày trước cuộc binh biến 11-11-1960 ở Sài Gòn, bố tôi bắt thần trở về căn gác chợ An Đông, ông nhìn tôi nói nghiêm nghị: "Ngày mai con có đi chơi đâu thì không được lảng vảng gần khu Dinh Độc Lập". Cuộc đảo chính thất bại. Tôi nghe nói bố tôi sau đó đã lẫn trốn ở nhiều nơi trong thành phố mà một nơi ông ở lâu là nhà bác Cả. Tôi còn biết là chính chị Đạt là người lo cơm nước và là liên lạc viên trong thời gian mấy tháng ông lẫn trốn ở đây. Ba mươi năm sau từ nước Mỹ trở về đến thăm chị lần đầu tiên tôi bước lên cái sân thượng ấy. Căn buồng nhỏ bây giờ dùng làm gian thờ phượng nom cũ kỹ tiêu tụy. Chị Đạt chỉ vào cái bàn nhỏ siêu vẹo. Cái bàn ấy chú Tam vẫn ngồi viết. Tôi nhìn lên mảnh trời này của Sài Gòn tự hỏi phải chăng bố tôi đã ngồi đây bên chiếc bàn này trong suốt sáu mươi đêm ngày miệt mài viết bản chúc thư văn học và phải chăng bầu trời kia bên trên nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi "sương đã tan hết, trời cao và rộng bao la. Hai người cùng yên lặng nhìn màu xanh của nền trời không vẫn một đám mây, ngờ ngác như lầy lã mà vẫn còn được trông thấy ánh sáng của thế gian" (Giòng sông Thanh Thủy - Nhất Linh).

Tôi giơ tay vẫy lại chị Đạt mặc dù tôi biết chắc chị chẳng thể nào nhìn thấy tôi. Nước mắt dàn dụa tôi qua chị Đạt trao cho tôi một gói bảo vật mà chị đã trân quý gìn giữ từ hơn 40 năm qua xem đó như một phần của thân thể mình: "Đây là trọn bộ 11 quyển *Văn Hóa Ngày Nay* mà chú Tam đã tặng anh chị. Đây là những bức tranh do chính chú Tam vẽ. Đây là bản thảo viết dang dở. Đây là những tài liệu mà chú đã tin nhiệm giao cho chị giữ, trong đó có cả bức thư từ chức của chú Tam gửi cụ Hồ Chủ tịch. Chị bây giờ già rồi, chị giao tất cả lại cho em vì chú Tam có lần nói với chị là chú thương em nhất, bây giờ chị trao cho em mà lòng chị xót xa như phải cắt bỏ một phần khúc ruột của mình". Nói xong chị cúi gập người xuống. Chị Đạt ở cái tuổi về chiều của cuộc đời. Nhìn chị giẫm lạch bạch hai chân xuống sàn nhà và khóc như một đứa trẻ nít mắt tôi cũng đắm ướt theo chị.

Tôi trở vào buồng. Cô gái ngừng lên nhìn tôi bắt chuyện: "Trông anh như Việt kiều về nước."

Anh ở nước nào vậy hả?" - "Tôi ở Mỹ. Tiểu bang Washington" - "Anh ở Đi Xi hả? Em cũng có mấy người bà con ở đó! Còn em ở Ca-Li..." (Cô ta chuyển xưng em ngọt sớt). Tôi cười: "Không phải DC Thủ đô đâu. Tôi ở ngay trên đầu của cô. Thành phố Seattle". Tôi nắm thanh kèn nhưn người đu lên giường. Nằm ngược đầu tựa lưng vào ba-lô tôi nhìn nhà cửa cây cối vùn vụt chạy qua. Ở giường bên kia anh chàng thanh niên ngoại quốc cũng tựa lưng trên ba-lô đang hí hoáy viết. Trong tư thế nửa nằm nửa ngồi anh ta viết trên một quyển sách bìa cứng. Cái chân bị thương của anh ta vẫn bỏ thông xuống ngang tầm chiếc giường trống. Ông tóc hoa râm không biết bỏ đi đâu. lát sau, cửa buồng mở. Ông tóc hoa râm bước vào, theo sau là một bà mặc đồng phục quần tây xanh dương, áo trắng cộc tay túi áo có đeo phù hiệu nhân viên hỏa xa. Bà ta nói mấy câu với ông khách. Tôi hiểu ra là ông ta muốn đổi phòng nhưng lại không có giường nào trống trong toa cút-xét này. Khi bà soát vé đi ra thì có một thanh niên vào phòng chuyển cái va-ly nhỏ và cái cặp da cho ông ta rồi anh ta thối lui dáng điệu lễ phép gần như cung kính. Bên ngoài trời về chiều. Con tàu âm âm chạy qua cầu sắt. Ánh nắng dịu đi trên thành cầu Bình Lợi. Dưới cầu con sông nước đục một chiếc phà đen đi qua. Dừa nước mênh mông. Từ hành lang hai cô gái đẩy cái tủ thấp có bánh xe mang khay thức ăn vào phòng. Thức ăn còn nóng trông sạch sẽ. Giường bên kia thoáng cái, khay của anh ngoại kiều đã sạch nhẵn. Ăn xong anh ta ngừng nhìn tôi, mắt anh ta ánh một tia vui. Hình như anh ta đang nghĩ về một cái gì vui lắm. Cũng có thể là anh ta hài lòng về khay thức ăn được anh ta "quản lý" rất gọn. *Not bad?* Tôi nói, chỉ vào thức ăn. *Not at all!* Anh ta vui vẻ trả lời đồng thời nhào người qua giường tôi bắt tay: "Tôi là Jean. Jean Francois Bernardet. Tôi đến từ nước Pháp". Tôi ngạc nhiên: "Ông người Pháp? Tôi ngỡ ông người Mỹ. Ông nói tiếng Anh đúng giọng lắm..." - "Thì cũng nghề nghiệp thôi! Nghề của tôi cần thông thạo nhiều thứ tiếng. Tôi đang học cả tiếng Việt Nam đây... Còn ông?" ạ "Tôi người Việt Nam. Nhưng tôi sống ở Mỹ" "A , ông là *Việt kiều*" (Anh ta nói hai tiếng *Việt kiều* rất sõi).

Theo đám Việt kiều và người ngoại quốc tôi tiến về phía khung kính rộng của phi trường Tân Sơn Nhất. Đám đông bên ngoài thân nhân đứng nghển cổ ngó vào phía trong. Những tấm bảng carton nhô cao khỏi đầu người, những cái tên viết bằng đủ loại tuồng chữ: Tạ v. Bửu, Nguyễn v. Chí, Lê Huỳnh, John Smith... Không có tên tôi. Lần cuối gặp đã 26 năm trước nhưng đứa em vợ ra đón không thể nào không nhận ra tôi. Chúng tôi vẫn gửi hình về đều. Lúc tôi bước ra ngoài phi trường, như thể vừa mở một cái lò hấp, cơn nóng tháng Tư của Sài Gòn chụp xuống hừng hực. Nắng chói lòa. Không khí như bốc khói rung rinh trên nền xi-măng những chiếc tắc-xi hai màu xanh vàng nối đuôi nhau. Không thấy bóng thằng Hùng đâu. Tôi bắt đầu cảm giác những giọt mồ hôi đọng lại lặn dọc sống lưng. Bỗng một chiếc tắc-xi đâm vào chỗ tôi đứng. Thằng Hùng mở cửa, nó khẽ gật đầu chào rồi vội vàng đỡ lấy va-ly của tôi chất phía sau xe. Ngồi băng trước nó bảo tài xế lái đến Khánh Hội. Xe chạy. Thằng Sinh, đứa em cột chèo, quật chiếc xe máy rồ ga chạy theo chiếc tắc-xi. Tôi nhìn hai bên nhìn xung quanh. Tôi dáo dác lạc hướng. Hoàn toàn tôi không nhận ra chốn cũ. Bên ngoài phi trường chỗ này xưa kia là mảnh trời rộng, là những khoảng trống, là màu xanh hàng cây phi lao của Bắc Việt Nghĩa Trang, là cánh cỏ mướt rộng mà hồi bé chúng tôi vẫn đến hóng mát thả diều. Tất cả vụt mất. Tất cả khoảng trống màu xanh lấp đầy bằng nhà cửa xây san sát hỗn độn. Đến một ngã ba chiếc tắc-xi quẹo trái qua một con đường rộng đông xe. Ngay chỗ rẽ ở mé trái là cổng của một trại lính. Tôi đọc hàng chữ đỏ. Doanh trại Quân đội Nhân dân. Tôi ngờ ngợ. Rồi chợt nhớ ra. Cái cổng hùng tráng ở đó đã biến mất. Cái cổng của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH. Tôi lặng người. Hai mươi sáu năm trước, cũng tháng Tư này, lúc tờ mờ sáng ngày 30, từ trong cổng ấy một chiếc xe jeep lách qua hai vòng kẽm gai chạy vọt khỏi cổng trại. Trên xe có bốn quân nhân. Người lái là một đại tá. Phía trước bên cạnh một trung tá. Ngồi băng phía sau hai trung úy... Tôi rợn lên ở sống lưng.

Lúc xe vượt qua cổng ấy tôi có cảm giác như có nhiều mũi súng đang hướng phía sau. Như trong một cuốn phim câm đen trắng được quay rất chậm chiếc xe jeep trong hồi tưởng của tôi

lặng êm chạy qua cổng trại của Bộ Tổng tham mưu. Lúc đó là 5 giờ sáng ngày 30 tháng Tư năm 1975. Cánh cổng hùng vĩ vắng hoe. Lực lượng dù đông đảo trấn giữ ở đây đêm trước đã bất ngờ rút. Chiếc jeep lăn trên đường Công Lý. Trời còn mờ tối. Phố xá vắng. Chốc chốc vọng tiếng nổ ỳ ầm ở xa. Có xen lẫn những tiếng súng nhỏ. Chân trời lóe sáng từng chập. Ngồi băng sau là hai trung úy. Hùng và tôi. Xe chạy về hướng trung tâm thành phố. Trời đã tỏ rạng hơn. Hai bên đường vắng xe đám đông người đi bộ gương mặt thất thần xao xác đi tắt tã đi xuôi đi ngược đi vất vưởng đi không định hướng như những thân xác không hồn. Cảm giác của tôi lúc đó thật lạ. Không âu lo. Không sợ hãi. Không kinh hoàng. Chỉ thuần một sự mê lịm. Chúng tôi hoàn toàn phó thác số phận mình vào tay người lái xe. Đại tá Nguyễn Tiến Lộc. Đại tá là anh ruột trung tá Lạc. Cả hai là anh rể của Nguyễn Đình Hùng, thằng bạn rất thân của tôi. Xe jeep đi qua đường Trần Quốc Toản rẽ vào trong sân rất rộng của trụ sở Ủy ban Liên hợp Quân sự. Trong sân một số đông người đã tụ ở đó. Ai nấy đứng ngửa cổ ngóng lên trời cao nhìn vài chiếc phi cơ cuối cùng rời khỏi thành phố bay về hướng biển. Trong đám đông có vài ánh lóe tuyệt vọng của những chiếc gương nhấp nháy làm hiệu lên bầu trời. Sau khoảng 15 phút đứng chờ ở đó tôi nghe tiếng đại tá Lộc nói: “Không xong rồi!”. Đại tá ra lệnh chúng tôi thay đồ dân sự. Chúng tôi vứt bỏ đồ trận và súng ống ở trong sân của trụ sở rồi leo lên chiếc jeep. Phía trước tôi nghe mẩu đối thoại khẽ, ngắn. Trung tá Lạc: “Mình đi đâu?”. Đại tá Lộc: “Tôi tìm đường xuống Gò Công”. Trung tá Lạc: “Không nên. Không kịp. Tụi nó đã vào sát Sài Gòn. Đi Nhà Bè. Gần nhất”. Xe chạy qua đường Thống Nhất, tôi nhìn lại lần cuối Tổng cục CTCT, đơn vị cuối cùng tôi phục vụ trước khi được biệt phái về giáo chức. Bên cạnh Tổng cục tôi chứng kiến cảnh dân chúng trèo tường vào trong Tòa Đại sứ Mỹ. Trên hè rộng trước Tòa Đại sứ la liệt đồ đạc do dân chúng tràn vào hôi của bỏ lại. Xe qua Khánh Hội. Một cảnh tượng tương tự xảy ra ở Kho 5. Dân chúng tràn vào kho hôi của hoặc tìm đường ra tàu thoát thân. Đu trên hàng rào mắt cáo của kho 5 bầy người đông nghẹt chen nhau hỗn loạn. Trên đường Trịnh Minh Thế dẫn đến Nhà Bè có rất nhiều vòng kẽm gai chắn ngang đường. Trung tá Lạc chốc chốc lại xuống xe kéo vòng gai để chiếc jeep lách qua chạy tiếp. Gần đến Nhà Bè một cảnh tượng tôi không bao giờ quên được. Một toán lính địa phương quân khoảng vài chục người đi nghênh ngang giữa lộ. Đám lính không súng ống, không giày trận tã đi về hướng Sài Gòn. Vừa đi vừa lột vứt áo trận xuống đường. Đến Nhà Bè ngang một bến tàu là kịch đường. Tuyệt lộ. Chiếc jeep đổ khựng. Chúng tôi nhìn quanh. Bến tàu vắng hoe. Giữa lòng sông Sài Gòn những chiếc tàu đũ loại lướt qua mang theo những đợt người di tản sau cùng của thành phố. Bốn chúng tôi nhìn đoàn tàu hối hả đi ngang trên lòng sông rộng, nghĩ tới vợ con tất cả đã rời khỏi nước bằng máy bay của cơ quan DAO từ hai hôm trước mà lòng não nùng tuyệt vọng. Đúng lúc ấy một người đàn ông không biết từ đâu chạy tới nói nhỏ: “Các ông di tản?”. Chúng tôi gật đầu. Ông ta bèn “mách nước”: “Ở mé kia có một cái xuồng máy vừa cặp bến. Họ đang lấy xăng. Các ông có thể xin quá giang qua tàu lớn đậu ở ngoài sông”. Mách xong ông ta ngửa tay xin đại tá Lộc cái chìa khóa xe jeep. Trong nỗi tuyệt vọng và cơn mê hoảng chúng tôi lúc ấy không ai nghĩ đến việc ông ta có thể lừa chúng tôi để lấy xe. Cầm chìa khóa trong tay ông ta biến mất. Chúng tôi chạy vội đến chỗ ông ta chỉ thì quả nhiên có chiếc xuồng máy đậu. Trên xuồng có dăm ba người lính. May mắn tốt cùng làm sao một người lính trên xuồng vừa mới vượt thoát từ Đà Nẵng về nhận ra ngay đại tá Lộc khi ông còn phục vụ ở ngoài Quân đoàn I mấy năm trước. Bốn chúng tôi sau đó xuống xuồng máy chạy ra giữa dòng và được chuyển qua một con tàu lớn đi ra cửa biển. Con tàu mang tên Tourane 3. Cùng thời gian ấy cách 10 cây số về hướng tây nơi trung tâm thành phố bây giờ mang tên Hồ Chí Minh chiếc xe tăng đầu tiên của phía bên kia từ hướng Thị Nghè đang tiến trên đường Thống Nhất hướng về Dinh Độc Lập.

Giường bên cạnh từng dưới ông tóc hoa râm ngồi bó gối xĩa răng. Lát sau ông ta đứng cạnh giường vươn vai rồi kéo ngang cánh cửa đôi bước ra ngoài hành lang. Tôi móc trong ba lô lấy ra bao thuốc lá. Bao thuốc màu xanh. Tôi đã bỏ thuốc lá từ lâu. Tôi mua bao thuốc này cho bố tôi. Ngày mai khi tàu đến Hội An di cốt của bố mẹ tôi và chị Thu, người chị cả, sẽ được chôn cất ở nghĩa trang riêng của dòng họ Nguyễn Tường. Bố tôi chỉ ghiên một loại thuốc Bastos

xanh mà tôi bây giờ không thể kiếm đâu ra. Tôi vào một nhà hàng Pháp ở Sài Gòn mua gói Gauloise thay thế vì bố tôi có lần nói hồi ông ở Paris ông hút Gauloise có hương vị đậm và màu xanh bao thuốc cũng giống giống màu bao Bastos. Thay vì đốt nhang tôi châm điếu thuốc. Giống như ba mươi năm trước tôi đốt điếu thuốc đúng “gu” trên mộ những thằng bạn thân đã ra đi trong cuộc chiến. Điếu Ruby cho thằng bạn thiết Trịnh Kim Đồng chết ở Bình Định, điếu Capstan cho đũa anh vợ Nguyễn Thái Hòa chết ở An Lộc, điếu Pall Mall cho ông anh họ Nguyễn Tường Hương chết ở Cà Mau, mặc dù anh Hương chả biết hút thuốc. Theo hành lang tôi đến cuối toa. Tôi mở cửa bước ra chỗ tiếp nối giữa hai toa tàu. Gió lồng lộng. Ông tóc hoa râm đứng vịn lan can nhìn ra rừng cây cao su. Những hàng cây thẳng tắp liên tiếp xoay qua vệt vệt như rẽ quạt. Nhìn rừng cao su tôi liên tưởng đến truyện “Độc đường” của Thanh Tâm Tuyền tôi đã đọc mấy chục năm trước mà tôi rất thích xem như một trong những truyện ngắn hay nhất của văn học miền Nam. Những cây cao su tôi nhìn thấy bây giờ dường như xơ xác ốm o hơn cây cao su trong ký ức tôi và những vệt sữa trắng rịn ra ở những nhát cắt xéo hình như cũng mỏng hơn. Một lát sau ông tóc hoa râm móc túi lấy ra hộp thiếc Craven A, mở hộp nhón một điếu, gõ gõ đầu thuốc vào hộp rồi ông ta xoay người dí đầu vào thành cửa, bật tách một cái bật lửa mạ vàng châm thuốc. Rít điếu thuốc ông ta ngừng lên thấy tôi. Cặp mắt ông ta sắc và lạnh. Tôi bóc bao Gaulois xin ông ta mời lửa châm điếu thuốc. Hai người đứng yên lặng hồi lâu trong tiếng động rùng rinh của con tàu đi vào rừng lá. Tôi toan tìm một câu mở đầu để khơi chuyện nhưng tôi bỗng có linh cảm rất lạ rằng ông ta không những sẽ không bắt chuyện mà dường như lại còn ác cảm với tôi. Bỏ điếu thuốc tôi trở vào trong toa. Thay vì về phòng tôi mở cửa buồng bên cạnh. Trong phòng bốn người đã ăn xong đang nằm đọc báo. Anh Việt và chị Thoa tôi chiếm chiếc giường đôi mé phải, bên trái là giường anh chị Ninh. Anh Ninh cùng họ Nguyễn Tường chúng tôi, nhưng anh thuộc chi miền Trung. Anh chị sinh sống ở Đà Lạt. Trong chuyến về Việt Nam của ba anh chị em tôi, anh chị Ninh đã từ Đà Lạt xuống Sài Gòn cùng đi với chúng tôi ra Hội An. Việc di chuyển di cốt và chôn cất cần nhiều thủ tục mà chỉ những người ở địa phương như anh Ninh mới am tường. Nói chuyện một lát, trước khi tôi về phòng, anh Việt giao tôi một cái va ly nhỏ màu đen và nói: “Thiết mang ít hành lý hơn anh. Cho anh gửi cái va ly này sang bên đó”. Rồi anh nháy mắt với tôi: “Tối nay cho cậu út ngủ chung với cậu mợ. Thích nhé!”.

Trở vào phòng tôi lách tránh một thanh niên đứng sau cửa đang nói chuyện với ông tóc hoa râm ngồi trên giường. Anh Tây ba lô không thấy ở giường trên. Tôi đẩy chiếc va ly vào trong cùng rồi đu lên giường. Ngoài cửa sổ trời đã choạng tối. Tôi bật đèn ở đầu giường nằm khoanh tay sau gáy đầu tỳ vào ba lô. Tiếng rung của con tàu không cho tôi nghe rõ câu chuyện hai người đang nói nhưng tôi cũng nhận ra giọng nói Nghệ Tĩnh của ông tóc hoa râm. Ông ta nói liên hồi. Mặt ông ngược lên. Những lúc ông ta ngừng nói thì bấp thịch ở một bên má của ông ta co giật một cách bất thường khiến đuôi con mắt và một bên miệng chốc chốc lại nhích một cái như bóp vào nhau. Còn anh thanh niên kia chỉ khẽ dạ dạ. Chốc chốc ông ta dừng lại, hỏi bằng giọng sáng hơi to và đó là câu duy nhất tôi nghe được nguyên vẹn: “Tôi nói thế chú có nắm được không?”. Anh thanh niên lại gật đầu dạ dạ. Lát sau anh ta mở cửa đi ra. Trên giường ông tóc hoa râm có thêm một xấp báo Việt ngữ. Tôi đoán là ông tóc hoa râm đi tàu cùng với hai “đệ tử” là hai thanh niên đã mang va ly và sách báo cho ông ta. Hai thanh niên này ở toa tàu khác sang. Chắc hẳn là không chịu thấu tiền vé rất cao của toa “cút xép” máy lạnh. Tôi lục ba lô lấy ra cái gói mà chị Đạt đã trao cho tôi đêm trước. Tôi cởi cái dây buộc rất cẩn thận bằng vải đỏ. Dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn nhỏ ở đầu giường tôi lần giở xem qua bộ *Văn Hoá Ngày Nay* và những tài liệu khác. Tôi bâng hoàng đọc những dòng chữ nhỏ thân quen của bố tôi. *Văn Hoá Ngày Nay* những số đầu có viết lời *Thân tặng hai cháu Đạt - Nhất Linh*. Tập cuối lời đề tặng viết *Chú Ba Nhất tặng hai cháu Hai*. Bên cạnh có nét chữ nắn nót của chị Đạt. *Deep memory of my uncle Nhất Linh (Nguyễn Thị Hai)*. Những bài viết dang dở. *Đời làm báo*. Một truyện ngắn bỏ lửng. *Con cá vàng*. Một truyện dài viết được vài trang. *Hai con mắt*. Tập bản thảo. *Viết và đọc tiểu thuyết*. Rất nhiều tranh vẽ. Những bức thư. Những ghi chú trong sổ tay. Ở

một trang trong sổ tay có hàng chữ ngoặc ngoặc: "*Giản dị thế mà không nghĩ ra. Trên đời không có gì quan trọng cả*". Nhưng một bức thư làm tôi chú ý. Bức thư nét chữ đã mờ viết trên tấm giấy vàng vọt mà thời gian năm mươi lăm năm qua đã làm phai những đường kẻ. Hà Nội ngày 5 tháng 3 năm 1946. Bức thư gửi người mà bây giờ thành phố Sài Gòn mang tên. *Kính gửi Cụ Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến*. Bỏ tôi viết lá thư từ chức Bộ trưởng Ngoại giao này chỉ ba ngày sau khi Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến ra mắt quốc dân ngày 2 tháng 3 năm 1946. Ông có thói quen viết làm hai bản tất cả những tài liệu quan trọng. Ngay cả lúc cuối đời thói quen đó ông cũng không bỏ. Giây phút trước khi tự kết liễu đời mình ông cũng cẩn thận ngồi chép hai bản chúc thư giống hệt nhau. *Đời tôi để lịch sử xử...* Tôi nhớ tới niềm vui bèo bọt của tôi lúc ấy khi thấy ông trở lại về thanh thản, tới thái độ quả quyết của ông như sẵn sàng ứng phó với phiên tòa xử ông ngày hôm sau, tới việc ông lừa anh Triệu và tôi đi mua rượu cho ông uống và đôi mắt cuối cùng của ông nhìn tôi rất lạ. "*Lúc tôi sắp bước xuống cầu thang, cha tôi gọi giật tôi lại, tôi nghe ông gọi tên tôi bằng một giọng xúc động nhưng ngay lúc ấy tôi không để ý. Ông nhìn lâu vào mắt tôi, ngập ngừng đưa một cánh tay về phía trước như muốn nói điều gì lại thôi, chỉ hỏi: Đi có 15 phút thôi à? Đến bây giờ nghĩ lại tôi còn nhớ rõ cái nhìn của cha tôi lúc ấy ánh mắt như gửi đến tôi những điều mà ông không thể diễn tả bằng lời*" ("Niềm vui chết yểu" - Nguyễn Tường Thiết, Nguyệt san Văn Học - Sài Gòn 1964). Trầm ngâm hồi lâu tôi cất tất cả vào bọc và định bụng khi về lại Mỹ tôi sẽ đọc kỹ hơn. Trong lúc bỏ cái bọc vào ba lô tay tôi đụng cái va ly và sực nhớ là bố tôi đang ở ngay sát bên cạnh tôi trong suốt thời gian tôi mê mải đọc những hàng chữ của ông.

Nhớ tới khoảng thời gian sau cùng với bố tôi trên cõi thế tôi liên tưởng một chuyến xe hỏa khác năm năm về trước đã đưa vợ chồng tôi ngang qua một thành phố lạ mà tên của nó được nhắc tới trong mẩu đối thoại giữa hai bố con trước những giờ phút cận kề cái chết của ông. Trên chuyến tàu München-Berlin trong phòng chúng tôi có thêm người khách. Ca-bin nhỏ toa hạng nhất giống y toa couchette chỉ khác là hai giường đổi thành hai băng ghế nệm da, hành khách ngồi đối mặt nhau. Ông già người Đức ăn mặc lịch sự, bận complet nhưng không cà-vạt. Ngồi ở ghế đối diện ông khách lâu lâu lại nhìn chúng tôi khẽ nhích một nụ cười ngoại giao. Thái Văn lấy ra trong giỏ hai quả táo mua ở München, cắt gọt ghẽ để trên đĩa giấy. Đi du lịch dễ bị táo bón nên hề có dịp là cô nàng nghĩ ngay đến fiber của trái cây. Nàng đưa đĩa giấy mời ông khách đối diện, nói vài câu chào hỏi bằng tiếng Anh. Ông ta đáp lại cũng bằng Anh ngữ. Qua câu chuyện giữa nhà tôi và ông hành khách Đức tôi biết ông ta là một giáo sư đã về hưu của một trường đại học ở München. Ông đến Berlin để dự đám cưới một người cháu gái. Ông ta có vẻ thích nói chuyện tuy tiếng Anh của ông ta không được trôi chảy lắm. Nhiều lúc đang nói ông ta khựng lại khá lâu nhũn nhũn như cố nặn ra một từ Anh văn thích hợp. Nhà tôi phải đoán ý ông, lâu lâu gài giúp một từ ngữ, ông ta liền vỗ trán, lập lại từ ấy một cách mừng rỡ rồi tiếp tục câu chuyện. Hai người đang nói về đời sống ở bên Đức, bên Mỹ và so sánh mức sống của người dân ở hai quốc gia.

Con tàu bỗng rúc một hồi còi dài. Ngoài khung cửa những căn nhà ngói đỏ tươi loáng loáng vụt qua. Con tàu giảm dần tốc độ vào ga. Lại qua một thành phố của nước Đức. Dưới ke đám đông chờ sẵn lên tàu. Một đám thanh niên Đức đứng tụ quanh một cột đèn. Đám hippy của những năm 60 mà tôi đã thấy nhiều lần trên phim ảnh. Nhưng dữ dằn quái đản hơn. Tóc punch màu đỏ ké dựng ngược trên đầu, hai tai đeo kiềng lưng lửng, áo da bóng nhẫy, thắt lưng to bản, miệng phì phà cần sa. Con tàu giật nhẹ rồi từ từ chuyển bánh. Một hàng chữ lớn hiện ra trên nóc nhà ga làm tôi chú ý rồi sững sờ. Nürnberg. Ngờ ngợ tôi quay quay qua hỏi ông hành khách Đức: "Thưa ông, có phải đây là thành phố Nuremberg không?" i "Đích thị!". Ông ta trả lời. Tôi hỏi tiếp: "Có phải đây là thành phố sau Thế chiến II được dùng làm nơi xử các tội phạm chiến tranh Đức Quốc xã?" "Đúng thế! Ông biết rõ nhỉ?". Ông khách chồm tới, có vẻ ngạc nhiên. Tôi nói: "Tôi biết thành phố này qua một cuốn phim xi-nê tôi xem đã lâu lắm, phim có cái tựa tiếng Pháp: Jugement à Nuremberg!" Ô "A, phim ấy tôi cũng xem rồi. Vào cái thời những

năm 60 ấy... Nhiều tài tử gạo cội lắm...". Tôi lặng người. Ông ta còn nói nhiều. Nhưng tôi có nghe đâu. Năm giờ đồng hồ sau đó một cái chết gây chấn động. Lúc đó tôi hoàn toàn không hay biết gì về quyết định khốc liệt của ông. Bỏ tôi. Ba mươi hai năm trước một buổi sáng ngày mồng bảy tháng bảy. Chỉ có ông và tôi trên căn gác chợ An Đông Sài Gòn. Tôi nhìn bản cáo trạng kết tội ông "phản quốc" và buộc ông ngày mai phải trình diện trước tòa án, tôi nói: "*Cậu coi Jugement à Nuremberg chưa?*" "*Rồi!*" "*Đấy, cậu chẳng cần phải nói gì cả. Cứ im lặng như ông Bộ trưởng Đức mà hay. Cũng chẳng cần viện cớ bệnh không nói được ở tòa. Để con lại luật sư Đinh Trịnh Chính lấy lại mấy giấy bác sĩ. Con nghĩ chẳng cần dùng cách ấy. Mình vẫn khỏe mạnh như thường mà chả thèm nói gì cả, cũng chẳng cần trả lời những câu hỏi của tòa. Cứ im lặng như hén thối mà hay!*". Quả thật tôi không ngờ ông đã đi sâu đến như thế, không chỉ im lặng ở tòa mà chọn sự im lặng trong cung cách ra đi vĩnh viễn... ("Niềm vui chết yểu" - Nguyễn Tường Thiết, Nguyệt san Văn Học - Sài Gòn 1964).

Trong va ly màu đen có ba bình tro. Đó là di cốt của bố mẹ tôi và người chị cả. Ba mươi tám năm trước nơi yên nghỉ của bố tôi là nghĩa trang chùa Giác Minh Gò Vấp Sài Gòn. Ở trên này ông được cả một thành phố Sài Gòn ngậm ngùi đưa tiễn. Nhưng ở dưới kia ông mới thực sự tìm thấy sự an bình vĩnh cửu mà ông đã không có được trên cuộc đời này. Dưới đó bố tôi không cô độc. Ông gặp lại nhiều người. Bà nội tôi và chú Hoàn (em rể bố tôi) đã ở đó trước bố tôi không lâu. Người kỳ cựu nhất ra đón ông phải kể tới là nhà văn miền Nam Hồ Biểu Chánh. Mười ba năm sau, năm 1976, bố tôi lại có thêm một láng giềng mới là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Cuộc gặp gỡ bàng hoàng của đôi tri kỷ. Người đến sau kể người đi trước kinh nghiệm một năm trời đọa đầy ở thế giới trên kia. Cái thế giới mà từ 13 năm trước bố tôi tiên đoán sẽ xảy ra. Giữa khoảng đó bố tôi có dịp hội ngộ nhiều người. Thím Sáu (Bà Thạch Lam). Thím Long (Bà Hoàng Đạo). Bác Thụy. Anh Hương. Chị Thư. Người mà bố tôi chờ đợi nhất là mẹ tôi thì mười tám năm sau, năm 1981, bà cũng nổi gót theo ông. Nhưng bà lại ở một nơi thật xa. Xa lắm. Nghĩa trang Orsay ngoại thành Paris nước Pháp. Tôi không biết là ở thế giới bên kia bố tôi có thực hiện nổi một chuyến Đi Tây thứ ba trong đời để đi thăm mẹ tôi hay không. Còn chị cả của tôi chị Thư là vợ của anh Nhị Lang. Hai người lấy nhau ở Sài Gòn trước khi Hiệp định Genève chia đôi đất nước. Cuối năm 1951 bố tôi từ Hà Nội vào Nam sinh sống mang theo người con cả và út. Chị Thư và tôi. Anh Nhị Lang lấy chị tôi những tưởng chị sẽ để anh thông dong đi theo giấc mộng hải hồ như mẹ tôi đã tần tảo nuôi con để bố tôi sống đời bốn ba cách mạng. Nhưng chị tôi không phải là mẹ tôi. Chị thuộc một thế hệ khác. Chị "đôi mới". Thế là thảm kịch bắt đầu. Không lâu sau ngày cưới chị tôi nốc cạn chai Eau de Javel tự vẫn. Bố tôi hồi hải đưa chị đến nhà thương rửa ruột. Chị thoát chết nhưng chỉ về thể xác. Năm sau anh Nhị Lang lên núi Bà Đen đi theo ông Trịnh Minh Thế, bỏ chị sống thui thủi một đời trong gian nhà gỗ nhỏ ở Bàn Cờ xây trên miếng đất do cụ Phan Khắc Sửu nhượng lại. Chị chết năm 1976 trong một tai nạn thảm khốc ở Sài Gòn. Từ ở bên Mỹ tôi nghe có người nói mẹ tôi ôm xác con khóc ngất. Tôi không thể hình dung nổi loài người còn có một sự đau xót nào hơn là nỗi đớn đau của mẹ tôi lúc đó. Tôi cũng tưởng tượng khuôn mặt sững sờ của bố tôi vào cuối năm ấy khi ông đang tiếp chuyện với thi sĩ Vũ Hoàng Chương thì chị tôi bước vào.

Tôi nhìn lên. Qua khung cửa hẹp của nhà liệm là mảnh trời trong và cao của thành phố Sài Gòn nơi những tia nắng đầu ngày lọc qua hàng lá me non của bệnh viện Đồn Đất ướp một khoảng sáng xanh dịu và tôi có ý nghĩ là qua khung cửa ấy linh hồn của bố tôi đã thanh thoát bay lên. Tôi không biết ở trong mơ hay trong hồi tưởng tôi cảm giác con tàu rùng mình vì lạnh trong đêm tôi mơ màng kéo cái chăn bông lên cầm và ở khóe mắt tôi ngọn đèn duy nhất trong phòng lung linh ngọn nến cháy trên mặt quan tài. Thi sĩ bước vào phòng. Ông mặc bộ đồ vét màu trắng ngà, cà-vạt đen, người cao gầy, gương mặt xanh xao. Chúng tôi mặc đồ đại tang. Anh Thạch khế hích tay và nói rất nhỏ vào tai tôi: "Thầy Vũ Hoàng Chương!". Căn phòng đầy chật người. Mùi hương trầm mặc. Trong cơn mê đại mẹ tôi chấp tay tụng kinh trước quan tài bố tôi. Đó là buổi sáng ngày mười ba tháng bảy năm một chín sáu ba. Cả một thành phố Sài Gòn

ngưng lại nín thở chờ đợi giờ khởi hành của đám tang sẽ cử hành ngay sau khóa lễ. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương lách qua đám đông người tiến đến giữa phòng. Ông vất cánh tay trái lên trán rồi gục đầu xuống quan tài. Ông lịm xuống rất lâu. Vai ông không rung. Tôi biết ông không khóc. Nhưng khuôn mặt xanh xao của ông toát một vẻ cực kỳ trầm lắng. Bàn tay phải của ông xòe rộng ve vuốt lên trên mặt gỗ. Rồi bất thần những ngón tay gầy xương của ông cụm lại, nắm chặt. Ông bắt đầu gõ bàn tay gân guốc lên trên quan tài. *Cạch!* Ngừng lại. *Cạch cạch!* Ngừng lại hồi lâu. *Cạch! Cạch! Cạch! Cạch!* Sau đó liên tiếp ba tiếng gõ. Phải rất nhiều năm sau này tôi mới liên hệ tiếng gõ ấy của thi sĩ Vũ Hoàng Chương với câu đối thời danh của ông và tôi tự hỏi phải chăng trong lúc gõ trên mặt quan tài bố tôi ông đã nạo hết tâm can sáng tác đôi câu đối chữ Hán bất hủ:

Sổ thập niên bút mặc thành danh; nhất khả đoạn, nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ.

Song thất dạ vân tiêu lạc phượng; tiên phong hóa, hậu văn hóa, ư trung lập ngôn.

Một hồi còi tàu hụ khiến tôi chợt ý thức mình đang tiếp chuyện với vị giáo sư đại học München và tôi bắt đầu lắng nghe những lời nói của ông ta: “Ông vừa nhắc đến phiên toà xử ở Nürnberg làm tôi nhớ lại thời trẻ của mình. Bây giờ nhìn lại thì mọi chuyện đã quá rõ. Nó hiển nhiên như một chân lý. Nghĩ lại tôi kinh sợ và ghê tởm cho sự tàn bạo của chế độ Đức Quốc xã. Những vụ thủ tiêu cả triệu người ngoài sức tưởng tượng. Thế nhưng, thưa ông, lúc đó thì khác. Tôi đã là một thiếu nhi trong hàng ngũ cả triệu những thiếu nhi khác bận đồng phục mang dấu chữ Vạn trên cánh tay. Lúc đó tôi nghĩ rằng những việc tàn bạo kia là việc phải làm, thậm chí còn cho là đạo đức nữa. Tôi kiêu hãnh. Tất cả những gì tôi nghĩ, tôi cảm và tôi hành động hồi đó đều đến từ một con tim chân thực. Cái gì làm cho con người của tôi hồi đó nó nghịch hẳn với con người của tôi bây giờ. Đó là sự ngu muội muôn thủa của con người trước ảnh hưởng của ngoại cảnh, của môi trường sống. Nhất là môi trường đó sôi lên vì một hệ thống truyền thông tinh vi. Ông không hiểu đâu. Ông không sống trong bầu khí đó ông không thể hiểu đâu”. Ông ta ngừng lại, lấy thêm miếng táo trên đĩa giấy nhà tôi đưa mời ông. Nhưng ông chỉ cầm tay, không đưa lên miệng. Trông ông ta khổ sở vì phải diễn tả một vấn đề làm ông thao thức mà không được dùng tiếng mẹ đẻ. Tôi nói: “Tôi hiểu ông chứ. Bởi vì chính dân tộc tôi đang phải sống trong bầu khí tương tự”. Câu chuyện của ông giáo sư Đức khiến tôi nhớ đến tác phẩm cuối đời của bố tôi, đến nỗi ám ảnh khôn cùng của ông trên đường tìm về sự thực: “Bên này dãy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm” (Pascal), đến guồng máy nó cuốn ông sang bên kia thế giới và câu thơ Nguyễn Du mở đầu *Giòng sông Thanh Thủy* như một lời tự giải vì sao giấc mộng lớn của ông không thành: “Trời kia đã bắt làm người có Nhân”.

Đêm đã chụp xuống tự lúc nào. Ngoài khung cửa đen thỉnh thoảng lóe vài đốm sáng yếu ớt. Một hồi còi kéo dài. Tiếng còi trong đêm nghe xa vắng hơn như vọng về từ một con tàu khác. Tôi với chiếc va ly nhỏ ôm bố tôi, mẹ tôi và chị Thu vào lòng. Năm 1989 nghe tin nhà nước sắp giải tỏa các nghĩa trang ở Hạnh Thông Tây, Gia Định, anh Thạch tôi lúc ấy là người duy nhất trong gia đình còn ở lại Việt Nam đã làm lễ hỏa táng hài cốt bố tôi và chị Thu đưa tro về thờ ở chùa Kim Cương đường Trần Quang Diệu Sài Gòn. Cùng thời gian ấy di cốt của bà Nội tôi, bác Thụy, anh Hướng, chú Hoàn và thím Long cũng được bác Mai, Tuấn (Duy Lam) và Minh Thu đưa về chùa Kim Cương. Hai mươi năm về trước vào tháng Tư năm 1981 anh Việt từ Pháp trở về Việt Nam dìu mẹ tôi lên máy bay sang Paris chữa bệnh. Hai mươi năm sau cũng vào tháng Tư anh lại ngồi trên máy bay trở về Sài Gòn nhưng lần này tay anh ôm bình tro người mẹ. Từ nước Mỹ tôi về Việt Nam trước. Tôi đón anh Việt và chị Thoa ở phi trường Tân Sơn Nhất rồi đưa thẳng di cốt mẹ chúng tôi đến chùa Kim Cương gửi tạm. Nơi đây lần đầu tiên bà gặp lại bố tôi sau 38 năm ly biệt. Mẹ tôi cũng “đoàn tụ” với những người thân mà trước đây chính bà đã tiễn họ đến nghĩa trang chùa Giác Minh với rất nhiều nước mắt của bà, xa nhất là bà Nội tôi và gần nhất là chị Thu. Mẹ tôi không lưu ở chùa Kim Cương lâu. Sáng hôm nay bà đi theo bố tôi lên chuyến tàu xuyên Việt về quê chồng ở Quảng Nam, có người chị cả của tôi đi theo. Tuy là đất quê chồng nhưng Hội An nơi ấy bà gần gũi còn hơn bố tôi gần gũi. Trong suốt ba thập niên

do công việc mua bán cau khô mẹ tôi đã gắn bó với miền đất này như một mảnh đời thân thương của mình. Từ miền đất lạnh lẽo phương trời tây ngàn trùng xa cách mẹ tôi hôm nay trở về chốn cũ, bên chồng bên con. Tôi đặt tay lên va ly nấn chỗ phòng lên của ba bình tro và nghĩ tới chuyến tàu đi về miền an nghỉ sau cùng của song thân tôi như một chuyến trăng mật thứ hai của người.

Tôi mở va ly. Ba bình tro được lèn chặt bằng quần áo của anh Việt và tôi. Cái vụ quần áo này làm chị Đạt sáng nay bất bình, còn anh Việt tôi cũng nổi sùng với chị. Anh Việt tôi là người thực tế. Việc gì anh cũng tính toán đầu ra đấy. Từ việc hỏa thiêu hài cốt của mẹ tôi, xin giấy di chuyển bình tro từ Pháp về Việt Nam mà cái bình tro bên Pháp họ làm bằng thép trông như quả bom, làm sao lọt qua chục con mắt cú vọ của bọn hải quan ở phi trường. Đủ thứ anh phải lo. Sáng nay làm lễ cầu siêu anh chỉ sợ dềnh dàng trễ chuyến xe lửa. Anh đã tính trước nên mang sẵn từ Pháp một cái va ly nhỏ vừa đủ để đựng ba cái bình tro. Lễ xong đến lúc bỏ ba cái bình tro vào va ly chúng tôi mới biết là nếu không có gì chẹn thì hai cái bình bằng sứ của bố tôi và chị Thư sẽ vỡ mất. Anh nói tôi mở va ly có bao nhiêu quần áo nhàu trong đó có lẫn cả đồ lót của anh và tôi anh nhét cứng vào va ly. Nhưng khi chúng tôi vào từ biệt Thầy trụ trì chùa Kim Cương lúc trở ra thì cái va ly lại bị mở tung ra, bao nhiêu quần áo lót vứt ra vung vãi. Rồi chị Đạt ở đâu chạy lại, chị hốt hải đi xin vải. Chị giẫm chân cần nhân: “Ai lại thế! Ai lại thế! Chú thím Tam giận chết”. Nhưng tìm đâu được vải bây giờ. Anh Việt nhìn đồng hồ tay. Anh không còn bình tĩnh được nữa. Vừa nhét lại đồng quần áo lót vào va ly anh nói với chị Đạt: “Trễ giờ rồi. Có nhét cái gì vào đó thì ông bà cụ cũng không biết đâu!”.

Tôi cảm trên tay bình tro của bố tôi. Bình màu xanh có hình bố tôi in trên men sứ. Đó là bức hình ông ưng ý nhất do chú Lê Văn Kiểm chụp ở Đà Lạt. Ảnh chụp nghiêng, bố tôi mặc áo măng tô, ở phía sau trên tủ chè có hoa phong lan và cây kèn clarinette. Tự nhiên tôi muốn nói với bố tôi vài lời. Nhưng nghĩ sao tôi im lặng. Tôi biết đêm nay là dịp duy nhất trong đời tôi được ở gần ông kể từ khi ông ra đi 38 năm về trước. Điều tôi nghĩ trong óc và tôi muốn biểu lộ là tấm lòng thành của tôi đối với ông. Một tấm lòng tha thiết yêu mến và biết ơn. Nhưng tôi không thể nói lên thành lời. Tôi có cảm tưởng là lời nào thốt ra rồi cũng sẽ thành tầm thường và không thực. Có lẽ một phần bởi vì trong suốt bao nhiêu năm sống bên ông tôi chưa từng một lần nào nói được một câu thân thương hoặc một lời cảm ơn, với ông. Thăng Thao, con tôi bây giờ thì trái hẳn lại. Nó nói hầu như hàng ngày câu “Cảm ơn bố!” một cách rất tự nhiên. Có thể là nó được hấp thụ theo lối Mỹ nên dễ dàng biểu lộ tình cảm ra ngoài cửa miệng. Năm nay nó được 27 tuổi. Mẹ nó luôn luôn nhắc nó: “Mày phải cảm ơn cả ông nội mày nữa”. Nó biết là mẹ nó không nói đùa. Câu chuyện ấy mẹ nó kể không biết bao nhiêu lần. Lúc ấy nó mới được 15 tháng. Cố nhiên nó không thể hình dung được quang cảnh hoảng loạn ở phi trường Tân Sơn Nhất vào cái buổi chiều ngày 28 tháng Tư năm 1975 ấy. Trên trời máy bay A 37 vùn vụt thả bom xuống phi trường. Dưới sân bay đám người di tản đông nghẹt toé ra như bầy kiến vỡ tổ.

Quả thật đó mới đúng là thâm tình. Trong giờ phút ngoặt quan trọng nhất của cuộc đời, người bạn đã nghĩ đến tôi và đi tìm tôi. Buổi sáng đó Nguyễn Đình Hùng hốt hải phóng xe đến nhà tôi ở chợ An Đông. Nó nói chúng tôi đến nhà anh rể của nó ngay vì *manifest* di tản dành cho thân nhân đại tá Lộc còn dư một chỗ và nó đã nhét đại tên vợ tôi vào. Tôi tức tốc phóng xe gắn máy đến nhà Đại Tá Lộc ở đường Trương Quốc Dung. Đứng sau xe vợ tôi ôm thăng Thao. Lúc ấy vợ tôi có bầu con Thi ba tháng nhưng nàng giấu tiết điều này không dám cho ai hay biết. Đại tá Lộc là thành viên của Ủy ban Liên hợp Quân sự bốn Phe. Vào những ngày cuối của cuộc chiến, một chương trình di tản bằng phương tiện máy bay của không lực Mỹ được thiết lập dành cho vợ con và thân nhân của những thành viên Ủy ban Quân sự. Chương trình điều động bởi một sĩ quan cương trực của Quân lực VNCH, đại tá Dương Hiếu Nghĩa. Chiếc jeep của đại tá Lộc chất đầy thân nhân của 4 gia đình đến phi trường Tân Sơn Nhất lúc giữa trưa. Mãi sau này tôi mới biết là vợ tôi và thăng Thao phải nằm chịu trận ở phi trường cho mãi đến 9 giờ đêm

hôm đó mới lên được máy bay C130 đi Guam. Việc ném bom vào phi trường của phi công địch Nguyễn Thành Trung đã làm tê liệt kế hoạch di tản trong mấy tiếng đồng hồ. Trước vụ ném bom một việc bất ngờ xảy ra cho vợ con tôi. Khi đại tá Lộc đưa danh sách thân nhân của ông cho đại tá Nghĩa thì mới biết là thằng Thao con tôi không có tên trong *manifest*. Đại tá Nghĩa là một quân nhân rất nguyên tắc. Dù là đứa bé nó cũng là một người. Không có tên trong danh sách thì không lên máy bay. Trong lúc cực kỳ rối rắm ấy thì tôi nghe đại tá Lộc nói với đại tá Nghĩa: "Không có chuyện gì mờ ám ở đây đâu. Nói thẳng với anh đứa bé này là cháu nội của ông Nguyễn Tường Tam. Và đây là cô con dâu của ông Tam". Cái tên của bố tôi bật ra lúc đó chắc hẳn phải có tác dụng đối với đại tá Dương Hiếu Nghĩa vì ngay sau đó ông vẫy cho vợ con tôi đi qua. Đại tá Lộc trước khi lên xe jeep quay trở về còn véo vào má thằng Thao và nói đùa với nó: "Ông nội mày to lắm mày mới đi được đấy!". Thằng Thao mà phải ở lại thì vợ tôi ở lại. Vợ con tôi ở lại thì cố nhiên tôi cũng ở lại. Cuộc đời của chúng tôi nếu không có cái tên của bố tôi can thiệp vào phút chót thì giờ này đã hoàn toàn khác hẳn, nếu không muốn nói là khôn đốn hơn nhiều. Lòng biết ơn đó của tôi làm sao tôi có thể diễn tả bằng lời? Không lý tôi cũng nói với bình tro cái câu đơn giản của thằng Thao: "Cám ơn bố!".

Có tiếng cười rộ của cô gái ở dưới giường tôi. Cô đang nói chuyện với anh chàng tây con. Xem ra câu chuyện có vẻ đến hồi thích thú. Cả hai đều ngồi ở thành giường. Anh chàng tây tên Jean Francois bỏ thõng hai chân xuống giường dưới nơi ông tóc hoa râm lúc này đã thay bộ đồ ngủ đang ngồi bó gối đọc báo. Một đồng báo *Công An, Tuổi Trẻ* vút trên giường. Tôi bắt đầu theo dõi câu chuyện của Jean. Anh ta nói có duyên. Cái nhiệt tình của anh lôi cuốn người nghe. Những chuyến đi xa. Những chuyến du lịch. "Đi du lịch đối với mọi người là đi nghỉ mát. Đi du lịch đối với tôi là đi làm việc". Anh ta nói trái khoáy. Từ giường dưới cô gái lâu lâu xen vào. Nhưng cô lại cứ nhè thành phố thân yêu của anh ta mà chê bai. Nào là Paris bẩn quá, sông Seine sặc mùi nước tiểu, đường phố thì đầy cứt chó. Nhưng xem ra anh Tây con này không mấy may phật ý. Trái lại anh ta diễn tả một cách duyên dáng những tệ nạn và thói xấu của dân Tây khiến chúng tôi thỉnh thoảng lại cười rộ lên trong căn buồng hẹp. "Cô để ý xem! Ở Paris suốt ngày đêm lúc nào cũng có những xe cứu thương chạy rần rần trên đường phố, hụ còi nặng xì cả lên! Đừng tưởng là thành phố này nhiều tai nạn xe cộ. Không có đâu! Họ chờ cấp cứu những ông bà du khách bị bẽ bọng đái vì không tìm đâu ra chỗ đi tiểu đấy!". Trong khi đó người đàn ông tóc hoa râm chăm chú đọc như không bận tâm đến câu chuyện ồn ào của ba người. Cũng có thể ông ta không hiểu câu chuyện. Lâu lâu ông ta lại đưa ngón tay út lên đầu gối nhưng chỉ thọc ấn móng tay xuống da đầu như không muốn làm hư mái tóc hoa râm được chải kỹ lưỡng. Nhìn những cọng tóc cứng màu *muối tiêu* của ông ta bắt giác tôi nhớ tới bữa đi nhậu mấy hôm trước với thằng bạn cũ ở bến Bạch Đằng. Nhân bàn về việc những thành phần ăn tiêu rộng rãi nhất ở trong nước, người bạn nói: "Nhất muối tiêu nhì Việt kiều" n "Muối tiêu?" Tôi hỏi lại "Thì cũng phải thôi. Không lý bao nhiêu năm hy sinh đời bố chỉ để củng cố đời con. Mà củng cố cũng không hết của. Bây giờ đã hai màu tóc rồi. Vung tiền cho dân sống nhờ chứ!". Tôi nhìn kỹ ông tóc hoa râm bây giờ nó biến thành muối tiêu. Một nhân vật có tầm cỡ? Một "tướng về hưu"? Dám lắm!

Tôi chỉ cái chân băng bó của anh Tây con. Anh ta nói: "Tai nạn nghề nghiệp! Tôi đi thử chiếc xe bình bịch thì bị trượt ngã. Chiếc xe cổ lỗ sĩ ấy nó nặng quá. Nó đổ kèn lên chân tôi. Cũng là may không gãy xương nhưng cái ống bô nóng bỏng làm cháy một mảng da chân. Không có tai nạn ấy thì tôi đã không ở trên chuyến xe lửa này. Giờ này đáng lẽ tôi đang đi trên con đường mòn nổi tiếng ấy. Con đường mòn Hồ Chí Minh ấy mà. Bằng cái xe bình bịch của tôi (anh ta dùng cái từ "bình bịch" một cách rất Hà Nội). Con đường mòn chiến tranh này đã trở thành ám ảnh cho nhiều du khách có óc mạo hiểm. Tôi là người may mắn lắm nghe! Có nghề nào thích bằng được trả tiền để đi du lịch! Lại được đi rất nhiều nơi. Chắc ông đã biết là một trong những sách bán chạy nhất là những cuốn Hướng dẫn du lịch. Sách của cơ sở du lịch chúng tôi được in bằng nhiều thứ tiếng và được cập nhật hoá thường xuyên." Anh ta ngừng lại, lục trong ba-lô

lôi ra cuốn sách giờ tôi xem. *Vietnam: The adventurous, up-to-the-minute guide*. "Vì thế mà tôi được cử đi chơi suốt năm. Nhưng đi mãi những nơi du khách thường đi cũng chán. Ngủ mãi trong các khách sạn năm sao cũng chán. Bây giờ tôi chỉ thích khai phá những chỗ mới những con đường mới. Bài tôi viết thường chỉ dành cho một số du khách thuộc loại đặc biệt. Chẳng hạn như đêm nay nếu tôi không bị cái chân đau thì tôi đã được ngủ ở khách sạn ngàn sao trên rặng Trường Sơn rồi...". Cô gái dưới giường hỏi ngây thơ: "Có khách sạn ngàn sao hả ông?" Anh Tây cười: "Có chứ! Nếu trời trong tôi có thể đếm được những vì sao trên bầu trời...". Tôi hỏi Jean: "Thế bây giờ ông đi đâu bằng chuyến tàu hỏa này?" "Tôi đi Hội An. Tối mai là đêm rằm. Tôi sẽ viết bài tường thuật chi tiết về cái đêm rằm lạ lùng mà tôi mới được nghe ấy. Thành phố tắt đèn. Dưới ánh trăng trên những con phố hẹp bên những dãy nhà hai trăm năm cũ người ta rước kiệu và đèn lồng... Vô số đèn lồng những chấm sáng dài đặc đi quanh co trong phố cổ... Một tháng một lần thành phố tắt đèn... Hội An hiện nay là nơi quyến rũ hàng đầu cho những du khách ngoại quốc đến Việt Nam...".

Câu chuyện giữa ba người trên tàu đã ngừng từ lâu. Màn đen đặc ở khung cửa cho tôi cảm tưởng đêm đã về khuya. Trong phòng đèn đã tắt chừa một ngọn le lói ở đầu giường đối diện. Tôi đi vào giấc ngủ chập chờn mang theo hình ảnh những chiếc đèn lồng dài đặc của Bernardet. Rồi một lúc nào đó của giấc mơ những đóm đèn lồng biến thành đàn đom đóm bay la đà chớp tắt trên những ngôi mã thuộc nghĩa trang dòng họ ở Hội An. Nơi đây mới thật sự là nơi an nghỉ cuối cùng của song thân tôi. Trong giấc mơ dưới ánh trăng đàn đom đóm lập loè trên những gò đồng. Trong giấc mơ tôi nhìn thấy tuổi thơ của mình đạp trên đám cỏ may trên nghĩa địa đồng làng Phước Mỹ. Trong giấc mơ tôi trở về Hội An không phải để chôn cất mà để thăm lại hai thân đã nằm ở đó như đã từ lâu, lâu lắm. Trong giấc mơ tôi trở thành Trương của bố tôi một buổi chiều về làng thăm mộ hai thân. Trong giấc mơ tôi ôm bình tro bố tôi trong tay tôi không biết mình là Nhất Linh, là Trương hay là chính tôi nữa. *"Chiều đến, Trương xuống cuối làng thăm mộ hai thân chàng. Trương không muốn chết ở quê nhưng chàng mong khi chết rồi người ta sẽ đem chàng mai táng ở nghĩa địa nhà; chàng thấy nằm ở các nghĩa địa gần Hà Nội có vẻ tạm thời không được vĩnh viễn và ám áp như ở đây, cạnh những người thân thuộc. Chàng hơi buồn nghĩ đến chẳng bao lâu nữa lại có những đứa trẻ như chàng hồi còn bé, chạy nhảy trên mộ chàng, hoặc thả diều, hoặc bắt châu chấu những buổi chiều hè lộng gió. Chàng sẽ không biết đau khổ là gì nữa: trên mặt đất, chỗ chàng nằm chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ và ở một nơi nào đó Thu mà chàng không bao giờ quên vẫn đi lại, cười nói, sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia"* (Bướm trắng - Nhất Linh).

Seattle, đầu năm Thân 2004

Tìm mộ Nhất Linh ở Hội An Phanxipăng

Nhà văn kiêm nhà báo tài năng Nhất Linh (1905 - 1963) hiện được an táng đâu?

Những tư liệu khả tín cho biết: năm 2001, di cốt Nhất Linh đã được chuyển từ Sài Gòn về chôn ở Hội An. Kỳ lạ thay, từ ấy tới nay, tôi ghé phố cổ bên bờ sông Hoài, hỏi thăm nhiều người địa phương, kể cả các cán bộ ngành văn hoá, thì họ đều trả lời:

- Hội An không có mộ Nhất Linh!

Nhất Linh mang họ tên thật là Nguyễn Tường Tam, chào đời ngày 25-7-1905 (Ất Tị) tại thị trấn Cẩm Giàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, em ruột của Nhất Linh là Nguyễn Thị Thế viết trong *Hồi ký họ Nguyễn Tường* (NXB Sóng, Sài Gòn, 1974) rằng thẻ căn cước của anh mình ghi ngày sinh 1-2-1905 do Nhất Linh từng làm lại giấy khai sinh nhằm đủ tuổi dự thi, chứ thực tế năm sinh lại là 1906 (Bính Ngọ). Cần thêm rằng nguyên quán của Nhất Linh là làng

Cẩm Phô, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; hiện thời là phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Thời học sinh trường Bưởi ở Hà Nội, Nguyễn Tường Tam đã đăng thơ trên báo *Trung Bắc Tân Văn* và đăng bài bình luận Truyện Kiều trên tạp chí *Nam Phong*. Năm 1923, thi đỗ tiểu học, rồi kết hôn với Phạm Thị Nguyên, quê làng Phượng Dực ⁽¹⁾. Năm 1924, học y lẫn mỹ thuật ở Hà Nội, nhưng chỉ thời gian ngắn thì bỏ. Năm 1926, vào miền Nam, đoạn qua Cao Miên tức Campuchia. Năm 1927, sang Pháp, nghiên cứu nghề báo và nghề xuất bản. Năm 1930, tốt nghiệp cử nhân khoa học giáo khoa chuyên ngành lý hoá tại Pháp.

Trở về nước, Nguyễn Tường Tam dạy học tại các trường Thăng Long và Gia Long ở Hà Nội. Năm 1932, làm giám đốc báo *Phong Hoá*. Năm 1933, thành lập Tự Lực Văn Đoàn gồm bản thân Nhất Linh và Khái Hưng (Trần Khánh Giư còn gọi Nhị Linh), Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ). Sau, Tự Lực Văn Đoàn thêm Xuân Diệu và Trần Tiêu ⁽²⁾. Năm 1936, tờ *Phong Hoá* bị đóng cửa, tờ *Ngày Nay* kế tục phong trào.

Năm 1938, Nhất Linh lập Đảng Hưng Việt, rồi đổi tên thành Đảng Đại Việt Dân Chính. Từ ấy, Tự Lực Văn Đoàn công khai chống Pháp. Năm 1941, tờ *Ngày Nay* bị đóng cửa. Năm 1942, Nhất Linh dạt qua Quảng Châu, Trung Hoa, bị bắt giam 4 tháng, hoạt động trong Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội, gọi tắt là Việt Cách. Năm 1945, Nhất Linh trở về nước, ở Hà Giang thời gian ngắn liền quay lại Trung Hoa, chỉ đạo Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Tường Bách tục bản báo *Ngày Nay* tại Hà Nội. Tháng 5-1945, tại Trùng Khánh, Trung Hoa, Nhất Linh sáp nhập Đảng Đại Việt Dân Chính và Đảng Việt Nam Quốc Dân thành Đảng Đại Việt Quốc Dân, gọi tắt là Việt Quốc.

Đầu năm 1946, trở về Hà Nội, Nhất Linh ra báo *Việt Nam*, giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, và được đặc cách tham gia Quốc hội khoá 1 mà khỏi cần bầu cử. Cũng năm đó, dự Hội nghị trù bị Đà Lạt, Nhất Linh làm trưởng đoàn Việt Nam đàm phán với Pháp. Được cử đứng đầu phái đoàn Việt Nam dự Hội nghị Fontainebleau nhưng Nhất Linh không đi mà trốn qua Trung Hoa, tham gia thành lập Mặt trận Quốc gia Thống nhất Việt Nam nhằm ủng hộ Bảo Đại.

Năm 1951, Nhất Linh về nước, mở Nhà xuất bản Phượng Giang, tái bản sách của Tự Lực Văn Đoàn. Năm 1954, sang Pháp chữa bệnh. Năm 1955, lên Đà Lạt sống, mê sưu tập phong lan. Năm 1958, xuống Sài Gòn, trở thành chủ tịch đầu tiên của Hội Văn bút Việt Nam. Cũng tại Sài Gòn, từ năm 1958, Nhất Linh thực hiện giai phẩm *Văn Hoá Ngày Nay*, phát hành được 11 số thì bị đình bản.

Năm 1960, Nhất Linh thành lập Mặt trận Quốc dân đoàn kết, ủng hộ đại tá Nguyễn Chánh Thi và trung tá Vương Văn Đông đảo chính nhằm lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Ngày 11-11-1960, cuộc đảo chính thất bại, chính quyền đương thời giam lỏng Nhất Linh trong nhà riêng gần chợ An Đông, dự định đưa ra toà án xét xử ngày 8-7-1963. Noi gương hoà thượng Thích Quảng Đức, Nhất Linh dùng độc dược tự tử vào ngày 7-7-1963, lưu lại những dòng tuyệt mệnh:

"Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả."

Thơ danh liệt sĩ - nổi tiếng văn hào

Nhất Linh trút hơi thở cuối, để lại người vợ thân yêu Phạm Thị Nguyên cùng 7 con gồm 5 nam Nguyễn Tường Việt, Nguyễn Tường Triệu, Nguyễn Tường Thạch, Nguyễn Tường Thái, Nguyễn Tường Thiết, và 2 nữ Nguyễn Thị Kim Thư, Nguyễn Thị Kim Thoa. Nhất Linh còn lưu

cho đời cả loạt tác phẩm văn học nghệ thuật giá trị, bao gồm các tập truyện ngắn *Nho phong*, *Người quay tơ*, *Anh phải sống* (viết chung với Khái Hưng), *Đi Tây*, *Hai buổi chiều vàng*, *Thế rồi một buổi chiều*, *Thương chồng*, các tiểu thuyết *Gánh hàng hoa* (viết chung với Khái Hưng), *Đời mưa gió* (viết chung với Khái Hưng), *Nắng thu*, *Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng*, *Đôi bạn*, *Bướm trắng*, *Xóm cầu mới*, *Dòng sông Thanh Thủy*, tiểu luận *Viết và đọc tiểu thuyết*, cả bản dịch *Đỉnh gió hú* của Emily Brontë.

Ngay sau khi Nhất Linh tự huỷ mình, nhà cầm quyền thuở ấy lập tức ra lệnh chôn ông gấp trong nghĩa trang chùa Giác Minh ở Gò Vấp vào sáng thứ bảy 13-7-1963 mà không chờ đợi con trai cả của người vừa khuất là Nguyễn Tường Việt từ Pháp về phục tang.

Sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị hạ bệ, lễ truy điệu Nhất Linh được tổ chức rất trọng thể tại sân Tao Đàn ở Sài Gòn. Bảy giờ, vang vọng áng văn tế Nhất Linh do thi sĩ Vũ Hoàng Chương soạn ngày 5-1-1964 mà đây là đoạn kết:

Hỡi ơi!

Tổ Đoạn tuyệt thành hồ đoạn tịch, mộng dấu chơi vơi nửa cuộc, sử còn thơm danh liệt sĩ Tường Tam;

Phượng Nhất Linh hê thiên nhất phương, lầu tuy ngơ gác bên sông, gió vẫn nổi tiếng văn hào họ Nguyễn.

Năm 1975, tại Sài Gòn, Nguyễn Tường Thạch hoá thiêu di cốt cha, đoạn gửi bình tro trong chùa Kim Cương trên đường Trần Quang Diệu, quận 3.

Năm 1981, quả phụ Phạm Thị Nguyên từ Việt Nam sang Pháp đoàn tụ với các con. Bà mất năm đó, được an táng trong một nghĩa trang tại thủ đô Paris.

Năm 2001, toàn gia quyết định di dời hài cốt mẹ Phạm Thị Nguyên từ Paris và cha Nhất Linh từ Sài Gòn về Hội An. Sự kiện này được Phạm Phú Minh tường thuật trong bài *Nấm cỏ đưa về tấc đất xuân* đăng tạp chí *Thế Kỷ 21* số tháng 7 năm 2002, và Khúc Hà Linh ghi nhận trong bài *12 năm cuối đời của người đứng đầu Tự Lực Văn Đoàn* đăng báo *Tiền Phong* 24-2-2008 rồi in trong sách:

Anh em Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam:

ánh sáng & bóng tối (NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2008).

Hội An với nấm mồ Nhất Linh



Sau khi tiếp nhận các nguồn tin trên, tôi mấy lần ghé Hội An, hỏi một số người địa phương về nấm mồ Nhất Linh, đều nghe đáp:

- Ở Hội An có từ đường Nguyễn Tường, chứ không có mộ Nhất Linh.

Mùa hè 2010, lại về thăm phố cổ, tôi quyết định dành thời gian tìm kiếm âm phần thủ lĩnh của Tự Lực Văn Đoàn, người từng chủ trương: "Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ". Thoạt tiên, tôi liên hệ với một số cơ quan chức năng tại đây. Giám đốc

Trung tâm Văn hoá - Thể thao thành phố Hội An là Võ Phùng cho biết:

- Chắc chắn không có mộ Nhất Linh ở Hội An.

Công tác tại Trung tâm kia, lại dành nhiều thời gian nghiên cứu về cuộc đời lẫn sự nghiệp Nhất Linh, song nhà thơ Phùng Tấn Đông vẫn nhấn mạnh:

- Chưa hề dời mộ Nhất Linh từ Sài Gòn ra Hội An.

Giám đốc Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An là Nguyễn Chí Trung nói:

- Hội An không có mộ Nhất Linh. Nhân vật nổi tiếng vậy mà chôn ở Hội An thì dân địa phương biết liền chứ. Tuy nhiên, anh thử tìm hiểu thêm, biết đâu...

Trần Tuấn - trưởng phòng kỹ thuật Palm Garden Beach Resort & Spa ở Cửa Đại - vừa lái xe đưa tôi đi, vừa cười:

- Chẳng khác mò kim đáy bể, anh Phanxipăng ạ!

Từ đường phái nhì Quảng Nam của dòng họ Nguyễn Tường trên đường Lê Quý Đôn, tọa lạc giữa các di tích đã được Nhà nước xếp hạng là Khổng miếu và lăng ngài Tham tri Trần Ngọc Dao⁽³⁾. Tôi tạt vào từ đường, gặp chị Nguyễn Thị Quyên. Chị tươi cười:

- Mộ nhà văn Nhất Linh cùng vợ và con gái Nguyễn Thị Kim Thư đã được gia quyền cải táng về Hội An ngày 28-4-2001. Đạo đó, các con của Nhất Linh gồm Nguyễn Tường Việt, Nguyễn Tường Thiết, Nguyễn Thị Kim Thoa cùng đến đất này lo hiếu sự.

Trong từ đường, gian phía Tây có thờ chân dung Nhất Linh.

Nội dung bia mộ Nhất Linh đan xen Hán tự phồn thể lẫn giản thể và Việt ngữ. Chữ Hán: 錦江阮祥第十世顯考号一灵阮府君之佳域⁽⁴⁾. Phiên âm: *Cẩm Giàng. Nguyễn Tường môn đệ thập thế. Hiển khảo hiệu Nhất Linh Nguyễn phủ quân chi giai vực.* Nghĩa: *Cẩm Giàng. Họ Nguyễn Tường, đời thứ 10. Mộ thân phụ có hiệu Nhất Linh của chúng tôi.* Chữ Việt: *Sinh năm 1906. Mất năm 1963. Nam: Tường Việt, Triệu, Thạch, Thiết, nữ: Kim Thoa, cháu nội: Tường Anh, Phong, Thao phụng lập 4-2001.*

Chị Quyên nhiệt tình đưa tôi ra xã Cẩm Hà, tới Nghĩa trang nhân dân thành phố Hội An, bước vào khu âm phần dành cho tộc Nguyễn Tường. Trông thấy mộ vợ chồng Nhất Linh, ngay lập tức, Trần Tuấn thẳng thốt:

- Hỡi ôi! Mộ Nhất Linh dời về đây từ năm 2001, lẽ nào người Hội An lâu nay mù tịt? Mộ bậc tài danh lầy lừng mà sao nhỏ nhắn quá, bị chìm khuất quá, khó tìm kiếm quá!

Chị Quyên cất tiếng:

- Nghe tin tỉnh Hải Dương đang xúc tiến tạo dựng Khu lưu niệm Tự Lực Văn Đoàn. Đúng không anh Phanxipăng?

Quả đúng vậy. Tại thị trấn Cẩm Giàng thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, hội thảo *Bảo tồn và phát huy di sản cổ trạch của Tự Lực Văn Đoàn* đã được tổ chức ngày 9-5-2008. Ngày 17-12-2008, UBND tỉnh Hải Dương ban hành công văn chỉ đạo quy hoạch khu vực cổ trạch của Tự Lực Văn Đoàn tại thị trấn đó. Tháng 4-2009, UBND huyện Cẩm Giàng lập ban chỉ đạo quy hoạch; và theo kế hoạch thì giai đoạn 1 tạo dựng Khu lưu niệm Tự Lực Văn Đoàn đạt diện tích 1,2ha, trong đó có công viên văn hoá, thư viện, nhà khách.

Thế thì với ngôi mộ của vị chủ soái Tự Lực Văn Đoàn là nhà văn kiêm nhà báo Nhất Linh, thành phố Hội An nên sớm trù hoạch và triển khai biện pháp tôn tạo khả thi nhằm mở thêm chốn giao lưu văn hoá bổ ích, đồng thời là điểm du lịch thú vị thừa khả năng cuốn hút đông đảo tao nhân mặc khách muôn phương.

- (1) Phượng Dực hiện là 1 trong 3 làng thuộc xã cùng tên ở huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội. Xưa, *Đồng Khánh dư địa chí* ghi nhận rằng "xã Phượng Dực thuộc tổng Phượng Dực, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội". Năm 1888, Pháp lập tỉnh Hà Đông, có phủ Thường Tín gồm 3 huyện Thanh Đàm, Thượng Phúc, Phú Xuyên.
- (2) Qua bài *Phải chăng Trần Tiêu là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn?* đăng tạp chí Văn Học 7-2008, Cù Huy Hà Vũ cho rằng Trần Tiêu chưa bao giờ là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn.
- (3) Có thể tham khảo bài *Phó bảng* của Phanxipăng đã đăng tạp chí Thế Giới Mới 868 (11-1-2010) rồi truyền lên mạng Chim Việt Cành Nam ngày 18-12-2010 http://chimviet.free.fr/giaoduc/phanxipang/phanxipn_phobang.htm
- (4) Bút hiệu / bút danh chính của Nguyễn Tường Tam 阮祥叁 là Nhất Linh được ghi kiểu kép 壹零 còn bia lại khắc kiểu đơn 一零. Qua bài *Nám cỏ đưa về tác đất xuân*, Phạm Phú Minh phê bình tấm bia này: "Riêng chữ thứ 9 từ trên xuống, có lẽ do thợ khắc sai, không có nghĩa, được đoán là chữ chi ". Kỳ thực, chữ 之 chi cũng được thể hiện theo dạng "thượng sơn, hạ nhị" như vậy, chẳng hạn bia nơi mộ Tăng Bạt Hổ trong khu di tích lưu niệm Phan Bội Châu ở Bến Ngự, Huế. Có thể tham khảo bài *Tăng Bạt Hổ có họ tên thật là gì?* của Phanxipăng đã đăng tạp chí Thế Giới Mới 752 (22-10-2007) và truyền vào mạng Chim Việt Cành Nam http://chimviet.free.fr/lichsu/phanxipang/phanxipn_tangbatho.htm

Phụ đính II